CỎ THƠM

TAM CÁ NGUYỆT SAN



VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
NĂM THỨ 17 - SỐ 60 - MÙA THU 2012

CỎ THƠM

THÁNG 09, NĂM 2012

CHỦ NHIỆM
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ
PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ
PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

ĐỒNG CHỦ BÚT
TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>
NGÔ TẰNG GIAO
<giaongo@msn.com>
PHẠM VĂN TUẤN
<tuanpham1387@hotmail.com>

TỔNG THƯ KÝ
ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE
PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY
DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN
11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA
TEL. (571) 926-8962
FAX: (571) 926-8962
<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP
HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BẰNG.
HẢI BẰNG H.D.B. ĐỖ BÌNH.
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐINH CƯỜNG.
PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.
VŨ HỐI. NGUYỄN QUỐC KHẢI.
PHAN KHÂM. HUY LÃM. NGUYỄN LÂN.
PHẠM TRỌNG LỆ. VŨ NAM.
ĐĂNG NGUYÊN. NGUYỄN VĂN NHIỆM.
PHẠM THỊ NHUNG. ĐỖ PHÚ. KIM VŨ.
TRẦN BÍCH SAN. NGUYỄN SƠN.
NGUYỄN VĂN THÀNH.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.
TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.
THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN
TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA
VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA
HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ
VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN
VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ: Charlotte, NC.
TIỂU THU: Québec, Canada
VŨ NAM & NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Germany
NGUYỄN MÂY THU: France

DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An, B. Phạm Tường An, B. An Hicky, Ô.B. Cung Thăng An,
B. Văn T. Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh, Ô. Võ Hùng Anh, Ô. Trần Hữu Bảo,
Ô. Việt Bằng (CA), Ô.B. Phạm Bính, Ô.B. Hoàng Dân Bình, Ô. Đỗ Bình, Ô. Vũ Đức Bình,
Ô. Phan Thanh Bình, Ô.B. Nguyễn Bông, b. Đặng Thị Bột, Ô. Canh Ba Dang, Ô.B. La Trung Chánh,
B. Huỳnh Thị Chẳng, B. Nguyễn Phương Châm, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Vũ Kim Châu,
Ô. Trần Châu, B. Trương Minh Châu, Ô. Lâm Ngọc Chiêu, Ô. Lê Văn Chính, Ô.B. Ngô Chương,
B. Nguyễn Hồng Cung, Ô.B. BS Nguyễn Bá Cường, Ô. Trương Duy Cường. B. Vũ Diễm,
B. Diana Đặng, B. Nguyễn Kim Dung, B. Nguyễn P.T.NgocDung, Ô. B. Phan Anh Dũng,
B. Dzung Senser, Ô.B. Don Van Dang, B. Bùi Thị Đào, B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Hải Đăng,
B. Mẫu Đơn Nguyễn, Ô. Trần Đại Độ, Ô. Duy An Đông, Ô. Trần Thiên Đức, Ô.B. Hoàng Cung Fa,
Ô. Ngô Tằng Giao, B. Đỗ Thị Minh Giang, B. Võ T. Trúc Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao,
Ô. Lý Văn Hải, B. Lê Thúy Hà. B. Nguyễn T. Song Hà, Ô.B. Nguyễn Đăng Hải,
B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, B. Quản T. Hạnh, Ô.B. Lê Hậu, B. Dương Thị Hiền, Ô. Đặng Văn Hiền,
B. Đặng Thị Hiền, Ô. Lý Thy Hiểu, B. Nguyễn Hoa, B. Tôn Nữ Khánh Hội, B. Tô Diễm Hồng,
Ô.B. Hoàng Thế Huân, Ô. Trần Khắc Hiếu, B. Huệ Phạm, Ô.B. Huỳnh Bá Hùng,
Ô.B. Phan Tâm Hùng, Ô. Trương Hùng, B. Thùy Hương N.T.T, Ô. Lê Ngọc Kha, Ô. B. Phan Khâm,
Ô. Nguyễn Quốc Khoa, B. Vi Khuê, Ô. Trần Hiệu Lai, B. Võ Lài, Ô. Nguyễn Lân,
B. Nguyễn Đàm Chi Lan, B. Nghiêm Phương Lan, Ô.B. Nguyễn Khoa Lân, Ô.B. Đạt Thu Lê,
B. Đỗ Thị Hương Liên, Ô. Nguyễn Ngọc Liệu, Ô. Nguyễn Huy Linh. B. Vũ Thị Linh,
B. Phi Vân Loan, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Dương Kim Long,
B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA), B. Minh Doran, Ô. Vũ Nam, Ô. Nguyễn Văn Nghi,
Ô.B. Vũ Đức Nghiêm, Ô. Đoàn Xuân Ngọc, Ô. Đăng Nguyên, B. Uyên Phương Minh Nguyệt,
B. Phan T. Nhẫn, B. Nguyễn Tú Nhật, Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận,
B. Phạm Thị Nhung, Ô. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi, Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú,
Ô. Phan Văn Phú, B. Vũ Thị Phúc, Ô. Lê Quang Phùng, B. Hoàng Hữu Phước,
Ô.B.BS Nguyễn Quốc Quân, B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phượng,
Ô. Trần Bích San, Ô. Trần Phi Sao, Ô. Nguyễn Sơn, Ô. Trần Đức Sương, Ô. Lê Văn Tấn,
B. Nguyễn T. Minh Tâm, B. Nguyễn Minh Tân, B. Nguyễn T. Ngọc Tân, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân,
Ô. Lê Tam Thanh, Ô. Nguyễn Thanh, Ô.B. Vũ An Thanh, B. Nguyễn Đạp Thanh,
Ô. B. Nguyễn Văn Thành, B. Nguyễn Phương Thảo. Ô. Nguyễn Thành Thế, B.Phong Thu,
Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu, B. Nguyễn Tiểu Thu,
B.Nguyễn Thị Thuận, B. Nguyễn Hồng Thủy, B. Lương Thu Thủy, Ô. B. Lê Ngọc Thụy,
B. Thương Hoff, Ô. Nguyễn Hữu Thử, Ô. Nguyễn Minh Tiên, Ô. Bùi Thanh Tiên,
Ô. Phạm Văn Tiến, B. Tiffany Trang Đỗ, Ô. Nguyễn Văn Toại, Ô. Nguyễn B. Toàn,
Ô. Lê Văn Trạch, B. Ngô Khắc Trâm, Ô. Nguyễn Đình Trân, Ô. B. Võ Trưng, Ô. Đàm Xuân Tú,
B. Đặng Ngọc Tú, BS Phan Khắc Tường, Ô. Hoàng Lý Văn, B. Khánh Vân Michalek,
B. Nguyễn Tường Vân (CA), Ô. Yên Vi, B. Hoàng Hồng Yến, Eastern Loudoun Library,
Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung,
B.S. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty,INC., Harvest Moon Restaurant.

MỤC LỤC

ĐỀ — TRANG

VĂN

NGUYỄN T.N. DUNG: Thư Chủ Nhiệm 07
ĐỖ BÌNH: Vũ Hối-Trường Phái Luân Vũ Họa 09
DU TỬ LÊ: Văn Học Nghệ Thuật Vũ Hối 14
PHẠM THỊ NHUNG: Khóc Tố Như 17
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH:
Sài Gòn Cảnh Cũ Đường Xưa 23
HẢI BẰNG HDB: Tục Ngữ Là Gì 36
NGUYỄN T.N.DUNG: Tưởng Nhớ Nhà thơ... 42
PHẠM VĂN TUẤN: Nhà Triết học Voltaire 45
VŨ NAM: Tình Người Và Chó 51
TRƯỜNG THY: Những Mùa Thu Trong Ta 55
PHẠM TRỌNG LỆ: Phụ Nữ Việt Chiếm
Giải Văn Chương Hoa Kỳ 2011 58
PHẠM HỮU BÍNH: Bên Tình Bên Nghĩa 64
NGUYỄN VĂN NHIỆM: Sứ Mệnh Việt ... 74
VŨ ĐỨC DŨNG: Mẹ Tôi 84
PHONG THU: Biển Gọi 88
TÔN NỮ MẶC GIAO: Những Buồn Vui ... 97
HỒ TRƯỜNG AN: Cho tôi thêm một lần 103
VĂN QUANG: Vài Kỷ Niệm Với Đạo Diễn 111
PHẠM HỮU: Thiên Cụt 118
PHAN ANH DŨNG: Chiều Nhạc Tưởng Nhớ
Nhật Bằng Văn Phụng và Nguyễn Túc 123
Ỷ NGUYÊN: Tìm Được Niềm Vui 132
NGUYỄN LÂN: Trời Ơi! 140
PHƯƠNG DUY TDC: Đôi Mắt 147
TRẦN T. HƯƠNG CAU: Hai Lần Hai ... 154
NGUYỄN QUỐC KHẢI: Nhiếp Ảnh Và... 162
NGUYỄ QUÝ ĐẠI: Praha/Prague ... 168
CÁT ĐƠN SA: Lòng Mẹ Bao La 177
THY NGA: Buổi Sinh Hoạt Văn Học... 183
NGÔ TẰNG GIAO: Đọc Tập Thơ ... 188
NGUYỄN NGỌC BÍCH: Đôi Lời Giới Thiệu
Sách "Đường Vào Văn Chương"... 195

THƠ

PHAN KHÂM: Chúc Mừng Thượng Thọ
80 Thi Họa Sĩ Vũ Hối 13
NGUYỄN T.N. DUNG: Mừng Thư Họa Gia... 16
HOÀNG SONG LIÊM: Tìm Lại Ngày Tháng Cũ 26
TM NGÔ TẰNG GIAO: Hư Không 34
NGUYỄN VÔ CÙNG: Cõi Không 34
NGUYỄN KINH BẮC: Tâm Không 34
NGUYỄN T. NGỌC DUNG: Ảo Không 35
PHAM KHÂM: Sắc Không 35
LÝ HIỂU: Tự Tại 35
HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT: 35
Một cõi riêng
PHAN KHÂM: Nhớ Thu Chinh Chiến 39
HỒNG THỦY: Tiễn Chị Ánh Bích 43
BÙI THANH TIÊN: Bản Tango và Em 50
LĐ NGUYỄN THỬ: Cây Trổ Bông 50
ĐỖ T. MINH GIANG: Tiếng Thu 54
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT:
Dù Có Bao Giờ 54
THIÊN ĐỨC: Thu Thương NHớ 70
DUY AN ĐÔNG: Cảnh Sống Đồng Quê 82
VŨ ĐỨC NGHIÊM: Bài Thơ Gửi Bố 83
NGUYỄN MÂY THU: Giao Mùa 99
FRANCIS CARCO: Adieu 102
NGÔ TẰNG GIAO: Vĩnh Biệt 102
CAO NGUYÊN: Âm Vang Sài Gòn 109
Ý ANH: Nhớ Quỳnh 122
DIỆM TRÂN: Thu Về Lá Đỏ 135
NGÂN SƠN: Chớm Thu 146
NGUYỄN VÔ CÙNG: Chiều Thu 146
NGUYỄN KINH BẮC: Thu Nhớ Bạn 146
NGUYỄN T. NGỌC DUNG: Hồn Thu 146
ĐĂNG NGUYÊN: Chung Điệu Nhớ 157
HỒNG THỦY: Tiễn Chị Ánh Bích 196
NGUYỄN T. NGỌC DUNG: Vĩnh biệt... 199

NHẠC

NHẬT BẰNG: Bóng Chiều Tà 126
NGUYỄN TÚC: Bâng Khuâng 128
VĂN PHỤNG: Tiếng Hát Với Cung Đàn 130
HOÀNG SONG LIÊM: Tình Xưa 140
HỒNG THỦY: Hoa Vàng Năm Ấy 152

TRANH, ẢNH

LÊ VĂN LAI: Bên Em Áo Tím Rừng Thu 01
NGUYỄN QUỐC KHẢI: Êm Đềm Thung Lũng Mùa Thu 206
NGUYỄN HUY LINH: Ăn Quả Nhớ Kẻ Trồng Cây 206

HÌNH ẢNH SINH HOẠT

Phát hành Cỏ Thơm số mùa hè 22

PHÂN ƯU

NHÀ THƠ QUỲNH ANH 200
CỤ ĐẶNG LỘC 201
CỤ PHẠM THỊ TỐ NGA 202

GIỚI THIỆU

HÀ NGUYỄN & ASSOCIATES 02
DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN 04
WASHINGTON MUSIC 96
Phòng mạch BS NGUYỄN KIM DUNG 203
Phòng mạch BS NGUYỄN QUỐC QUÂN 203
SOVEREIGN REALTY, INC. 204
Phòng mạch BS VÕ ĐẠM 204
HARVEST MOON Restaurant 205
PHIẾU MUA BÁO: 205
Văn Phòng Luật Sư IVAN M. WALDMAN & ASSOCIATES 207

THƯ CHỦ NHIỆM

Trời hôm ấy đang hè nóng bức nhưng bỗng âm u, ảm đạm như đã vào thu. Nắng hè không vui lẩn khuất trên mây. Mưa lất phất trên đồi cỏ ranh rì nơi an táng Nhà thơ Quỳnh Anh Phạm Thị Ánh Bích. Tiếng khóc sụt sùi quanh quất, những nét mặt buồn rầu, những bộ y phục đen, xám trắng tang tóc. Vâng, gia đình anh em cháu chắt với rất đông giới văn học, truyền thông thân hữu trong vùng Hoa Thịnh Đốn đã tiễn đưa Nhà thơ Quỳnh Anh đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm và văn học Việt Nam hải ngoại đã mất đi một nhà thơ nữ kỳ cựu nổi danh với những vần thơ lục bát điêu luyện, đầy sầu thương, nước mắt. Nhưng ai nấy đều nghĩ rằng Nhà thơ ra đi về nơi Nước Chúa là được giải thoát sau hai năm cô đơn nằm dưỡng bệnh. Xin cảm tạ sự cộng tác với tình quý mến, thân thương của Nhà thơ Quỳnh Anh, chị Phạm Thị Ánh Bích đối với Cơ Sở Cỏ Thơm. Vĩnh biệt chị!

Trong số báo này có những bài viết và thơ của Nhà Thơ Ngô Tằng Giao, Hồng Thủy, Ý Anh và Nguyễn Thị Ngọc Dung về Nhà thơ Quỳnh Anh.

Ba tháng hè vừa qua chúng tôi cũng được tin buồn Nhà văn Nguyễn Mộng Giác của *"Mùa Biển Động", "Sống Và Viết Tại Hải Ngoại"*... đã qua đời tại California, hưởng thọ 72

tuổi. Nhà Đạo diễn phim *"Chân Trời Tím"* vừa từ trần đêm 30 tháng 7, tại Sài Gòn, hưởng thọ 79 tuổi. Xin xem bài viết của Nhà văn Văn Quang trang 111.

Chúng tôi cũng xin mượn Tạp chí Cỏ Thơm gửi lời chia buồn sự mất mát bậc sinh thành của Văn Thi hữu Trương Minh Châu (Virginia) và Phạm Xuân Thái, các trang Phân Ưu 202, 203.

Chúng ta có chuyện buồn, và may mắn vẫn có chuyện vui để tiếp tục sống hết cuộc đời còn lại. Năm nay cũng là năm Thư Thi Họa sĩ Vũ Hối mừng thượng thọ 80. Nhưng Nhà thơ của chúng ta vẫn đẹp lão, vui tươi, khỏe mạnh, chu du thế giới hoài hoài. Buổi sinh hoạt nào trong cộng đồng cũng được ông viết một bức thư họa tặng. Chúng tôi có bao nhiêu câu thơ tứ tuyệt lượm ra hết và nhờ "Ông Đồ Hối" phóng bút viết lên giấy lụa treo trên vách "Phương Thảo Các". Nhà Thơ Du Tử Lê và Đỗ Bình có bài vinh danh Họa sĩ Vũ Hối trang 9 và 14. Nhà thơ Phan Khâm và Nguyễn Thị Ngọc Dung có thơ mừng thượng thọ bậc đàn anh trang 13 và 19.

Người ta cứ nghĩ văn học Việt Nam hải ngoại dần dần sẽ tắt lịm. Nhưng tôi không tin như vậy. Báo Cỏ Thơm không đủ trang giấy đăng hết các sáng tác của văn thi hữu già trẻ cũ mới gửi tới. Những buổi sinh hoạt văn thơ vẫn rộn ràng. Bằng chứng buổi tiếp đón Giáo Sư Tiến sĩ Nguyễn Hưng Quốc và GS Hoàng Ngọc Tuấn tại tư gia Nhà văn Nguyễn Thị Thanh Bình và tại tư gia nhà văn Trương Hồng Sơn rất đông người tham dự mặc dầu trong thời gian đó vùng Hoa Thịnh Đốn bị mất điện cả tuần vì bão tố đổ cửa, sập nhà. Buổi nói chuyện với đề tài "Cái hay trong thơ dở" của GS Nguyễn Hưng Quốc và trình bày âm nhạc của GS Hoàng Ngọc Tuấn tại Jewish Community Center đã thu hút hơn 200 người đông chật hội trường. Xin xem bài tường thuật của Phóng viên SBTN Thy Nga, trang 183. Ngày 1 tháng 9 có buổi ra mắt sách *"Sự Tồn Tại của Văn Chương Hôm Nay"* của Giáo Sư Đặng Phùng Quân và *"Trong Nỗi Nhớ Một Ngày"* của Nhà Thơ Hàn Song Tường tại Hội Cao Niên vùng Falls Church. Trang 195, Cỏ Thơm có bài Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích giới thiệu "Đường Vào Văn Chương" của Giáo sư Đặng Phùng Quân.

Chúng tôi cũng rất vui mừng, Nhà Văn Hồ Trường An sau mấy năm dưỡng bệnh đã trở lại viết cho Cỏ Thơm với bút ký *"Cho Tôi Thêm Một Lần Say Mộng Cũ"*, trang 103. Anh hứa hẹn sẽ có bài cho Cỏ Thơm số Tết nữa. Cố gắng lên anh Hồ Trường An thân mến! Chúng ta không sống để mà ăn, nhưng sống để mà viết. Văn chương là nguồn sống của chúng ta, phải không?

Một tin vui nữa, Nhà văn Tôn Nữ Mặc Giao của Cỏ Thơm đã được giải thưởng nhất trong kỳ thi truyện ngắn của Cơ Sở Thi Đàn Lạc Việt, San Jose. Tác giả có bài tường thuật, trang 97. Xin có lời mừng Mặc Giao. Cỏ Thơm chờ đợi đăng truyện ngắn đó của tác giả vào số báo sau.

Trong lúc chúng tôi viết những dòng tâm tình này thì ban tổ chức của buổi *"Chiều Nhạc Tưởng Nhớ Nhật Bằng, Văn Phụng, Nguyễn Túc"*, Phạm Xuân Thái, Phan Anh Dũng và Đèo Văn Sách đang bận rộn lo tập dượt ca nhạc với hơn hai chục ca nhạc sĩ tên tuổi trong vùng. Những bản nhạc nổi tiếng của ba vị nhạc sĩ quá cố nói trên sẽ được trình bày trong buổi chiều đầu thu, 22 tháng 9 cũng tại Jewish Community Center. Ban tổ chức hiên ngang lắm, chỉ gửi thiệp mời, không bán vé, nhưng có cả cà-phê, trà, bánh, nước nữa mới sang chứ! Khách phải có thiệp mời khi vào cửa. Được biết ban tổ chức tự lo tài chánh với sự đóng góp

của một số thân hữu. Nếu quan khách thấy rằng những buổi trình diễn ca nhạc bất vụ lợi này tiêu biểu sinh hoạt văn hóa thanh tao, giải trí lành mạnh cho cộng đồng, quý vị nên tự động đóng góp chút đỉnh cho ban chủ trương tiếp tục tổ chức những buổi ca nhạc có ý nghĩa như thế sau này và quý vị sẽ lại được mời tham dự nữa.

Thưa quý vị bây giờ đang là mùa thu lá vàng lá đỏ. Hàng cây phong hai bên đường lối vào Tòa soạn Cỏ Thơm lung linh trong nắng thu rực rỡ. Vài cánh lá vàng nghiêng chao như cánh bướm trong làn gió nhẹ. Trong tay quý vị là tập Cỏ Thơm số 60, mùa thu năm thứ 17. Bìa trước là bức tranh sơn dầu, *"Bên Em Áo Tím Rừng Thu"* với nét dao vẽ của Họa sĩ Lê Văn Lai. Một ngày trong mùa hè vừa qua, chúng tôi ba người, anh Phạm Văn Tuấn, Ngô Tằng Giao và Nguyễn Thị Ngọc Dung đã rủ nhau đến nhà anh Lê Văn Lai để xem phòng tranh của anh. Họa sĩ Lê Văn Lai tốt nghiệp Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Quốc Gia Việt Nam trước khi có Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định được thành lập. Anh có tranh sơn dầu, tranh lụa, tranh phong cảnh, tranh lịch sử, tranh người, tranh vật. Tất cả đều được vẽ với nét cọ phóng túng, lả lướt, sắc sảo. Anh Phạm Văn Tuấn đã đem máy hình tối tân đến chụp được nhiều ảnh rất đẹp trong đó có bức tranh làm bìa trước của Cỏ Thơm mùa thu này. Anh Lê Văn Lai là họa sĩ đã cho tôi bức tranh bốn cô nữ sinh mặc áo trắng dưới bóng cây phượng vĩ nở hoa đỏ ối bên Hồ Hoàn Kiếm, Tháp Rùa, làm bìa tập hồi ký *"Phượng Vẫn Nở Bên Trời Hà Nội"* lần tái bản thứ hai. Khi Cỏ Thơm còn nghèo, không đủ tiền in bìa màu, anh Lê Văn Lai đã vẽ một collection tranh mực đen với phong cảnh đồng quê Việt Nam cho báo Cỏ Thơm dùng. Chúng tôi xin trân trọng cảm tạ Họa sĩ Lê Văn Lai.

Sau khi xem tranh, chúng tôi rủ nhau đi ăn trưa tại khu chợ Việt Nam gần nhà họa sĩ. Anh Lê Văn Lai cũng chỉ cho chúng tôi xem những bức tranh tường vĩ đại, cảnh chợ Bến Thành, cảnh Lăng Lê Văn Duyệt trong ngày Tết lễ hội, mà ông chủ Eden Center đã mua để treo trong khu thương mại của cộng đồng người Việt. Họa sĩ Lê Văn Lai đã từng thành công trong "nghề" vẽ phông cảnh cho các rạp hát, rạp chiếu bóng, các bích chương quảng cáo ở Sài Gòn trước năm 1975, trong khi đời sống các họa sĩ bạn rất eo hẹp. Phải là họa sĩ tài năng thiên phú mới vẽ người giỏi , khéo, đẹp mới làm được nghề vẽ trang trí đó. Báo Cỏ Thơm sẽ có nhiều dịp xin tranh Họa Sĩ Lê Văn Lai.

Bìa sau Cỏ Thơm là ảnh của Nguyễn Quốc Khải với cảnh "Êm Đềm Thung Lũng Mùa Thu" trong vùng West Virginia lá đỏ, lá vàng rực rỡ; Và, ảnh của Nguyễn Huy Linh "Ăn Quả Nhớ Kẻ Trồng Cây" với cúc tím, cúc vàng, dưa xanh, bí đỏ... trong mùa Lễ Tạ Ơn. Ngoài ra nội dung Cỏ Thơm số 60 này vẫn phong phú đề tài văn học, nghệ thuật để quý vị thưởng thức suốt mùa thu thơ mộng. Vì số trang có hạn, chúng tôi vẫn phải dùng chữ nhỏ trong nhiều bài dài và phải gác lại một số bài gửi đến sau những bài khác. Xin quý văn thi hữu thông cảm cho. Thành thật cảm ơn quý vị, hẹn tái ngộ cùng quý vị trong số báo mùa đông.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Vũ Hối: Trường Phái Luân Vũ Họa.

ĐỖ BÌNH

Vũ Hối sinh ngày 22 tháng 11 năm 1932 tại Tam Kỳ, Quảng Nam. Là một nghệ sĩ đa tài : làm thơ, vẽ tranh, chụp ảnh, ông dáng người cao dong dỏng, bản tính đôn hậu dễ mến, hay cười, rất khiêm nhường và chân tình khi sử thế với bằng hữu, thêm có óc khôi hài thỉnh thoảng xen câu chuyện tếu làm mọi người vui. Là một tên tuổi lớn của nền văn học nghệ thuật nước nhà và quốc tế . Ông dược mời vẽ chân dung tổng thống Hoa Kỳ John F. Kennedy, vẽ chân dung Đại tướng Creighton W. Abrams. Đã nhận Giải Khôi Nguyên Hội Họa Quốc Tế năm 1963 tại Hoa Kỳ. Sáng lập trường phái Luân Vũ Họa (Paintings In Motion) và Thư Họa (Handwriting Painting). Là nghệ sĩ Á Châu duy nhất được vinh danh về Sáng Tạo Nghệ Thuật cho thế giới, tại Atlanta - Hoa Kỳ ngày 5-11-1994.

Có Tên Trong :

- Văn Học Tự Điển thời Việt Nam Cộng Hòa

- Bách Khoa Tự Điển Larousse, bộ tự điển nổi danh nhất của Pháp và thế giới.

Tự Điển Danh Nhân Thế Giới, ấn hành tại Anh Quốc năm 1998 (Dictionary of International Biography 1998 – Cambridge – England).

- Được ghi trong "5000 Personalities of The World", do American Biographical Institute ấn hành năm 2000. Là nhà Thư Họa Việt Nam duy nhất được ghi tên trong "Tuyển Tập Thư Họa Bậc Thầy Đông Phương", ấn hành tại Tokyo – Nhật Bản năm 2006 (Volume 6International Editonal – Tokyo – Japan).

Ngoài danh tài về họa, Vũ Hối còn là một nhà thơ, nhà nhiếp ảnh. Ông khởi đầu sự nghiệp văn nghệ là làm thơ bút hiệu Hồng Khôi, đã xuất bản nhiều thi tập :

-Mùa Giao Cảm (Thơ) 1958. -Vần Thơ Màu Trắng (Thơ) – La Poésie de Couleur Blanche, được phiên dịch ra Anh và Pháp ngữ năm 1959 tại Sài Gòn.

- Những Dấu Chân Đi (Truyện Ngắn), xuất bản năm 1960. -Chiêm Bao Trở Giấc (Thơ), xuất bản năm 1997.

-Nghìn Thương Đất Mẹ (Thơ và Thư Họa), năm 1999....

Người đời quan niệm *: «Thư Họa là nghệ thuật dùng bút lông viết chữ như vẽ để viết những câu thơ, câu đối, câu ca dao, hay ngạn ngữ, danh ngôn ..vv.....* » Trước Vũ Hối, có vài người cũng đem thư pháp vào Chữ Quốc Ngữ như Đông Hồ, Trụ Vũ, nhưng từ khi Vũ Hốisáng lập trường phái Luân Vũ Họa hay Hội Họa Sinh Động (Paintings In Motion Thư Họa mới lột tả hết sắc thái độc đáo đường nét của nghệ thuật viết chữ Việt như bức tranh rồng bay phượng múa.

Vào năm 2009 họa sĩ Vũ Hối cùng một số anh chị em văn nghệ sĩ từ Mỹ, Canada, Âu Châu sang Paris sinh hoạt văn học nghệ thuật chủ đề : Thu Tao Ngộ. Sau buổi sinh hoạt, đêm đó, về nhà tôi hai người bạn thời thơ ấu tha hồ tâm sự. Sáng hôm sau trong lúc dùng điểm tâm, Vũ Hối

nói : *«Mình với Nguyễn Thùy nói chuyện đến gần sáng.»*

Nguyễn Thùy tiếp :

« Hai đứa chỉ nói về số bạn bè tan tác sau 1975.

Rồi vừa cười vừa hỏi:

« Nhớ lại chiều qua nơi phòng khánh tiết , một số đông các ông các bà, cả những cô trẻ vây quanh Vũ Hối xin 'thư họa', nhiều bà, nhiều cô xin như thế, Hối có 'thư sướng' không? »

Vũ Hối trả lời

: «'mệt thầy mô, sướng con mẹ gì?' Dĩ nhiên, được mến mộ thì cũng vui lắm. Mà sao Thùy hỏi lạ vậy?'. »

Nguyễn Thùy trả lời:

«Tôi bảo có 'thư sướng' không chứ có bảo ông 'sướng' đâu?'. Ông có biết 'thư sướng là từ Hán Việt, theo Tự Điển Nguyễn Văn Khôn là 'khoan khoái, thoải mái, dễ chịu' chứ có phải 'sướng theo nghĩa thông thường đâu ».

Rồi Nguyễn Thùy hỏi tiếp:

« Có người nói 'thư họa là vẽ chữ', có như vậy không? Vũ Hối :

«Thì phần nào cũng có thể nói thế. Còn Thùy nghi sao?'. »

Nguyễn Thùy trả lời:

«Rất phục Hối vì Hối là người đầu tiên đã đem chữ viết VN vào Hội họa. Thêm nữa, theo mình' Thư Họa là đem thơ vào họa'. Hối đã thư họa nhiều câu danh ngôn, nhiều câu thơ trong một số tác phẩm nổi tiếng và số thơ của nhiều người. Nhưng mình nhắc Hối chỉ thư họa những câu thơ nào sáng giá, hay đẹp chứ đừng vì cảm tình thư họa những câu thơ không hay đẹp gì khiến nhiều ngườit có thể nghĩ 'Hối đã khiến ngón thư họa của Hối trở nên tầm thường'. »

Nguyễn Thùy quay sang tôi hỏi :

« Anh quan niệm thế nào là hội họa ?

Tôi vội xua tay trả lời :

« Anh phải hỏi anh Vũ Hối chứ sao lại hỏi tôi ?! »

Nguyễn Thùy tiếp :

« Thấy anh thích tranh lắm sao không có ý kiến ? »

Vì muốn chấm dứt câu chuyện để còn thời gian chuẩn bị cho cuộc du ngoạn, tôi nói :

« Theo tôi hội họa là những cảm xúc mạnh pha chút tưởng tượng của họa sĩ : đã kết hợp màu sắc, ánh sáng, bóng tối thể hiện qua những đường nét đậm nhạt để thành tác phẩm. Nhưng bức vẽ không phải là sự sao chép cho giống với hình mẫu ; mà phải sáng tạo để tác phẩm có nét riêng, nghĩa là phải độc đáo cả nội dung lẫn hình thức. »

Vũ Hối :

« Một quan niệm rất hội họa. »

Hai người cứ mải mê nói chuyện nên tôi dục các anh dùng nhanh để các bạn đến đón đi chơi, nhưng Nguyễn Thùy vẫn gân cổ lên nói :

« Mình chẳng biết gì về Hội Họa nhưng lại ưa nói quan điểm của mình về Hội Họa. Theo mình, Hội họa là thứ nghệ thuật tĩnh, nó sôi nổi trong trầm mặc, nó động trong bất động, nó càng đón nhận khinh bạc càng trở nên cao trọng, lâu dài. Mình đã viết như thế trong truyện 'Mậy Rồng', có tặng Hối, Hối thấy sao? »

Vũ Hối đáp:

« Có đọc. Truyện hay nhưng quan điểm Hội Họa nơi quyển đó, cao kỳ quá, khó ai thực hiện được. Mình chưa đủ khả năng để kết hợp cả hai lối 'công họa và tâm họa' như Thùy nói. Mà chắc cũng khó có người làm nổi. Mình già rồi, sức yếu nữa nên khó lòng nghiên cứu, học hỏi thêm để có thể có được nhiều tác phẩm sáng giá hơn »

Nguyễn Thùy :

« Nếu có thêm càng tốt. Nhưng với bao tác phẩm đã nổi tiếng, chừng ấy, mình thấy Hối đã đem lại cho Việt Nam một tiếng vang khá lớn cho nền Hôi Họa VN rồi. Mình mừng và vui hơn nữa là Hối là người Quãng Nam, đồng hương với mình, xứ Quãng được thêm một 'nhân tài' về Hội Họa thì cũng hãnh diện lắm chứ' »

Tôi đành phải cắt ngang câu chuyện của các anh, và hẹn tối về sẽ để các anh tha hồ nói. Dùng điểm tâm vừa xong thì các bạn cũng vừa đến. Chúng tôi : Nhà báo Nguyễn Bảo Hưng, nhà biên khảo Nguyễn Thanh, nhà văn Nguyễn Thùy, họa sĩ Vũ Hối và tôi cùng đi Giverny thăm viện bảo tàng của danh họa Claude Monet cha đẻ trường phái ấn tượng. Trong lúc anh Thanh mải mê lái xe tìm đường, anh Hưng vui vẻ cất tiếng : *« Anh Vũ Hối từ Mỹ sang, lại là họa sĩ, hôm nay được bọn mình dẫn đi thăm Giverny là trúng tủ rồi đấy. »* Tuy không phải là họa sĩ, nhưng thích tìm hiểu về hội họa, đặc biệt là trường phái ấn tượng, anh Nguyễn Bảo Hưng giải thích: *« Anh phải biết, với người Mỹ, Giverny được coi là cái nôi của hội họa ấn tượng và là chốn hành hương của hầu hết các đoàn du khách Mỹ viêng thăm Pháp.Thực ra Claude Monet không phải là người sáng lập ra trường phái ấn tượng. Sở dĩ tên tuổi ông được gắn liền với hội họa ấn tượng, ấy là nhờ nhà phê bình Loui Leroy, trong một bài báo, đã dùng từ impressionniste để nói lên cảm nhận của mình trước bức họa « Rạng Đông » (Soleil levant,1972) được Claude Monet đem ra trình làng tại cuộc triển lãm do ông cùng một nhóm họa sĩ đứng ra tổ chức riêng vào năm 1974 tại Paris. Thế là từ* ***Impressionnisme*** *được ghi vào sổ bộ đời hội họa từ đấy để nói về* ***Trường phái Ấn Tượng(*)****. Còn nói rằng Giverny là cái nôi của hội họa ấn tượng cũng không hẳn đúng. Bởi vì tất cả những bức tranh mang đường nét ấn tượng hầu hết đều được các họa sĩ theo trường phái này như Manet, Sisley, Pissarro, Renoir v.v... thực hiện trong các thập niên 1860, 1870 và tại nhiều địa điểm không gian khác nhau.Chỉ từ sau 1883 Monet mới tới trú ngụ tại Giverny thuộc hạt Eure không cách thành phố Rouen bao xa. Nhưng vì ngôi nhà xinh xắn với khu vườn phô bày đủ mọi sắc hoa, và đặc biệt cái đầm hoa súng (l'étang des nénuphars) với cây cầu kiểu nhật (le pont japonais) duyên dáng được dùng làm đề tài cho nhiều bức tranh ngoạn mục đã khiến địa danh này trở thành đối tượng viếng thăm của khách yêu chuộng hội họa trên toàn thế giới. »*

Câu chuyện tới đây thì cũng là lúc anh Thanh bắt đầu lái xe đi vào thành phố Auvers Sur Oise. Lần theo dấu vết xưa qua những phiến đá tường đã phủ màu thời gian, chiều xuống ánh nắng dần phai nhìn con phố cổ bên dòng sông Oise trầm mặc hơn. Anh Thanh bỗng dừng xe trên con đường chính, ngay trước quán trọ Ravoux, trạm dừng chân chót của Van Gogh. Chúng tôi ngân ngơ trước ngôi nhà trọ nay đã được chỉnh trang lại bộ mặt trông sáng sủa hơn, nhưng trong lòng không khỏi bồi hồi nghĩ tới tới hai tháng cuối đời của nhà danh họa này trên căn gác xép chạm mái. Còn đang trầm ngâm suy tưởng bỗng nghe tiếng anh Thanh kêu gọi qua công viên bên cạnh nơi có bức tượng đồng Van Gogh do Zadkine sáng tác. Sau khi chụp một tấm chung lưu niệm, đứng cạnh tượng Vũ Hối thở dài than:

« Trông Van Gogh khốn khổ quá, như kẻ đi lang thang, bụi đời ! »

Nguyễn Thanh mở ống kính ngắm chụp, sau khi bấm máy liền góp ý:

« Van Gogh đã từng thố lộ: "Khi tôi càng xấu xí, già, ác độc và nghèo, tôi càng tìm cách chuộc lại những thất bại ấy bằng cách làm cho màu của tôi rực rỡ, cân đối, tỏa sáng". »

Từ khu nhà ga cũ đến ngôi giáo đường cổ, tất cả chúng tôi theo đường lên dốc khá quanh co, tìm đến ngôi nhà thờ nơi bìa làng. Van Gogh đã dừng chân nơi đây và họa bức tranh mặt ngoài hậu cung nhà thờ, diễn tả một kiến trúc không theo phép phối cảnh nhưng bằng những đường cong quẹo. Anh Vũ Hối đi tới đi lui trên dốc đá góc nhà thhờ, ngắm từng chi tiết như tìm cách đứng đúng chỗ Van Gogh đặt giá vẽ, rồi mới nâng máy lên thu hết hình ảnh vào ống kính. Từ ngôi nhà thờ theo con đường làng ra khỏi vòm cây phong là cánh đồng mênh mông hiu quạnh, nơi an nghỉ của danh họa Van Gogh và ngôi mộ bên cạnh là người em trai Théodore. Trong hoang vắng, đứng trước hai ngôi mộ quá đơn sơ của họa sĩ nghèo, mộ chỉ lấp mà không xây, bia được cuốn bằng thừng! Đất Trời cũng cảm động, xót xa cho người họa sĩ tài hoa nên kết những loài hoa cỏ đầy màu sắc rực rỡ thành tấm thảm phủ lên ngôi mộ. Anh Vũ Hối và Nguyễn Thùy lần đầu đến thăm nên xúc động mạnh rướm lệ. Vũ Hối từ từ thu mình ngồi cạnh mộ Van Gogh, anh im lặng nhưng chắc hẳn lòng đang thổn thức ? Trên khuôn mặt buồn bã ấy có chút gì thương tiếc và ngưỡng mộ một danh tài hội họa thế giới bạc mệnh nằm trên cánh đồng hoang vu ! Sau khi thăm mộ Van Gogh và người em trai Théodore, chúng tôi đi thẳng ra cánh đồng trước mặt đến nơi đã ghi dấu kỷ niệm họa phẩm "Đồng Lúa Mì và Đàn Quạ". Đứng trước thiên nhiên, mường tượng lại bức tranh, chắc hẳn trong mỗi người chúng tôi đều có cảm nhận riêng về hình ảnh đầy bí ẩn : « Đàn quạ đen bay sà trên đồng lúa chín vàng dưới bầu trời màu xanh sẫm như báo hiệu cơn dông sắp đổ xuống ? »

Chúng tôi định đi tiếp vào thăm làng nhưng con đường đến đây chia làm ba ngã, biết chọn ngã nào? Anh Vũ Hối bảo:

"Van Gogh vẽ đường cho chúng ta nhưng không chỉ dẫn rõ ràng, vậy thì đi đâu cũng được".

NguyễnThanh bảo đường quẹo tay trái trở về nhà thờ. Anh Bảo Hưng khuyên nên đi thẳng, tất cả chúng tôi theo hướng đó.

Tối hôm đó về nhà, chúng tôi thức khuya nói chuyện. Nguyễn Thùy bảo Vũ Hối:

«Hai họa sĩ đều nổi tiếng nhưng một 'vừa nổi tiếng vừa nổi miếng' (ý nói có tiền, giàu) còn một thì 'vừa nổi tiếng vừa nổi điên', còn Vũ Hối thì nổi gì?»

Vũ Hối trả lời:

«chẳng nổi gì cả, đời quá nhiều bầm dập chỉ 'nổi chìm' thôi !»

Họa sĩ Vũ Hối là một nghệ sĩ tài hoa nhưng nhiêu thăng trầm. Sự nổi tiếng về hội họa đã làm lu mờ phần nào mặt văn thơ, cho dù nhà thơ vẫn sáng tác đều, vẫn cho đời những vần thơ hay nhưng công chúng tìm đến anh qua hội họa.Tôi hỏi Vũ Hối :

« Giữa Thơ và Hội họa nếu phải chọn một anh chọn cái nào?»

Vũ Hối :

« Mình xin chọn cả hai, nếu tách ra là chết (!) Vì Thư Trung Hữu Họa.»

ĐỖ BÌNH (Paris)



Ban Điều Hành & Ban Biên Tập
của Cỏ Thơm

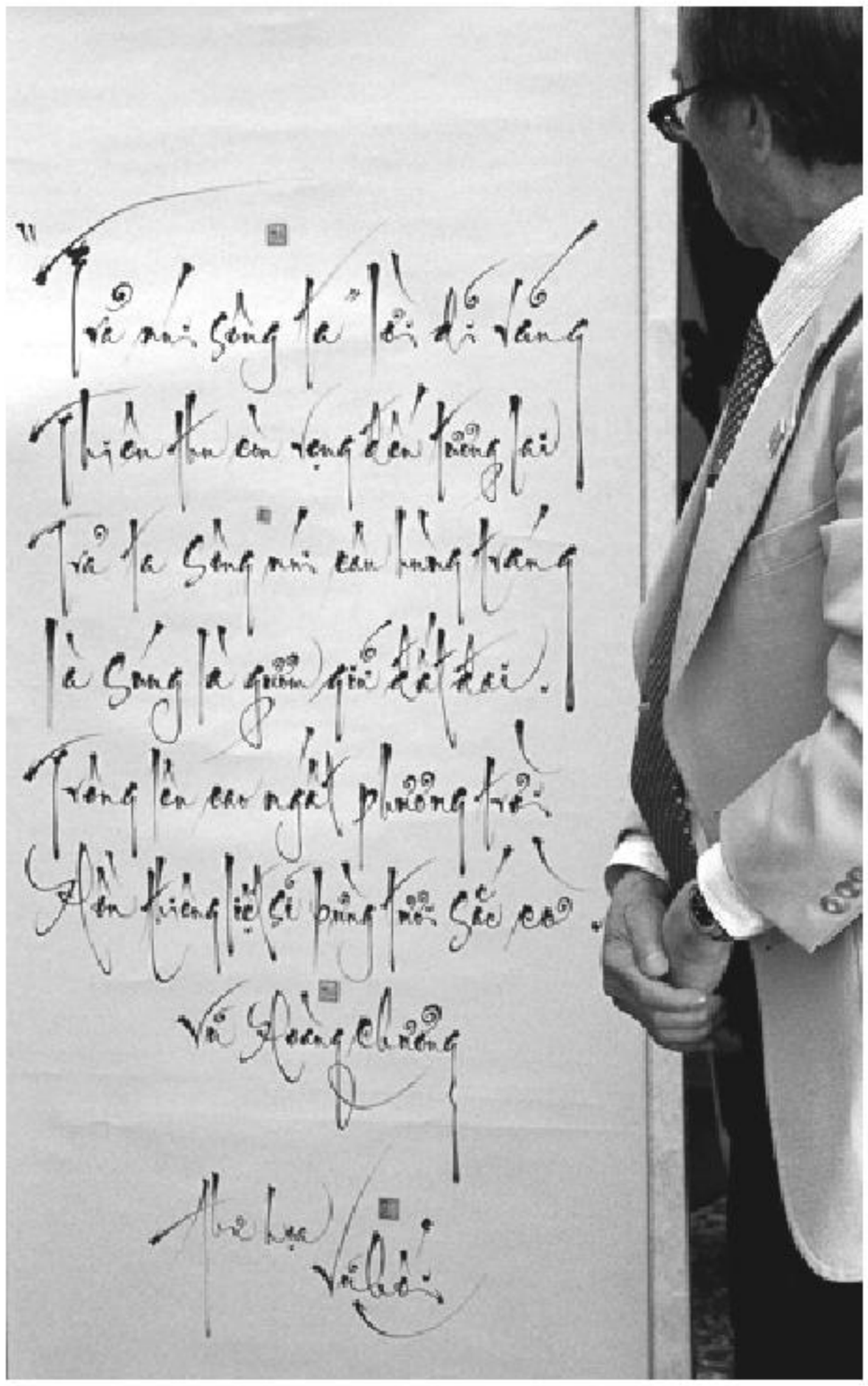
CHÚC MỪNG THƯỢNG THỌ 80 THI HỌA SĨ VŨ HỐI 2012

Tám mươi năm cuộc đời
Tranh thơ nở nụ cười
Từ con tim Vũ Hối
Một nhân cách tuyệt vời
***

Phước: tam đại đồng đường
Lộc: khắp cả bốn phương
Thọ: như năm ngọn núi
Tình: xanh biếc đại dương
***

Chúc mừng thượng thọ tám mươi
Vẫn còn tô thắm cho đời nét son
Lượn xuống biển, vút lên non
Nét rồng, nét phượng mạch nguồn quê hương

PHAN KHÂM
(Maryland)



Vũ Hối thăm Melbourne, Úc Châu – 2011



Ngày Vũ Hối ở Virginia - 2009

MỘT BẰNG CHỨNG BẤT CÔNG CỦA THƯỢNG ĐẾ HAY KẾT QUẢ SAU CÙNG CỦA MỘT HIẾN TẶNG CUỘC ĐỜI CHO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VŨ HỐI.

Nếu phải trưng dẫn một bằng chứng bất công của Thượng Đế, hiểu theo nghĩa Ngài đã lãng quên biết bao con người, để dành qúa nhiều vinh quang, chói lọi cho một người – thì, Vũ Hối là một bằng chứng cụ thể, tiêu biểu.

Nói thế, không có nghĩa khi Thượng Đế chọn họ Vũ làm "Kẻ Thừa Sai Văn Học Nghệ Thuật" cho cuộc đời, cho con người, họ Vũ đã không phải trả bất cứ một giá nào cho những chói lòa Ông nhận được. Mà, trái lại. Vâng! trái lại họ Vũ đã ném hết thân, tâm, hiến tặng trọn vẹn cuộc đời mình cho cuộc trường chinh văn học và nghệ thuật lao lung, dằn, xóc kia, để có ngày hôm nay.

Trước nhất, tài năng và những vinh quang mà người đàn ông mang tên Vũ Hối, bị nhìn ngắm như một" bằng chứng cụ thể" về sự ưu ái đặc biệt từ Thượng Đế, sinh ngày 22 tháng 11 năm 1932 tại Quảng Nam. Ông là bào đệ của Nhà văn kiêm Giáo sư Vũ Ký.

Năm 1963 Ông được giải Khôi Nguyên Hội Họa Quốc Tế tại Hoa Kỳ. Tháng 11 năm 1994 trong Đại hội Mỹ Thuật Thế Giới, tổ chức tại Thành phố Atlanta, Georgia, ông được vinh danh là Họa Sĩ Sáng Tạo Nghệ Thuật, bằng vào công trình sáng lập Trường phái Luân Vũ Họa / Painting in Motion và Trường phái Thư Họa/ Handwriting – Painting.

Trước đây từ thập niên 50, tên tuổi của ông đã được văn giới biết tới qua những thi phẩm như " Mùa Giao Cảm" xuất bản năm 1958: " Vần Thơ Màu Trắng" được phiên dịch qua Pháp ngữ và Anh ngữ; "Hợp Tấu Thi Tuyển"nhiều tác giả , do nhà Nhân Loại xuất bản năm 1969, cùng một số thi phẩm khác, viết sau biến cố tháng 4-75. Cũng từ thập niên 50, hay trên nửa thế kỷ, thơ Vũ Hối đã được hai nhạc sĩ tiền chiến nổi tiếng như cố nhạc sĩ Lê Thương, Đức Quỳnh phổ nhạc. Đó là các ca khúc mang tên "Lời Ru Của Mẹ" và "Bức Tranh Xứ Huế" Gần nhất cơ sở Nhật Trường Productions cũng mới phát hành một đĩa nhạc đặc biệt. mang tên "Vũ Hối và Thơ Nhạc Trong Tranh" với 7 ca khúc phổ từ thơ họ Vũ bởi những nhạc sĩ nổi tiếng từ thời tiền chiến, cũng như hiện tại. Đó là nhạc sĩ Đức Quỳnh, Viễn Châu, Song Ngọc, Trần Thiện Thanh, Nguyễn Hữu Tân và ba thi phẩm được diễn ngâm bởi Thanh Toàn, Hồng Vân, Hà Phương. Ngay ở bộ môn nhiếp ảnh nghệ thuật, Vũ Hối cũng là hội

viên chính thức của hai hội ảnh nổi tiếng thế giới là PSA và ICS. Ở mặt nào, từ hội họa qua tới thi ca, từ Thư Họa, Luân Vũ Họa, qua tới bộ môn nhiếp ảnh nghệ thuật, Vũ Hối cũng cho thấy khả năng sáng tạo của ông được đẩy tới cực cao nhất của màu sắc, chữ nghĩa và ánh sáng đường nét.

Khi những kênh, mạch nghệ thuật đi ra từ trái tim và tài năng Vũ Hối, tới điểm cực đại. dường chúng đã nhập dòng – đã là một –đã một khoảng cách, một lằn ranh phân biệt nào giữa các bộ môn.

Nhà thơ Hà Huyên Chi trong một bài viết về Vũ Hối, đã rất tinh tế khi nhấn mạnh: "Chữ và Thơ (Vũ Hối)tươm mật trên từng tuyến màu giao hưởng, làm thành một cõi riêng ở tranh-thơ Vũ Hối.

"Nét cọ khoác cho thơ chiếc áo gấm thất thể làm sinh động hồn chữ, khiến bùng chuyển men thơ, Thi trung hữm họa mà cũng là họa tàng thi tứ. 'Người Họa' và 'Người Thơ'nhập điệu để cùng bay bổng trong tình tự văn chương. Thư Họa(viết mà như họa)-một khai phá chấn dộng mở ra chân trời mới: tranh thơ" Ở một đọan khác vào sâu hơn trường phái "thư họa" mang tên Vũ Hối, Nhà thơ Hà Huyền Chi ghi nhận:

" 'Chữ không thể vẽ lại. Dâu muôn! Mỗi chữ đã là một bức họa, môt biểu tỏ độc đáo đã một lần soi mặt trên dòng thưởng ngọan. Một lần!

"Vũ Hối, người thứ nhất đã làm nổi bật đặc thù chữ Quốc Ngữ.

"Rồi ra nhân loại sẽ phải ghen với chúng ta về những dấu có trăng liềm,câu liêm, có chim bay, có giọt sương long lanh, có hạt lệ ngậm ngùi, có mưa rơi và lá rụng…

"Ta có quyền hảnh diện vì chữ Việt qua nét thư họa có một không hai của Vũ Tiên Sinh đã được mọi người thán phục…"

Tới hôm nay, có dễ người ta khó có thể kể hết những ghi nhận của văn giới, về đời thơ của Vũ Hối, sau hơn nửa thế kỷ hưng phấn, suy trầm theo vận nước…Tuy nhiên chỉ với một cảm nhận chân thực, đầy cảm tính sau đây, trích từ một bài viết của Nhà văn Trần Hoài Thư, sau khi tác giả nầy, được nghe chính họ Vũ, diễn đọc bài thơ " Em Là Pho Tượng" của mình.

"Anh Vũ Hối, người Họa sĩ, người thơ, người tù, người lưu vong, đứng yên, cứ đọc, cứ dừng lại để nhắm nắt, nuốt thêm khối gì nghèn nghẹn và tiếp tục đọc. Một người nghệ sĩ là thế. Tôi chỉ xin anh tha lỗi vì tôi chưa bao giờ thuộc thơ anh nhưng tôi biết kể từ đây, tôi sẽ mang hoài hình ảnh một người thơ gánh trên vai chiếc thập tự giá.

"Chỉ có tôi, tôi không xứng đáng gì để làm mấy bài thơ vớ vẩn.

"Thơ tôi đã đọc trên bục. Tôi đứng dậy quay về phía người vỗ tay, cuí đầu chào. Nhưng tôi nghĩ là thơ tôi sẽ phải vứt hết vào sọt rác, nếu không diễn tả hết đôi mắt nai ngoan của em bé đang tìm về dưới pho tượng để học bài đêm nay"

Vừa qua là nhận định của những người cầm bút nổi tiếng tự hôm qua và hôm nay. Nhưng trước một Vũ Hối, một cá nhân tượng trưng cho dự nhập dòng, cùng lúc nhiều chiêu kích, nhiều kênh, mạch văn học nghệ thuật khác biệt, mỗi nhận định của một tác giả, dù sâu sắc, tinh tế đến đâu, cũng chỉ có thể chạm đụng tới một hoặc hai bản sắc của con người phức-trùng-bản ngã này.

Vậy, tại sao chúng ta không thử lắng nghe họ Vũ nói về chính mình. Dù cho ông

cũng chỉ đề cập tới vài kênh, mạch thấm sâu của tâm hồn và chiều, kích tài năng ông… Nhưng chính nó cũng là tiếng nói chính thức, ngọn lửa tinh tuyền, cháy lên từ một thân, tâm ăn ở liên lụy trên nửa thế kỷ với văn học và nghệ thuật Việt Nam, coi như sự ăn ở, hay tấm lòng thủy chung của một con người, sinh ra và chọn ở, cuối cùng, với khí thiêng quê hương, đất nước.

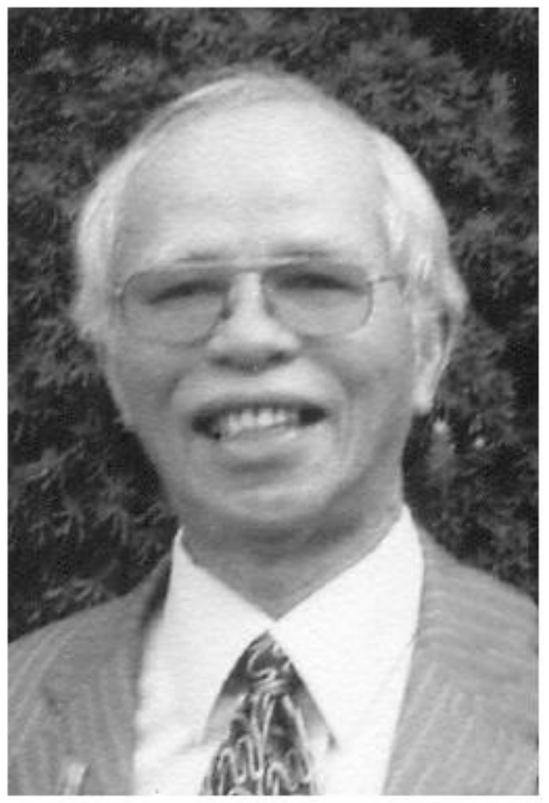
Ở phút nói thật - - hiểu theo nghĩa nói với chính mình, con người được Thượng Đế chọn, như một biểu tượng vinh quang nhiều mặt- (dĩ nhiên, vinh quang kia, ch ói lòa nọ sẽ không thể đến với họ Vũ, nếu họ V ũ kh ông ném cả thân, tâm, hiến tặng trọn cuộc đời mình cho văn học nghệ thuật) đã tâm sự như sau.

"Báo chí, các nhà phê bình nghệ thuật, các đài truyền hình thường vẫn hỏi tôi (…) là tôi vẽ theo đường lối nào, họa phái nào, công thức nào? Tôi xin thưa là không theo một công thức nào cả, tôi vẽ tùy theo trực giác sáng tạo của nhà nghê sĩ cảm thông với đề tài bằng một tâm thức thần cảm đột xuất (illumination spontanée) mà thôi. Và riêng tôi, quan niệm vẽ tranh mà còn chăm chú tuân theo họa phái nào, trường phái nào, công thức nầy nọ thì đâu còn là nghệ thuật sáng tạo, tự do sáng tạo. Đó chỉ là máy móc, vô sắc, vô thức của sinh vật vô cảm xúc.

" Cũng như tôi làm thơ vậy, chữ tôi viết vậy, nó trào ra như nguồn suối của tâm tư, dồn nén sau bao áp lực ẩn ức vì tâm trí, nghệ thuật bị ngục tù trong chế độ vô nhân từ nhiều năm, tháng rã rời…"

Du Tử Lê
(California)

MỪNG THƯ HỌA GIA V Ũ HỐI TÁM MƯƠI



Mừng Anh Vũ Hối tám mươi
Lúc nào cũng nở nụ cười thân thương
Luôn luôn sức khỏe bình thường
Rong chơi thư họa bốn phương lẫy lừng
Hội hè lễ Tết tiệc tùng
Văn thơ thân hữu nét rồng phượng bay
Năm châu bốn bể Đông Tây
Vẻ vang dân Việt cưỡi mây hạc vàng
Kho tàng thi phú ngàn trang
Văn chương nghệ thuật thênh thang
đường đời.
Mừng nhà thư họa tám mươi
Vài chục năm nữa an vui với người.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
(Virginia)

Khóc Tố-Như

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?



Phạm Thị Nhung

Kỳ I

Theo Tình-sử, Tiểu-Thanh là bút-hiệu người con gái họ Phùng, tên Văn-Cơ, sống vào đời Minh (1368-1643). Nàng mồ-côi mẹ từ hồi nhỏ, được một ni-cô nuôi, cho đi học. Lớn lên, sắc đẹp, thơ hay, nổi danh là một tài-nữ đất Quảng-Lăng. Mười sáu tuổi lấy lẽ một người họ Phùng, bị vợ cả ghen, bắt lên ở trên núi Cô-sơn, cạnh Hồ-tây (tỉnh Chiết-giang). Nàng quá đau-buồn, uất-ức mang bệnh mà chết, lúc đó nàng mới 18 tuổi (nay còn mộ ở Cô-sơn).

Vũ Băng-Đình, trong cuốn Dịch Thơ Chữ Hán, Nhà XB Giáo-Dục, cho biết thêm chi-tiết: "Trước khi chết, Tiểu-Thanh cho vẽ một bức tranh truyền-thần chân-dung nàng. Bức đầu nàng nói: "Hình tôi thì giống nhưng chưa lột hết thần của tôi "Với bức hai: "Thần thì được rồi nhưng bóng-dáng chưa linh-động". Đến bức thứ ba, đủ vẻ lộng-lẫy, nàng nói: " Được rồi đấy". Rồi nàng để bức tranh trước giường, đốt hương thơm, khấn:"Tiểu-Thanh! Tiểu-Thanh! Chốn này có phải là duyên-phận của mầy đâu". Nói xong nước mắt chan-hòa, nấc lên một tiếng rồi chết".

Khi còn sống, nàng Tiểu-Thanh thường làm thơ để gửi-gấm tâm-sự. Nàng chết rồi bà vợ cả vẫn còn ghen, bắt đem đốt; may còn sót lại 12 bài, gọi là phần-dư-cảo. Nguyễn Du đọc bài ký viết về nàng Tiểu-Thanh, quá đỗi xúc-động, đã cảm-tác bài thơ chữ Hán Độc Tiểu Thanh Ký này:

ĐỘC TIỂU THANH KÝ
Tây hồ hoa uyển tẫn thành khư
Độc điếu song tiền nhất chỉ thư
Chi phấn hữu thần liên tử hậu
Văn chương vô mệnh lụy phần dư
Cổ kim hận sự thiên nan vấn
Phong vận kỳ oan ngã tự cư
Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như.
NGUYỄN DU
(Thanh Hiên Tiền Hậu Tập)

Dịch thơ:
ĐỌC BÀI KÝ VỀ TIỂU-THANH
Hồ tây vườn cũ đã gò hoang
Mở sách bên song đọc viếng nàng
Tranh-họa có thần, đời mãi tiếc
Văn-chương đốt dở, lụy còn vương.
Xưa nay oan-khổ, trời khôn hỏi
Chung án phong-lưu, ta tự mang.
Thiên-hạ, ba trăm năm lẻ nữa
Biết ai còn khóc Tố-Như chăng ?
PHẠM THỊ NHUNG

Nguyễn Du tự là Tố-Như, hiệu Thanh-Hiên, biệt-hiệu Hồng-Sơn Liệp-Hộ và Nam-Hải Điếu-Đồ, với biệt-danh Chiêu Bẩy.

Độc Tiểu Thanh Ký là bài thơ cuối trong Thanh HiênTiền Hậu Tập.

Bài thơ viết theo thể Đường-luật thất ngôn bát cú, luật bằng vần bằng nhưng thất niêm. Theo niêm-luật thì chữ thứ 2 câu 8 phải niêm với chữ thứ 2 câu 1, tức cùng B hoặc cùng T ; ở đây chữ thứ 2 câu 8 là T (hạ), trong khi chữ thứ 2 câu 1 lại là B (hồ).

Điều đặc-biệt ở bài này là, **Nguyễn Du không chỉ xót-thương người thiêu-phụ tài-hoa bạc-mệnh kia, mà còn coi mình là kẻ đồng hội đồng thuyền, rồi tự buộc mình chịu chung cái án oan-khiên lạ-lùng của các khách phong-nhã xưa nay. Như vậy, Nguyễn Du khóc người**, ***đồng thời cũng để khóc mình***. Vì thế, gần suốt bài thơ dòng nào cũng có những từ-ngữ chứa-đựng hình-ảnh hay tình-huống hay tâm-trạng bi-ai, oán-hận, chết-chóc, khóc-thương (Tẫn thành khư, liên tử hậu, lụy, hận sự, kỳ oan, khấp...) ; và toàn bài đều có giọng thơ trữ-tình, tràn-ngập cảm-xúc bi-thương:

Hai câu đầu (1-2) giọng thơ buồn-buồn khi nhắc đến những tang-thương biến-đổi của cảnh-sắc thiên-nhiên, nơi nàng Tiểu-Thanh xưa từng sống.

Hai câu 3-4 giọng thơ thương-cảm, xót-xa khi nàng đã qua đời.

Hai câu 5-6 giọng thơ uất-ức nghẹn-ngào, toát ra một nỗi bi-phẫn thống-thiết khi nói đến nỗi oan-khiên của khách phong-lưu (kể cả tác-giả).

Lời tác-giả tự hỏi trong 2 câu cuối 7-8, giọng thơ ngậm-ngùi, thân-thiết (mong có kẻ tri-âm).

Để rõ vấn-đề, trước hết chúng ta hãy tìm hiểu mấy điểm quan-trọng trong 2 câu kết:

1- Nguyễn Du đưa ra con số thời-gian trên 300 năm, là ý chỉ thời-gian kể từ khi nàng Tiểu-Thanh mất đi tới lúc tác-giả khóc nàng. Tiểu-Thanh sống chết vào đời Minh, theo Tự-điển Từ-lâm Hán-Việt, là khoảng 1368-1643. Nguyễn Du sáng-tác bài thơ khóc nàng vào thời-gian làm quan với nhà Nguyễn tại Bắc-hà, tức khoảng năm 1802-1804. Như vậy, Tiểu-Thanh mất vào quãng đầu thế-kỷ 16.

Nguyễn Du khóc Tiểu-Thanh, người của 300 năm về trước, nên chạnh thương mình, tự hỏi, không biết sau 300 năm nữa, thiên-hạ, có ai khóc mình chăng? Thực ra 300 năm sau chỉ là một con số tượng-trưng cho khoảng thời-gian khá lâu sau khi Nguyễn Du qua đời. Có lẽ ông đã nghĩ, phải chờ đám hậu-sinh này, sống xa hẳn cái thời Lê mạt-Nguyễn sơ, một thời-đại rối-ren, bể-dâu nhất trong lịch-sử nước nhà: Binh-biến triền-miên, thời-thế xoay chiều như vũ-bão, thay vua đổi chúa liền-liền, chính-trị phức-tạp, tà chánh, trung nghịch, đúng sai hỗn-loạn... ; mới có được cái nhìn sáng-suốt, vô-tư, mà cảm-thông cho cảnh-ngộ và hiểu được nỗi u-uất của ông, nhất là từ khi ông ra làm quan với nhà Nguyễn (lại được trọng-dụng). Có vậy mới mong giải được nỗi oan-khiên này.

2- Nguyễn Du mong người đời khóc Tố-Như, chớ không phải khóc Nguyễn Du, khóc Thanh-Hiên, khóc Hồng-Sơn Liệp-Hộ... Sao vậy?

Bởi chỉ có **tên Tự**, một tên chữ duy nhất có ý-nghĩa sâu-sắc, thường gắn liền với Danh (Danh là tên cha mẹ đặt cho khi mới sinh). Tên Tự thường do ông thầy dạy học hay ông thân-sinh đặt cho khi làm Lễ gia-quan (thêm cho cái mũ) vào tuổi 16 đôi mươi, để gọi thay cho Danh ; hay chính

người ta tự đặt, để nói lên hoài-bão hay tâm-ý... của mình.

Đối với Nguyễn Du, cái tên tự Tố-Như mới là cái tên thiết-thân của ông, là chính bản-thân ông, biểu-hiệu cho cả tâm-hồn, nguyện-vọng của đời ông.

Vậy 2 chữ Tố-Như có nghĩa ra sao?

Theo tự-điển Thiều-Chửu, "Tố" là tơ trắng, nghĩa bóng chỉ người có phẩm-hạnh cao- khiết; "Như" là như vậy đó. Theo Alexandre Lê, "Tố" ở đây chỉ sự trong-trắng về mặt tinh-thần, còn "Như" chỉ sự mong-muốn được như cái mà từ đứng trước nó biểu-đạt. Tố-Như mang hàm nghĩa của sự mong-muốn được trong-sạch, thanh-cao về phẩm-chất." (trích bài: Tự Tố-Như của ND trong cuốn Hồ Xuân-Hương, Nàng Là Ai? Tác-giả Phạm Trọng-Chánh, NXB Khuê-Văn, Paris 2001). Tóm lại, **hai chữ Tố-Như mang ý-nghĩa nói lên nguyện-vọng của Nguyễn Du, mong giữ được mãi-mãi sự cao-thượng và trong-trắng trong tâm-hồn, cũng như về phẩm-cách.**

Nguyễn Du trông-đợi người đời sau sẽ khóc ông qua ý-nghĩa tên tự này. Có thế, mới hiểu được bao nỗi oan-khiên lạ-lùng mà ông phải gánh-chịu gần suốt cuộc đời; ngay cả khi chấp-nhận ra làm quan với nhà Nguyễn, cũng là để thực-hiện cái chí-nguyện bình-sinh đó mà thôi.

Chúng ta cùng tìm hiểu.

Qua tài-liệu sách-vở và thơ chữ Hán của Nguyễn Du trong Thanh-Hiên Tiền Hậu Tập (1786-1804) cùng Nam Trung Tạp Ngâm (1804-1820) cho biết:

Nguyễn Du sinh năm 1766 (Ất-dậu) tại phường Bích-câu, kinh-đô Thăng-long,trong một gia-đình vọng-tộc, dõi đời khoa-bảng, quan-lộc.

Từ buổi Lê sơ, cụ tổ Nguyễn Doãn-Địch đậu Thám-Hoa (1480), làm quan tới chức Hữu Thị-Lang trong triều vua Lê Thánh-Tông... Nay thời Lê mạt-Nguyễn sơ thì cha con, anh em đều hiển-đạt, làm quan dưới triều Lê-Trịnh. Đặc-biệt, thân-phụ Nguyễn Nghiễm đỗ Nhị giáp Tiến-Sĩ, văn võ toàn tài, dẹp loạn lập được nhiều chiến-công, từng nắm những chức-vị lớn như Thượng-Thư Bộ Công, rồi hàm Thái-Tự Thiếu-Bảo, tước Xuân Quận-Công... rồi Tả-Tướng, hiển-hách nhất khi được giao chức Tham-Tụng, tức Tể-Tướng đầu triều, trong nhiều năm liền. Và anh cả Nguyễn Khản, đỗ Tam giáp Tiến-Sĩ, dậy học Trịnh Khải, nên khi Trịnh Khải lên ngôi Chúa ông được đắc sủng, được phong chức Thượng-Thư Bộ Lại, tước Quản Quận-Công, kiêm Trấn-Thủ Sơn-tây, sau đó cũng Tham-Tụng, đứng đầu quan-giai như cha. Nguyễn Khản còn là con người tài-hoa, ăn chơi lịch-lãm nhất Bắc-hà. Ông cho xây tư-dinh ở đình Kim-âu, phường Bích-câu, bài-trí phong-cảnh rất đẹp; ông còn say-mê sáng-tác âm-nhạc cho đào-nương ca, nhà ông không mấy khi ngớt tiếng đàn, tiếng hát.

Sau khi cha mẹ qua đời (Cha mất hồi ND 10 tuổi, mẹ mất 13 tuổi), anh em Nguyễn Du được về ở nhà ông anh cả này.

Nguyễn Du, đặc-biệt tư-chất thông-minh, cầm kỳ thi họa lầu-thông. Ông lại ham đọc sách, nghiên-cứu cổ-văn, và các kinh-sách Nho, Phật, Lão... được người đương-thời tán-tụng là "Mục quán quần thư" (con mắt xem hết kinh, sách). Về văn-chương, Nguyễn Du lừng-danh, được xếp trong danh-sách "An-nam ngũ tuyệt". Con đường công-danh tưởng cứ thế mà lên, nào ngờ danh-phận chẳng ra đâu, cuộc đời quá đỗi nổi-trôi, nhiều đau-thương, uất-ức.

Ông đã tự hỏi:"*Có phái cái án oan-khiên dành cho kẻ tài-hoa phong-nhã đó chăng?*

Thực vậy sao?

Năm 1783 Nguyễn Du đi thi Hương chỉ đỗ Tam trường (Tú-Tài), không được đại-khoa. Phải nhờ tập-ấm mới được thừa-kế cha nuôi họ Hà chức Chánh Thủ-Hiệu đội quân ở Thái-nguyên, một chức quan võ nhỏ, quá khiêm-tốn đối với gia-tộc Nguyễn Du.

Thế rồi biết bao biến-cố thời-cuộc dồn-dập xẩy tới, Nguyễn Du đã phải đau lòng chứng-kiến không những cảnh bể-dâu xảy ra cho đất nước, mà cả đại-gia-đình ông và chính bản-thân ông đều là những nạn-nhân trực-tiếp:

Trải qua một cuộc bể-dâu
Những điều trông thấy mà đau-đớn lòng.

(ĐTTT cc. 3-4)

Từ ngày Trịnh Sâm tính chuyện bỏ trưởng lập thứ (1780), nội-bộ sinh tranh-chấp, phe-phái. Nguyễn Khản phò Trịnh Khải (con trưởng), bị án tù và bị bãi chức. Trịnh Sâm vừa nằm xuống (1782), quân Tam Phủ (kiêu-binh) làm loạn, hạ Trịnh Cán, lập Trịnh Khải lên ngôi Chúa; vì cậy công, chúng càng ngày càng sinh kiêu-căng, đòi-hỏi vô lối. Nguyễn Khản cùng mấy vị đại-thần khác dâng sớ xử trảm 7 tên đầu sỏ; bị chúng trả thù, đem quân đánh-phá tư-dinh các vị, đình Kim-âu bị triệt-hạ, Nguyễn Khản chạy thoát lên Sơn-tây và toàn gia phải bỏ trốn.

1786, Tây-Sơn cất quân từ Nam ra Bắc, lấy nghĩa phù Lê diệt Trịnh. Trịnh Khải bị bắt, đâm cổ tự-vẫn. Tây-Sơn trả lại nước cho nhà Lê. Sau đó, Nguyễn Huệ lại sai Vũ Văn Nhậm đem binh ra Bắc thanh-toán Nguyễn Hữu Chỉnh... Vua Lê nghi-ngờ Tây-Sơn không thật lòng, bỏ chạy sang Kinh-bắc. Anh em Nguyễn Du theo xa-giá không kịp, ở lại mưu-đồ cần-vương, việc lớn không thành. Nguyễn Khản bị bạo bệnh qua đời.

Tây-Sơn kéo đại-binh ra Bắc lần thứ ba thì đã hoàn-toàn khác rồi. Nguyễn Huệ dứt Lê, Lên ngôi Hoàng-Đế, lấy niên-hiệu là Quang-Trung; đại phá quân Thanh xong (1789), chiếm luôn nước của nhà Lê, rồi thống-trị Bắc-hà, cải Thăng-long là Bắc-thành, đóng đô tại Phượng-hoàng Trung-đô (Nghệ-an). Vua Lê Chiêu-Thống chạy sang tầu.

Nguyễn Du đặt chí ở chỗ cao-thượng, là lý-tưởng phụng quốc ; trung với vua, với đương triều là trung với nước, như truyền-thống bao đời của các nhà Nho ta xưa. Huống chi ông lại là con cháu một dòng họ đã nhiều đời hưởng ơn vua lộc nước của nhà Lê và chính mắt ông đã chứng-kiến những ngày vinh-hiển nhất của cha, anh dưới triều Lê-Trịnh ; thế nên, nay gặp cảnh quốc-phá, gia-vong, ông tự khoác lên vai cái nghĩa-vụ diệt Tây-Sơn, phục Lê là điều dễ hiểu.

Sau lần mưu chuyện cần-vương ở Sơn-tây không thành, sợ bị quân Tây-Sơn trả thù, các anh của Nguyễn Du người tìm về quê mẹ, người tìm về quê vợ ẩn cư hết cả.

Còn Nguyễn Du thì sao? Một thân bơ-vơ, lưu-lạc... nhưng vẫn không nguôi nuôi chí phục quốc. Bởi vậy, ông đã phải trải qua Mười năm gió bụi (1786-1796):

Thập tải phong-trần khứ quốc xa
Tiêu-tiêu bạch phát ký nhân gia.

(U Cư II)

Phải sống xa quê-hương, ăn gửi, nằm nhờ xứ người; tóc bạc trắng cũng vì trong lòng chất-chứa nhiều nỗi muộn-phiền:

- Phải kể trước hết là nỗi tủi-nhục của con nhà dòng-dõi trâm-anh thế-phiệt, xưa cha, anh đều là những bậc đại-thần nhất phẩm triều-đình; Nguyễn Du được nuôi-

dưỡng trong lầu son gác tía, kẻ hầu người hạ, giầu-sang phú-quí ai bì; mà nay trở thành kẻ không nhà, sống lang-thang một mình, lẩn tránh nơi núi sâu, rừng thẳm:

Quần phong thâm xứ, dã nhân cư.

(Sơn Cư Mạn Hứng)

Sống thời tao-loạn nơi quê người có dễ đâu, còn phải giả quê-mùa, phải sợ người để bảo-toàn sinh-mệnh:

Dị hương dưỡng chuyết sơ phòng tục
Loạn thế toàn sinh cửu úy nhân.

(U Cư I)

Tâm thân rày đây mai đó, chăng khác nào ngọn cỏ bồng trốc rễ trong cơn gió lốc mùa thu, không biết rồi sẽ trôi-dạt về đâu?

Đoạn bồng nhất phiến tây phong cấp
Tất cánh phiêu-linh hà xứ qui?

(Tự Thán I)

Làm ta liên-tưởng tới cảnh-ngộ bơ-vơ lưu-lạc xứ người của nhân-vật Thúy-Kiều sau khi bán mình lấy tiền chuộc tội oan cho cha, trong đại-tác-phẩm Đoạn-Trường Tân-Thanh của Nguyễn Du:

Khi sao phong-gấm rủ là
Giờ sao tan-tác như hoa giữa đường!

(ĐTTT, cc .1235-1236)

- Đến nỗi đau nước mất, nhà tan, anh em ly-tán: Dinh-cơ của gia-phụ ở Tiên-điền Hồng-lĩnh đã bị quân Tây-Sơn đốt-phá tàn-rụi, làm gì còn nhà? Anh em thì mỗi người phiêu-bạc một nơi :

Hồng-lĩnh vô gia, huynh-đệ tán.

(Quỳnh-Hải Nguyên Tiêu)

Bặt tin-tức, không cả thư-từ quê nhà, Nguyễn Du băn-khoăn lo-ngại, chẳng biết anh chị em mình có được bình-an không?

Cố-hương đệ muội âm-hao tuyệt
Bất kiến bình-an nhất chỉ thư.

(Sơn Cư Mạn Hứng)

- Lại đến nỗi uất, Nguyễn Du mang danh là kẻ học rộng, tài-hoa, thông-minh hơn đời "Mục quán quần thư", "An-nam ngũ tuyệt", mà không làm nên trò-trống gì; nghề văn, nghề võ lúc này đều vô-dụng, ông trở thành kẻ vô nghề-nghiệp, lâm cảnh nghèo đói, quẫn-bách:

Thư kiếm vô thành sinh kế xúc.

(Tự Thán II)

Trọn ba tháng xuân bệnh-tật dày-vò mà không tiền mua thuốc:

Tam xuân tích bệnh bần vô dược.

(Mạn Hứng)

Đói rét phải nhận sự giúp-đỡ, nhờ-vả vào lòng thương của người:

Cơ hàn bất giác thụ nhân liên.

(Khất Thực)

- Còn là nỗi hận, chí lớn phục Lê mãi chưa thành hay chẳng bao giờ thực-hiện được?

Sau cuộc nổi-dậy của Nguyễn Quýnh (anh thứ tư, khác mẹ) ở Nghệ-an (1791), bị quân Tây-Sơn đàn-áp dữ-dội. Vì không chịu hàng, Nguyễn Quýnh cùng bao hào-mục, nghĩa-sĩ bị chết thảm, làng xã bị đốt phá tan-tành. Quê nhà sau trận huyết-chiến đó chỉ còn lại những nhơ-nhớp/ Nhà thơ ở xa ngàn dậm, (được tin) nước mắt tuôn rơi:

Chỉ uế càn-khôn huyết-chiến dư
Tang tử binh tiên thiên lý lệ.

Từ đó tới nay, anh-hùng, nghĩa-sĩ đi đâu vắng-bặt, khác nào cá, rồng lặng-lẽ đêm thu:

Ngư long lãnh lạc nhàn thu dạ.

(Bát Muộn)

Thời-gian Nguyễn Du lập gia-đình với em gái Tiến-sĩ Đoàn Nguyễn Tuấn, bạn học của Nguyễn Nễ (anh thứ 6, cùng mẹ), thì cả hai anh nghe theo lời hiểu-dụ của vua Quang-Trung, đã ra làm việc với tân-triều. Nhưng Nguyễn Du thì… không! Ông

ở lại Quỳnh-côi, nương-náu nhà ông anh vợ để chờ thời.

Vợ ông đã mấy lần có sinh mà chẳng có dưỡng, sau mới được Nguyễn Tứ; con thơ còn nhỏ-dại thì bà đau yếu, qua đời. Tất cả đó đã đẩy nhà thơ vào bước đường cùng.

Cũng may, trời bắt lâm vào bể khổ, khiến giục bước phiêu-bồng:

Thiên hồi khổ-hải xúc phù tung!

(Trệ khách)

Hồi này Nguyễn Nễ đã cho tu-sửa lại ngôi nhà của gia-phụ ở Tiên-điền, Nguyễn Du bèn quyết-định rời quê vợ, đem con trở về quê nhà (1796).

Về Hồng-lĩnh chưa được mấy ngày, nghe tin Nguyễn Ánh (trước bị quân Tây-Sơn đánh bật ra khỏi nước) nay đã trở về chiếm lại được Gia-định. Nguyễn Du liền lên đường vào Nam ngay, tính nhờ tay Nguyễn Ánh diệt Tây-Sơn. Chuyện bị lộ, trên đường tới Vinh ông bị bắt. Nhờ viên Trấn-thủ Nghệ-an là bạn thân của Nguyễn Nễ, vả y cũng tiếc tài ông nên chỉ giam mười tuần rồi thả về.

Trong lúc ở tù, bệnh nhiều, Nguyễn Du đã nghĩ đến chuyện sống chết, ông không sợ chết, chỉ lo chuyện phục Lê không xong, phải mang mối hận Bình-chương không biết bao giờ mới hết :

Bình-chương di hận hà thời liễu?

(My Trung Mạn Hứng)

(Xưa Trương Thê-Kiệt phò Đê Bính chống Nguyên; thua chạy đến núi Bình-chương thì bị đắm tầu, chết mang theo mối hận không khôi-phục được nhà Tống.)

(còn tiếp)

Phạm Thị Nhung (Paris)



Trong buổi phát hành Cỏ Thơm số 59 tại tư gia Nguyễn Quốc Khải, Virginia.

Hàng ngồi: Ngọc Dung, Cung Lan, Ngọc Thanh, Diệm Trân, Thái Phượng, Ý Anh.
Hàng đứng: Phạm Văn Tuấn, Phạm Trọng Lệ, Nguyễn Lân, Cao Nguyên, Huy Lãm, Ngô Tằng Giao, Bùi Thanh Tiên, Vũ An Thanh, Nguyễn Quốc Khải.

SÀI GÒN CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

THƯƠNG CẢNG

Thương Cảng kéo dài từ Cột cờ Thủ Ngữ đến Công trường Một Hình (Công trường Mê Linh). Ngày xưa bờ sông này đứt đoạn vì những dòng rạch từ trong thành phố chảy ra, có cầu ván cao cho ghe thuyền chui qua lại. Gần Cột cờ hơn cả là Rạch Cầu Sấu, được đặt tên như vậy vì xưa kia có trại nuôi cá sấu để bán thịt. Kế đến là Rạch Sa Ngư. Sa ngư là cá xà, địa danh mang tên loài cá nhám, tuy sống ở biển nhưng có thể thích nghi nước ngọt, bơi ngược vào sông để săn mồi. Theo Bác sĩ Tirant, vào khoảng năm 1880 ông còn thấy



Công trường Một Hình

các dân chài thường bắt được cá này tận trên Thủ Dầu Một và hằng ngày thấy cá bày bán ở chợ. Bờ sông bên cửa hai rạch nói trên là nơi ghe thuyền đến bán buôn tấp nập vào đầu thế kỷ XIX, đây chính là Chợ Bến Thành "nguyên thủy", khu chợ này còn hoạt động trong nhiều năm sau khi Pháp đánh chiếm Sài Gòn. Năm 1861, theo Hải quân Đại úy Pallu de la Barrière, chợ trông giống một gian nhà kho xiêu vẹo, hầu như sắp sụp về một bên. Năm 1862, Đại úy De Grammont chứng kiến ngôi chợ được xây lại là những gian nhà to lợp ngói, trống vách, lấn ra đường ven bến sông, người buôn bán tụ tập đông đảo nên thường làm nghẽn lưu thông. Năm 1864, Nhà Du hành Devay cũng thấy ngôi chợ có mái che, người mua kẻ bán đông đảo náo nhiệt. Tuy nhiên bến dọc bờ sông chưa thật sự thành hình, có khá nhiều cầu tàu nhưng hầu hết chỉ xây tạm bằng gỗ.

Vào tháng 6 năm 1862, chính quyền Pháp chia đất thành từng lô bán đấu giá. Luật lệ quy định nhà xây trên bến phải thẳng hàng nhau và giữ khoảng cách tối thiểu đến bờ sông, không như trước kia nhà thường xây theo đường cong queo thiếu trật tự và có khi đứng quá gần sông. Vào năm 1864, các nhà thầu khoán Hoa kiều san bằng mặt đất, cắm cọc ven bờ sông để xây các bến dài 1800 m, một nhà thầu khác nạo vét Rạch Sa Ngư mà người Pháp gọi là Grand Canal, người Việt còn gọi là Kinh Chợ Vải. Bên cạnh con kinh này người ta bắt đầu xây ngôi chợ mới (ở chỗ Kho Bạc, giữa Đại lộ Nguyễn Huệ và Đường Võ Di Nguy).

Năm 1865, ngôi chợ ven sông đã bị giải tỏa. Đường bờ sông đổi tên từ Donnai thành Napoléon, được sửa sang lại, rộng tới 50 mét, phân chia thành những lối đi trải cát và những khoảnh đất phủ cỏ, trồng hoa, trồng cây che bóng mát. Dãy nhà khang trang, thẳng tắp gồm các hiệu buôn, tạp hóa, quán cà phê, v. v. hướng ra khu du ngoạn thú vị này, nơi được dự định biến thành "một trong những đường dạo chơi đẹp nhất hoàn cầu" khi bốn hàng cây me trở nên cao lớn, rậm rạp. Nhưng mấy thập niên trôi qua, ý định làm đẹp bờ sông vẫn chưa thực hiện, vì đây là khu kỹ nghệ. Tại Cầu tàu Canton (ở đầu Đại lộ Hàm Nghi) và Cầu tàu Charner (ở đầu Đại lộ

Nguyễn Huệ), nhiều tàu buôn đến bốc dỡ hàng hóa. Thỉnh thoảng tàu biển chở khách cũng cập bến, trước có Compagnie Nationale de Navigation, sau thay thế bởi Chargeurs Réunis. Từ ngày mở rộng Thương Cảng sang Khánh Hội và Tam Hội cho các tàu biển vận tải, Cầu tàu Canton và Charner được dành cho tàu chạy đường sông, kể cả tàu chở khách của Hoa Kiều.

Khoảng thập niên 1950, những cây me trồng từ thời các đô đốc đã cao lớn, trổ màu xanh tươi đứng bên lề đường phía nhà phố, hàng cây phía bên bờ sông phần nhiều biến mất vì người đời sau dành ưu tiên cho việc mở rộng giang cảng. Trên bến vẫn náo nhiệt, đầy hàng hóa, vật liệu chất ngổn ngang. Cảnh ngoài sông bị che khuất bởi từng đống gạch, gỗ, đá, thùng, giỏ, cần xé... Chiếc xe lửa cổ lỗ vẫn chầm chậm lăn bánh, chạy tới lui từ Cột cờ Thủ Ngữ đến Công trường Mê Linh, chuyên chở vật liệu nặng như đá, ván gỗ, thùng xăng dầu, v.v.

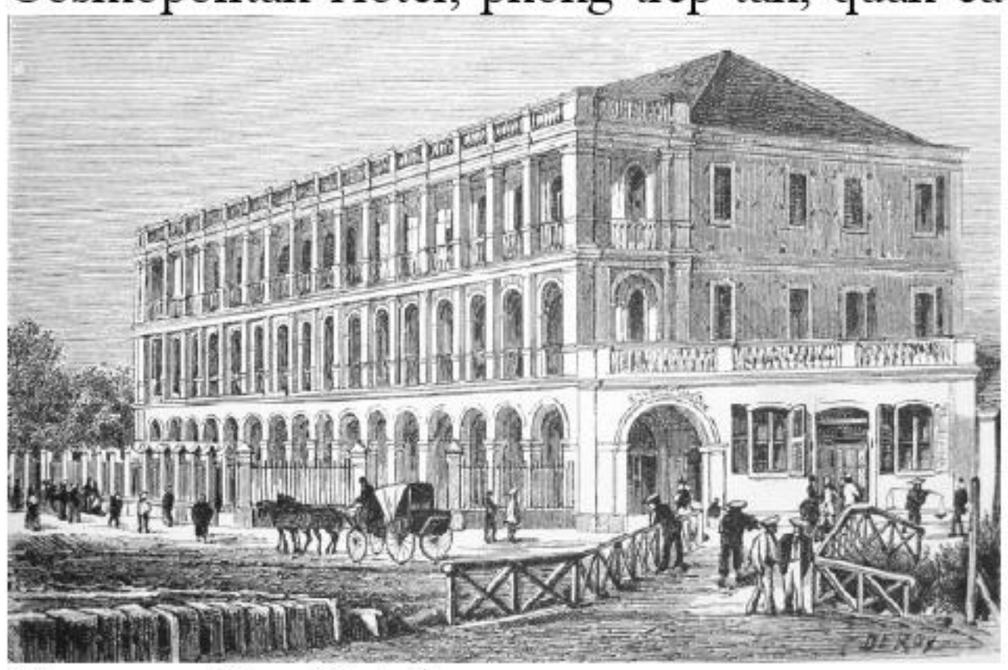
Nha Thương Cảng

Từ Cột cờ Thủ Ngữ, tòa nhà quan trọng ta thấy trước tiên là Trụ sở Nha Thương Cảng, ở góc trái Đại lộ Canton (Hàm Nghi). Lúc nơi này hãy còn là khu chợ náo nhiệt bên sông, Nha Thương Cảng chỉ là ngôi nhà nhỏ sơ sài. Sau được xây lại thành nhà ba tầng, làm nơi cư trú và văn phòng của giám đốc Thương Cảng và nhân viên Nha Bưu điện. Hai bên cổng vào phía bờ sông được trang trí hai khẩu đại bác đời xưa. Mặt tiền phía Đại lộ Hàm Nghi có Nhà Bưu điện. Vài giờ sau khi tàu thư cập bến, nhiều người đổ xô đến Bưu điện này để tìm thư từ, công văn. Tại đây cũng có phòng gửi điện tín dành cho tư nhân, thành lập sau khi mở văn phòng điện tín đầu tiên tại Công trường Đồng Hồ (cuối Đường Catinat, trước nhà thờ). Theo cụ Trương Vĩnh Ký, ở vị trí Nha Thương Cảng xưa kia có một đồn lính và một dinh thất dành cho các vị công phái từ Huế vào. Các chúa nhà Nguyễn như Duệ Tông (Nguyễn Phúc Thuần), Mục Vương (Nguyễn Phúc Dương) và Nguyễn Phúc Ánh đã có lúc đến đây lánh nạn trong thời nội chiến.

Ga xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho nằm giữa trục Đại lộ Canton (Hàm Nghi), ở khoảng phía trước Nhà Bưu điện, cách bờ sông vài mươi mét. Xa hơn một chút, phía lề bên trái, có Ga xe lửa Sài Gòn - Chợ Lớn chạy ngã Đường Trên (qua Ga Chợ Đũi).

Nha Thương chánh

Nha Thương chánh (Quan thuế và Công quản nha phiến) đặt tại tòa nhà nằm giữa hai đầu Đại lộ Canton (Hàm Nghi) và Charner (Nguyễn Huệ). Vào khoảng năm 1866, trên lô đất nằm giữa Rạch Cầu Sấu và Kinh Chợ Vải, ông Hoành Thái cho xây ngôi nhà khá giống và có cùng kích thước với ngôi nhà hiện nay, gồm ba tầng, theo mẫu các kiến trúc đang thịnh hành tại Singapore, có hàng hiên và cột phía mặt tiền, hành lang trên lầu. Tòa nhà được dùng làm khách sạn mang tên Cosmopolitan Hotel, phòng tiếp tân, quán cà



Cosmopolitan Hotel

phê và phòng chơi bi-da chiếm tầng trệt. Người đương thời cũng gọi khách sạn ấy là Maison Wang Tai, do từ tên của chủ nhân là

ông Hoành Thái, một thương gia Hoa Kiều có Pháp tịch, chuyên về xuất cảng gạo, nhập cảng thuốc phiện, sản xuất gạch, ngói, v.v. Vì là một khách sạn to nên chính quyền Pháp thuê lại nhiều phòng dùng làm Tòa Thị chính, Tòa án Thương mại, Nha Thuế gián thâu, Ty Cảnh sát Trung ương, Phòng Cảnh sát mật vụ. Câu lạc bộ Liên Hiệp (Cercle de l'Union) cũng đặt trụ sở tại đây.

Câu lạc bộ Liên Hiệp quy tụ đa số thành viên là công chức, sĩ quan hải quân, chỉ có vài sĩ quan thủy quân lục chiến và một ít thương gia (Các thương gia có riêng Câu lạc bộ Thương mại, ít quan trọng hơn, đặt tại một quán cà phê đầu Đường Catinat). Gần như tất cả lầu một của tòa nhà Wang Tai, mặt hướng về Rạch Bến Nghé đều dành cho Câu lạc bộ Liên Hiệp. Lúc chiều hôm nhìn lên cửa sổ thấy đèn thắp sáng trưng, các thành viên tập họp trò chuyện, giải trí, hoặc vừa đi tới lui phì phà hút thuốc trên hành lang, đó là một trong những nơi trong thành phố còn nhiều người Âu tụ tập vào mỗi buổi tối.

Năm 1880, ông Hoành Thái bán Cosmopolitan Hotel lại cho nhà nước, tòa nhà đã quá cũ kỹ, đang có cơ sụp đổ. Chính quyền Thuộc địa đập bỏ đi vào cuối năm 1885, xây lại tòa nhà mới mà hiện nay ta còn thấy, hoàn thành vào năm 1887, theo họa đồ của Alfred Foulhoux, Giám đốc Sở Xây dựng Dân sự. Nhà cũng cao ba tầng, khang trang, đồ sộ, cách kiến trúc giản dị, các khung và các cửa đều giống nhau, nhưng ta để ý một chi tiết trang trí là những hoa thuốc phiện chạm nổi trên các đỉnh vòng cung chạy dọc theo hành lang ở mặt tiền của tầng trệt. Các văn phòng của Nha Thương chánh dọn đến đây vào năm 1887. Quan thuế là một trong những ngành quan trọng nhất Nam Kỳ, có đến ba, bốn trăm nhân viên người Pháp giúp việc và mang lại cho ngân quỹ phần lớn tiền thuế ở Thuộc địa.

Nha Thương chánh độc quyền sản xuất



Nha Thương Chánh

và bán thuốc phiện (Riêng nơi chế biến là "Sở nấu nha phiến" nằm trên Đường Nationale tức là Đường Hai Bà Trưng hiện nay). Thuốc phiện được bán tự do tại Nam Kỳ, lúc đầu mức thuế nhập cảng 10% được xem là quá ít nên chính quyền cho đấu thầu khai thác. Thương gia Ségassié cùng cộng sự viên Telesio đứng ra lãnh thầu. Nhưng ít lâu sau họ bị lỗ lã, không thể tôn trọng hợp đồng nên dịch vụ thầu cung cấp thuốc phiện lại sang tay Công ty Bane Hap (Vạn Hiệp) của một Hoa Kiều. Kể từ năm 1883 trở đi, Công quản nha phiến (Régie d'opium) nắm hết quyền kinh doanh á phiện. Ngoài ra Nha Thương chánh đảm trách cả việc thâu thuế rượu nhập cảng cũng như rượu sản xuất trong nước, thâu thuế xuất cảng thóc gạo, cai quản cả kho dầu lửa. Để kiểm soát hàng hóa lưu thông, Nha Thương chánh có một đội sà-lúp và ghe chạy trên sông hoặc dọc bờ biển, có thể đi tuần tiễu đến một nơi xa xôi như Vịnh Xiêm La.

Qua khỏi Nha Thương chánh, đến ngay đầu Đại lộ Charner (Nguyễn Huệ), từ chỗ ta đứng không xa lắm, nhìn về bên trái thấy mấy nóc nhà lồng chợ nhô cao trên dãy phố. Bên cạnh chợ có ga nhỏ xuất phát hai đường xe lửa, một đi Chợ Lớn ngã bờ Rạch Bến Nghé, một đi Gò Vấp theo ngã Bến Tàu và Đa kao. Phía xa ở cuối đại lộ là Tòa Thị chính.

TÌM LẠI NGÀY THÁNG CŨ

Ngày tháng cũ đâu rồi ?
Tìm đâu hạnh phúc tôi !
Bao mùa trăng tròn khuyết ,
Bao vì sao đổi ngôi !

Kỷ niệm quá xa xôi
Tuổi trẻ buồn đi mất
Tóc xanh giờ đã bạc
Hai đứa còn hai nơi .

Con đường cũ đâu rồi ?
Thành phố bềnh bồng trôi
Đèn đêm soi chiếc bóng
Góc phố buồn lẻ loi .

Ngày Xuân đi biền biệt
Tôi tìm không thấy Em
Mùa Thu tàn lá biếc
Nồng nàn thương nhớ thêm.

Vỉa hè thành phố cũ
Nhà cổ mái xanh rêu
Đêm về quen lối ngõ
Gọi thầm người tôi yêu.

Người xưa vẫn còn đó
Giáp mặt rồi ăn năn
Vầng trăng xưa đã vỡ
Dấu cũ vẫn in hằn .

Hoàng Song Liêm
(Virginia)

Quán cà phê và khách sạn

Từ đầu Đại lộ Charner ta bước sang đoạn bờ sông kéo dài đến đầu Đường Catinat. Mãi đến cuối thế kỷ XIX, dãy phố không cao quá hai tầng này vẫn mang dáng dấp của một vỉa hè thanh lịch ở phương trời Âu. Quãng đường dài chừng một trăm mét, có lúc chỉ thấy quán cà phê, quán rượu, nhà hàng, khách sạn, trong lẫn ngoài bày biện và trang trí theo kiểu phương Tây, bảng hiệu gợi hình ảnh những chốn phồn hoa như Europe, France, Paris, Marseille. Có nơi, chiêu đãi viên hay bà chủ là các cô đào đã giải nghệ, trước kia trình diễn trong gánh hát hay đoàn ca nhạc từ Pháp đến lưu diễn tại Sài Gòn. Khi tân trang khu phố này người ta đành đoạn phá bỏ một ngôi chùa còn sót lại từ thời cựu trào.

Khoảng năm 1870, một đội quân phòng vệ Thương Cảng còn trú đóng trên bờ sông, có cầu tàu riêng gần đầu Đường Catinat, sau được dời vào ngôi nhà mà ta vẫn thấy vào thập niên 1920, cách Đại lộ Charner mấy căn, gọi là « Bót Cảnh sát Thương khẩu ».

Một trong những quán cà phê xưa nhất Sài Gòn là Café de Paris ở góc bên phải đầu Đường Catinat nhìn từ bờ sông, cũng là nơi hội họp của Câu lạc bộ Thương mại. Vào năm 1864, sứ bộ Phan Thanh Giản sau chuyến đi sang Pháp thương thuyết chuộc ba tỉnh miền Đông, trên đường về Huế, đã ghé qua Sài Gòn. Cụ Phan thân hành cùng hai vị đồng liêu đến quán cà phê này thăm xã giao các sĩ quan cao cấp người Pháp.

Sang đầu thế kỷ XX, các quán cà phê trở nên hiếm dần, tập trung sang các khu phố khác như Catinat, Charner, nhường chỗ cho các nhà buôn xuất nhập cảng. Góc phố bên trái đầu Đường Catinat có tòa nhà hai tầng, trụ sở Công ty Xuất nhập cảng Weil-Womrser, sau đó Công ty Stoll kế nghiệp trước khi trở thành Nam Việt Khách Lâu (Hôtel d'Annam). Đến năm 1925, ngôi nhà

đổi lốt hoàn toàn, trở thành Khách sạn Majestic.

Khách sạn Majestic tuy xây theo kiểu thuộc địa nhưng mang dáng dấp xa hoa lộng lẫy của những khách sạn ven biển miền Nam nước Pháp. Tòa nhà gồm bốn tầng lầu, có gắn thang máy, phòng ốc tuyệt đẹp, tiện nghi. Trên sân thượng có vườn cảnh, tuy không trồng nhiều hoa thơm cỏ lạ, nhưng vào những chiều mát, ngồi trên ấy uống mấy cốc rượu khai vị, ngắm cảnh sông và ruộng đồng phía xa cũng đủ hưởng cái thú tuyệt vời. Năm 1948, khách sạn thuộc về Công ty Du lịch và Triển lãm Đông Dương, phần bên trong được trùng tu lại. Năm 1951, ông Mathieu Franchini, cũng là chủ nhân Khách sạn Continental, đứng quản lý Khách sạn Majestic. Mặt tiền được sửa lại giản dị hơn trước, vườn cảnh trên sân thượng cũ hoàn toàn biến thành một tầng mới. Từ năm 1965 đến 1975, khách sạn mang tên Hoàn Mỹ và được quản trị bởi Nha Quốc gia Du lịch.

Tại góc phố đối diện với Khách sạn Majestic, vào đầu thế kỷ XX có tòa nhà ba tầng là Hotel de la Rotonde. Khách sạn này trước kia là quán cà phê cùng tên, do Joseph Hubert sáng lập năm 1875. Ông này là một thương gia tài giỏi nhưng có tính tự hào một cách ngây ngô, làm trò đùa cho các đồng hương. Đến năm 1900, Grilhon làm quản lý, biến quán cà phê thành khách sạn. Hãng tàu biển Chargeurs Réunis mướn phòng trên lầu một dùng làm trụ sở. Ông Brignon kế nghiệp vào năm 1918, đến 1922 sang lại cho Mauthausen, khách sạn được trùng tu, có 35 phòng trên lầu, nhà hàng ở tầng trệt. Bên ngoài mặt tiền hướng bờ sông được bố trí thêm quán cà phê có mái che. Vào khoảng thập niên 1950, khách sạn nhường chỗ cho Công ty Denis Frères. Từ lâu công ty này trú đóng sát bên cạnh, tại góc Catinat và Vannier (Ngô Đức Kế) trên dãy nhà cùng lề đường. Khi khuếch trương cơ sở, các văn phòng của Hãng Denis Frères chiếm hết tòa nhà cũ của Khách sạn La Rotonde. Chúng ta còn dịp nhắc lại công ty này trong lần trở lại thăm Đường Catinat.



Khách sạn La Rotonde

Từ đầu Đường Catinat nhìn thẳng ra bờ sông ta thấy thạch trụ vuông bằng đá, cao khoảng 5 m, đặt trên bệ, đứng giữa bãi cỏ, do các thương gia Pháp tại Sài Gòn xây lên để tưởng niệm Hải quân Đại úy Lamaille chết vào khoảng năm 1862, đang lúc thừa hành chức Chủ sự Phòng Dân chính Sự vụ. Phía ngoài sông gần đấy có cầu tàu của Bến đò Thủ Thiêm (khác với bến đò ngày nay bên cạnh Công trường Mê Linh). Theo cụ Trương Vĩnh Ký, khi xưa nơi đây là Bến Ngự , có Thủy Các (nhà cảnh của vua xây trên sông) và Lương Tạ (nơi vua tắm), xây trên bè tre.

Hãng tàu Lục Tỉnh

Dãy nhà nhiều căn liên tiếp bên cạnh Khách sạn La Rotonde chính là Hãng Vận tải đường sông (Messageries Fluviales) hay Hãng tàu Lục Tỉnh. Dân ta gọi chỗ bờ sông này là Bến Nam Vang hay Bến tàu Lục Tỉnh. Nơi đây suốt mấy thập niên tàu cặp bến đón đưa hành khách, hàng hóa, gia súc, thư tín, bưu phẩm, từ Sài Gòn đi khắp các thị trấn của Nam Kỳ, đi Nam Vang, hoặc chở du khách lên tận Biển Hồ viếng Đế Thiên Đế Thích, hay ngược Sông Mê Kông tới biên giới nước

Lào ngắm thác Khone. Sau này công ty mở cả đường biển đi Bangkok có ghé qua Côn Đảo.

Vào khoảng năm 1870, Roustan và Salenave khai trương ngành vận tải đường sông, đảm nhiệm việc chuyên chở qua các châu thành trên lộ trình Sài Gòn - Nam Vang. Ngay sau đó anh em Roque hợp tác với Larrieu lập Hãng Vận tải bằng tàu chạy hơi nước tại Nam Kỳ (Messageries à Vapeur de Cochinchine). Năm 1881, việc kinh doanh sang tay Rueff, đổi thành Hãng Vận tải đường sông tại Nam Kỳ (Messageries Fluviales de Cochinchine). Công ty này được nhà nước trợ cấp tài chính và được độc quyền khai thác dịch vụ bưu điện.

Tòa nhà Hãng tàu Lục Tỉnh, được xây lại vào năm 1890. Phần giữa cao ba tầng, chứa các văn phòng, có hai ban-công trên mặt tiền. Bên trái là kho hàng, kho than. Bên phải có cổng rào sắt đi vào sân trong của xưởng đóng và sửa chữa tàu, xưởng đúc. Từ khi thành lập hãng này còn được nhà cầm quyền cho phép dùng bờ sông làm nơi chất vựa củi và dựng nhà đóng sườn tàu, sửa chửa vỏ tàu, vì thế phía bờ sông thường ngày đã khá bề bộn, khi xúp-lê thổi báo hiệu tàu đến hoặc sắp nhổ neo lại càng lao xao, nhộn nhịp.



Hãng tàu Lục Tỉnh

Vào thời ấy, đi sà-lúp về Lục Tỉnh vừa thuận tiện vừa được hưởng thú ngắm cảnh sông nước, bến bờ. Tuy nhiên, mặc dù hãng tàu làm giàu nhanh chóng, ban giám đốc không màn việc canh tân thuyền bè, dụng cụ, không cải thiện điều kiện ẩm thực, vệ sinh và các tiện nghi tối thiểu dành cho khách. Tàu lúc nào cũng chạy chậm, ban đêm ánh đèn lù mù không đủ sáng để đọc sách, ca-bin làm phòng ngủ đặt cạnh nơi nhốt ngựa, bò, lồng gà vịt, v.v. khiến hành khách cảm thấy bị khinh thường, lừa gạt.

Cuối thập niên 1930, hãng lấy tên là Công ty Thủy vận Sài Gòn (Compagnie Saïgonnaise de Navigation et de Transport), nhưng trên thực tế chuyển hướng làm công ty tổng hợp, đầu tư vào nhiều ngành khác như trồng trọt và chế biến cao-su, ngân hàng tín dụng, sở công chánh và điện lực, thương xá, trại cưa máy, hãng thuốc lá, v.v. Vì thế ngành vận tải trên sông ngòi lặng lẽ biến mất vào lúc đường bộ ngày càng phát triển và xe hơi ngày càng nhiều. Khoảng cuối thập niên 1940, tòa nhà là trụ sở Công ty Vận tải Hàng không Đông Dương (Société Indochinoise de Transports Aériens). Còn cơ xưởng bên cạnh thì thuộc về hãng đóng và sửa chữa tàu CARIC. Đến năm 1951, Quốc trưởng Bảo Đại khánh thành Hãng Air Viet Nam, trụ sở cũng đặt tại địa chỉ này.

Chúng ta tiếp bước, đến ngang tòa nhà dài, cao hai tầng, một đầu quay ra Công trường Một Hình (Công trường Mê Linh), đó là Bót Cảnh sát Quận I (Sở Tuần thành) và tư thất của cảnh sát trưởng. Tòa nhà này đã có mặt vào những năm 1890. Sau 1954, đổi là Cảnh sát cuộc Quận I, đến thời hiện đại là Tòa Hành chánh Quận I, và bên cạnh là Cuộc Cảnh sát Quốc gia Bạch Đằng. Nhìn qua bên kia đường phía bờ sông, ta thấy Ga xe lửa Sài Gòn Chợ Lớn, xây năm 1891. Từ ga này xe lửa chạy dọc Bến Tàu, đi ngang Cột cờ Thủ Ngữ rồi thẳng đường vào Chợ Lớn qua ngã Cầu Ông Lãnh. Năm 1895, khi ga dời về Đại lộ Charner bên cạnh chợ, thì đường sắt được nối dài tới Bà Chiểu và Gò Vấp. Gần địa

điểm này, phía bờ sông có cầu tàu của Bến đò máy Thủ Thiêm, dời từ đầu Đường Catinat đến đây vào năm 1905, còn hoạt động đến đầu thế kỷ XXI.

Đường bờ sông chúng ta vừa đi qua đã đổi tên nhiều lần. Lúc chưa có tên chính thức, người Pháp gọi tạm là Quai du fleuve (Bến ven sông). Sau đó đặt các tên theo thứ tự: Donnai, Napoléon, Commerce, Francis Garnier, Le Myre de Vilers. Đến thời độc lập là một phần của Bến Bạch Đằng.

CÔNG TRƯỜNG MÊ LINH NGÀY XƯA

Khu Một Hình trước kia thuộc vùng đất bằng phẳng không có kinh rạch nào chảy qua nên được chọn làm nơi xây công trường hình bán nguyệt, đặt tên là Rond-Point. Vào thời Gia Long, từ nơi đây đã có con đường lớn dẫn tới Thành Bát Quái. Pháp cho đắp đường này lại và đặt tên là Impériale (nay là Hai Bà Trưng). Sau đó mở thêm bốn đường nhỏ tỏa ra, tuy ngắn nhưng vừa tầm với khuôn khổ đô thị lúc bấy giờ, ngày nay là các đường: Ngô Đức Kế, Hồ Huân Nghiệp, Phan Văn Đạt, Thi Sách. Công trường lúc mới thành hình chỉ là công viên trồng những khóm cây thấp trên ba bồn cỏ xếp thành vòng cung. Đến năm 1879, trong khung cảnh cây cao bóng mát có đường vòng quanh cho ngựa xe đi lại, ngay chính giữa dựng tượng Rigault de Genouilly, vì thế dân ta gọi là "Một Hình". Khoảng năm 1900 công trường bắt đầu mang tên của đô đốc này. Đến 1955 đổi tên mới là Mê Linh.

Pho tượng đồng của Rigault de Genouilly đặt trên một bệ cao bằng đá xanh, bao quanh có rào sắt. Bức tượng do nhà điêu khắc Alexandre Victor Lequien thực hiện, đầu trần, mặc quân phục đô đốc, tay phải chỉ xuống đất, tay trái vịn đốc kiếm, sau lưng là những biểu tượng của hải quân như bản đồ, mỏ neo, xích sắt, khẩu đại bác... Hai mặt bên của bệ có những tấm bảng đồng chạm cảnh hạm đội Pháp đến Vũng Tàu và cảnh quân Pháp đánh chiếm Thành Sài Gòn.

Một số đài kỷ niệm ở nơi khác trong thành phố được dời về đặt tại công trường này. Trước tiên là Đài kỷ niệm Lamaille, được di chuyển từ bờ sông tại đầu Đường Catinat, mang về dựng lại trên bãi cỏ phía đầu Đường Yokohama (Phan Văn Đạt), sau lưng tượng đô đốc.

Tiếp đến là Đài kỷ niệm Doudart de Lagrée, dời từ Đại lộ Bonard, để nhường đất xây Nhà hát Tây, mang về đặt giữa bãi cỏ đối diện Đường Vannier (Ngô Đức Kế). Đài nầy là một trụ tháp vuông bằng đá đứng trên đế rộng, xây lên để tưởng niệm viên Hải quân Trung tá cầm đầu phái đoàn thám hiểm Sông Mê Kông, mất năm 1868 tại Đông Xuyên, Tỉnh Vân Nam. Hàng rào bao quanh là 12 khẩu thần công dựng ngược, cắm mũi vào nền xi-măng và nối nhau bằng dây xích. Đây là những khẩu pháo bảo vệ Thành Gia Định, đều mang niên hiệu Gia Long thứ 16 (1817).

Từ bờ sông nhìn vào, chúng ta thử nhận diện vài tòa nhà bao quanh công trường này vào những năm 1905 đến 1910. Bắt đầu từ phía bên trái cạnh đường bờ sông, ta thấy tòa nhà hai tầng, mặt tiền có hàng cột và dãy cuốn đều đặn, đấy là Bót Cảnh sát Quận I mà ta vừa nhắc đến trong phần trước.

Kế tiếp là cụm Nhà hàng, Khách sạn Univers, nằm giữa hai Đường Vannier (Ngô Đức Kế) và Turc (Hồ Huân Nghiệp). Mặt trước và cửa chính của khách sạn này ở phía bên Đường Turc, mặt sau ở phía Đường Vannier, cho nên từ phía công trường chúng ta chỉ thấy nhà phụ và sân bên cạnh.

Tiếp theo về phía bên tay phải, nằm giữa hai Đường Turc và Doudard de Lagrée (trước là Đường Yokohama, nay là Phan Văn Đạt), Phòng Thương mại nổi bật màu vôi trắng, nhiều cửa rộng, bên trong có các bảng yết thị. Phòng họp của 12 vị cố vấn thương mại (gồm

10 người Pháp và hai người Việt có quốc tịch Pháp) chính là nơi vào các năm 1882 đến 1884 tạm dùng trình diễn âm nhạc, ca kịch trong lúc chờ đợi hí viện do Berger xây xong ở góc Catinat - Bonard (Chỗ Khách sạn Caravelle). Đến thập niên 1920, Phòng Thương mại dời về bên Rạch Bến Nghé, tức là tòa nhà Thượng Nghị viện sau này.

Góc bên kia Đường Doudard de Lagrée là nhà buôn yên cương, xe ngựa, đóng móng ngựa của Ducatel, sau đổi chủ khác là Hardy. Vào thời xe hơi còn hiếm, nhà buôn này quan trọng như một garage lớn ngày nay. Kề bên cạnh là quán cà phê lấp lánh cửa kính của Hotel de la Marine, mở rộng qua đến Đường Paul Blanchy (Hai Bà Trưng).

Ngôi nhà nằm giữa hai Đường Paul Blanchy và Cornulier-Lucinière (Thi Sách) là mặt bên kho hàng của hãng Denis Frères, sau này thuộc về Hãng Bia và Nước đá B.G. I.

Góc còn lại ở bên phải giáp với đường bờ sông là Công xưởng của Lực lượng Phòng thủ lưu động và Nha Quân Cảng. Đến năm 1906 xây lên tòa nhà mới 3 tầng là cánh trái của Trại lính Hải quân, cổng hướng ra sông.

Tượng Rigault de Genouilly đã bị tháo bỏ vào những ngày đảo chánh 1945, nhiều năm sau còn sót lại cái đế với vành hoa nguyệt quế bằng đồng.

Năm 1962, tượng Hai Bà Trưng được khánh thành, tác phẩm của Điêu khắc gia Nguyễn Văn Thế. Được đặt trên bệ ba chân, bên hồ nước vòng cung, tượng hai vị nữ anh hùng cùng nắm tay, đứng đâu lưng nhau, một bà đưa tay trái che mắt dõi nhìn phương trời hướng Đông, một bà quay về hướng Tây, tay phải sắp tuốt gươm. Nhưng an vị chưa được hai năm, sau ngày Cách Mạng 1-11-1963 tượng bị dân chúng kéo đổ vì phảng phất bóng dáng bà Ngô Đình Nhu và con gái.

Đến năm 1967, công trường Mê Linh nghênh đón pho tượng vị Thánh tổ Hải quân, do Nhà điêu khắc Phạm Thông sáng tác, đặt trên bệ cũ sửa lại thành dạng lăng trụ. Đức Trần Hưng Đạo cổ võ ba quân trong dáng đứng hào hùng, tay trái cầm gươm, tay phải chỉ xuống dòng sông, thề không trở lại nếu chưa phá tan quân Nguyên.



Công Trường Mê Linh

QUÂN CẢNG

Chúng ta bước vào Quân Cảng, đoạn đường trên bến dài gần 600 m, từ Công trường Một Hình đến Hải quân Công xưởng. Ngày xưa có ít nhất ba rạch nước cắt ngang bờ sông nơi đây. Lúc mới thành hình, bến mang tên Primauguet, từ 1920 đổi thành Argonne, đến 1955 là một phần của Bến Bạch Đằng. Từng bãi cỏ xanh tiếp nối nhau phủ trên lề, bóng mát hai hàng cây che rạp con đường đã làm dịu bớt vẻ uy nghi của khu vực quân sự này.

Trước tiên chúng ta gặp Trại lính Hải quân, hai tòa nhà màu trắng đồ sộ, xây xong vào năm 1908. Các đầu cột sát mái nhà được trang trí bằng huy hiệu mỏ neo. Tòa nhà bên trái cao ba tầng, có cửa mở ra phía công trường Một Hình. Tòa nhà chính cao bốn tầng, phía trước có rào song sắt và trạm gác đặt hai bên cổng vào. Những năm mới chiếm Sài Gòn, Pháp đã biến nơi này thành Nha Giám đốc Quân Cảng, lúc đó chỉ mới xây những dãy lán trại, có cả công xưởng, nhà kho, còn vị tư lệnh cư trú trên soái hạm đậu ngoài sông. Trại lính

về sau mang tên Francis Garnier cho đến ngày bàn giao lại cho Quân đội Quốc gia, mang tên mới là Bạch Đằng, cũng là nơi đặt Bộ Tư lệnh Hải quân Việt Nam.

Bên cạnh trại lính, trên khoảnh đất rộng đến Đường Pasteur (trước đây là Đường Hôpital, nay là Đường Đồn Đất), thấp thoáng Dinh Tư lệnh Hải quân, ngôi nhà xinh xắn, hai tầng, gồm tư thất của chỉ huy trưởng và các văn phòng trực thuộc. Bên trong hàng rào song sắt, tòa nhà nằm cuối thửa vườn sum suê, dưới cây to tán rộng, thân phủ đầy dây leo. Trong khuôn viên có chòi bát giác, nơi ban nhạc hòa tấu vào những dịp tiếp tân hay dạ vũ. Bốn khẩu đại bác cổ xưa trang trí hai bên bậc thang dẫn lên thềm nhà và hai khẩu khác dựng bên cổng ra vào. Xưa trong sân còn trưng bày cả tượng hình nhân tháo gỡ từ mũi các tàu chiến cũ. Vài mươi năm sau tòa nhà này trở thành dinh của các vị Thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa.



Đường Bờ Sông, Bến Bạch Đằng.

Từ Đường Pasteur đến Đại lộ Luro (Cường Để) ta có thể kể: Sở Quân lương, Trại Pháo binh và bãi kho than.

Sở Quân lương gồm các văn phòng và các kho hàng chất đầy thùng gỗ, bao tải chứa thực phẩm, thùng tôn-nô đựng rượu. Có cả lò bánh mì và lò sát sinh.

Cạnh Sở Quân lương là Trại Pháo binh, từ bờ sông nhìn vào ta thấy các xưởng, các kho và bãi chứa vật liệu, bãi súng trọng pháo. Khu phía sau ăn sâu qua đến Đường Espagne (Lê Thánh Tôn) là trại của các binh sĩ và dinh của Tư lệnh Pháo binh.

Kề bên Trại Pháo binh là bãi chứa than đá, tiếp giáp với Đại lộ Luro.

Địa thế của khu vực nằm giữa Đường Pasteur và Đại lộ Luro đã thay đổi nhiều từ khi lấp Kinh Cây Cám chảy ngang qua đây. Vào khoảng năm 1865, tại chỗ cổng vào Sở Quân lương, Kinh Cây Cám từ Sông Sài Gòn chảy vào, đi xuyên qua khu Trại Pháo Binh (Đường Lê Thánh Tôn) lên tới Kinh Gallimard (Đại lộ Lê Lợi) rồi thông qua một con kinh khác chảy trở lại vào Sông Sài Gòn ở vị trí của Đường Primauguet (Con đường xuất hiện sau này, ngăn cách Trại Pháo binh và bãi chứa than, nay là Đường Thủy Binh). Xuyên qua Hải quân Công xưởng, cũng có một kinh đào thẳng tắp từ khúc quanh của Kinh Cây Cám nối với Rạch Thị Nghè. Như thế Kinh Cây Cám có hai đầu thông ra Sông Sài Gòn, thuận tiện cho việc chuyên chở quân lương, khí giới, đạn dược vào các trại lính và đưa vật liệu, dụng cụ vô tới trung tâm Hải quân Công xưởng.

Vì chúng ta đang ở tại Quân Cảng, nhìn ra sông lúc nào cũng thấy đủ loại tàu chiến lớn nhỏ cập gần nhau bên các cầu tàu, nối đuôi nhau vào tận bến của Hải quân Công xưởng. Trên tàu cờ hiệu treo từng chuỗi bay phất phơ càng làm cho Quân Cảng thêm vẻ sinh động.

Vào thời kỳ chỉ huy trưởng chưa có dinh thất và thủy thủ chưa có trại lính, họ sống chen chúc trên chiến hạm cũ được sửa chữa lại, thả neo thường trực tại chỗ như một cầu tàu nổi, lườn tàu lún chặt trong bùn, cửa sổ bên sườn tàu dùng làm cửa ra vào có cầu nối tới bờ. Trên tàu vũ khí bị tháo gỡ, cột buồm bị hạ, boong cao nhất lợp mái lá che phủ. Khi xây xong lán trại trên bờ cho binh sĩ thì chỗ

trống trên tàu biến thành bệnh xá. Tương tự trường hợp vừa nói, ta có thể nhắc đến chiến hạm *Duperré*. Chiếc soái hạm ba cột buồm này đến Sài Gòn vào khoảng cuối năm 1861 cùng lúc với Đề đốc Bonard. Nếu không dự chuyến hải hành nào, chiến hạm này đậu tại cầu tàu trước Nha Giám đốc Quân Cảng.

Ngày 27-5-1862, các sứ thần của triều đình Huế là Phan Thanh Giản, Lâm Duy Hiệp được Đề đốc Bonard đại diện Pháp, Trung tá Palanca y Gutierrez đại diện nước Tây Ban Nha, tiếp kiến trên tàu *Duperré,* cùng trao đổi ủy nhiệm thư giữa Hoàng đế Pháp, Nữ Hoàng Tây Ban Nha và vua Tự Đức. Về phía Pháp có đại diện các binh chủng đứng dàn chào, có đại bác bắn chào mừng. Cuộc hội kiến này chuẩn bị cho việc ký kết hòa ước vào mười ngày sau đó, 5 tháng 6, tại Trường Thi (Khu Tổng hội Sinh viên và Sài Thành Quần vợt, góc Duy Tân - Hồng Thập Tự - Hai Bà Trưng), triều đình Huế nhường ba tỉnh miền Đông cho Pháp.

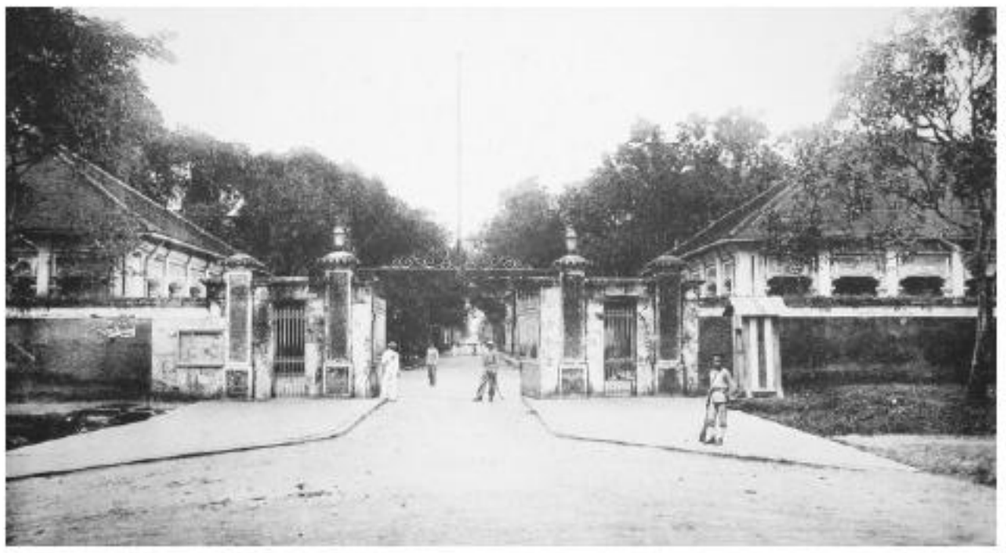
Đến tháng 8 cùng năm, Bonard ra sắc lệnh: mỗi ngày vào đúng 12 giờ trưa, tàu *Duperré* bắn một phát đại bác báo hiệu. Chánh sở Điện tín theo đó điều chỉnh giờ cho tất cả các trạm trên toàn vùng Pháp chiếm đóng.

Vào năm 1865 tàu đã quá cũ kỹ, biến thành trại lính nổi cho thủy thủ cư trú, hằng ngày họ rời tàu lên bờ đi đào, xới, cuốc đất để xây dựng Quân Cảng và Hải quân Công xưởng. Những thủy thủ chờ được bổ nhiệm cũng đến đây cư ngụ. Năm 1870, tàu *Duperré* thành vật phế thải, bị phá hủy sau 57 năm đi tung hoành khắp bốn bể.

Kết thúc chuyến thăm Quân Cảng, chúng ta không quên Đường Xe lửa Gò Vấp. Xe lửa khởi hành từ nhà ga bên cạnh chợ, trên Đại lộ Charner, đến bờ sông quẹo trái, chạy trên lề phía ngoài dọc Bến Tàu, vượt qua Công trường Một Hình, đến khoảng Trại lính Hải quân thì băng qua mặt đường, theo lề phía trong, tới cuối bến quẹo trái vào Đại lộ Luro về hướng Đa Kao.

HẢI QUÂN CÔNG XƯỞNG

Hải quân Công xưởng là xưởng cơ khí đứng hàng đầu các cơ sở kỹ nghệ thuộc địa, nơi đông người làm việc nhất, chiếm hơn một phần ba chiều dài bờ sông từ Rạch Bến Nghé đến Rạch Thị Nghè. Thành lập vào năm 1863, trên khu đất rộng 22 héc-ta thuộc Làng Hòa Mỹ, giới hạn bởi Rạch Thị Nghè, Sông Sài Gòn, Đại lộ Citadelle (Cường Để), Đường Sainte Enfance (Lê Thánh Tôn và Sở Thú). Pháp gọi cơ quan quân sự này là Arsenal, dân ta gọi là Xưởng Ba Son. Theo Gia Định Thành Thông chí, vào thời Chúa Nguyễn Ánh chống lại Tây Sơn nơi đây đã có Xưởng Thủy đóng ghe thuyền và chế tạo vũ khí dành cho thủy chiến. Xưởng ấy dài tới 3 dặm (khoảng 1,7 cây số), nằm dọc theo bờ Sông Sài Gòn quanh qua Rạch Thị Nghè, nghĩa là to hơn Hải quân Công xưởng ngày nay nhiều.



Hải quân Công xưởng.

Khi bắt tay vào xây dựng Công xưởng, việc phải làm trước nhất là đắp đất cho vững và cao ráo, khai hoang những lùm bụi rậm rạp. Trước đây mỗi khi nước lớn nhiều chỗ ngập lênh láng như ao hồ, đến lúc nước ròng, sình lầy ứ đọng lại. Vì vậy muốn biến vùng này thành một địa thế hoàn hảo thì phải tốn rất nhiều sức lực. Chính người dân nghèo, lao

động bản xứ bị trưng tập để làm việc nặng nhọc ấy.

Vào năm 1864 ta chỉ thấy vài lán hay nhà kho tạm thời, đủ nhận ra cách bố trí và ranh giới của Công xưởng. Từ phía Đại lộ Citadelle, cổng lớn mở vào đường chính, song song bên cạnh có con kinh đào chảy dọc suốt chiều dài, đổ ra Rạch Thị Nghè. Nhờ kinh đào này, những khối gỗ to từ các vùng rừng Tây Ninh hoặc vùng đồi núi Miền Đông, kết thành bè theo sông rạch về đến đây, đưa thẳng vào Công xưởng để xẻ ra xây cất nhà kho, xưởng thợ. Các xưởng thợ chỉ là nhà gỗ lợp lá, sau được xây lại bằng vật liệu bền chắc hơn, nhưng còn nhỏ hẹp, chỉ cao rộng hơn khi Bộ Hải quân từ bên Pháp cung cấp trang bị, máy móc, dụng cụ, trong đó cần trục cao 8 m, búa chày nặng 2 tấn. Dưới sự giám sát của các đốc công người Pháp, hằng trăm thợ người Việt và Trung Hoa cần cù làm việc trong các xưởng chuyên về ngành đúc, tiện, nguội, hàn, rèn, mộc, may buồm, bện thừng chão, nung gạch ngói, v.v. Những lối đi rộng, rải đá, cắt thẳng góc nhau, nối liền các xưởng thợ. Dọc theo hàng rào cũng có đường dành cho toán quân canh phòng đi tuần tiểu.

Vai trò chính của Công xưởng là sửa chữa chiến hạm, nên Pháp đã mau chóng cho xây ụ tàu bằng cách biến đổi một lạch nước có sẵn bên trong khu vực. Ụ tàu đầu tiên này được khánh thành vào năm 1864, dài 72 m, rộng 24 m nơi ngang mặt đất, chứa được tàu có tầm nước không quá 4 m. Một ụ khác do Công ty Hersent hoàn thành vào năm 1888, dài 168 m, là một bể hình chữ nhật, vách thẳng đứng, có 3 tầng cầu thang dẫn xuống đáy, dành cho tàu lớn có tầm nước gần 9 m. Ngoài ra còn có ụ nhỏ dài chừng 30 m , dành cho tiểu pháo hạm có tầm nước 3 m. Ụ sửa tàu gọi bằng tiếng Pháp là bassin de radoub, có giả thuyết cho rằng dựa theo cách gọi đó dân ta đặt tên cho Công xưởng là Ba Son.

Những ụ sửa tàu kể trên là những ụ chìm vì có đáy nằm sâu dưới mặt đất, chỉ thích hợp cho tàu nhỏ trong giai đoạn đầu. Một giải pháp thuận tiện hơn nhưng đắt tiền là xây ụ nổi, loại bè sắt có hai vách bên, đủ sức chứa chiếc tàu to nhất thời đó. Đoạn Sông Sài Gòn chảy ngang Xưởng Ba Son là nơi thích hợp cho việc thiết lập ụ nổi vì nơi đây là vùng nước yên lặng. Tuy nhiên thủy triều và gió cũng gây ít nhiều khó khăn khi di chuyển và neo ở một chỗ cố định. Năm 1862, Đề đốc Bonard đặt mua chiếc ụ nổi bằng sắt do Công ty Randolph Elder tại Glasgow (Anh Quốc) chế tạo. Các mảnh sắt rời được chở tới Sài Gòn vào tháng 5 năm 1863, thợ Việt và Hoa cùng cai thợ Pháp lắp ráp xong, hạ thủy thành công vào tháng 5 năm 1866. Ụ nổi này dài 91 m , rộng 21 m trên đỉnh, rộng 13 m dưới đáy. Nhờ vậy Công xưởng có thể sửa chữa nhiều tàu lớn tại chỗ, ví dụ như chiến thuyền ba cột buồm *Sarthe* dài 82 m , không cần sang tận Hong Kong hay Bombay như trước kia.

Ngoài việc sửa chữa tàu chiến hoặc tàu buôn của tư nhân, Hải quân Công xưởng còn đóng các loại tàu khác như ngư lôi hạm, tàu vận tải. Các cơ quan chính quyền hoặc tư nhân cũng có thể đặt mua những máy móc, phụ tùng do Công xưởng chế tạo. Công xưởng cũng đảm trách cả việc xây dựng và bảo trì mọi kiến trúc trên bờ thuộc về Hải quân như: xưởng máy, nhà kho, nhà ở cho nhân viên, cầu tàu, đường sá, tòa nhà Nha Thương Cảng, bãi kho than, dinh Tư lệnh và các tòa nhà phụ v.v.

Năm 1956, Xưởng Ba Son được chuyển giao lại cho Hải quân Việt Nam, kết thúc 98 năm đặt dưới sự quản trị của Quân đội Thuộc địa Pháp.

(Còn tiếp)

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH

(Paris)



HƯ KHÔNG

Bồng bềnh ẩn hiện bóng ngư ông
Neo chiếc thuyền nan giữa bến sông
Rộn rã thả câu trong quạnh vắng
Lao xao buông lưới giữa mênh mông
Chập chờn cõi ảo mù sương bạc
Thấp thoáng bờ chân rạng ánh hồng
Muôn đợt sóng vàng loang nước biếc
Dập dồn khuất nẻo chốn hư không.

TÂM MINH NGÔ TẰNG GIAO
(Virginia)

Họa

CÕI KHÔNG

Ngất ngưởng chiều hôm một túy ông
Chòi tranh xơ xác phía đầu sông
Nhìn con sóng vỗ miền cô tịch
Ngỡ giọt châu tràn chốn muội mông
Mộng ảo nhân gian luồng khói trắng
Phù du thế sự áng mây hồng
Cheo leo ghềnh đá màn sương lấp
Đêm xuống chan hòa với cõi không.

NGUYỄN VÔ CÙNG
(Virginia)

Họa

TÂM KHÔNG

Cửa Thiền thanh thản dáng sư ông
Vui cảnh huy hoàng của núi sông
Dân tộc âu ca thời thịnh Việt
Giặc thù tan tác buổi bình Mông
Câu thơ ngan ngát non Yên Tử
Nền đạo bồi vun giống Lạc Hồng
Rừng trúc đêm nay xào xạc gió
Một trời lắng đọng giữa tâm không

NGUYỄN KINH BắC
(Pennsylvania)

Họa

ẢO KHÔNG

Nước Nhược non Bồng một lão ông
An vui bên suối chảy nguồn sông
Lều tranh ẩn dật miền hoang dã
Trang sách tri hành chốn quạnh mông
Luyện trí trên bờ rêu đá biếc
Thiền tâm dưới ánh thái dương hồng
Đêm thu thanh sáo bay vi vút
Trần thế tan nhòa lũng ảo không.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
(Virginia)

Họa

SẮC KHÔNG

Túp lều mây nước chỉ mình ông
Nằm cạnh bên bờ một nhánh sông
Gió thổi hoa lay miền vắng vẽ
Thuyền neo trăng lặn cõi minh mông
Câu kinh bài kệ xa trần thế
Tiếng mõ hồi chuông lánh bụi hồng
Thân xác mưa qua từng ảo ảnh
Cầu vồng bảy sắc sắc không không

PHAN KHÂM
(Maryland)

Họa

TỰ TẠI

Thăng trầm dấu ấn bạc râu ông
Vượt sóng thuyền câu viếng biển sông
Quỵ lụy công đường lo mỏi gối
Ngồi cầu tài lợi ngại chai mông
Mong ra đông hải nhìn trăng bạc
Ước đến bồng lai tắm nắng hồng
Tự tại ngao du trong thế cuộc
Nghe thơ Thiền đạo vọng thinh không.

LÝ HIỂU
(Virginia)

Họa

MỘT CÕI RIÊNG

Rũ áo tang bồng, ẩn phận ông
Đem niềm riêng gởi với non sông
Hồ trường nâng mãi còn đầy cốc
Ghế đá ngồi hoài lại chắc mông
Ám ảnh sương khuya che núi bạc
Mơ màng mây sớm vén trời hồng
Hồn thu yểu điệu về thay lá
Bàng bạc muôn chiều giữa sắc không.

HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT
(California)

TỤC NGỮ LÀ GÌ

Hải Bằng.HDB

Tục ngữ (proverbs) là những *lời nói* (không phải là những câu ca) của *người đời*, (thế tục) ngắn, gọn, và cũng có vần, nêu ra một *sự thật thông thường, một lời khuyên, một kinh nghiệm, hay một nguyên tắc về đạo đức, luân lý hay phong tục*: "***Của bền tại người***" (đồ vật bền hay không là do người sử dụng).

Tục ngữ cũng được phân ra thành nhiều loại như: **ngạn ngữ** (adage) là lời dạy khôn của người xưa; **thành ngữ** hay **đặc ngữ** (idiom) là những câu nói có nghĩa bóng của một cá nhân, một nhóm, hay một địa phương nào; **cách ngôn** (maxim) là lời nói giúp mở mang trí tuệ; **phương ngôn** (dialect) là lời nói của một địa phương (như thành ngữ); **ngụ ngôn** (fable) là lời nói có ngụ ý dạy bảo; **châm ngôn** (axiom) là lời nói nêu ra làm nguyên tắc; **danh ngôn** là lời nói của danh nhân.

Tục ngữ Việt cũng là một kho tàng văn chương đầy giá trị phản ánh trí tuệ sâu sắc, tế nhị, và nhân bản của dân tộc Việt. *Nghiên cứu những câu tục ngữ, người ta có thể hình dung được tình cảm và tính khôn ngoan của dân tộc đó như thế nào*.

Trong tập sưu tầm tục ngữ Việt của Linda C. Calvosa (PA) mang tựa đề là "Exploring Vietnamese Culture Through Proverbs" (gồm 225 câu tục ngữ), Calvosa nhận định:

Vietnamese proverbs provide a mirror of Vietnam's culture and mentality. They serve as a bridge between language and culture. Many contain moral lessons pertaining to conduct in life. They do not express a strong prejudice against race, color, and nationality. Most proverbs reflect the experiences of the common folk of Vietnam. Images fall into 2 groups – those from nature, and those from household life: countryside, ricefield, the moon, animals, birds, household occupations, and routines. ...

Tục ngữ Việt cung cấp một tấm gương phản chiếu văn hóa và tinh thần người Việt. Tục ngữ là một nhịp cầu giữa ngôn ngữ và văn hóa. Nhiều câu tục ngữ chứa đựng những bài học luân lý liên quan đến việc xử thế trong cuộc sống. Các câu tục ngữ không diễn tả một thành kiến mạnh mẽ chống chủng tộc, màu da, hay quốc tịch. Hầu hết tục ngữ phản ánh những kinh nghiệm của giới bình dân Việt Nam. Những hình ảnh chia làm hai nhóm: một nhóm nói về thiên nhiên, còn nhóm kia thì nói về cuộc sống trong gia đình: nhà quê, đồng ruộng, trăng, giống vật, chim muông, gia sự, và việc thường ngày. ...

*

Bàn về tục ngữ, tưởng cũng nên đề cập tới **Benjamin Franklin** vì ông ta là một nhân vật tận tụy suốt đời cho Mỹ quốc bằng cách thực hiện trọn vẹn các câu châm ngôn do ông biên soạn

BENJAMIN FRANKLIN (1706-1790):
MỘT NHÂN VẬT KỲ TÀI
(Tài liệu: *The Norton Anthology of American Literature*, 1998, p. 491)

Benjamin Franklin là một nhân vật kỳ tài bởi vì ông không tốt nghiệp ở một trường nào cả, nhưng nhờ đọc sách, sống có đạo đức và kỷ luật, ông trở thành một chính khách có tài, một nhà ngoại giao giỏi,

một nhà khoa học nổi tiếng, một nhà đấu tranh khôn khéo, và là một nhà binh cấp có bản lĩnh.

Ông may mắn sinh ra rất phùng thời và trở thành một ngôi sao sánh chói. Ông hoàn thành một sự nghiệp kỷ lục chỉ do *tính đam mê* và *đeo đuổi cuộc sống đúng với những tiêu chuẩn mà ông đã đề ra qua cả trăm câu châm ngôn* trong cuốn Poor Richard's Almanac (Niên Lịch của Chàng Richard Nghèo) bán ra cả chục ngàn cuốn mỗi năm trong suốt 25 năm liên tục.

Năm 47 tuổi, ông được Hội Khoa Học Hoàng Gia Anh trao tặng Huy Chương Vàng Copley; Vua Louis khen ngợi ông về những phát minh khoa học. Trường Đại Học Harvard và Yale tặng ông bằng Cử Nhân Danh Dự, …

Lúc qua đời năm 1790 tại Philadelphia. Ông được vinh danh là một trong sáu nhân vật hàng đầu của Mỹ quốc. Nhiều địa điểm mang tên ông kể cả trên các giấy bạc, tem thư, ttiền đồng. Quốc Hội Pháp để tang ông 3 ngày. Quốc Hội Hoa Kỳ chịu tang một tháng.

*

Ông sinh ra ở Boston, Mass. trong một gia đình nghèo nhưng đông tới 15 người con và ông là người con thứ 10.

Cha gốc ở Northamptonshire, Anh quốc, theo đạo Tin Lành, làm nghề nấu sáp và xà bông; sang định cư tại Boston năm 1682.

Benjamin phải bỏ học sớm để giúp việc cho cha, một công việc mà ông ghét và dọa bỏ đi ngoại quốc. Rồi ông học việc trong nhà in của anh ông. Nhờ đó, ông có dịp đọc nhiều sách báo, điều mà ông rất say mê. Ông nhớ nhiều và đam mê viết lách. Ông tự học tiếng Pháp, Tây Ban Nha, Ý, và La Tinh khá sắc sảo. Ông làm việc rất cần mẫn và ăn mặc rất giản dị.

Năm 1723, ông bỏ đi Philadelphia vào tuổi 17 và đã là một thợ in tay nghề tốt. Ông vất vả lao đao mất 2 năm. Năm 24 tuổi (1730) ông bắt đầu làm chủ một nhà in rất phát đạt đồng thời làm chủ bút và nhà xuất bản tờ *Pennsylvania Gazette* và lập gia đình với cô Deborah Read. Họ có với nhau 2 con. Tuy nhiên, Franklin lại có 2 người con tư sinh và Deborah đem một người con này - William - về nhà nuôi; sau này, William trở thành Thống Đốc của bang NJ.

Ông in cuốn *Poor Richard's Almanac* (Niên Giám của Richard Nghèo Khó, 1732) trong đó ông đưa vào những câu châm ngôn giúp người đọc cách làm giầu và thuyết phục mọi người làm việc chăm chỉ và tiết kiệm. Ông đưa ra một số gía trị đạo đức kèm theo những giải thích rõ ràng để tránh hiểu lầm và làm sai:

1. **Điều độ** là không ăn đến nỗi chán và không uống tới mức say sưa.
2. **Yên lặng** là không nói nếu lời nói không hữu ích cho người khác hoặc cho bản thân. Tránh nói bỡn cợt.
3. **Thứ tự** là xếp đặt mọi thứ vào một chỗ riêng và các việc làm vào những giờ nhất định.
4. **Quyết tâm** là làm cho kỳ được những việc muốn làm.
5. **Tiết kiệm** là chỉ tiêu tiền vào những việc có ích cho mình hoặc cho người khác.
6. **Chuyên cần** là lúc nào cũngchăm chỉ làm những công việc phải làm.
7. **Công bằng** là không làm hại người khác và hưởng những gì mình đáng được hưởng.
8. **Thật thà**: Nói cho đúng, không nói xấu người, và có những ý nghĩ lành mạnh.
9. **Dung hòa** là tránh mọi thái cực; chịu đựng những lời trách nếu mình có lỗi.
10. **Sạch sẽ** là giữ thân thể, nhà cửa, và quần áo cho sạch.

11. **Bình tĩnh** là tránh ưu lo về các điều xẩy ra và không thể tránh được.
12. **Trong sạch** là tránh trác tang làm hại sức khỏe; tránh làm hại thanh danh cuả mình hay của người khác.
13. **Khiêm tốn** là khiêm nhường như Chúa Jesus và Socrates.

Ông biên soạn cả trăm câu châm ngôn quý giá và được mọi người tán thưởng như:

God helps them that help themselves ~ Hãy tự giúp mình rồi Trời sẽ giúp.

Sloth, by bringing on diseases, absolutely shortens life ~ Lười biếng, vì mang lại bịnh tật, nên chắc chắn làm đời sống ngắn lại

If we are industrious, we shall never starve ~ Nếu chúng ta siêng năng, chúng ta sẽ không bao giờ chết đói.

Beware of little expenses; a small leak will sink a great ship ~ hãy coi chừng những chi tiêu nhỏ; một chỗ rò rỉ nhỏ sẽ làm chìm một con tầu lớn.

Women and wine, game and deceit
Make the wealth small and the wants great.
Đàn bà và rượu, cờ bạc và lừa đảo.
Làm cho tan nát của cải và sự thiếu thốn gia tăng.

Nhờ có kiến thức uyên bác và đạo đức cao, ông đã tạo được rất nhiều thành tích vượt trội: xây dựng một công ty bảo biểm, một bịnh viện, một thư viện côngcông; làm Tổng Giám Độc Bưu Điện, sáng lập Hội Triết Học Hoa Kỳ (1743), sáng chế ra kính hai tròng, cột thu lôi, Đại Biểu Quốc Hội Albany, giúp soạn thản Bản Tuyên Ngôn Độc Lập,

Benjamin đã cống hiến hoàn toàn cuộc đời do chính ông tự lập và chỉ cho một mục đích là giúp ích cho mọi người. Ông thật sự sống giản dị, khiêm tốn, và phục vụ tha nhân. Ông là một món quà tặng qúy của Thượng Đế ban cho Mỹ quốc trong Cuộc Cách Mạng Mỹ Châu (1775 -1783).

*

Một số câu tục ngữ đáng ghi:

Ăn cỗ đi trước; lội nước đi sau: Ăn tiệc mà đi trễ thì hết chỗ; lội nước đi sau để tránh sụp hố.

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây: Phải nhớ ơn những người đã làm ơn cho mình.

Anh em như thể tay chân

Cùng trong máu mủ ruột mềm mà ra: Anh chị em phải thương và giúp nhau vì cùng chung dòng máu.

Bán anh em xa, mua láng giềng gần: khuyên lấy lòng láng giềng vì họ là người có mặt ngay khi mình cần.

Cá lớn nuốt cá bé [Big fishs swallow small ones]

Cả vú lấp miệng em: Bịt miệng không cho nói hay la.

Cái khó bó cái khôn [Poverty benumbs intelligence].

Chim có tổ, người có tông [Birds have nets, men have ancesters].

Có đức mặc sức mà ăn: Làm việc sẽ có nhiều lợi lộc.

Có học phải có hạnh [An educaded man must be of good conduct].

Có thực mới vực được đạo: Có ăn thì mới làm việc đạo nghĩa được.

Có tiền mua tiên cũng được hoặc *nén bạc đâm toạc tờ giấy*: tiền giúp giải quyết nhiều vấn đề.

Đất lành chim đậu: Nơi nào tốt sẽ có người ở.

Đèn nhà ai nấy rạng (Let everyone's lamp light his own home].

Đi một đàng học một sàng khôn: đi du lịch sẽ học hỏi thêm được nhiều điều khôn ngoan.

Đói cho sạch, rách cho thơm [Keep yourself clean even if in need and flagrant even if in rags].

NHỚ THU CHINH CHIẾN

Mặt hồ thu, nắng chiều thu

Đang cùng nghe tiếng vi vu gió ngàn

Ô hay sao lá nhuốm vàng

Như màu áo ấy ở Hoàng Hoa Thôn

Cúc vừa nở nụ giao ngôn

Cô em chinh chiến gửi hồn nơi đâu…

Phan Khâm

Đời cha ăn mặn, đời con khát nước: làm ác thì con cái sẽ lãnh tai họa (luật nhân quả).

Tre non dễ uốn: như câu câu ca dao "*dạy con từ thuở còn thơ; dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về*".

Ếch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung: ở một nơi hẹp thì kiến thức hẹp hòi.

Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng: môi trường ảnh hưởng tới tâm tính; như câu "*Chọn bạn mà chơi.*"

Học thầy không tày học bạn: Thày dạy nhiều khi khó hiểu hơn là bạn chỉ dẫn.

Không thầy đố mày làm nên: cần có thầy mới thành công tốt dẹp.

Kính lão đắc thọ [Respecting old persons helps lengthen longevity].

Mồm miệng đỡ chân tay: Nịnh hót để tránh phải làm việc nặng.

Mạnh vì gạo, bạo vì tiền: Ăn no mới có sức để làm; có tiền mới dám ăn nói.

Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao: [United, we stand; divided, we fall] Đoàn kết gây sức mạnh.

Một câu nhịn chin điều lành: nhường nhịn tránh được tai vạ.

Nhập gia tùy tục [When entering a house, you must follow the rules of that house]

Nói ngọt lọt đến xương [Sweet words penetrate into the bones].

Ở hiền gặp lành; ở ác gặp ác: (Luật nhân quả) ác giả, ác báo.

Thà chết vinh hơn sống nhục: Chết được ca tụng hơn là sống bị nguyền rủa.

Thời giờ thấm thoát thoi đưa [Time flies aways as fast as the shuttle moves on a loom.

Thương nhau, trái ấu cũng tròn: Chiếm được tình cảm rồi thì xấu cũng thành tốt.

Trẻ cậy cha, già cậy con [The young rely on their fathers, the old on their children].

Trời sinh voi, trời sinh cỏ: Mọi việc đã được an bài.

Trứng khôn hơn vịt: Còn nhỏ làm sao có kinh nghiệm hơn người lớn?

Trăm lần nghe không bằng một lần thấy: Tai nghe không giá trị bằng mắt thấy.

Thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn: Không cùng đồng ý thì khó thành công.

Tốt danh hơn lành áo [Good name is better than good garment].

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn [Good wood is better than a good layer of painting].

Trên kính dưới nhường: Kính trên, nhường dưới để được tạo sự quý trọng của mọi người.

Trai thời loạn, gái thời bình [male is for wartime, female for peacetime].

Vắng chủ nhà, gà mọc đuôi tôm: Thiếu sự giám sát thì nhân viên sẽ tự tung, tự tác.

Xa mặt cách lòng ~ Out of sight, out of mind.

*

Nói về ca dao và tục ngữ mà không nói đến ca dao và tục ngữ hiện đại là một thiếu sót lớn bởi vì đó là một mảng sống hiện thực nhất của thời đại giúp cho các nhà khảo cứu tìm hiểu được sự thật của đời sống của một xã hội bị nhà cầm quyền che dấu hay bóp méo. Ca dao thường được dùng như là một thứ ***vũ khí mềm*** của lớp người bị áp bức chống lại một chế độ chuyên quyền bạo ngược.

Trong chế độ kèm kẹp của Đảng Cộng Sản, lớp người dân bị áp bức đã phản ứng lại bằng hàng trăm câu ca dao và mẩu chuyện tiếu lâm để phơi bày bộ mặt thật tham tàn và thối nát của hàng ngũ đảng viên và cán bộ CS. Nhà nước CS không biết làm sao mà dập tắt được những cau ca dao và những mẩu chuyện tiếu lâm truyền miệng rất sắc bén nên đành phải thả nổi coi như là những xú-páp (valve) cho xì bớt hơi thở bất mãn của tuyệt đại đa số người dân.

Có thể nói là chưa bao giờ loại văn chương truyền khẩu này lại sinh xôi, nảy nở hếtsức phong phú và đa dạng như thời đại Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa hiện tại. Tất nhiên loại văn chương này cũng phải là do những người có đầu óc, có chữ nghĩa, có tâm hồn yêu đất nước và đồng bào làm ra; nhưng họ phải dấu tên để nói lên tâm tư, tình cảm của lớp người bị áp bức, bị buộc

phải làm thân trâu ngựa để phục vụ cho lớp chủ nô lệ mới. Những câu ca dao và mẩu quyện tiếu lâm đó nhiều không thể kể hết. Sau đây chỉ là một số câu điển hình:

Ca Dao Hiện Đại

Từ khi có đất, có trời
Không gì độc ác bằng loài Việt Minh
Giầu nó ghét; nghèo nó khinh
Tài giỏi, thông minh; nó không sử dụng

[Việt Minh tức VEM, một tổ chức trá hình của CSVN, 1945]

Trước hết, cụm từ **Xã Hội Chủ Nghĩa** có ý nghĩa gì đối với dân chúng Việt Nam? XHCN là:

Xếp Hàng Cả Năm - Xếp Hàng Cả Ngày - Xếp Hàng Cho Ngay - Xóa Hết Chữ Nghĩa - Xiết Họng Công Nhân - Xạo Hết Chỗ Nói - Xuống Hố Cả Nút.

Nhân dân thì chẳng cần no
Nhà nước lo sẵn, tiền Đô ních đầy
Nhân dân chẳng chóng thì chầy
Làm đĩ nuôi Đảng kiếp này công toi

Đối với người vượt biên:

Ngày đi Đảng gọi Việt Gian
Ngày về Đảng lại chuyển sang Việt Kiều
Chưa đi, phản động trăm chiều
Đi rồi, thành khúc ruột yêu ngàn trùng!

Nhìn vào cái nôi của chủ nghĩa cộng sản là Nga Xô trước đây:

Kìa xem gương của nước Nga
Bẩy mươi năm lẻ có ra đếch gì?
Đảng mình - thứ đảng vất đi
Chúng ta theo đảng, giống gì là ta???

Ai sinh ra thứ Cáo Hồ?
Để cho cả nước như đồ vất đi
Đời sinh có nó làm chi?
Để cho cả nước đều đi ăn mày!

Và rồi hậu như mọi người đã nhận định:

Từ ngày "Cách Mạng Mùa Thu"
Thằng khôn làm ruộng, thằng ngu làm thầy
Gian manh từ bấy đến nay
Lừa dân, bán nước, Đảng đầy túi tham

Và mong mỏi:

Dịch heo tiếp nối dịch gà
Mong tới dịch Đảng cho bà con vui
Tránh chúng như tránh kẻ cùi
Lòng dân đã quyết chôn vùi đảng đi

Một chuyện tiếu lâm:

Tôn Đức Thắng vốn hai mắt đã lòa, bị bịnh chết, xuống âm phủ gặp Tám Keo Hồ. Hồ hỏi: "Trên đó, chúng nó có đoàn kết như tôi dạy 'Phải gìn giữ đoàn kết như gìn giữ con ngươi' không?"

Tôn Đức Thắng đáp: "Đoàn kết cái con mẹ gì? Ngay cả tôi đây cũng phải mù cả hai con mắt, câm cái miệng, chúng mới cho ngồi chức Chủ Tịch bù nhìn đó! Bác đã đào tạo chúng thành một tập đoàn ăn cướp ngày đó, bác đắc tội lắm đấy!"

*

Vài Câu Tục Ngữ và Danh Ngôn Ngoại Quốc

Skill to do comes of doing (Ralph Waldo Emerson) ~ Tập dĩ tính thành - Tập rồi sẽ thành thói quen.

Better be proficient in one art than a smarter in a hundred (Japanese Proverb) ~ Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh

Out of sight, out of mind (Homer) ~ Xa mặt, cách lòng.

Brave actions never want a Trumpet (Thomas Fuller) ~ Những hành động can trường không bao giờ cần phô trương.

The great end of life is not knowledge, but action (T.H. Huxley) ~ Cứu cánh vĩ đại của cuộc đời không phải là hiểu biết, mà là hành động.

Actions speak louder than words (Proverb) ~ Hành động nói lớn hơn là lời nói.

Heaven n'er helps the men who will not act (Sophocles) ~ Trời chả giúp những người không muốn hành động.

A rolling stone can gather no moss (Publilius Syrus) ~ Đá lăn chẳng bị rêu phong.

Never give advice in a crowd (Arabian Proverb) ~ Đừng bao giờ cho lời khuyên trong một đám đông.

The worst men often give the best advice (Phillip James Bailey ~ Kẻ dở nhất thường có lời khuyên hay nhất.

Don't give your advice before you are called upon (Desiderius Eramus) ~ Đừng cho lời khuyên trước khi bạn được yêu cầu.

Age is like love; it cannot be hid (Thomas Dekker) ~ Tuổi tác thì giống như tình yêu; nó không thể dấu đi được.

Every eel hopes to become a whale (German Proverb) ~ Con nhái muốn bằng con bò.

The best answer to anger is silence (German Proverb) ~ Chồng giận thì vợ làm lành.

If you would abolish avarice, you must abolish its mother, luxury (Cicero) ~ Muốn diệt lòng tham, phải diệt mẹ lòng tham, là tính xa hoa.

The man who does not read good books has no advantage over the man who can't read them (Mark Twain) ~ Người không đọc những sách hay thì không có gì tài giỏi hơn đối với người không thể đọc sách.

*

Tóm Kết

Kho tàng văn chương truyền khẩu phản ánh trung thực cuộc sống tinh thần và vật chất của một xã hội là một di sản quý giá của dân tộc cần được bảo tồn để học hỏi và tiếp tục mở rộng nhằm ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày những điều điều hay, lẽ phải rút từ những kinh nghiệm sống của những con người có đạo đức và tư tưởng.

Trong ý nghĩa ấy, tưởng cũng nên nhắc tới câu ca dao:

Ta về ta tắm ao ta
Dù trong dù đục, ao nhà vẫn hơn

Như là một lời nhắn nhủ chúng ta **đừng nên để bị coi là mất gốc**. Chúng ta sẵn sàng hòa nhập với cuộc sống mới nhưng vẫn phải giữ bản gốc (identity) của chính chúng ta để không một nền văn hóa nào bị mai một, mất mát; đơn giản là vì sự khác biệt văn hóa (cultural diversity) là tác nhân của luật tiến hóa.

TƯỞNG NHỚ
NHÀ THƠ QUỲNH ANH

Một tin đau buồn đã đến với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm trong mùa hè vừa qua. Nhà Thơ Quỳnh Anh đã từ trần ngày 31 tháng 7, 2012, hưởng thọ 81 tuổi.

Tử biệt là lẽ thường. Chúng ta chia buồn với tang quyến nhưng không phải sự tử biệt nào cũng làm chúng ta buồn. Trái lại sự ra đi về miền vĩnh viễn của Nhà Thơ Quỳnh Anh đã để lại một nỗi buồn phiền, một sự suy tư sâu đậm trong tôi với nhiều câu hỏi vướng vất, cũng như nhiều văn thi thân hữu thân thuộc khác của chị.

Nhà thơ Quỳnh Anh tên thật là Phạm Thị Ánh Bích, sinh quán tại Tỉnh Bắc Ninh, Miền Bắc Việt Nam.

Chị đã cộng tác với Cơ Sở Cỏ Thơm từ số đầu tiên phát hành mùa xuân 1996, là Phụ tá Chủ Nhiệm Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm từ năm 1996-2000. Từ đó chị tiếp tục trong ban biên tập cho đến khi chị bị bạo bệnh từ 2 năm qua.

Chỉ nổi tiếng với những vần thơ lục bát trữ tình điêu luyện và đầy sầu thương, tiếc nuối mối tình đầu và cũng là tình cuối.

Bài thơ đầu tiên Nhà Thơ Quỳnh Anh gửi đăng Cỏ Thơm:

ĐỢI CHỜ

Người ơi em vẫn đợi chờ
Nhưng sao người vẫn mịt mờ xa xăm
Phương trời mắt lệ đăm đăm
Mỏi mòn đất khách mù tăm bóng người.

QUỲNH ANH
(Mùa hè 1996)



Bài thơ cuối cùng Nhà thơ Quỳnh Anh gửi đăng Cỏ Thơm số mùa xuân 2010 trước khi bị bạo bệnh:

HÁI LỘC ĐẦU NĂM

Đầu năm đi hái lộc non
Cầu cho bến cũ sắt son đợi chờ
Cầu cho đẹp mãi giấc mơ
Cho xuân tươi thắm ý thơ dặt dào
Cầu cho tình đẹp chiêm bao
Dù cho năm tháng âm hao xa vời
Mây ngàn lãng đãng chơi vơi
Trăm hoa hé nụ đón mời chúa Xuân
Cách xa vạn dặm vẫn gần
Hương Xuân nồng ấm, phù vân bềnh bồng
Lênh đênh những vạt nắng hồng
Không gian bát ngát mênh mông mây trời.

QUỲNH ANH (Mùa Xuân 2010)

Chị đã cho xuất bản hai tập thơ:

1- *Tình Trong Cõi Mộng* năm 1998
2- *Một Thoáng Chiêm Bao năm 2007.*

Cố Văn Thi Sĩ Hà Bỉnh Trung đã viết về Nhà Thơ Quỳnh Anh như sau: *Quỳnh Anh đúng là một nhà thơ nữ thành thực với lòng mình, để thực hiện một thi phẩm tình yêu có thể làm người đọc xúc cảm... Chị là gạch nối của thế hệ nữ sĩ tiền chiến và các nhà thơ nữ trữ tình ngày nay.*

Nhà văn Mạc Trần viết: *Thế giới thơ Quỳnh Anh có đầy đủ nồng nàn, băng giá, thừa heo may, và ngập tràn bão tố. Trong nỗi lặng lẽ cô đơn lại chất chứa vô vàn biến động phong ba... Nếu nói thơ là những giọt nước mắt, là những nụ cười nhếch mép... thì đây, không gian rực sáng bởi ánh thiều quang phản chiếu lấp lánh từ những giọt nước mắt "Tình Trong Cõi mộng".*

Nhà Thơ Quỳnh Anh không lái xe, nên tôi thường đến đón chị và cùng đi với chị tới những buổi sinh hoạt cộng đồng. Đôi khi, tôi cũng cần có chị để cùng đi cho có đôi, có cặp, đỡ lẻ loi. Chị thường lịch sự khen tôi từ đầu đến chân làm tôi vui hớn hở, nhưng bao giờ cũng phải trừ hao ít nhất là 50%, không dám tự tin. Chị cũng thường khéo léo khen ngợi như thế với tất cả mọi người chị gặp. Chị quen biết rất nhiều trong cộng đồng. Không biết ai, cứ hỏi chị là biết tiểu sử của họ.

Nhà thơ Quỳnh Anh là người chị rất thương yêu và lo lắng cho các em, các cháu. Chị rất hào phóng, rộng rãi ủng hộ các tổ chức ái hữu, từ thiện và các hiệp hội văn học trong cộng đồng. Chị rất thường ủng hộ những buổi họp mặt Cỏ Thơm hằng năm hay những buổi tiệc gây quỹ trong cộng đồng bằng cách mua vé cả bàn và mời bà con, thân hữu cùng tham dự. Có lần tôi nghe người ta nói chị đóng góp $5000 cho một tổ chức. Tôi giả bộ ganh tị: "Chị cho người ta nhiều thế mà chị không cho Cỏ Thơm gì cả". Chị nói: "Nhưng bồ có hỏi đâu mà tôi biết Cỏ Thơm cần ủng hộ. Thế Cỏ Thơm muốn bao nhiêu nào?" Tôi vội vàng xua tay: "Em nói giỡn thế thôi. Chứ Cỏ Thơm đâu dám đòi chị nhiều để làm gì. Chị cứ cho Cỏ Thơm mỗi năm $50 như mọi người là đủ sở hụi chi tiêu rồi. Quỹ nhiều tiền lại sinh nhiều việc hơn và tiêu nhiều hơn."

TIỄN CHỊ ÁNH BÍCH

Ngày chị đi trời mưa rả rích
Như khóc thương chị Bích của em
Giờ đây thôi hết ưu phiền
Cầu mong chị hưởng bình yên nước trời.

HỒNG THỦY

Sự ra đi của Nhà Thơ Quỳnh Anh là một mất mát lớn lao cho gia đình, cho Báo Cỏ Thơm và cho cả cộng đồng. Một mối buồn thương hơn là suốt thời gian chị nằm dưỡng bệnh ở đâu đó mà bà con thân hữu không ai được biết và không ai được phép vào thăm. Chỉ một sự cô đơn, đau khổ cũng đủ giết chết con người. Thôi thì chị ra đi cũng là giải thoát, trút gánh nợ trần gian. Chị là con chiên rất ngoan đạo, không bao giờ bỏ đi lễ Nhà thờ vào Thứ Bảy hay Chủ Nhật. Cầu mong chị được yên tâm, thanh thản về với Chúa.

Xin cảm tạ sự cộng tác nhiều năm của Nhà Thơ Quỳnh Anh. Xin vĩnh biệt chị Anna Maria Phạm Thị Ánh Bích thương mến của Cỏ Thơm. Cầu chúc chị được bình an nơi cõi Thiên Đàng.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG



Nhà thơ Quỳnh Anh ngồi ghế đầu bên trái tại một buổi họp tại Tòa soạn Cỏ Thơm, hơn 10 năm trước.



Văn Thi Sĩ Nhạc Sĩ tại Tòa Soạn Cỏ Thơm Tân Niên 2007 - Hàng trước: Nguyễn Thị Ngọc Dung, Quỳnh Anh, Vi Khuê, Trương Anh Thuỵ, Hoàng Dung, Ý Anh. Hàng sau: Phan Anh Dũng, Hà Bỉnh Trung, Phan Khâm, Nguyễn Lân, Bùi Thanh Tiên.

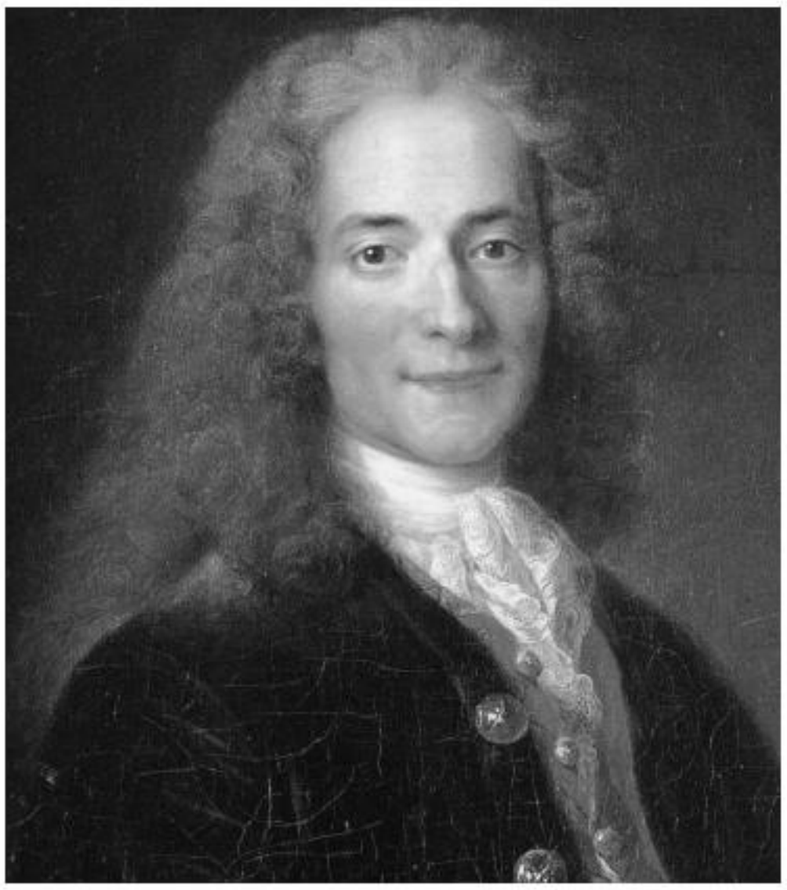
Nhà Triết Học Pháp VOLTAIRE

(1694-1778)

Phạm Văn Tuấn

Voltaire là bút hiệu của Francois Marie Arouet, là một nhà văn người Pháp thuộc thời đại Khai Sáng (Enlightenment), nhà triết học danh tiếng vì trí thông minh, nhà viết luận văn thường đứng ra bảo vệ các quyền tự do dân sự, gồm cả sự tự do tôn giáo.

Voltaire cũng là nhà tranh luận châm biếm, một nhân vật nói thẳng để ủng hộ các cải cách xã hội, ông thường dùng các sáng tác của mình để chỉ trích các giáo điều của Nhà Thờ Thiên Chúa Giáo và các định chế bất công, mặc dù các luật lệ kiểm duyệt khắc nghiệt và các hình phạt nặng nề dành cho những người dám chống đối chế độ đương quyền của nước Pháp.



Voltaire còn là một trong các nhà văn khai sáng, cùng với John Locke và Thomas Hobbes, đã có các tư tưởng và tác phẩm ảnh hưởng mạnh mẽ tới các nhà chính trị hoạt động trong hai cuộc Cách Mạng Pháp và Hoa Kỳ.

Francois Marie Arouet chào đời vào ngày 21/11/1694 tại thành phố Paris, là người con thứ năm và con út của ông Francois Arouet, một chưởng khế (a notary) và cũng là một nhân viên ngân hàng hạng trung, và bà mẹ tên là Marie Marguerite d'Aumart, thuộc một gia đình quý tộc trong tỉnh Poitou.

Khi còn nhỏ, Voltaire là một đứa trẻ ốm yếu, nhiều bệnh tật khiến cho gia đình tin tưởng rằng sẽ không sống được lâu, thế nhưng ông đã kéo dài cuộc đời một cách đầy nghị lực tới năm 84 tuổi.

Voltaire có người cha đỡ đầu là giám mục của miền Chateauneuf, là một nhà thông thái nhưng bi quan. Ông này ưa thích cậu bé Voltaire thông minh nên đã hướng dẫn cậu về thần học và đã dạy cho cậu Voltaire đọc các câu thơ châm biếm trong quyển thơ Moisade.

Vào năm 1704, Voltaire theo học trường trung học Louis-le-Grand giảng dạy do các cha Dòng Tên (Jesuites), ngoài các môn học căn bản còn học thêm tiếng La Tinh và tiếng Hy Lạp (Greek). Trong thời gian theo học tại trường này tới năm 17 tuổi, Voltaire đã đoạt được nhiều phần thưởng và một người bạn của cha thấy Voltaire là một thiếu niên sớm phát triển nên đã tặng cho cậu 2,000 quan tiền để mua sách.

Cũng tại trường do các cha Dòng Tên giảng dạy, Voltaire được theo học một nền giáo dục khai phóng (liberal education) nên đã phát triển thành một nhà văn có các cảm nhận sắc bén về tự do. Do nhà trường thường hay tổ chức các buổi diễn kịch theo

truyền thống phục hưng cổ điển, Voltaire đã học hỏi được các điều căn bản về kịch nghệ.

Từ thuở thiếu thời, Voltaire đã tỏ ra có năng khiếu về làm thơ nên dự tính sau này sẽ trở thành một thi sĩ, nhưng người cha, ông Francois Arouet, đã không tin tưởng vào văn chương, cho rằng nghề này không thể mang lại một đời sống đầy đủ, nên ông đã bắt cậu con trai theo học ngành Luật từ năm 1711 tới năm 1713.

Nhờ người cha đỡ đầu là giám mục miền Chateauneuf, Voltaire được giới thiệu với các văn nhân, với các nhà quý tộc như Công Tước de Sully, Công Tước de Vendome, ông Hoàng de Carti... Vì mong muốn nổi tiếng trong giới văn học, Voltaire đã viết ra các câu thơ châm biếm đồng thời cũng trở thành một con người hào hoa, được các bà mệnh phụ chú ý và ưa thích.

Vì nhận thấy Voltaire là một chàng trai sinh sống phóng đãng, ông Francois Arouet đã bắt con trai phải rời thành phố Paris, đi làm thư ký cho vị Đại Sứ Pháp tại Hòa Lan, trong thời gian sinh sống tại nơi đây, Voltaire đã yêu thương một thiếu nữ tị nạn người Pháp theo đạo Tin Lành, tên là Catherine Olympe Dunoyer. Sự bỏ nhà ra đi của cặp tình nhân này đã bị người cha cản trở và Voltaire bị bắt buộc phải trở về Paris.

Khi trở lại Paris, Voltaire đã được nhiều người biết tới vì các lời văn, lời thơ chỉ trích châm biếm. Khả năng đặc biệt này cũng khiến cho Voltaire gặp phải nhiều rắc rối trong suốt cuộc đời. Voltaire bị tố cáo là đã viết ra các lời thơ phỉ báng một số nhân vật trong xã hội, vì vậy lần này bị cha bắt phải đi xa, sinh sống trong gần một năm và là người khách của Hầu Tước de Saint-Ange. Chính trong thời gian này, Voltaire bắt đầu viết các bài luận văn (essays) và xây dựng vở bi kịch đầu tiên (tragedy).

Voltaire có tài làm quen với rất nhiều bạn mới, nhưng do khả năng nhậy cảm với các điều sai trái của xã hội, ông lại ưa thích tấn công các người mà mình không đồng ý về các quan điểm, bằng các lời thơ nhạo báng.

Vào lúc trở về Paris, Voltaire được giới thiệu với một câu lạc bộ chính trị và văn học rất danh tiếng có tên là Cung Đình de Seaux (Court de Seaux) với nhân vật chủ trương là bà Công Tước du Maine. Có lẽ do bà này gợi ý mà Voltaire đã viết ra các lời thơ châm biếm, công kích kẻ thù của bà Công Tước là Quan Nhiếp Chính d'Orleans (the Regent). Vì những rắc rối, vì các kẻ thù, Voltaire phải chạy khỏi thành phố Paris vào tháng 5 năm 1716, đầu tiên tới miền Tulle rồi miền Sully.

Voltaire bị nghi ngờ đã sáng tác ra 2 tập thơ nhạo báng tên là "Puerto Regnanto" và "Tôi đã nhìn thấy" (J'ai vu) nên bị bắt vào ngày 16/5/1717, bị nhốt trong ngục Bastille trong 11 tháng. Khi được thả ra, ông phải đi sống lưu vong tại miền Chatenay và chính vào thời gian này, Voltaire đã sửa chữa lại vở bi kịch đầu tiên, có tên là Oedipe, với chủ đề là sự chuyên chế của giới tu sĩ và bắt đầu viết tập thơ anh hùng ca L'Henriade, qua đó ông ca ngợi các hành động của Vua Henry IV của nước Pháp, để đề cao sự dung thứ (tolerance). Qua hai tác phẩm ban đầu này, người ta đã thấy rõ ở Voltaire một con người tận tụy với sự tự do và sự công bằng, chống đối mọi hình thức đạo đức giả, sự cuồng tín và các tập tục xấu.

Sau khi được thả ra khỏi nhà ngục Bastille, ông bắt đầu dùng bút hiệu Auret de Voltaire. Chữ "de" là do ông thuộc gia đình quý tộc của bà mẹ, còn có người cho rằng tên "Voltaire" là do khi còn đi học, ông được các bạn bè cùng lớp gọi bằng tên riêng là "le volontaire" (người tự nguyện làm việc).

Đầu tiên được trình diễn vào tháng 11 năm 1718, vở bị kịch Oedipe đã sớm thành công và đã được diễn xuất liên tục trong 45 ngày, và khi Voltaire trở về Paris, ông được mọi người ca ngợi là một nhà thơ thiên tài,

chuyên về bi kịch (a gifted tragic poet). Cũng do nổi tiếng vì viết ra các lời thơ châm biếm, công kích, Voltaire bị tố cáo là tác giả của tập thơ Philippiques, chế nhạo Công Tước d'Orleans, nhưng vào thời gian này, Voltaire là khách mời của Công Tước de Villars, một vị anh hùng trong chiến tranh và cũng là thống chế của nước Pháp (maréchal de France). Đây là thời kỳ Voltaire thu thập các tài liệu để viết ra các tác phẩm lịch sử.

Cho tới cuối năm 1725, Voltaire nhận được sự bảo trợ của Công Tước Richelieu (the Duke of Richelieu) nên cuộc sống rất dễ chịu nhưng rồi gặp phải sự ganh ghét của Hiệp Sĩ Rohan (Chevalier du Rohan), ông này đã chế nhạo biệt hiệu "Voltaire". Kết quả sau cuộc cãi cọ là Hiệp Sĩ Rohan đã cho các người hầu tấn công nhà thơ. Khi Voltaire thách đố cuộc đấu gươm thì bị ông Rohan kể trên nhờ thế lực, nhốt Voltaire vào trong Ngục Bastille trong 2 tuần lễ. Sau khi được trả tự do, Voltaire phải ra đi sống lưu vong, qua nước Anh.

Trước kia vào đầu thập niên 1720, Voltaire đã gặp ông Henry St. John, Tử Tước miền Bolingbroke (Viscount of Bolingbroke) khi chính ông này đang sống lưu vong tại nước Pháp. Hai người trở nên đôi bạn thân và vẫn thường xuyên trao đổi thư từ với nhau. Có lẽ do tình bạn này mà Voltaire đã trải qua 3 năm sinh sống trên đất nước Anh và sự việc này đã ảnh hưởng lớn lao tới cuộc đời của Voltaire.

Trong các năm từ 1726 tới 1729, hoàn cảnh trí thức và văn hóa tại nước Anh đã làm cho Voltaire vui sướng. Ông được các nhân vật thuộc hai đảng Whig và Tory đón tiếp nồng hậu. Trong số các người bạn cũ và mới, Voltaire đã gặp Alexander Pope, Jonathan Swift, John Gay, Edward Young và James Thomson, và Voltaire đã ghi lại trong nhật ký về sự kính trọng và thán phục của mình đối với tác giả Jonathan Swift của cuốn truyện "Các cuộc Du Lịch của Julliver" (Gulliver's Travels), và chắc chắn rằng tác phẩm này đã ảnh hưởng rất nhiều tới cuốn truyện Candide. Voltaire cũng đặc biệt kính trọng Alexander Pope, một nhân vật cùng có các đặc tính thông thái, châm biếm, làm thơ dễ dàng và hay chỉ trích các điều sai trái của xã hội Anh.

Trong khi sinh sống tại nước Anh, Voltaire đã học cách đọc và viết tiếng Anh, nghiền ngẫm các tác phẩm của Francis Bacon, William Shakespeare, John Milton, Isaac Newton và John Locke. Do sự yêu thích Shakespeare mà Voltaire bắt đầu viết vở kịch "Brutus".

Voltaire cũng thu lượm các tài liệu để viết nên tác phẩm "Các Bức Thư Triết Học về Người Anh" (Lettres philosophiques sur les Anglais). Voltaire đã nhận thấy sự tự do và sự dung thứ (tolerance) trên quê hương này, ông đã ca ngợi nền văn hóa Anh và so sánh nước Anh với nước Pháp. Đối với tự do ngôn luận, Voltaire đã từng nói rằng: "tôi có thể không đồng ý với lời nói của một nhân vật nào đó nhưng tôi quyết bảo vệ cho tới chết cái quyền mà một cá nhân được nói ra". Nhà văn học sử danh tiếng người Pháp là ông Gustave Lanson đã nói rằng tác phẩm "Các Bức Thư " kể trên là một trái bom ném vào "chế độ cũ" (ancien régime) của nước Pháp.

Vào mùa xuân năm 1729, Voltaire tìm cách xin phép trở về nước Pháp rồi qua năm 1733, ông cho xuất bản tác phẩm "Các Bức Thư" và tập thơ châm biếm "Temple du Gout". Tác phẩm thứ nhất trong khi ca ngợi người Anh về các tinh thần dân chủ, tự do, dung thứ, thì lại công kích chính quyền và nhà thờ của nước Pháp. Tập thơ thứ hai nhạo báng các nhà văn đương thời, đặc biệt là J. J. Rousseau, vì thế, chính quyền Pháp đã ban ra một lệnh truy nã Voltaire, căn nhà của ông bị lục soát.

Vào lúc chính quyền Pháp ra lệnh lùng bắt Voltaire thì ông đang cư ngụ tại Cirey, trong tỉnh Lorraine, đây là một vùng đất độc lập và ông là khách mời của bà Emilie de Breteuil, nữ Hầu Tước của vùng Châtelet. Bà Hầu Tước này trẻ hơn Voltaire 12 tuổi, là một phụ nữ đặc biệt. Bà ta thông minh, đã tìm hiểu các môn Toán Học, Khoa Học và Triết Học, và rất hâm mộ nền triết học lạc quan của Leibnitz. Bà ta cũng giống như Voltaire ở sự ưa thích Newton và để trình bày hệ thống vật lý Newton, bà Emilie đã dịch tác phẩm "Nguyên Lý" (The Principia) sang tiếng Pháp, đồng thời cũng thêm vào đó các lời bình luận.

Trong thời gian sinh sống tại Cirey, Voltaire đã thực hiện được khá nhiều công việc. Ông đã soạn xong phần khảo sát về Siêu Hình (methphysics), viết xong 6 vở kịch, hoàn thành hai tập thơ trong đó có tác phẩm "Le Mondain" (Trần Tục), đây là sáng tác châm biếm các nhà tu Jansenits là những người theo giáo điều giống như các người theo đạo Calvinism. Voltaire cũng viết xong tác phẩm "Luận Bàn về Con Người" (Discours sur l'homme), bắt đầu viết tác phẩm "Thế Kỷ của Vua Louis 14" (Siècle de Louis 14) và cuốn lịch sử thế giới "Khảo Luận về các Tập Quán" (Essai sur moeurs).

Sau khi quan Phụ Chính Orléans qua đời, giới quyền thế tại Paris đã đón chào Voltaire trở lại. Sau năm 1743, Voltaire được hưởng các ân sủng của Triều Đình Pháp, phần lớn nhờ Hồng Y Richelieu và Bà Pompadour, đây là phụ nữ rất hâm mộ nhà soạn kịch Voltaire. Tới khi tác phẩm mới "Tập Thơ Fontenay" (Poeme de Fontenay, 1745) của Voltaire thành công và được nhiều người ca ngợi, Voltaire được lãnh một món tiền trợ cấp khá lớn và được chọn làm nhà nghiên cứu lịch sử của hoàng gia (a royal historiographer), chức vụ này trước kia đã do Racine và Corneille đảm nhiệm.

Cũng vào thời gian này, Voltaire quay sang viết loại truyện triết học (philosophical tales) trong đó tác phẩm "Candide" được coi là danh tiếng nhất. Voltaire cũng soạn các vở kịch mới, cạnh tranh với nhà soạn kịch Crébillon, sự việc này đã gây ra mối bất hòa, rồi cuối cùng vào năm 1746, Voltaire được bầu vào Hàn Lâm Viện Pháp Quốc (the French Academy).

Với ngòi bút táo bạo, Voltaire không ngừng chỉ trích, lần này trong tác phẩm châm biếm "Trajan est-il content" (Trajan có bằng lòng không) với ám chỉ chính là Vua Louis 15.

Vào năm 1748, Voltaire lại phải đi tìm nơi ẩn náu, lần này tới vùng đất của Bà Công Tước de Sceaux rồi sau đó, đi theo bà de Châtelet tại Luneville. Vào tháng 9 năm 1749, bà de Châtelet đã qua đời sau khi hạ sinh một đứa con, sự việc này khiến cho ông phải tìm một nơi cư ngụ khác. Voltaire không thể trở về Paris vì sự thù nghịch với Crébillon. Trong khi đó, Đại Đế Frederick (Frederick the Great) của nước Phổ là người đã từng gặp Voltaire và đã trao đổi thư từ với ông trong thời gian qua, đã ngỏ lời mời nhà triết học Voltaire tới Potsdam. Đây là nơi mà vị Vua của nước Phổ đã thiết lập nên một Hàn Lâm Viện, và đang chờ đợi Voltaire để thêm tên ông vào danh sách các nhà thông triết (philosophes), tức là các nhà trí thức của châu Âu.

Vì vậy, Voltaire đã tới Potsdam vào năm 1750, nhận được tiền trợ cấp rộng rãi, nhờ vậy ông hoàn thành hai tác phẩm lịch sử, viết ra với tham vọng lớn lao, đó là cuốn "Thế Kỷ của Vua Louis 14" (Siècle de Louis 14). Ông cũng viết ra một truyện triết học mới, cuốn Micromégas, đây là tác phẩm chịu ảnh hưởng của cuốn "Các Cuộc Du Lịch của Gulliver" (Gulliver's Travels) của Jonathan Swift, và Voltaire tiếp tục soạn cuốn lịch sử thế giới (universal history).

Nhưng, cuộc sống tại Potsdam của Voltaire đã không kéo dài được lâu bởi vì cá tính của hai nhân vật. Voltaire cảm thấy nhà vua Phổ quá kiêu căng trong khi đó ông lại chỉ trích Hàn Lâm Viện Khoa Học của Vua Frederick. Đã có một lần Voltaire bị bắt giữ tại Frankfort với hành lý bị lục soát. Voltaire như vậy không thể sinh sống tại nước Phổ, cũng như không thể trở về Paris vì đã có thời gian hợp tác với Vua Frederick, cuối cùng ông đã chọn nơi cư ngụ là Geneva, một địa phương có nền tự do tương đối khá hơn.

Vào lúc này, Voltaire là một người giàu có, ông đã thừa hưởng các số tiền từ người cha, người anh của mình, đã nhận lãnh các trợ cấp rộng rãi từ các Vua nước Pháp và nước Phổ, đã kiếm được nhiều tiền nhờ các tác phẩm văn chương, đặc biệt là các vở kịch. Hơn nữa, ngay từ lúc nhỏ, Voltaire đã tỏ ra là người có năng khiếu về đầu tư và tài sản của ông có thể coi như ngang với tài sản của ông Rothschild.

Voltaire đã mua một lâu đài tại Geneva và đặt tên là "Les Délices" (Niềm Vui), đây là "lâu đài mùa hè" của ông. Voltaire cũng mua một lâu đài khác tại Monrion, thuộc xứ Lausanne và gọi nơi này là "lâu đài mùa đông". Cũng tại xứ Thụy Sĩ, Voltaire đã viết tác phẩm "Candide" và ông vẫn không ngừng tấn công các tôn giáo.

Voltaire còn mua một lâu đài tại Ferney trên đất Pháp nhưng rất gần biên giới Thụy Sĩ và ông dọn về nơi này vào năm 1760 và sinh sống với một người cháu gái là bà Denis. Tại Ferney, cảnh sống của Voltaire thực là sang trọng với 60 người phục vụ. Ông rất hiếu khách, thường xuyên đón tiếp các nhân vật danh tiếng của khắp châu Âu. Voltaire đã cư ngụ tại Ferney trong 20 năm trường.

Trong suốt cuộc đời, Voltaire đã tin tưởng rằng môn văn chương phải giảng dạy "lẽ phải" cho quần chúng và ông đã dùng các vở kịch và các tập truyện vào mục đích chính này. Các tác phẩm của Voltaire đã đề cập tới các vấn đề tôn giáo, chính trị, xã hội, triết học và ông luôn luôn tranh đấu cho sự dung thứ (tolerance) và sự công bằng (justice). Tác phẩm "Khảo Sát về sự Dung Thứ" (Traité sur la tolérance, 1763) đã được viết ra để biện hộ cho Jean Calais, một người đã bị hành hạ và hành hình do kết quả của cuộc tranh luận về tôn giáo (a religious controversy).

Voltaire đã tranh đấu cho một số trường hợp các nạn nhân bị xét xử một cách bất công và các bản án đã được xét lại, vì vậy, ông đã được nhiều người ca ngợi là "tông đồ của Tự Do" (the apostle of freedom) và đồng thời ông cũng là "vị thống trị trí thức của châu Âu" (the intellectual potentate of Europe).

Vào mùa xuân năm 1778, vở kịch cuối cùng của Voltaire, bi kịch Irène, được giới chính quyền Pháp chấp nhận và cho trình diễn tại thành phố Paris và tác giả Voltaire đã có mặt trong buổi trình diễn đầu tiên. Voltaire cũng được Hàn Lâm Viện Pháp ca ngợi là nhân vật đặc biệt nhất.

Voltaire đã qua đời vào ngày 30/5/1778, ở tuổi 84. Vào giờ phút cuối đời, ông đã từ chối nhận lễ xức dầu (unction) và lễ giải tội (absolution), sự việc này đã gây khó khăn cho việc chôn cất ông. Quan tài của ông được chôn lấp vội vã trong tu viện Scellières, thuộc miền Champagne, trước khi có sự can thiệp của vị tổng giáo mục địa phương. 13 năm sau, di hài của nhà triết học lừng danh Voltaire đã được di chuyển về thành phố Paris, đặt bên trong Điện Panthéon, đây là Ngôi Đền Thờ danh tiếng nhất của nước Pháp, tương đương với Tu Viện Westminster của nước Anh./.

Phạm Văn Tuấn.

(Virginia)

BẢN TANGO và EM

Em về đâu đứng bên bờ ngóng đợi
Khách qua đò không ngoảnh lại bến sông
Hôm chia tay cất bước chút chạnh lòng
Nghe gió thoảng bâng khuâng lời nhắn gọi..

Giấc mộng đầu say hồn theo bóng tối
Bản Tango dìu dặt đến chơi vơi
Tay trong tay theo dòng nhạc lả lơi
Mùi hương cũ trở về bao ước vọng.

Em đang bơi giữa dòng sông lạc lõng
Ai đâu ngờ có bến đục, bến trong
Trả giấc mơ em về nơi gió lộng
Nước quanh năm vẫn xuôi chảy một dòng.

Ngồi ôn lại những vết đời phiêu lãng
Dư âm xưa bỗng khoảnh khắc mơ hồ
Định mệnh buồn óng mượt ánh vàng tơ
Cuộc đời nào không lắm điều ngao ngán!..

Nhưng em biết yêu anh là hữu hạn
Thuở yêu đương đâu nghĩ đến phũ phàng
Xin lưu đời một tâm trạng xốn xang
Dòng sông chảy chẳng bao giờ quay lại…

BÙI THANH TIÊN
VA, July 14, 10

CÂY TRỔ BÔNG

Tặng Thương Việt Nhân

Thu có làm rơi giấc mộng điên
Sao nghe hồn biển sóng triền miên
Tôi đi gió quật rừng hoa đổ.
Mở lối văn chương lạc hướng thiền

Hun hút đường mây quyện gió khơi.
Chân lê cát bụi mắt ngang trời
Anh đi chưa biết về đâu cả.
Mà tưởng đôi lần đã đến nơi.

Tôi với anh cùng bơi thuyền thơ.
Đi trong sương khói mộng đôi bờ.
Con sông giờ cũng thành vô tận.
Vẫn chảy âm thầm qua giấc mơ.

Anh bảo rằng không, không cũng không.
Còn tôi, hư thực cũng phiêu bồng.
Thì thôi! ta biết ta còn thở.
Là biết ân tình đang trổ bông.

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ
(North Carolina)

Tình Người Và Chó

VŨ NAM

Lúc sau này, cuối tuần khi không bận bịu gì tôi thường vào Internet để xem những phim ở Việt Nam . Chắc ai cũng biết các phim như Bi, Đừng Sợ, Cánh Đồng Bất Tận, Mùa Len Trâu, Dòng Máu Anh Hùng, Bẫy Rồng, các phim dựa theo truyện của nhà văn Hồ Biểu Chánh, vân vân..., lúc nào muốn xem cứ vô Internet mặc sức mà xem.

Nói thực, phim Việt hiện tại có những tập coi rất được, rất tới. Đem thi các giải điện ảnh ở ngoại quốc, nếu không được giải, chắc cũng làm cho khán giả ngoại quốc ngạc nhiên. Vì cảnh Việt Nam và người Việt Nam. Ai đi xe lửa qua đèo Hải Vân mà không nói Việt Nam có một bải biển đẹp, dài, uốn khúc, dựa vào sườn núi thật thơ mộng. Còn những bãi biển như ở Quy Nhơn, Nha Trang thì đã có nhiều người viết trên Internet khen rồi. Nhưng phần lớn phim Việt Nam còn lại thường chạy theo thị hiếu hay động cơ nào đó: tiền, chính trị, v.v... Chính một người đạo diễn VN, làm phim ở VN, mới đây viết một bài báo phàn nàn việc này trên Internet. Nhiều phim tôi xem qua, có một hai phim thấy hay, làm lòng nhớ mãi như Hoàng Hôn Ấm Áp, Sóng Tình, Hoa Dại, Cocktail Cho Tình Yêu.... Còn lại các phim khác, có phim xem một vài tập đầu thấy không hay nên không xem tiếp. Dĩ nhiên trong phim Việt Nam không ít thì nhiều cũng có chính trị xen vào, nhưng tôi bỏ qua việc đó, chỉ chú ý đến cảnh Việt Nam và con người Việt Nam. Vì chính trị ở Việt Nam thì ai cũng biết ra sao rồi!

Cách đây vài tuần, tình cờ tôi vào Internet xem phim Ngã Rẽ của đạo diễn Tường Phương. Tôi đã xem phim này một cách say mê. Khi rảnh là tôi vào xem, xem cho đến hết. Truyện phim cũng không có gì đặc sắc lắm, nhưng hay. Nhất là những cảnh trong phim. Có lẽ nếu cảnh trong phim gần gũi với thân phận người xem nào thì người đó mới cảm nhận là hay?

Phần một lấy bối cảnh ở miền Trung, thời gian sau năm 1975 chắc vài ba năm . Đây là thời gian khổ nhất của Việt Nam sau 75. Suốt phần một cuốn phim cứ thấy cảnh nắng. Đúng là nắng cháy da người. Người người phơi nắng, nhà nhà dưới nắng. Và bụi đỏ đầy trên đường nữa. Tôi ở miền Nam. Mùa hè, may nhà cạnh biển, có gió, ấy vậy mà thuở nhỏ nắng một hai giờ trưa là không dám ra đường, cứ trốn trong nhà. Ra đi không dép guốc là bị phỏng chân. Trẻ con không có dép ra đường chỉ có chạy chứ không có đi. Đường cát xứ biển nóng lắm. Chạy kiếm chỗ có bóng mát như dưới gốc cây, gốc trụ điện đứng cho bàn chân nguội rồi mới chạy tiếp. Mùa hè là có chó dại. Nắng quá chó cũng điên, chạy rong ngoài đường, nước dãi chảy ra hai bên mép miệng. Ở ngoại quốc này, thỉnh thoảng gặp vài anh em gốc miền Trung như Bình Định, Quảng Trị, anh em nói nắng ngoài Trung rất khắc nghiệt vì ngọn gió Lào mùa hè thổi từ Lào qua. Nắng miền Nam mà nhằm nhò gì. Không thấy người ta nói "nắng ấm miền Nam" sao. Ở ngoài Trung mùa hè nếu sơ hở là nhà tranh có thể bốc cháy vì nắng. Cha, người viết không ở miền Trung nên không biết. Nhưng qua bộ phim, thấy nắng, gió và bụi đỏ miền Trung đáng sợ thật.

Nhân vật trong phim thì nhiều nhưng người để lại trong lòng người viết, để bỏ thì

giờ ra viết những dòng này là cậu bé đóng vai Liêm, thằng Liêm, khoảng mười hai tuổi. Cô bạn cùng tuổi cùng lớp, trường làng, ở cùng xóm với Liêm đóng cũng hay, nhưng không bằng cậu.

Cha với mẹ có lễ cưới hẳn hoi, nhưng họ bỏ nhau. Mẹ, cô Thơm, dẫn Liêm về tự nuôi dưỡng, vì ông bà ngoại không muốn cưu mang cháu và con gái sau khi con ly dị. Không nghề nghiệp, không tiền của cô làm nghề bán nước trá hình, gái mãi dâm là chính, để nuôi con. Khách là những tài xế xe, dân lao động, say xỉn. Những lời trong bài viết này hoàn toàn không thể diễn tả nổi những cảnh mà Liêm đóng. Cậu bé gầy nhỏ, da sạm đen vì nắng, mặt hốc hác, tóc bù xù, và kéo lê thân xác bằng đôi chân không dưới cơn nắng và gió miền trung, trên những đoạn được màu đất đỏ, bụi đầy. Đúng là em bé miền quê mồ côi cha mẹ. Không giống như trong phim Mùa Len Trâu (truyện của nhà văn Sơn Nam) cậu bé chăn trâu "hơi" giống như cậu bé người ngoại quốc gốc Việt về nước đóng phim. Nếu trong phim Ngã Rẽ mà đạo diễn cho cậu Liêm một chiếc xe đạp cũ, người xem sẽ thấy đở buồn hơn. Đúng là cuốn phim lấy nước mắt người xem. Nhưng đó lại là chuyện thật sau 75. Xe đẹp rất hiếm hoi ở những vùng quê nghèo khổ.

Trong lớp học, Liêm lại là người lẻ loi, cá biệt. Các cô giáo đều không muốn nhận Liêm vào lớp mình bởi vì sợ không thể nào giúp Liêm khá hơn được, lại có thể gặp nhiều phiền phức trong nghề nghiệp. Liêm học trễ vì bị ở lại nhiều năm. Vì hoàn cảnh chớ không phải vì Liêm ngu đần. Nhưng thầy cô vẫn sợ, vì mỗi năm đều có bình bầu "giáo viên tiên tiến" và sĩ số lên lớp phải đạt một trăm phần trăm. Giáo viên nào không muốn mình được bình bầu là "giáo viên tiên tiến" ở cuối năm học? Phải chạy theo thành tích hết! Hình như chỉ có cô bạn gái gần nhà của Liêm là nơi cho Liêm nương tựa trong lớp học và cũng là người hiểu Liêm nhất. Trong phần hai của cuốn phim, vì đã thấy hình ảnh bạn Liêm thời thơ ấu nên sau này khi trở thành cô giáo, cô bạn gái của Liêm hiểu học sinh hơn những đồng nghiệp khác, không qua sách vở sư phạm mà qua những giá trị thực từ những kinh nghiệm sống thực trong thời nhỏ của mình. Cô đã làm cho Ban giám hiệu nhà trường và các vị phụ huynh học sinh phải nể phục bằng cách "tiếp cận" với các học sinh từ cách riêng của cô.

Liêm khéo tay nên cậu hay nắn những tượng người, thú, bằng đất sét. Người tài xế, anh giáo viên, con chó... Nắn xong cậu xếp thành hàng. Ai thích cậu tặng. Và cậu cũng có một con chó thật, tên Bin. Chó mnh nhỏ, vui vẻ, quấn quít, lông màu vàng, mượt. Một ngày, con Bin làm đổ nhớt của một tiệm lo dầu nhớt nước cho các xe tải, họ bắt nhốt Bin. Muốn cứu Bin Liêm phải có tiền để chuộc. Người đàn ông làm công cho tiệm, nhốt chó, còn hù Liêm: Chiều mai không có tiền chuộc thì mày đi ra quán "cầy tơ" ở đầu đường mà tìm nó. Liêm hoảng hốt lo sợ, mặt rầu rĩ. Nhưng tiền đâu Liêm có!? Trong túp lều tranh, mẹ Liêm còn không đủ tiền để lo việc ăn mặc cho hai mẹ con, lấy đâu tiền đi chuộc chó! Liêm đã ăn cắp từ một người bạn học giàu có đem khoe tiền trong lớp học. Nhưng trớ trêu thay, người bạn học giàu có này là anh em cùng cha khác mẹ với Liêm, nhỏ hơn Liêm vài tuổi. Liêm bị bắt gặp và bị đuổi học vì tội ăn cắp. Hình như ngoài cô bạn gái của Liêm, không ai biết Liêm ăn cắp tiền vì muốn cứu con chó của mình. Họ chỉ nghĩ đơn giản Liêm là một trẻ con đã hư hỏng. Kết quả Liêm lại bị đuổi học, lang bang lất bất, trên con đường nắng gió khóc liệt.

Người tài xế bằng đất sét, Liêm đã lấy cây gậy đập cho tan nát, khi bắt gặp ông ta đang làm tình với mẹ mình, dù trong trí óc non nớt cậu cũng biết là mẹ cậu sẽ được

tiền sau những lần như thế. (Vì trong một lần trước các bạn cùng lớp, khi thấy bài vở Liêm không được ai chăm sóc, cô giáo tức giận hỏi: Mẹ trò làm nghề gì? Liêm trả lời: Làm đĩ! Cô giáo tái mặt hỏi lại: Ai nói với em như vậy? Liêm trả lời ngay: Mẹ nói!). Ông thầy giáo, hiệu trưởng, bằng đất sét, Liêm cũng đập ông ta không thương tiếc. Đập trong hận tủi, sau khi ông ta nặng lời và đuổi học cậu dù người mẹ đau khổ có van xin ông cách mấy, ông cũng mặc. Trước mắt Liêm, người mẹ rủ mình quỳ xuống khóc xin tha tội cho cậu và cho xin con mình học tiếp ông cũng "vô tư". Sau đó vì uất hận người mẹ đã cho Liêm một trận đòn nên thân. Không ai Liêm có thể gần gũi được nữa, dù là mẹ, chỉ còn con chó Bin bằng đất sét là Liêm còn gần gũi, và xem nó như người bạn không thể rời được.

Kết quả con chó nhỏ bị sao thì ai cũng có thể đoán được. Bin bị cắt cổ, bị thui trên dàn lửa. Liêm đã không có tiền chuộc mà còn đến quá trễ! Khi cậu đến Bin đã chết và đang bị xỏ cây ngang bụng, thui lông. Cậu xô ngã người đang đứng thui chó, và bất kể dàn lửa đang cháy cậu giật chó và ôm nó chạy đi như người mất trí.

Phim còn rất dài. Từ đó Liêm bỏ đi, hận đời, lao vào đời với những lần trộm cắp, bị đánh, và sau này lớn lên cậu đã trở thành một "đàn anh" có hạng trên những con đường giữa hai biên giới Việt Miên với nghề bán những cô gái qua biên giới. Phim cứ cho thấy, cậu luôn luôn bị ám ảnh với quá khứ của mình. Cây đắng không thể sinh trái ngọt! Cho thấy việc làm hôm nay của Liêm là kết quả của thời quá khứ cậu bị con người và hoàn cảnh trù dập. Nhưng dù hằng ngày tay súng, tay dao với các băng đảng khác, tận đáy lòng Liêm vẫn có những lúc suy nghĩ về tình yêu thương và sự hướng thượng. Có lẽ đây mới là bản thể của Liêm?

Một cuốn phim xã hội đầy tình tiết mà tôi không thể viết hết ra được và viết lại đúng hoàn toàn như phim được. Đúng là đôi khi không thể diễn tả những hình ảnh ngoài đời sống bằng những dòng chữ viết. Mẹ Liêm, tài tử Đinh Y Nhung đóng, ba của Liêm, gia đình cô bạn gái của Liêm gồm ông ngoại, cha mẹ và đứa em gái, mỗi người đều đóng trọn vẹn vai trò của mình. Phim rất Việt Nam, đầy tình người, nhưng cũng đầy những xấu xa cá biệt rất con người. Chứ không phải là những cuốn phim VN khác như hiện nay, cứ khoe giàu có, nhà to, xe đẹp của những thành phần trưởng giả mới trong xã hội hiện tại. Hở ra là uống rượu Tây, nhảy đầm. Đành rằng không nên cứ ôm mãi quá khứ để mà sống với nó, nhưng xã hội Việt Nam hiện tại vẫn là xã hội đầy người nghèo, của người nghèo và những người làm phim Việt Nam nên dựa và cái cốt lõi này để làm phim, để xây dựng con người, chớ không phải làm phim để tập tành cho thanh niên chỉ biết "nhậu" và khoe của. Nghĩ lại lời anh đạo diễn Việt Nam trách những phim ở Việt Nam trong thời điểm hiện tại mà người viết nêu ra ở trên cũng không có gì sai lắm.

Phim có một kết cuộc cũng không vui, nhưng thôi, cứ để người xem rồi sẽ biết.

Còn đạo diễn Tường Phương, qua phim Ngã Rẽ này tôi rất phục anh, dù chưa bao giờ quen biết anh. Tôi cũng phục cậu bé đóng vai Liêm.

Vũ Nam

(Germany)

Tiếng Thu

Buổi sáng mờ sương phủ góc thềm
Cánh hoa ngấn đọng giọt mưa đêm
Đời như mặt nước hồ thu lặng
Chẳng gợn sóng lòng rất dịu êm.
Gió thu man mác cả không gian
Bàng bạc nắng thu vương lá vàng
Đời chẳng cùng chung niềm ước vọng
Đêm buông dỗ giấc mộng vừa sang.
Chiếc lá nghiêng mình nhè nhẹ rơi
Chạnh buồn thương nhớ tuổi đôi mươi
Soi gương mái tóc pha sương khói
Thu đến dù ta chẳng gọi mời.
Tâm tình xa vắng ai còn nhớ
Ký ức nhạt nhòa kỷ niệm phai
Tiếng thu nhẹ thoảng theo hơi gió
Ngỡ bóng em về tóc xõa vai.

Đỗ thị Minh Giang



Dù có bao giờ...

Trời chớm Thu rồi ai biết không?
Gọi nhau lá rụng xót xa lòng
Cô liêu những bước đau đường vắng
Trên ngạn tình vương mãi ngóng trông

Biết tỏ cùng ai những nỗi sầu
Mình ai một cõi với niềm đau
Thu đi Thu đến Thu nào biết
Mây xám tình riêng chỉ một màu

Mây gió tựa nhau chẳng muốn rời
Cỏ hoa bịn rịn cánh chao rơi
Trăm năm sóng gọi hoài xa vắng
Bóng nhạn bơ vơ khóc phận đời

Bên ấy ai ơi có vọng thương ?
Một người ngồi đếm lá đêm trường
Mai sau dù có bao giờ....nhỉ ?
Ai có đan hoài nỗi vấn vương ?

Uyên Phương Minh Nguyệt



NHỮNG MÙA THU TRONG TA

TRƯỜNG THY

Trời vào thu chưa em? Câu hỏi đầy tình tự. Mùa Thu nói gì với chúng ta, với con người, với vũ trụ nhân sinh, và tâm hồn thi nhân nói riêng?

Qua câu hỏi trên, nếu để tâm hồn lắng xuống sẽ có biết bao ý nghĩ, bao nhiêu câu trả lời trong trí nghĩ, nơi trái tim, và cả trong cảm giác của con người.

Thôi thì cứ để cho dòng tâm tư vẩn vơ, bay bổng, cuốn theo và tiết tấu với âm thanh của lời nói: **"Hôm nay trời vào Thu..."** để nghe tiếng Thu trong gió thu, trong mây mùa Thu, trên lá Thu thầm thì nhắn nhủ và để lòng bâng khuâng với tơ trời.

Ngày xưa mỗi khi nghe nói mùa Thu, ta có cảm tưởng như Thu về từ xa xăm, từ một nước Tầu cổ. Thực ra Thu là của đất trời, của lòng người, và riêng tư một chút, là của thi nhân. Thu không hẳn là mùa buồn, là mùa chia ly, mà có lẽ đây là khoảng thời gian những cảm nghĩ và các sinh hoạt có phần chùng lại, tạm gọi là mùa lắng đọng. Thu là mùa thay lá, ươm tình; lá đổi mầu và tình cảm sang trang.

Bàn tay e ấp trên trang thư học trò với những dòng tương tư mung lung và chứa chan hy vọng:

- Giấy phong kỹ mang thầm trong túi áo
- Mãi trăm lần viết lại mới đưa đi.
(Xuân Diệu)

rồi những ngón tay vương víu trong câu ca:"*...quay quay thương nhớ cuốn vào tơ – quay quay xe áo rét dâng chàng...*"

Những bài thơ, những bản nhạc hay, dễ truyền cảm và dễ ru lòng người vẫn thường mang âm hưởng buồn, tiếc nuối. Từ đó, mùa Thu có mang những âm hưởng ấy mới là mùa đẹp. Nếu ai đã có dịp đến thăm rừng Thu ở Virginia vào tháng Chín hàng năm hẳn đã chiêm ngưỡng được cái đẹp của mùa Thu và của tâm hồn con người vương trên sắc lá. Người con gái đẹp có vẻ mặt vui tươi, dễ gây cảm tình, chiếm ngự lòng người, song đó có thể là sự chiếm ngự bề mặt. Người con gái đẹp, phảng phất nét buồn trên đôi mi lại có thể chiếm ngự chiều sâu tâm hồn người đối diện đấy. Chỉ một hình ảnh chinh phu trong lòng người cô phụ, con nai vàng ngơ ngác đạp trên lá vàng khô, cả rừng Thu và trời Thu và cả tâm hồn Thu đã trầm vang lên những cung điệu kỳ diệu mà Lưu Trọng Lư đã dạo lại cho chúng ta nghe qua bài *"Tiếng Thu"*:

- Em không nghe mùa Thu
- Dưới trăng mờ thổn thức
- Em không nghe rạo rực
- Hình ảnh kẻ chinh phu
- Trong lòng người cô phụ
- Em không nghe rừng Thu
- Lá Thu kêu xào xạc

- *Con nai vàng ngơ ngác*
- *Đạp trên lá vàng khô.*

Rồi những chia ly, xa cách và tiễn biệt vẫn lại thường hay lồng trong khung cảnh mùa Thu, chẳng hạn như ta bắt gặp trong "Chinh Phụ Ngâm Khúc" của Đặng Trần Côn viết bằng chữ Hán vào năm 1742. Sau đó ít năm bà Đoàn Thị Điểm đã diễn Nôm theo thể Song Thất Lục Bát, với những câu:

- *Chí làm trai dặm nghìn da ngựa*
- *Gieo Thái sơn nhẹ tựa hồng mao*
- *Giã nhà đeo bức chiến bào*
- *Thét roi Cầu Vị, ào ào gío Thu*

Nhìn những mùa Thu đi mỗi nhân sinh quan đều mang những mầu sắc có phần chung song cũng có phần riêng tư. Với Thế Lữ, ta nghe:

- *Ánh chiều Thu*
- *Lướt mặt hồ*
- *Sương hồng lam nhẹ lan trên sóng biếc*
- *Rặng lau già xao xác tiếng reo khô*
- *Như khua động nỗi nhớ nhung thương tiếc*
- *Trong lòng người đứng bên hồ.*

còn Xuân Diệu lại cho ta hình ảnh:

- *Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang*
- *Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng*
- *Đây mùa Thu tới, mùa Thu tới*
- *Với áo mơ phai dệt lá vàng.*

rồi Huy Cận, con người vốn sầu muộn, nhìn rừng Thu chỉ thấy:

- *Bỗng dưng buồn bã không gian*
- *Mây bay lũng thấp giăng màn âm u*
- *Nai cao gót lẩn trong mù*
- *Xuống rừng nẻo thuộc nhìn Thu mới về*
- *Sắc trời trôi nhạt dưới khe*
- *Chim đi, lá rụng, cành nghe lạnh lùng.*

Với cái nhìn gần gũi hơn, Song Linh than thở:

- *Thu về lá bỏ đi hoang*
- *Cây trơ trụi đứng thở than một mình*

để rồi

- *cho nhau mới nửa cuộc đời*
- *mà sao cay đắng thành lời sang Thu.*

trong khi đó thì Ngô Minh Hằng lại với:

- *Mùa Thu anh đến thăm em*
- *Lá Thu rụng đỏ bên thềm như hoa*
- *Anh dừng lại bước bôn ba*
- *Em dang đôi cánh thiên nga đón mừng*

và rồi ta lại nghe Chinh Nhân trong nỗi nhớ đến:

- *Tàn Thu lá rụng vẫn chờ trăng xưa*

bởi vì

- *chiều thu vàng lá rụng đầy*
- *anh đi nhặt gửi gío mây một mình.*

còn với Như Thương ta lại thấy những ưu tư dấu hỏi, những thắc mắc trầm đau, da diết và quạnh hiu trên sông đời nhân thế:

- *Thu có hứa ngàn năm*
- *Sẽ cho đời lá vàng*
- *Trong trái tim lỡ làng*
- *Mầu héo tàn xa xăm*
- *Thu có đợi ngàn năm*
- *Những cuộc tình ly biệt*
- *Dường như là hối tiếc*
- *Thôi vỡ mảnh trăng rằm*
- *Thu có sầu ngàn năm*
- *Để gío lay hiu hắt*
- *Để mắt buồn trong mắt*
- *Để bóng người biệt tăm*

Để nói với mùa Thu, xin hãy nghe tâm sự của người lính Tự Do, cũng là người tù dưới chế độ bạo tàn Cộng Sản, và rồi lại là kẻ lưu vong nơi quê người vừa xa vừa lạ:

- *Nói với mùa Thu bên chấn song*

- Nhớ mòn tâm trí nhớ nghiêng lòng
- Nhớ bầm trên lá chiều cô đọng
- Và nhớ gì lâu em biết không?
- Nhớ những năm sờn vai chứng nhân
- Phổi người khô lép thiếu an thần
- Đêm chong mắt hận nhìn thân thế
- Trả nợ oan cừu nơi dấu chân
- Nói với mùa Thu khi lá rơi
- Chiều rung môi nắng gạn mồ hôi
- Nghe như khao khát gì đâu đó
- Còn ủ ơ hờ những nổi trôi.

Nhìn về bên kia bờ Thái Bình Dương, những mùa Thu vàng đã thành Thu xám cho những mảnh đời thanh xuân của người con gái Việt Nam da vàng:

- Em mùa Thu xám của trần gian
- Lưu lạc quê người vẫn Việt Nam
- Bởi trót sinh trong triều Vệ Nữ
- Em tôi một thuở mặn phong trần.

Ngày nay Thu mang niềm vui cho tuổi trẻ. Tết Trung Thu còn gọi là Tết Nhi Đồng; và rồi Thu cũng đã xóa đi những giây phút thưởng ngoạn của người lớn. Dù ở quê nhà hay nơi hải ngoại, người ta chẳng còn hoàn cảnh để ngồi rung đùi trên chiếc chõng tre, trên manh chiếu lụa, quanh đồng bánh dẻo, bánh nướng để thưởng trăng vịnh nguyệt. Dầu vậy, mỗi độ Thu về, chúng ta cũng không tránh khỏi giây phút chạnh lòng nhớ đến chậu cúc vàng, chén nước chè xanh, và mùi bánh nướng đêm rằm nơi quê nhà của một thời xa xưa. Thu là nhớ, là tâm tư, là hồn người xa xứ, là tâm sự kể lể dưới mầu xanh của vòm trời lưu ly. Thu là lời nhắn nhủ của tình quê hương và tình yêu trong ánh mắt nhân loài và nhịp đập của trái tim nhân bản.

Mùa Thu cũng còn là mùa gợi tình hơn bao giờ hết, song người ta lại chỉ hay mượn mùa lá vàng rơi để bi thảm hóa tình yêu, để nhuộm tím hồn mình, và còn để thi vị hóa những đau thương thống khổ. Mùa Thu áo tím không hẳn là mầu da của bất hạnh mà còn là cái gía tuyệt vời của trầm tư, chịu đựng, hy sinh, và hiến dâng. Hàng năm đến mùa chay (Lent), vào tuần lễ Đức Kitô chịu nạn, trong các thánh đường Thiên Chúa Giáo người ta thấy những bức màn tím che các ảnh tượng. Mầu tím là tín hiệu của đau thương, song từ phía sau mầu tím ấy lại là cả một trời yêu thương.

Hơn ba mươi năm trên đường đời viễn xứ, người Việt ly hương sống trên đất khách, mấy ai có được những phút giây cho lòng mình chùng xuống, lắng tâm hồn nghe tiếng Thu, cảm nhận vùng thiên nhiên đổi tính, nhìn vũ trụ thay mầu da? Nhìn những mùa Thu đi, những mùa lá vàng rơi trên xứ lạ, hồn người lữ thứ cảm nhận những gì để lưu lại cho mình, cho thế hệ mai sau?

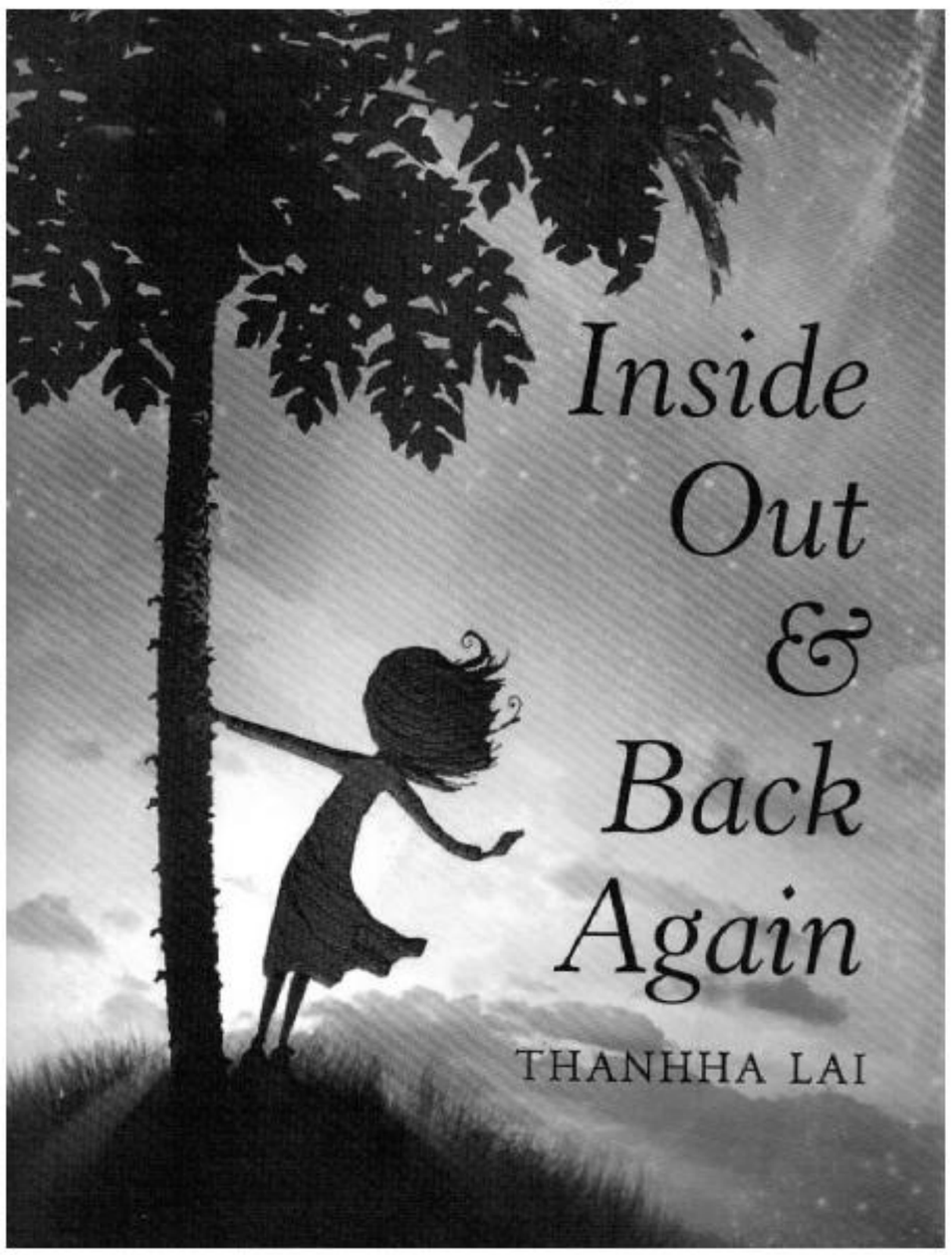
Thu Lại Về

- em ơi thu *mới lại về*
- bên song dư ảnh mùa hè đong đưa
- nắng xưa dường vẫn dư thừa
- trong khoang tuổi vắng cạn mùa khô khan
- đêm nay em nhé - lập đàn
- để khai nguyên phút buông màn sương mơ
- những đêm lữ thứ không giờ
- chênh vênh đất lạ ngôi mồ phả quê
- mấy mươi năm đón thu *về*
- nhìn rưng rưng lá vàng se se đời.

(xb.)

PHỤ NỮ VIỆT CHIẾM GIẢI VĂN CHƯƠNG HOA KỲ 2011

Với tập thơ truyện nhan đề **Inside Out and Back Again** (tạm dịch: Từ trong lộn ra ngoài rồi lại lộn ngược lại, hàm ý cuộc di cư sang Mỹ là một cuộc đổi đời, và cuối cùng lại có đời sống tốt đẹp hơn, qua cơn bĩ cực tới tuần thái lai), tác giả Lai Thanh Hà, chiếm giải nhất toàn quốc National Book Award năm 2011, về bộ môn thơ dành cho Thiếu niên, và giải thưởng Newbery Honor năm nay của Hội Quản thủ Thư viện Toàn Quốc Hoa Kỳ (American Library Association). Đây là một vinh dự của tác giả, một tấm gương phấn đấu, và cũng là một tin vui cho cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại. Bài này tóm lược tập thơ truyện và nêu lên lý do chính tại sao tác phẩm được chọn trong số cả trăm tác phẩm tranh giải. Bằng một lối hành văn ngắn gọn, dùng lời lẽ và tâm lý của một cô gái 12 tuổi, tác giả thuật một cách dí dỏm và cảm động, những nỗi cô đơn, xa lạ của một cô gái trong một trường tiểu học Mỹ bị một số bạn chế nhạo, chọc ghẹo, nhưng quyết vượt trở ngại. Vượt biển sang Mỹ tới tiểu bang Louisiana, cô gái lúc đầu không biết tiếng Anh, Lai Thanh Hà tốt nghiệp trung học và đại học và thêm văn bằng cao học MFA về văn chương, và nay vừa viết văn vừa dạy tiếng Anh tại một đại học ở New York.



Vietnamese-American Woman Writer's First Novel in Poetry Wins National Award
ThanhHa Lai, Inside Out and Back Again.
HarperCollins Publishers, 2011, 262 pp. Hardcover]
Price: US$15.99
Winner of the 62nd National Book Award, Young Adult Fiction (2011); Newbery Honor (2012).

Summary and analysis by Phạm Trọng Lệ

After the fall of Saigon in April 30, 1975, there have been hundreds of books written, many of which were personal accounts of the harrowing miseries of Vietnamese refugees on the days they struggled to get out of Viet Nam by boat, over the sea, to the islands near the Philippines, Malaysia, Indonesia and Thailand. A standout is one prizing-winning book for children aged 8+ written by ThanhHa Lai, a 47-year-old Vietnamese-American writer, who came to this country when she was only ten years old, knowing practically no English. After a month on a Navy ship, her

family of ten—her mother, six elder brothers and two sisters--came to Guam, then to a refugee camp in Florida before arriving at Montgomery, Alabama, through the sponsorship of an American auto-shop owner. Why Montgomery, Alabama? "Believe me," she says in an interview, "we didn't know about Alabama to choose it. But to enter the United States refugees had to have a sponsor. The man who had the nerve to take on all of us (10 in all) lived in Alabama."

(http://www.harpercollins.com/author/microsite/About.aspx?authorid=36544). In Alabama, she repeated her unfinished 4th grade from Saigon, one year older than her classmates. There she recounted the story of isolation and alienation from the adjustment to the dullness of American food (compared to spicy and tasty Vietnamese fare), to new friends Pam ("Pem") and Steven ("SSsì-Ti-Vân") and Pink Boy, her bullying classmate; her struggle with the English language and its idiosyncrasies (the sibilants sounding like snakes), but with the help of her generous "cowboy" and her kind-hearted neighbor and retired teacher, Ms. Washington, whose 21-year-old son and soldier Tom was killed in Saigon, Hà's English improved. After high school, the author went on to undergraduate studies from the University of Texas, and graduated with a Bachelor's degree in journalism. She worked for 2 years as a reporter covering the police beat for the *Orange County Register* in California, where she says, "I got the insane idea that I should quit and write fiction." She left her reporting job and went to an MFA in creative writing program in New York University. For fifteen years, she worked on a novel about her life in Saigon, Alabama and Texas. Sent to ten agents and publishers, the manuscript was repeatedly rejected. She knows why: "Looking back, its beautiful sentences did not offer a plot and never really got anywhere." (*Publishers Weekly*) By fortune, she was connected with a New York literary agency and a good editor. In 6 months she rewrote the novel, using the base material, this time in short, concise, and lean prose-verse. The result is the novel in poetic form--**Inside Out and Back Again.** It was selected the finalist in the 2011 National Book Award annual contest.

(The NBA: Once a year since 1938, except for an interruption during the Second World War, the ward is given in 4 genres: fiction, non-fiction, poetry and young people's literature, five prizes for each genre.)



Last November, among 5 semi-finalists, ThanhHa Lai's story in prose-poems was declared the final winner among hundreds of books vying for that prestigious top prize.

Written in short poems, the book recounts the semi-biographical story of a 10-year-old girl named Hà and the life-changing year of 1975, the year Saigon fell (hence "Inside Out") when she, her mother and three elder brothers fled Vietnam on a ship. [The author is the youngest of 8 siblings--2

sisters and 6 brothers.] The 262-page book is told through the eyes of Hà.

How is it that a foreign-born writer who could not speak a word of English and struggled with English grammar (such as the plural s after regular nouns since there is no such thing in Vietnamese) is able to write an English book that merits acceptance by HarperCollins, a mainstream publishing house, whose submission to the NBA ultimately won the coveted prize that American-born writers strove to earn? What kind of style, vocabulary, symbolism and drama did the author use to capture the reader's heart?

Is there a lesson for other aspiring foreign-born authors whose first language is not English to learn?

-Division of the story:

Chronologically the story covers one full lunar year, from Tết of the Cat (1975) to Tết of the Dragon (1976). The poetic novel has four chapters: Chapter I: Saigon (34 poems); Chapter II. At Sea (19 poems); Chapter III. Alabama (51 poems), and Chapter IV. From Now On (11 poems). Total: 120 poems.

Each poem serves as a page of her diary, telling a story of that day. The tale starts with February 11, 1975, and ends with January 31, 1976. The events of the fateful year recounted vividly the days on the ship (rationing of food and drink, cramped living quarters), at the tent city in Guam, at school (hiding herself in the bathroom to avoid the jeering of classmates). The tales include Mr. Johnson, her sponsor, whom she calls "Our Cowboy" and his neighbors, the bullying classmate at school and out of class; her brother-hero Vũ, who teaches her self-defense and whose gigantic motorbike came in time to save her from the bully Pink Boy; her eldest brother Quang, an engineering student, who works as an auto mechanic; and her brother Khôi who refuses to eat eggs hoping naively that they all hatch into chicks; and especially her mother, a wise and practical, firm but loving mother, advisor and friend.

- ThanhHa Lai's style

As one reviewer notes, she uses a "spare but accessible" style, leaving a lot of space for the reader's emotions to seep in. One critic advises the reader to reread the story to notice "how perfect the thin line of the prose itself mirrors the thin line that Hà walks during that year." (Kathi Appelt, bestselling author of the Newbery Honor Book, *The Underneath*.)

-Suspense: Core details of the event are held up until the end to create suspense and intensify the reader's interest:

In "NOW!" she tells how her mother who speaks little English succeeds in getting the butcher to grind the pork for her:

She has me ask the butcher,
Please grind our pork.
I'm sure I said it right,
but the butcher
sharpens his face,
slams down our meat,
And motions us away.

Mother wrinkles her brows,
thinking, pausing,
then rings the buzzer again.
Please, she says.
It comes out, Peezzz

The butcher turns away
without a word.

Mother presses the buzzer
for a long time.

When the butcher returns,
he hears a lot of Vietnamese
in a voice stern and steady,
from eyes even more so.

Mother ends with a clear, NOW!

The butcher stares
then takes our meat
to the grinder.
(pp. 217-218.)

-In half prose, half unrhymed verses, the novel retains rhythm. The author has selected the right medium because the poetry allows her to write spare verse and at the same time packs into each line powerful imagery, allowing the reader to reach the raw emotions and humor. Also, the form of a diary lets the author tell the event of the day in her family, in her class, outside of school and in the neighborhood in a dramatic manner.

-The Vietnamese idioms are appropriately used:

"Tears of an ugly fish"<="Nước mắt cá sấu"=>"False tears of a crocodile."

"Clamp shut his mouth." (The mother scolds brother Quang). The word *clamp* suggests a sound and picture of a *clam*.=>câm miệng hến lại.

-Tenderness and wisdom:

In "**Confessions**" Hà tells her mother that she is bullied at school and whether she can fight back:

They chase me.
They yell "Boo-Da, Boo-da" at me.

They pull my arm hair.
They call me Pancake Face.
They clap at me in class.
And you want me to wait?
Can I hit them?

Oh, my daughter.
at times you have to fight,
but preferably
not with your fists.
(pp. 215-216)

-Vivid characters:

Here the mother tells her children to focus on the present and forget the past, including their MIA father, who looks "forever young" in his picture on the altar:

Until you children
master English,
you must think, do, wish
for nothing else
Not your father,
not our old home,
not your old friends,
not our future.
She tries to mean it
about Father,
but I know at times
words are just words.
("**English Above All**," p. 116-117)

Each character springs to life from a few strokes of her brush. The American sponsor, Mr. Johnson, whom Hà calls "Our Cowboy," brings gifts to the family, corrects Hà that horses in American do not go "*hee, hee, hee*"

but *"neigh, neigh, neigh"* and, to her disappointment, doesn't own a horse. His unsmiling wife and the neighbors do not seem to welcome them when they pay them a courtesy call until her family members decide to attend the church and change their faith. Ms. Washington greets them warmly and serves as ThanhHà's tutor in English after school (*Whoever invented/English/must have loved/snakes*—("**First Rule**," p. 118).

MiSSSisss WaSShington
has her own rules.

She asks me memorize
one new word a day
and practice it
ten times in conversation.

For every new word
that sticks to my brain
she gives me
fruit in bite sizes, downing in sweet, white fluff;
cookies with drops of chocolate small as rain;
flat, round, pan-fried cakes floating in syrup.

My vocabulary grows!
("**New Word a Day,"** p. 166)

When her sponsor, the "cowboy," finds a house for them and pays 3-month rent ahead, her brother Quang says the American government gives sponsors money… *to ease the guilt/of losing the war.*

Mother's face crinkles
like paper on fire.
She tells Brother Quang
to clamp shut his mouth.
People living on
others' goodwill
cannot afford
political opinions.
("American Address," *pp. 124-125)*

Here at school during lunch for the first time Hà eats a hotdog for the first time:

I don't know where to sit
any more than
I know how to eat
the pink sausage
snuggled inside bread
shaped like a corncob,
smeared with sauces
yellow and red.

I think
they are making fun
of the Vietnamese flag
until I remember
no one here likely knows
that flag's colors.
…
("Black and White and Yellow and Red," p.144)

Gestures speak more than words to show brotherly love and protection. Hà rides home with brother Khôi on his bicycle:

"Chin Nod"
I sit sidesaddle,
holding on to the handlebar.

The edges of our hands
touch.
As we glide away
I ask,
Every day?

I feel his chin

nod into
the top of my head
After school too?
Another chin nod.
We glide
and I feel as if
I'm floating.
(pp. 154-156)

-Can aspiring writers learn from ThanhHa Lai?

First, a solid command of English is a sine qua non. It took ThanhHa Lai 10 years that included high school, undergraduate and an MFA to master the language. In college, professors can be helpful mentors and critics.

Second, apply for a fellowship, or an assistantship (if you have a strong BA plus a few articles, short stories, or poems). The assistantship will provide full tuition plus a stipend. First-year MFA candidates normally get free tuition and no teaching duties; second year MFA candidates teach two workshops while working on their thesis, which may be a collection of poems, short stories or a novel in progress.

Next, jobs (as interns, reporters, editors, proofreaders, instructors): make sure you are not bogged down by your daily job demands (although work can provide experience and material for your stories) as they may affect your writing goals. (ThanhHa Lai teaches English at Parsons School of Design).

Attend writing workshops (where lecturers are practicing writers or poets) may help.

Last, get connected with a literary agent, editors. In the case of ThanhHa Lai, Rosemary Stimola from Stimola Literary Studio accepted her submission before HarperCollins assigned Tara Weikum as her editor.

-Critics' comments on ThanhHa Lai's novel:

"An incisive portrait of human resilience…would make a nice movie or children's television special, too." (*Publishers Weekly*)

"Lai's spare verse evokes such emotions that I found myself with tears in my eyes on many pages."

"A must for any teacher dealing with bullying in the classroom/school."

http://blog.schoollibraryjournal.com/slj/home/892838-312/debut_author_thanhha_lai_nab.html.csp

"…ThanhHa Lai's novel is written in verse for a concrete, very good reason. In both cases you have stories where children were entering strange new lands where they did not necessarily know the language. To make this book a verse novel, the child reader gets inside Ha's head while the same time encountering sentences that are broken up in ways different from your average middle grade novel. The result is simultaneously intimate and isolating. It's perfect."

"Lai's spare language captures the sensory disorientation of changing cultures as well as a refugee's complex emotions and kaleidoscopic loyalties (*The Horn Book*).

Source:
(http://**www**.amazon.com/Inside-Out-Back-Again-Thanhha/dp/0061962783). The pictures on the book jacket and that of the author are taken from this website.—PTL, Virginia, 7/27/2012

BÊN TÌNH BÊN NGHĨA

Phạm Hữu Bính

Ông Hoạch đứng ngắm nghía mâm trái cây mà ông vừa kính cẩn đặt lên bàn thờ tổ. Ông tự hào rằng bao giờ ông cũng hết sức chu đáo trong việc thờ phụng tổ tiên. Ông đã rửa kỹ những trái cây ít ra là ba, bốn lần, rồi lau chùi thật khô ráo từng trái trước khi bày vào chiếc mâm sơn son thếp vàng mà ông đã nhờ người mua tận bên Hồng Kông mang về. Ông Hoạch vẫn tin rằng vì ông hiếu thảo, hết lòng thờ phụng tổ tiên mà gia đình ông được khấm khá.

Năm nay ông Hoạch sáu mươi hai tuổi. Với mái tóc còn đen, nước da tuy hơi sạm nắng, nhưng không một vết nhăn, trông ông trẻ hơn tuổi của ông nhiều. Ông luôn tươi cười để lộ hai hàm răng ngà ngà vàng vì nước trà và cà phê đen. Những người quen biết ông thường gọi ông là ông Thông Hoạch vì hình như có một thời ông làm thông ngôn cho một cơ quan từ thiện.

Ông Thông Hoạch hay chuyện trò với bất cứ ai mà ông gặp. Ông không bỏ lỡ dịp nào để nói chuyện về hai người con lớn của ông:

- Cậu con trai lớn tôi tên Khoa làm biện lý ở toà án thượng thẩm đáng lẽ có xe và tài xế của chính phủ; nhưng anh ta lại thích lái xe lấy. Ôi, cứ nhìn cái xe Peugeot *cát-săng-cát (*404) là biết anh ta sành chơi xe lắm. Xe Peugeot vẫn được tiếng là xe tốt nhất của Pháp. Con gái lớn của tôi tên Bich lấy chồng là Đại-Tá Nghiêm ở Bộ Tổng Tham Mưu. Anh này thì lại chỉ thích đi xe *díp* nhà binh có tài xế lái. Xe lúc nào cũng sạch sẽ, bóng loáng vì anh lính nào được chọn về làm tài xế cũng hết sức giữ gìn xe để còn được ở lại Sài Gòn.

Lẽ dĩ nhiên là ông Thông Hoạch chẳng bao giờ nói chuyện về người con trai út tên Bảng và người con gái áp út tên Linh của ông. Sao cùng một bố mẹ sinh ra mà hai người này thua kém người con trai trưởng tên Khoa làm biện lý và người con gái tên Bích, vợ ông đại-tá thế!

Khoa năm nay ba mươi tám tuổi, giống ông Thông Hoạch như đúc, cũng cái trán cao, đôi lông mày rậm, hai gò má cao; nhưng nước da trắng xanh, để râu cằm và râu mép. Khoa vẫn nói: "Mình còn trẻ mà ở địa vị chỉ huy thì cũng cần có râu cho nó oai vệ hơn". Khoa nổi tiếng học giỏi ngay từ khi còn ở trung học. Khoa tốt nghiệp Đại Học Luật Khoa với điểm tối ưu, vào làm việc ở toà án với chức thẩm phán, và cứ được thăng chức liên tiếp cho đến nay là Biện Lý Toà Thượng Thẩm.

Bích kém Khoa ba tuổi, không đẹp lắm, nhưng duyên dáng với cái miệng nhỏ và hàm răng trắng muốt. Bích đang học dược năm thứ hai thì lấy chồng và bỏ học luôn để ở nhà trông con.

Linh thấp lùn hơn chị, nhưng nước da trắng mịn, khuôn mặt đều đặn. Linh phải thi hai lần mới đậu được bằng trung học đệ nhất cấp; rồi vào học trường Sư Phạm Thực Hành. Lúc thi tốt nghiệp, điểm số cũng thấp nên Linh đành phải chọn nhiệm sở còn lại cuối cùng là một trường tiểu học ở Cà Mâu. Ông Thông Hoạch phải chạy chọt mãi Linh mới được thuyên chuyển về trường tiểu học Gò Vấp. Ông Thông Hoạch đã hy vọng rằng được về gần Sài Gòn rồi Linh sẽ có cơ hội tìm được một người chồng có danh vọng mà nương tựa. Nhưng người chồng Linh cũng chỉ là một giáo viên tiểu học, tên Khánh. Vì mảnh khảnh, yếu ớt và nhất là vì có hai bàn chân bẹt, nên Khánh được miễn quân dịch. Hai vợ chồng và hai đứa con sống eo hẹp, dè sẻn lắm mới mua được cái xe gắn máy cũ. Nhà thì vẫn còn đi ở thuê.

Bảng năm nay đã hai mươi lăm tuổi mà vẫn vô nghề, vô nghiệp. Bằng trung học đệ nhất cấp cũng không có, Bảng bị động viên làm lính trơn. Nhờ người anh rể làm đại tá vận động, Bảng được gửi về phục vụ trong ngành chiến tranh tâm lý và cũng được ở ngay Sài Gòn.

Ngày Bảng ra đời, ông Thông Hoạch đã nhờ thày bói lấy số tử vi. Ông mừng rỡ khi thày bói nói Bảng sẽ làm quan lớn. Ông càng mừng hơn khi thấy Bảng ăn nhiều, lớn mau hơn những trẻ cùng tuổi. Ông hoàn toàn tin rằng khi lớn lên, Bảng sẽ có tấm thân *"Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao"*. Ông Thông Hoạch vẫn nghĩ rằng làm quan mà có thân hình cao lớn thì càng uy nghi, bệ vệ. Nhưng càng lớn lên, Bảng càng làm ông thất vọng. Bảng không thích học hành, không muốn làm bài vở; mà chỉ thích chạy nhảy, bơi lội, đá banh, vật lộn. Lục cá nguyệt nào Bảng mang học bạ về để phụ huynh ký vào, ông Thông Hoạch cũng chỉ thấy điểm số rất thấp kém và những lời các thày giáo ghi *"Cần cố gắng hơn"*, *"Cần chú ý hơn trong giờ học"* ở trong tất cả các môn học; trừ môn Thể Dục, Thể Thao thì bao giờ Bảng cũng được điểm cao và được khen là *"Xuất Xắc"*.

Từ ngày về công tác trong đơn vị Tâm Lý Chiến, Bảng được các cấp chỉ huy để ý đến vì tài chơi thể thao. Bảng chơi ở đội nào là y như rằng đội đó thắng, đem lại danh dự cho toàn thể đơn vị. Một niềm hy vọng lại bùng lên trong lòng ông Thông Hoạch. Biết đâu có ông lớn nào đó, thấy Bảng cao lớn, đẹp trai lại chẳng muốn đem con gái gả cho. Nhưng một lần nữa, Bảng lại làm ông thất vọng. Người con gái mà Bảng cưới làm vợ chỉ là cô bán hàng xén ngay đầu ngõ tên là Nguyệt. Ngày Bảng cưới vợ, ông Thông Hoạch cáo ốm, nằm trên lầu, để mặc mọi sự cho bà Thông Hoạch lo. Ông đã có ý định phá đám cưới, không cho Bảng lấy Nguyệt. Nhưng bà Thông Bạch rỉ tai ông nói nhỏ: "Hình như con Nguyệt đã có bầu với thằng Bảng. Thằng Bảng không làm đám cưới là nó sẽ làm rùm beng lên thì còn gì là thể diện nữa."

Bà Thông Hoạch kém chồng hai tuổi, dong dỏng cao, ít cười, ít nói hơn chồng. Bà chỉ lo việc nhà cửa, cơm nước, còn phó mặc mọi chuyện lớn cho ông Thông Hoạch. Bà hay quan tâm đến danh dự gia đình, chỉ sợ người ta chê cười cái này cái khác.

Ông Thông Hoạch đối xử với hai người con lớn và hai người con nhỏ hoàn toàn khác nhau. Ông vồ vập, thân mật, quí mến vợ chồng Khoa và vợ chồng Bích bao nhiêu thì ông lạnh nhạt, coi thường vợ chồng Linh và vợ chồng Bảng bấy nhiêu. Ông gọi Khoa là *"Anh Biện Lý"* và gọi Bích là *"Chị Đại Tá"* nhưng ông gọi Linh là "*Con Linh"* và gọi Bảng là *"Thằng Bảng"*.

Một hôm ông Thông Hoạch đi dự một tiệc cưới thì một người đàn ông chừng bốn mươi tuổi, ăn mặc lịch sự, đến chào ông và tự giới thiệu:

- Cháu là Luật Sư Thuận, cùng học một lớp với anh Khoa ở Đại Học Luật Khoa hơn mười năm về trước. Rồi mỗi người đi mỗi ngả. Cháu biết bây giờ anh Khoa làm biện lý còn cháu thì có văn phòng luật sư ở gần đây. Cháu có chuyện này muốn thưa với bác; nhưng nói ở đây không tiện. Ngày giờ nào thuận tiện cho bác, cháu sẽ đến thăm bác và nói chuyện thì có lẽ hợp lý hơn.

Thấy Luật Sư Thuận lịch sự, lễ độ, lại là bạn với con trai trưởng của ông, ông Thông Bạch vui vẻ nói:

- Bác lúc nào cũng rảnh. Nếu anh muốn thì sáng mai lại bác chơi uống cà-phê rồi mình nói chuyện. Nhà bác ở số 212/93 Đường Hoa Lư, Quận Ba, Sài Gòn.

Ngày hôm sau, Luật Sư Thuận đến gặp ông Thông Hoạch. Sau vài câu chào hỏi xã giao cho có lệ, Luật Sư Thuận hạ thấp giọng:

- Thưa bác, cháu xin phép vào thẳng đề ngay. Cháu có một khách hàng vừa bị bắt về tội hiếp dâm. Anh ta đang bị giam ở Khám Chí Hoà. Thứ Năm tuần sau sẽ ra sơ vấn. Nhờ bác kín đáo nói với anh Biện Lý Khoa để cho khách hàng của cháu được tại ngoại hầu tra, tức là được đóng tiền thế chân để về nhà tạm thời, chờ ngày ra toà. Cháu xin gửi bác đây hai mươi lượng vàng để tạ ơn anh Khoa và bốn lượng để tạ ơn bác sốt sắng giúp đỡ.

Luật Sư Thuận mở một bao vải ra để đủ hai mươi bốn lượng vàng xuống bàn và nói tiếp:

- Bây giờ Khám Chí Hoà đông nghẹt những tù nhân, một phòng lúc trước giam ba người thì bây giờ bảy tám người, chỉ đủ chỗ ngồi xổm xuống sàn thôi. Giam giữ thêm một người nữa là làm khổ chung cho nhiều người khác. Khách hàng của cháu có được tại ngoại hầu tra thì cũng được thong thả ít bữa thôi. Rồi đến ngày vẫn phải ra toà. Nếu không thì mất tiền đóng thế chân mà còn thêm tội nữa. Có gì mà phải lo ngại đâu. Cháu là bạn anh Khoa; nhưng là luật sư đại diện cho khách hàng, cháu không được phép đến gặp trực tiếp ông biện lý. Làm thế là trái luật, nên cháu trông cậy tất cả vào bác.

Ông Thông Hoạch nhìn những cây vàng lá óng ánh mà thấy run rẩy cả chân tay. Bốn lượng vàng! Ngày ông còn đi làm, để dành cả năm cũng chẳng mua được một lượng vàng. Bây giờ lại có người mang đến tận nhà ông để tạ ơn ông! Rồi anh Biện Lý cũng thế. Cứ ăn lương chính phủ thì mười năm cũng chả có được mười lạng vàng. Thôi thì một lời nói, một chữ ký có mất mát gì đâu mà phải do dự, suy nghĩ cho tổn tuổi thọ. Ông Thông Hoạch yên lặng một vài giây rồi đáp:

- Bác chẳng biết nói sao. Nhưng những gì anh vừa nói thì bác cũng nói lại cho anh Biện Lý nghe. Còn mọi việc là tuỳ anh ấy.

Luật Sư Thuận đứng lên từ biệt ông Thông Hoạch ra về, mặt mày hớn hở. Buổi tối hôm đó, ông Thông Hoạch ăn cơm xong là đến nhà người con trai cả ngay.

Ông Thông Hoạch đưa hai mươi lượng vàng cho Khoa và nhắc lại những lời của Luật Sư Thuận. Khoa cười:

- Bố cứ nghe mấy anh luật sư nói rồi đổ thóc giống ra mà ăn. Tên này phạm tội hiếp dâm, khi bị đưa ra toà là sẽ tù chung thân. Cho nó tại ngoại hầu tra là nó sẽ trốn mất. Nó có mất hai mươi lượng vàng tiền thế chân thì có nghĩa lý gì.

Tuy nói thế mà Khoa cũng cầm hai chục lượng vàng bỏ vào ngăn kéo, rồi quay lại nói với bố:

- Bố phải coi chừng kẻo rồi mang tiếng đấy.

Ông Thông Hoạch ra về, lòng phơi phới. Ông càng thấy quí mến người con trưởng của ông hơn. Ừ, làm quan phải có bổng lộc như thế thì mới giầu sang, phú quí được. Chứ cứ chân chỉ, hạt bột thì ngàn đời cũng không khá. Cũng nhờ có anh Biện Lý mà ông có được thêm tiền tiêu, tiền để dành và được bà con, người quen, kẻ thuộc nể nang hơn bội phần.

Hôm nay là ngày giỗ bố ông Thông Hoạch, một ngày giỗ quan trọng nhất trong năm đối với ông Thông Hoạch. Ngoài những người trong gia đình như chú thím Ngàn, cô chú Lân, ông cũng mời cả những thông gia của ông: Ông bà Giám Đốc Ngân Hàng Á Châu là bố mẹ vợ anh Biện Lý Khoa, ông bà Quận Trưởng Quận 5 Cảnh Sát, bố mẹ của Đại Tá Nghiêm, ông bà giáo Hân, bố mẹ chồng của Linh và ông bà Toàn, bố mẹ vợ của Bảng. Ông đã sắp đặt chỗ ngồi đâu ra đấy. Vợ chồng ông ngồi với những khách quí là ông bà Giám Đốc Ngân Hàng và ông bà Quận Trưởng ở một đầu bàn. Còn ông bà giáo Hân và ông bà Toàn thì ngồi với chú thím Ngàn và cô chú Lân ở đầu bàn kia. Tuy kể là ngồi cùng bàn mà ông Thông Hoạch chỉ nói chuyện với ông Giám Đốc Ngân Hàng và ông Quận Trưởng; ông lờ luôn mấy người khách kia.

Mấy người đàn bà lúi húi nấu các món ăn ở trong bếp. Lợi dụng lúc đứng gần Bích, Linh ghé tai chị nói nhỏ:

- Em có chuyện này muốn nhờ chị. Chị Lan, bạn cùng dạy một trường với em, có chồng, tên Minh là hạ sĩ đang thi hành nghĩa vụ ở tiền đồn Quảng Linh. Chị Lan mới sinh con trai. Anh Minh xin phép Đại Uý Trưởng Đồn về thăm vợ. Đại Uý Trưởng Đồn cho phép đặc biệt về thăm gia đình năm ngày. Nhưng Đại Úy dặn anh ấy mua cho Đại Úy một chai whisky hiệu Johnnie Walker Black Label. Đại Uý dặn anh ấy mua mà không đưa tiền. Anh ấy biết nếu không có rượu cho Đại Uý thì sẽ không bao giờ được về thăm vợ con nữa. Anh ấy đã đi khảo giá. Một chai rượu như vậy giá bằng cả tháng lương của anh ấy. Hoàn cảnh tài chánh của hai vợ chồng chị Lan thật eo hẹp. Chị có thể nói với anh Nghiêm tìm cách thuyên chuyển anh Minh về ở gần đâu đây được không. Em thấy chị ấy, em tôi nghiệp quá.

Bích suy nghĩ một giây rồi nói:

- Em biết nếu anh Nghiêm nhờ ai giúp thì cũng phải quà các cho người ta; chứ không thì lần sau chẳng ai muốn giúp đâu.

Linh gật đầu:

- Em hiểu. Để em bảo cho chị Lan biết. Chắc chị ấy ráng vay mượn hay chơi hụi. Điều quan trọng là anh Nghiêm giúp thuyên chuyển anh Minh về đây càng sớm, càng tốt.

Có tiếng bà Thông Hoạch gọi mọi người ngồi vào bàn. Linh và Bích vội đi lên phòng ăn.

Vợ chồng Linh và vợ chồng Bảng bực bội về cách cư xử của ông Thông Hoạch đối với ông bà giáo Hân và ông bà Toàn; nhưng chẳng biết nói làm sao. Mấy ngày sau, Bảng than thở riêng với người anh rể:

- Anh thấy không? Bố tôi là người phù thịnh, tức là thấy ai khá giả thì vồ vập; thấy ai nghèo túng thì coi thường. Không những ông ấy coi thường tôi mà coi thường luôn bố mẹ vợ tôi và con gái tôi nữa. Chẳng bao giờ ông ấy có một cử chỉ nào trìu mến với con Chi nhà tôi. Hễ thấy nó đâu là chỉ la mắng. Cháu gái mà sợ ông nội như sợ cọp. Ngược lại đối với con anh Khoa thì bố tôi bồng bế, nâng niu, hôn hít. Thế thì anh thấy có đáng giận không?"

Khánh gật đầu đồng ý:

- Tôi cũng có nhận xét như vậy. Nhưng mình là con cái, mình có bổn phận phụng dưỡng, kính yêu cha mẹ, thì mình cứ theo đạo lý mà làm. Chứ chẳng lẽ mình thù hận, oán trách người có công sinh thành ra mình hay sao?

Bảng đỏ bừng mặt lên:

- Anh là nhà giáo thì anh nói thế. Nhưng tôi hỏi anh thế này, từ xưa đến nay có con cái nào van lạy xin cha mẹ sinh ra mình hay không? Cha mẹ sinh ra con cái vì muốn có con cái hay là vì không biết cách ngừa thai. Đàng nào đi nữa thì cũng là do cha mẹ. Ngày trước, khi Khổng Giáo còn ảnh hưởng lớn, thì cha mẹ muốn có con cái, nhất là con trai, để nối dõi tông đường, thờ phụng tổ tiên. Ai không có con thì bị coi là vô phước, là bất hiếu. Anh còn nhớ câu *"Bất hiếu hữu tam, vô tự chi đại"* (Có ba thứ bất hiếu, không có con trai là một điều bất hiếu lớn) không? Do đó mà cặp vợ chồng nào cũng muốn có con. Cặp vợ chồng nào hiếm muộn thì lo sợ cuống cuồng, đi lễ đình, lễ chùa, cầu Trời, cầu Phật ban cho một đứa con. Ngày nay thì những người hiếm muộn bỏ ra cả chục, cả trăm ngàn để nhờ bác sĩ cho thụ thai bằng phương pháp nhân tạo. Những cặp vợ chồng không thể có con được thì lặn lội đi xin con người khác mang về làm con nuôi. Như thế có phải là cha mẹ muốn có con chứ không phải con cái muốn được sinh ra không? Do đó cha mẹ có bổn phận nuôi dưỡng, bảo vệ, dạy dỗ con cái cho đến khi con cái có thể tự lập được. Còn con cái có yêu mến, quí trọng bố mẹ hay không là tuỳ ở cách đối xử của cha mẹ. Nếu cha mẹ thực sự thương con thì chiều chuộng,

nâng niu, ngọt ngào với con, hy sinh cho con. Con cái sẽ cảm thấy tình thương đó nơi cha mẹ và sẽ đáp ứng lại bằng lòng quí mến, kính trọng bố mẹ. Sự yêu thương, quí mến phải xuất phát tự nhiên từ đáy lòng mà ra thì mới có ý nghĩa. Còn những cử chỉ, lời nói hời hợt ngoài đầu môi thì chẳng có nghĩa lý gì. Có những cha mẹ ghét bỏ, đánh đập, hành hạ con cái, thậm chí còn đem con bán đi làm nô lệ cho người khác. Ai dám bảo những đứa con này là *"Làm con cái thì có bổn phận yêu mến, kính trọng cha mẹ."*?

Khánh thở dài:

- Cậu nói đúng. Đời có nhiêu cái oái oăm quá.

Khánh và Bảng vẫn cảm thấy gần gũi với nhau và có thể nói chuyện tâm tình cùng nhau. Là anh rể, nhưng Khánh quí mến Bảng như em ruột, sẵn sàng chia ngọt, sẻ bùi với em vợ. Ngày Khánh và Linh mới cưới nhau, Bảng còn độc thân. Một hôm Bảng đến chơi nhà anh rể, thấy một con dao găm sáng loáng treo trên tường. Bảng say mê ngắm cái chuôi dao bằng ngà có chạm trổ những con voi đi nối đuôi vào nhau. Khánh cười, nói:

- Con dao này bố anh cho anh ngày anh tốt nghiệp trường Sư Phạm. Ông ấy sang Lào buôn bán và mua con dao này ở bên đó. Cậu thích con dao găm này, thì anh tặng cậu đấy.

Bảng lắc đầu:

- Dao này giống như của gia bảo trong gia đình anh. Sao anh lại cho em? Em không dám lấy đâu.

Nhưng Khánh khăng khăng một mực:

- Cậu cứ đem về mà chơi. Khi nào chán rồi thì đưa lại cho anh.

Rồi Khánh gỡ dao găm xuống, đưa cho Bảng.

Những khi túng thiếu, người đầu tiên Bảng tìm đến để vay mượn là Khánh. Không một lần nào Khánh từ chối, mặc dầu vợ chồng Khánh cũng chẳng khá giả hơn vợ chồng Bảng là bao nhiêu. Một lần vợ chồng Bảng không có tiền trả tiền thuê nhà, chủ nhà doạ sẽ không cho vợ chồng Bảng thuê nữa. Cuống quít sợ hãi, Bảng tìm đến Khánh hỏi vay. Khánh than thở:

- Anh cũng chẳng còn đồng nào trong túi. Tuần sau mới được lĩnh lương.

Suy nghĩ một phút, rồi Khánh tháo chiếc nhẫn cưới ở tay ra, đưa cho Bảng và nói tiếp:

- Cậu đem nhẫn này ra cầm cho tiệm vàng để lấy tiền mà trả tiền nhà. Tuần sau anh có lương, anh sẽ chuộc lại.

Bảng giật mình, sua tay:

- Trời đất ơi, nhẫn cưới của anh làm sao em dám đem cầm. Nhỡ không chuộc lại được thì em hôi hận đến bao giờ.

Khánh bình tĩnh nói:

- Cậu đừng lo. Cậu cần tiền để trả tiền nhà ngay bây giờ. Nếu không chuộc lại được anh mua một chiếc nhẫn vàng giả đeo cũng được. Vợ chồng anh đã có hai con rồi, ai mà còn để ý xem nhẫn thật hay nhẫn giả.

Bảng đành cầm lấy chiếc nhẫn.

Nhưng rồi tháng sau Bảng lại không có tiền trả tiền thuê nhà. Bảng chẳng mặt mũi nào dám đến vay mượn Khánh nữa. Bảng đành năn nỉ với mẹ:

- Chủ nhà chỗ con đang thuê muốn lấy lại nhà để sửa chữa. Mẹ nói với bố cho vợ chồng con và cháu Chi ở nhờ ít hôm. Khi nào chúng con tìm được nhà khác để thuê thì chúng con sẽ dọn đi ngay.

Bà Thông Hoạch, cứ những lời đó nhắc lại với chồng. Ông Thông Hoạch trừng mắt lên:

- Nó không lo làm ăn, bây giờ không có tiền trả tiền nhà, bị chủ nhà đuổi chứ sửa với chữa gì. Cứ để mặc xác nó rồi nó sẽ phải lo mà làm ăn kiếm thêm tiền. Cho nó về đây rồi nó ở lỳ đây. Làm sao mà mình chịu nổi?

Bà Thông Hoạch rỉ tai chồng nói nhỏ:

- Nếu thực sự như ông nói, nó bị đuổi nhà mà mình là cha mẹ không cho nó về ở nhờ thì nó sẽ phải đi ở nhờ người khác, hay ở đường ở chợ.

Thế thì còn thêm tai tiếng cho cả nhà nữa, nhất là đối với anh Biện Lý và anh Đại Tá Nghiêm.

Ông Thông Hoạch đành nhượng bộ:

- Thôi thì đành cho nó về ở nhờ, chứ biết làm sao. Nhưng tôi cứ thấy mặt mấy đứa đó là tôi bực bội làm sao.

Bảng và vợ tên Nguyệt cùng bé gái Chi bốn tuổi ở một phòng nhỏ sát bếp. Những thùng gạo, đồ làm vườn, cùng chai lọ trước vẫn để ở phòng này bà Thông Hoạch đã dồn cả vào một góc bếp.

Mấy ngày sau ở đơn vị về, Bạch mặt mày hớn hở, khoe với bố mẹ:

- Con vừa đoạt giải nhất về bơi lội cho đơn vị. Ngày mai, sẽ có buổi lễ long trọng để Trung Tá Chỉ Huy Trưởng trao huy chương hạng nhất bơi lội cho con. Con mời bố mẹ đến dự.

Ông Thông Hoạch mặt lạnh như tiền, nói như trách móc:

- Tưởng mày được thăng quan, tiến chức, có thêm bổng lộc hay đồng lương; chứ đi coi người ta đeo vào cổ cái huy chương mạ vàng không đáng giá mười đồng bạc thì đi làm gì cho phí công.

Bảng chưng hửng, lặng thinh. Sau bữa cơm tối, Bảng đến than thở với Khánh:

- Anh nghĩ coi. Tôi đoạt giải nhất bơi lội cho đơn vị, ai cũng khen ngợi, khuyến khích. Chỉ riêng bố tôi là dìm dập tôi, không thèm đến dự lễ trao huy chương nữa.

Khánh an ủi:

- Mấy ông già cổ hủ, không hiểu giá trị của thể dục, thể thao. Cậu đừng buồn làm chi cho mệt trí. Với tài chơi thể thao của cậu, nếu cậu đã sinh ra ở bên Âu, bên Mỹ thì cậu đã lừng danh và kiếm bạc triệu như không. Ôi cái xứ mình nó còn lạc hậu là thế. Chẳng ai cần biết đến thể dục, thể thao.

Vợ chồng Bảng ở nhà bố mẹ mà cứ phải giữ gìn ý tứ từng li từng tí. Cả hai cùng hiểu rằng nếu ông Thông Hoạch cáu lên mà không cho ở đây nữa thì hai người còn biết đem con đi đâu.

Biết bố chồng hay la mắng bé Chi, Nguyệt cho con ăn cơm trước, rồi cho nó đi ngủ trong khi cả nhà ăn bữa trưa. Ăn xong, ông Thông Hoạch lên lầu ngủ trưa thì cũng là lúc bé Chi tỉnh giấc. Nguyệt tắm cho con rồi cho nó mấy tờ giấy và vài cái viết chì màu để nó tô tô, vẽ vẽ cho qua thì giờ trong khi Nguyệt lau chùi nhà cửa, giặt rũ quần áo và sửa soạn bữa cơm tối.

Hôm nay bé Chi vui vẻ đặc biệt. Ngồi vẽ và tô màu mãi cũng chán, nó đứng lên hát líu lo, rồi chạy nhảy quanh nhà. Nó trèo lên ghế sa-lông rồi đếm "một, hai, ba" và nhảy "phịch" xuống sàn nhà. Càng lúc nó càng đếm lớn tiếng hơn và nhảy xa hơn.

Ông Thông Hoạch giật mình tỉnh dậy. Ông nhận ra tiếng bé Chi vừa đếm, vừa nhảy. Ông chạy xuống cầu thang, nhìn thấy bé Chi đang trèo lên ghế sa-lông. Ông giận đỏ mặt, tía tai lên. Ông la:

- Đã bảo không bao giờ được trèo lên sa-lông. Sao mày hư đốn, cứng đầu vậy.

Rồi không kiềm được tức tối, ông vung tay tát bé Chi đến "bốp" một cái. Bé Chi té lăn ra ghế sa-lông, khóc thét lên.

Nghe tiếng bố chồng la, tiếng cái tát rồi lại nghe tiếng con khóc vang cả lên, Nguyệt ở trong bếp chạy vội ra. Thấy ông Thông Hoạch mặt còn hầm hầm, Nguyệt không hỏi gì, vội vàng ôm con lên chạy ra ngoài sân. Thấy mặt con còn nguyên vết cái tát đỏ nhừ, Nguyệt oà lên khóc, ôm chặt con vào lòng.

Bé Chi càng khóc lớn tiếng hơn. Một hồi sau, Nguyệt bế con ra đường, vừa đi vừa khóc thút thít. Có tiếng Bảng gọi với từ đàng sau:

- Nguyệt, em đưa con đi đâu vậy?

Nguyệt đứng lại, chờ cho chồng đến nơi, rồi chỉ vào mặt con, thút thít kể lể:

- Anh có trông thấy vết lằn đỏ trên mặt con không? Bố vừa tát nó đấy. Nó khóc lặng người đi. Em không thể để con ở đây nữa

THU THƯƠNG NHỚ

Ai" cắt nửa vầng trăng?"-Anh chẻ ngang cơn gió.
Ai "bẻ đôi câu thơ?" -Anh chia nửa vầng mây!
Và gom hết nắng vàng chiều thương nhớ...
Gửi về em hong tóc lụa bay bay.
Kìa Thu đến! Mây trời trôi lãng đãng.
Lá vàng rơi anh ngỡ gót phiêu bồng...
Chiều cố quận-Bên hiên vàng nắng quái.
Giữ đi em! mang ấm sưởi mùa đông.
Hãy ở lại! đừng chia xa Thu nhé!
Để lá vàng, nắng nhạt trải qua song.
Cùng trăng tỏ-Như lòng anh nói khẻ...
Tình trăm năm gửi gắm áng mây hồng.
Thu đi xa! -Không,Thu ở lại.
Thu chết rồi? -Thu sống mãi ngàn năm.
Thu bất diệt! tóc dài bay trong gió.
Gót Thu mềm mang hoài niệm xa xăm.
Ta ngày ấy chớm tình mùa trăng tỏ.
Anh tha hương ôm giấc mộng Nghê Thường.
Em dong ruổi dòng đời bao sóng gió.
Khối tình chung em trải khắp muôn phương.
Như hẹn ước! Thu vàng anh trở lại.
Góc trời xưa in dấu buổi đầu yêu.
Con đường nhỏ lá me mềm lối cũ.
Bóng ai chìm? -Nghe hoang vắng tịch liêu!

THIÊN ĐỨC

được đâu. Em đang tính bế nó sang ở nhờ nhà chị Kim, bạn em, một vài bữa rồi sẽ tính sau.

Bảng đỏ gay mặt lên:

- Ông gì mà ác độc với cháu như vậy? Nó mới bốn tuổi, nó biết gì đâu mà đánh nó. Anh cũng không muốn trở lại cái nhà này nữa. Anh đi với em đến nhà chị Kim rồi anh sang ở nhờ chỗ chị Linh và anh Khánh.

Hai vợ chồng yên lặng bế bé Chi đến nhà Kim vừa lúc Kim đi làm về. Nghe Nguyệt nói chuyện hoàn cảnh gia đình, Kim vồn vã:

- Nhà chị khá rộng rãi. Cả hai vợ chồng em và bé Chi cứ ở đây với anh chị rồi mọi chuyện sẽ tính sau.

Tối hôm đó không thấy vợ chồng Bảng và bé Chi đâu, ông Thông Hoạch hỏi vợ:

- Mấy đồ mắc dịch đó đi đâu rồi?

Bà Thông Hoạch đoán:

- Giờ này chúng nó không về tức là chúng nó bỏ đi rồi. Không biết chui rúc vào đâu. Thế này thì thật là xấu hổ với bà con.

Ông Thông Hoạch mặt vẫn còn hầm hầm:

- Mình sẽ phải triệu tập một toà án gia đình để xử hai đứa này về tội bất hiếu.

Ông còn định nói gì nữa; nhưng ông vừa thấy Luật Sư Thuận đang từ ngoài đường đi vào. Ông vội ra mở cửa. Sau vài câu chào hỏi xã giao, Luật Sư Thuận vào đề ngay:

- Khách hàng của cháu lần này là một người Mỹ, tên Brian Kurt. Anh ta là nghi phạm trong vụ giết một người đàn bà để cướp của. Brian Kurt đã đổi tiền đô-la Mỹ cho nạn nhân vài ba lần rồi nên nạn nhân hoàn toàn tin anh ta. Lần cuối cùng anh ta nói với nạn nhân là anh ta có thể đổi cho bà ấy mười lăm ngàn đô-la; nhưng anh ấy muốn lấy vàng lá chứ không lấy tiền Việt. Bà ấy đi mua sẵn một trăm lượng vàng lá để chờ anh ta mang đô-la đến. Chẳng ngờ, khi thấy vàng, Brian Kurt rút súng băn chết nạn nhân ngay tại chô, rồi cướp số vàng chạy ra xe. Theo báo cáo của gia đình, cảnh sát đã bắt được nghi can. Cháu cũng chỉ nhờ bác nói với anh Khoa cho khách hàng của cháu được tại ngoại hầu tra. Cháu mang theo đây bốn chục lượng vàng để tạ ơn anh Khôi và mười lượng để biếu bác. Cháu cám ơn bác rất nhiều.

Ông Thông Hoạch đem những lời đó kể lại với con trai trưởng. Khoa suy nghĩ vài giây rồi nói:

- Đây là một vụ sát nhân có mưu tính. Luật không cho phép tại ngoại hầu tra vì nghi can sẽ bỏ trốn. Nhưng hắn có quốc tịch Mỹ, theo thoả ước Mỹ-Việt, hắn sẽ được trả lại cho nhà cầm quyền Mỹ để xử. Chắc tên này có nhiều tiền án và đang bị truy nã, nên hắn xin tại ngoại hầu tra để trốn luôn. Hừm! Khó xử quá. Bố nhớ lần sau bố nên hỏi ư kiến con trước.

Rồi ông Biện Lý mở ngăn kéo cất mấy chục lượng vàng đi.

Ông Thông Hoạch mỉm cười ra về. Ông tính nhẩm, từ ngày Khoa lên chức biện lý, ông đã giúp đỡ được nhiều người. Không ai quên ơn ông. Ông kiếm được ít ra cũng hơn hai trăm lượng vàng rồi.

*

Tình hình Sài Gòn ngày càng sôi động. Quân đội Việt Nam Công Hoà đã rút khỏi vùng cao nguyên. Nhiều cơ quan Hoa Kỳ đã đóng cửa. Người ta nhốn nháo tìm đường chạy ra ngoại quốc.

Khôi và vợ con đã lấy được vé máy bay Air France. Mấy cái va-li vàng bạc, tiền đô-la Mỹ, tiền Franc, đồ trang sức kim cương và quần áo đã sẵn sàng. Cả gia đình chỉ chờ điện thoại báo máy bay đến phi trường là lên xe. Gia đình Đại Tá Nghiêm vào ở ngay trong Bộ Tổng Tham Mưu để chờ máy bay Không Quân Việt Nam Cộng Hoà chở đi. Linh và Khánh không tính di tản đi đâu; nhưng cũng cuống cuồng vì trường học và các văn phòng giáo dục đã đóng cửa. Cuối tháng rồi mà không được lĩnh lương. Gia đình Bảng và Nguyệt càng tuyệt vọng hơn. Ngay lương lính cũng không có. Nguyệt phải về nhà cha mẹ ruột xin gạo từng bữa.

Ngày 30 tháng Tư, quân du kích vào đến Sài Gòn. Tướng Minh đã ra lệnh đầu hàng. Gia đình Khôi chờ mãi mà không ai báo có máy bay. Gia đình Đại Tá Nghiêm chạy ra phi trường quân sự; nhưng không còn thấy bóng một chiếc máy bay nào. Cả hai gia đình vội chạy sang nhà ông Thông Hoạch. Nhưng nửa đường bị một toán quân du kích chặn lại, cướp hết của cải, cả đồ trang sức đeo trên người.

Mấy ngày sau, Khoa và Đại Tá Nghiêm bị đưa đi trại cải tạo. Bảng đi trình diện nhưng vì chỉ là lính trơn, Bảng được cho về nhà chờ lệnh sau. Khánh chỉ phải đi học tập một ngày rồi cũng được cho về tiếp tục dạy học.

Ông Thông Hoạch lo sợ suốt ngày đêm. Ông sợ quân gian thấy gia đình ông chỉ có mình ông là đàn ông, lại già cả, chậm chạp rồi sẽ vào cướp của. Ông dục vợ ông đi gọi gia đình Bảng và gia đình Linh về ở chung với ông. Có đông người, nhất là có Bảng với thân hình lực lưỡng thì ông yên lòng hơn. Đang lúc cùng quẫn vì không có đồng lương, vợ chồng Linh và vợ chồng Bảng vui vẻ về ở chung với bố mẹ.

Một hôm bà Thông Hoạch đi thăm bạn về, ghé tai chồng nói nhỏ:

- Tôi nghe nói người ta bỏ trốn ra ngoại quốc bằng đường biển nhiều lắm. Người ta nói có tàu Mỹ chờ sẵn ở ngoài khơi; hễ ra được hết hải phận là được vớt. Có nhiều người vượt biển sang Mã Lai Á, Phi Luật Tân, Thái Lan hay Hồng Kông.

Ông Thông Hoạch nghe thế thì trầm ngâm. Ông suy nghĩ cả ngày hôm đó. Ngày hôm sau ông bàn với vợ:

- Hay là tôi cứ liều trốn đi bằng đường biển. Ra được ngoại quốc rồi tôi sẽ làm giấy tờ để đón bà và các con sang theo đường lối chính thức. Đàn bà đi trốn bằng đường biển nguy hiểm lắm. Nhiều đàn bà, con gái đã bị hải tặc Thái Lan bắt đem bán cho những ổ mãi dâm.

Bà Thông Hoạch bàn thêm:

- Nếu ông muốn đi thì nên rủ thằng Bạch và thằng Khánh cùng đi. Có bố, có con để mà nương dựa lẫn nhau, lúc khoẻ mạnh cũng nh khi đau yếu.

Ông Thông Hoạch gật đầu:

- Bà nói phải. Để tôi bàn với hai đứa.

Bảng và Khánh nghe ông Thông Hoạch rủ trốn ra nước ngoài thì chịu ngay. Tình hình kinh tế quá bi đát, công việc không có, mọi thứ đều kham hiếm, nạn lạm phát gia tăng bội phần. Bảng phải đi đạp xe xích lô mà không kiếm đủ cơm cho vợ con. Ông bà Thông Hoạch đã hứa sẽ nuôi cả hai gia đình cho đến khi Bảng và Khánh kiếm được tiền ở ngoại quốc để gửi về nuôi vợ con.

Bảng được trao nhiệm vụ đi tìm đường dây để trốn bằng thuyền ra ngoại quốc. Hai ngày sau Bảng báo cáo với ông Thông Hoạch:

- Chuyến đi này do chính các cán bộ cao cấp tổ chức để lấy tiền. Mỗi người phải nộp mười hai lượng vàng trước khi lên tàu. Tàu có thể chở được một trăm sáu mươi người và sẽ rời bến Thủ Thiêm nửa đêm ngày mốt.

Ông Thông Hoạch hể hả lấy ngay ba mươi sáu lượng vàng đưa cho Bảng. Ông để ba mươi lượng ở nhà cho vợ ông bán dần đi mà tiêu dùng. Một trăm năm mươi lượng còn lại ông để vào một cái bao dài giống như một cái thắt lưng có nhiều ngăn nhỏ mà vợ ông đã may cho ông. Ông Thông Hoạch quấn cái thắt lưng vàng đó vào người, vòng lên vai, xuống lưng và thắt dây ngay trước ngực. Tổng cộng số vàng ông đeo trên người có đến gần năm ký-lô làm ông đi lại nặng nhọc, thở hổn hển. Thấy vậy, vợ ông bàn:

- Sao ông không chia số vàng đó ra làm ba để thằng Bảng và thằng Khánh mỗi người đeo hộ một phần cho đỡ nặng.

Nhưng ông Thông Hoạch gạt đi:

- Bà không nghe người ta nói *đồng tiền liền với khúc ruột* hay sao? Tiền của của mình thì mình giữ, chứ biết ai mà tin? Chúng nó trẻ người, non dạ; rồi bị người ta lừa bịp lấy mất thì đem chúng nó ra mà kiện hay sao? Vả lại từ đây ra bến Thủ Thiêm thì ngồi xe ôm, chỉ đi một quãng ngắn là đến tàu; rồi lên tàu thì ngồi yên một chỗ, chứ có đi đâu mà lo nặng nhọc.

Trước khi chồng và con trai cùng con rể sửa soạn ra đi, bà Thông Hoạch căn dặn Bảng:

- Bố con già rồi, tính tình lẩm cẩm. Mẹ biết có nhiều khi bố con không công bằng với con; nhưng tình nghĩa bố con thì không bao giờ bỏ được. Con phải hứa với mẹ là con sẽ hết lòng săn sóc cho bố con.

Bảng vui vẻ đáp:

- Con hứa với mẹ như vậy.

Tàu rời bến đúng như dự định. Không ai lo sợ bị chặn lại hỏi giấy tờ hay làm phiền hà gì. Chủ tàu không giấu giếm là đã chia chác với các cán bộ cao cấp và được bảo đảm là tàu sẽ ra khơi êm thấm.

Mặt trời đã lên cao khi tàu ra khỏi hải phận Việt Nam. Không khí trong veo, ấm áp, làn gió nhè nhẹ như nâng bổng tinh thần mọi người lên. Ai nấy cười cười nói nói vui vẻ. Người người đều đưa mắt nhìn ra tận chân trời xa thẳm, mong được thấy bóng một chiếc tàu lớn. Rồi suốt cả ngày hôm ấy vẫn không thấy bóng một con tàu nào; nhưng không ai thất vọng.

Đêm hôm sau gió thổi mạnh hơn. Con tàu nhỏ chao qua, chao lại. Hầu hết mọi người trên tàu đều say sóng, nôn oẹ, nằm ngổn ngang. Tiếng trẻ con khóc the thé pha lẫn với tiếng ho sù sụ của người lớn càng gây thêm một tình trạng khẩn trương. Sóng biển đập mạnh vào thành tàu, hắt nước lên tung toé khắp nơi. Thuyền trưởng hô hào những người còn đủ sức giúp múc nước đổ ra ngoài tàu.

Chừng trời lờ mờ sáng thì gió bớt thổi, nhưng sương mù dầy đặc, người đứng cách nhau một mét mà không nhìn rõ mặt nhau. Cả tàu yên lặng như tờ. Mọi người đã mệt nhoài, không còn muốn động đậy.

Ông Thông Hoạch đưa tay run run vào túi áo tìm miếng cơm nắm cuối cùng đưa lên miệng. Hôm lên tàu, ai cũng tin rằng chỉ hai ba ngày là được tàu lớn vớt hay ít ra cũng tới được Thái Lan, nên ai cũng chỉ mang theo lương thực đủ ba ngày thôi. Chủ tàu cũng

không muốn ai mang theo nhiều đồ ăn, sợ tàu không đủ sức chở. Ông Thông Hoạch đưa mắt một vòng quanh tàu và thấy Bảng đang lúi húi ở cuối tàu, giúp người thợ máy. Khánh vừa đi sang phía bên kia tàu, chỗ có cầu tiêu.

Mãi đến quá trưa, sương mù mới tan đi. Mọi người bớt lo sợ; nhưng ai cũng đói meo. Đồ ăn mỗi người mang theo đã cạn. Một số ít gạo chủ tàu chứa trong kho không đủ nấu cơm cho mọi người. Chủ tàu đem ra nấu cháo để chia cho những trẻ em dưới bồn tuổi và những người thật già yếu. Nước uống cũng đã hết. Bảng bê cái thùng bằng gỗ chứa nước lật ngược lên và hứng được gần một ly đưa cho một người đàn bà có con còn bú.

Màn đêm buông xuống, gió lạnh làm mọi người run cầm cập. Một màu đen kịt phủ kín con tàu. Sóng vẫn vỗ mạnh. Một sự sợ hãi lan tràn ra khắp mọi người. Ai nấy nín thở. Có những tiếng cầu kinh sì sào pha lẫn với những câu kệ "*Nam Mô A Di Đà Phật*".

Bỗng có tiếng một người đàn ông la lên:

- Có tàu lớn đang tiến về phía mình.

Mọi người nhìn theo hướng tay người đàn ông chỉ. Rồi tất cả cùng nhận ra ánh đèn rọi từ chiếc tàu lớn phóng ra. Ai nấy cùng la lên:

- Có tàu lớn đến kia rồi.

Người thuyền trưởng nói lớn:

- Không chắc họ đã nhìn thấy mình. Để tôi đốt một cây pháo bông tôi có mang sẵn đây. Nếu họ nhìn thấy pháo bông, họ sẽ biết mình cần cấp cứu.

Pháo bông phóng lên, rồi nổ tung, chiếu sáng một vùng biển. Vài phút sau có tiếng còi hụ từ chiếc tàu lớn vang lên và nhiều đèn rọi những chùm ánh sáng hướng về chiếc tàu nhỏ. Người thuyền trưởng la lên:

- Họ thấy mình rồi.

Vừa lúc đó một làn sóng lớn từ đâu đổ rầm xuống chiếc tàu chở người tị nạn. Tàu mất thăng bằng đổ nghiêng về một bên. Nước tràn vào như thác lũ. Người thì bị hất xuống biển; người thì bị sóng kéo đi; người khác thì nhảy liều ra để tránh con tàu đang chìm dần khỏi mặt nước.

Bảng vùng vẫy nổi lên khỏi mặt nước. Ánh đèn rọi từ chiếc tàu lớn cho Bảng thấy cảnh cực kỳ hỗn độn ở chung quanh: Quần áo, vật dụng nổi lềnh bềnh pha lẫn với những bóng người nửa nổi, nửa chìm, chân tay quờ quạng như cố tìm một vật gì để bám víu vào. Thấy cái thùng gỗ dùng chứa nước nổi gần đó, Bảng nhoài mình lại, đưa cánh tay quàng lấy. Bảng đưa mắt thật nhanh ra chung quanh để tìm ông Thông Hoạch và Khánh. Cùng một lúc Bảng nhìn thấy cả hai người cách Bảng khoảng mười mét, mỗi người một phía với Bảng ngay chính giữa. Bảng hoảng hốt, cuống cuồng. Bảng phải cứu một người trước rồi mới vòng lại cứu người kia được. Nhưng cứu ai trước? Bảng chỉ có một giây để quyết định. Ôi một giây này sao dài hơn một thế kỷ. Trong cái khoảng thời gian ngắn ngủi và cũng dài lê thê đó, trăm ngàn hình ảnh chạy qua trí Bảng: Hình ảnh Khánh tháo chiếc nhẫn cưới đưa cho Bảng. Hình ảnh cái tát từ bàn tay ông Thông Hoạch còn lằn trên má Bé Chi. Những cái nhìn hằn học, bực bội của Bố. Những lời lẽ dịu dàng đầy trìu mến của người anh rể. Những lời căn dặn của mẹ trước khi chia tay. Những lời Bảng hứa với mẹ. Bảng nhắm mắt lại, không dám suy nghĩ nữa.

Tác giả tạm ngừng ở đây để mời quí vị độc giả làm cố vấn cho Bảng, nhân vật chính trong truyện. Xin quí vị khuyên Bảng nên làm gì? Cứu ai trước, ai sau, vì sao? Bảng chỉ có một vài giây để quyết định, quí vi độc giả có tất cả ngày giờ để suy nghĩ, đắn đo. Xin quí vị vui lòng gửi ý kiến của quí vị về địa chỉ email:

familypham@aol.com

Tác giả xin cám ơn quí vị trước.

Xin quí vị đón đọc Phần 2 và cũng là phần cuối trong Cỏ Thơm số 61.

Sử MỆNH VIỆT QUA CA DAO

Trích trong

"Con Đường Văn Hóa Việt Nam"

Nguyễn Văn Nhiệm

Do chánh sách đồng hóa khắc nghiệt trong thời gian dài trên ngàn năm Bắc thuộc của đế quốc phong kiến Tầu, văn hóa Việt truyền thống phải tìm cách ẩn mình qua những hình thức truyền khẩu như ca dao, truyện cổ, huyền thoại ngắn gọn với nhiều hình ảnh biểu tượng, ẩn dụ. Trong khi đó, giới hủ Nho chịu ảnh hưởng lâu đời văn hóa nô dịch, coi khinh ca dao dân tộc qua câu: " *Nôm na mách qué* ". Đến như Vua Tự Đức mà còn không thừa nhận giá trị của huyền thoại và đã phê bình huyền thoại là " *ma trâu thần rắn* " thì nói chi đến thời văn minh vật chất, duy lý, duy vật về sau. Những người theo quan điểm duy kiện phủ nhận giá trị của huyền sử, còn những người theo quan điểm triết học duy lý Tây học thì chuộng lý luận phân minh, những bản văn mạch lạc, chứ không chịu để ý đến những tư tưởng uyên nguyên cô đọng bằng nguyên ngôn của ca dao, hay sơ nguyên tượng của truyện cổ, huyền thoại. Chưa khai quật được kho tàng văn hóa truyền thống Việt thì vận mệnh đất nước bấp bênh, dễ bị lôi cuốn, bị đồng hóa, không bao giờ xác định được sử mệnh của dân tộc.

Ở đây, trên " *Con đường văn hóa Việt* ", lịch sử và sử mệnh được trình bày qua ca dao, là tiếng nói của dân gian phản ảnh những tư tưởng uyên nguyên từ tiềm thức cộng thông của dân tộc, cho thấy sử mệnh đã có từ lâu rồi. Những sự kiện được ca dao nêu lên thường có ấn tượng sâu sắc vì nó là nguồn cảm hứng thật sự của những thi sĩ bình dân. Ngay những truyện tích, truyện cổ, thường người ta cho rằng rời rạc, ấy vậy mà có những truyện rất sâu sắc , ví dụ truyện " *Con cóc là cậu ông Trời* ":

Xưa, có năm Trời làm hạn hán đã lâu, mọi loài không có nước nhao nhao muốn làm loạn. Có con cóc tức giận quyết lên tận Trời hỏi cho ra lẽ. Cùng đi có ong vẽ, gà, cọp.

Lên đến cửa nhà Trời, cóc liền nhảy vào trước. Cóc thấy Trời đang ngồi đánh tổ tôm với mấy ông Tiên, cóc phùng mang trợn mắt, nhảy ngay vào giữa đĩa nọc ngồi chồm hổm. Trời thấy vậy, giận lắm, thét lên, ra lệnh cho lính ra đánh cóc. Cóc ra hiệu cho ong vẽ bay vào chích. Lính đau bỏ chạy tán loạn. Rồi Thần Sấm, Thần Sét được lệnh, bèn gầm thét thị uy. Gà liền nhảy vào mổ, Sấm, Sét cũng bỏ chạy. Trời càng tức giận, truyền cho Thần Thiên Cẩu xông vào sủa cắn lung tung. Cọp liền nhảy vào vung móng vuốt, Thần Thiên cẩu chạy trối chết. Tới đây, Trời đành chịu phép, xuống nước nhỏ và thỏa mãn yêu sách của cóc. Trời bèn gọi Thần Vũ Súy lo việc làm mưa cho kịp thời. Trời cam kết làm đúng, bọn cóc mới chịu về. Quả thật ngày hôm ấy và mấy ngày sau đó, trời mưa đều đặn.

Trời mê đánh tổ tôm bỏ phế chăm sóc việc trần gian là trái Đạo, vì đã làm mất mối giao hòa Trời- Đất tự căn cơ. Truyện tuy đơn giản, nhưng lại là cái đơn giản chứa sơ nguyên tượng Trời- Đất cho nên vượt thời gian. Cóc

là hình ảnh người dân, Trời là hình ảnh triều đình, nhà cầm quyền.

" *Con cóc là cậu ông Trời* ", nghĩa là cóc quí hơn Trời, dân quí hơn vua, hơn nhà cầm quyền.

" *Con cóc là cậu nhà Nho* ", cóc đã quí hơn Trời thì đương nhiên quí hơn nhà Nho, nghĩa là dân quí hơn quan , cho nên mới có câu: " *Quan nhất thời, dân vạn đại* ".

Trời quả thật không bằng cóc vì không tự giác làm tròn chức năng của mình. Giả sử cóc cứ ngồi trong hang, thấp cổ bé miệng không kêu thấu đến Trời thì chỉ chết khô. Hoặc giả cóc đi một mình đến cửa Trời thì cũng bị bọn lính nhà Trời xua đuổi, Thiên Lôi đập dẹp lép như con tép, rồi còn bị Thiên Cẩu xé xác. Nói là Thiên Cẩu cho ra phong cách nhà Trời chứ theo nhận xét của cóc thì chúng chỉ là loài chó có khác gì ở trần gian, chỉ chờ chực lệnh Trời rồi cắn bậy sủa càn, gọp cọp thứ thiệt rừng Châu Pha thì riu ríu cụp đuôi. Cóc khôn ngoan, biết giá trị của sự hợp quần gây sức mạnh, biết rõ **cái** thế, cái thời cơ, nên Trời cũng phải chịu thua. Cóc tuy nhỏ, mà thật không nhỏ chút nào, cóc đã buộc Trời phải làm đúng sứ mệnh của mình là *Thiên mệnh*, như vậy, cóc đã vạch ra được *Sứ mệnh* cho mình và đồng loại rồi chứ còn gì nữa.

" *Con cháu Rồng Tiên* "đã trở thành biểu tượng cao quý về nguồn gốc, dòng giống của dân tộc. Biểu tượng đó đã nói lên cái nguyên lý uyên nguyên của Đạo Việt là nguyên lý Âm Dương lưỡng hợp thái hòa. Rồi cái *bọc Trăm trứng*, biểu tượng cho nhóm *Bách Việt*, đã ghi ấn dấu trong ngôn ngữ mà cho mãi tới bây giờ khắp mọi miền đất nước ai cũng biết là chữ *đồng bào,* để chỉ những con người cùng một bọc mà ra. Đây là chữ rất thường dùng đối với các chính khách trong những lời kêu gọi:

" *Hỡi quốc dân đồng bào*!"

Nòi Rồng, giống Tiên tương sinh, tương khắc, cho nên có sum họp thì cũng có lúc phân ly. Nhưng ngay liền sau đó lại vang lên lời kêu gọi tha thiết từ tình nghĩa thâm sâu: " *Dù cho lên núi , xuống nước, nhưng có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau...*" và để rồi " *gặp nhau nơi Tương Dã* " (Truyện Hồng Bàng Thị). Chữ *Tương* (Tương Dã) là nét đặc trưng của Triết lý lưỡng hợp thái hòa.

Truyện bánh dày bánh chưng đưa đến câu phương ngôn: " *Mẹ tròn con vuông* "đã đi vào huyền sử. Vuông tròn là hình tượng biểu thị Đất Trời, nguyên lý Âm Dương lưỡng hợp. Lang Liêu đã thấu hiểu Đạo Việt, có khả năng mang lý tưởng vào cuộc sống hiện thực, thể hiện Đạo Trung Hiếu, đem lại cảnh Thái Hòa cho muôn dân. Cho nên trong cuộc thi gia chánh thời Hùng để chọn người kế nghiệp, Lang Liêu xứng đáng được truyền ngôi. Chọn người kế nghiệp như vậy là truyền Hiền theo đường lối nhân trị rất lý tưởng.

Đến đời Hùng Vương 18, Sơn Tinh, Thủy Tinh xung khắc cực độ, nguyên lý lưỡng hợp thái hòa không còn được trân trọng nữa, khiến triều Hùng đến sụp đổ hoàn toàn.

Dưới triều Thục Phán An Dương Vương, do âm mưu chính trị bất chánh của Triệu Đà, Trọng Thủy đánh tráo lấy nỏ thần gây ra thảm cảnh: Mỵ Châu bị cha chém, Trọng Thủy nhảy xuống giếng tự tử. Âm dương chia cách từ đây. Tình yêu hóa thành căm hờn:

" *Căm hờn giếng ngọc tràn đầy,*
Máu pha thành lũy, ngàn cây bóng tà."

Tương truyền rằng máu của Mỵ Châu chảy xuống nước, những con trai ăn vào hóa thành ngọc. Đem ngọc ấy đến rửa với nước giếng, nơi Trọng thủy trầm mình thì sắc ngọc trở nên rực rỡ.

Từ đó trở về sau, nước Việt Nam còn trải qua nhiều lần phân chia: mười hai sứ quân, Nam Bắc triều, Trịnh Nguyễn phân tranh. Thời kỳ này kéo dài khiến dân tình thật là khốn khổ, đất nước kiệt quệ, cho nên ca dao kêu gọi:

" *Khôn ngoan đối đáp người ngoài,*
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau."

Tệ hại hơn nữa, những kẻ vì quyền lợi cá nhân hay dòng tộc, bè đảng cam tâm rước ngoại nhân về dày xéo Tổ quốc như Trần Di Ái, Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống ... để tiếng xấu muôn đời. Về điều này, tục ngữ có câu:

" *Rước voi dày mả Tổ* "

***

" *Cõng rắn cắn gà nhà* "

Ca dao cũng chỉ cho thấy cái nguyên nhân phản quốc trên là do căn bệnh lú lẫn, bã danh lợi:

" *Thương ai chân giả không phân,*
Mà đem danh lợi cách ngăn đồng bào."

Lẫy nỏ thần được đặc chế từ móng rùa thần, là biểu tượng tinh hoa văn hóa Việt, Đạo lưỡng hợp thái hòa. Từ khi lẫy nỏ thần bị tráo, văn hóa ngoại lại nô dịch tràn ngập, giếng ngọc bỏ hoang cho rêu phủ, cho nên vận nước long đong, hết nạn ngoại xâm đến nội chiến, hết nội chiến lại đến ngoại xâm. Đạo đã hỏng, đất nước như con tàu thiếu la bàn, người ta đã quên hết lời dạy của Tổ tiên là: " *Gặp nhau nơi Tương Giã* **".** Gặp gỡ làm sao được khi đã quên mất chữ *Tương,* cứ một chiều mà đi. Ca dao là tiếng nói từ tiềm thức cộng thông thâm sâu của dân tộc, tiết lộ chân lý uyên nguyên, mà ít ai chịu để ý:

" *Phượng hoàng chặt cánh đuổi đi,*
Bắt con bìm bịp đem về mà nuôi."

Hết Tàu rồi lại đến Tây, thời nào cũng đều rước cái văn hóa một chiều bên ngoài vào, chỉ loanh quanh ở *vòng ngoài đầy mâu thuẫn*, mà thiếu *chiều sâu tâm linh thông hội*, cho nên chỉ chạy theo danh lợi, bỏ đường Trung nghĩa:

"*Gớm thay thời buổi Tây Tàu,*
Bỏ đường trung nghĩa, ham cầu lợi danh."

Dĩ nhiên đây cũng là chủ trương văn hóa nô dịch của đế quốc nhằm tiêu diệt ý thức độc lập dân tộc, tạo ra tầng lớp nô lệ để dễ thống trị và đồng hóa.

Nho giáo cho đến thời vua Tự Đức mà thực chất là Hán Nho đã kạn kiệt sức sống, vì chỉ chuộng hình thức, thiếu chiều sâu tâm linh, mất hẳn tính lưỡng hợp thái hòa truyền thống Đạo Việt. Hai câu chót trong bài thơ " *Thú nhàn* " của Cao Bá Quát, một nhà Nho bất đắc chí thời này đã nói lên tình cảnh đó:

" *Quân bất kiến Hoàng Hà chi thủy,*
Thiên thượng lai, bôn lưu đáo hải bất phục hồi.*
Làm chi cho mệt một đời."

(Anh không thấy nước sông Hoàng Hà, từ trời rơi xuống, chảy tuôn ra biển không quay trở lại)

Tác giả phát biểu một hiện tượng thuộc vật lý không đúng với sự thật, rồi lại đi đến kết luận tiêu cực, chán đời. Tại sao? Xin thưa là ở chỗ *không quay trở lại*, nghĩa là chỉ biết có một chiều. Đành rằng :

" *Thời giờ thắm thoát thoi đưa,*
Nó đi đi mãi không chờ đợi ai."

Nhưng đặc tính của thế giới hiện tương là cứ đáo đi đáo lại tuần hoàn theo nghĩa tương đối, chứ không theo đường thẳng.

Trong khi giới Nho sĩ (ngoại trừ rất hiếm những bậc đạt Nho) khư khư ôm cứng giáo điều " *Nam nữ thụ thụ bất thân* " thì người bình dân có thái độ như thế nào? Hãy nghe cuộc đố đáp sau đây của đôi nam nữ:

" *Tiếng anh ăn học cựu trào,*
Chị dâu té giếng anh nắm chỗ nào kéo lên?

1- *Nắm đầu thì sợ tội trời,*
Nắm ngang khúc giữa sợ lời thế gian.
Giếng sâu anh phải thông thang,
Kéo chị dâu lên đặng kẻo chết oan linh hồn."
2- *Nắm đầu thì khổ*
Nắm cổ lại không nên
Nắm chân tay thì lỗi niềm huynh đệ
Vậy anh cứ " bớ làng " là hơn."

Đến khi Pháp đặt nền móng đô hộ thì nền văn minh cơ khí, vật chất tràn vào Việt Nam, lại có cuộc đố đáp phản ảnh khuynh hướng nghiêng về ích dụng vật chất:

" *Thấy anh hay chữ, em hỏi thử đôi lời,*

Thằng Tây nó giăng dây thép giữa trời làm chi?

- Tây giăng dây thép giữa trời,
Chờ anh có việc trao lời em hay."

***

" Thằng Tây ngồi nghĩ cũng tài,
Sinh ra đèn máy thắp hoài năm canh.
Thằng Tây ngồi nghĩ cũng sành,
Sinh ra tàu điện chạy quanh phố phường.
"La ga " thì ở Thụy Chương,
Dây đồng cột sắt tìm đường kéo lên.
Bồi bếp cho chí bồi bàn,
Chạy tiền ký cược đi làm sơ- vơ.
Xưa nay có thế bao giờ,
Có cái tàu điện đứng chờ ngã ba.
Đàn ông cho chí đàn bà,
Hễ tàu vừa đến lấy đà nhảy lên.
Ba xu ghế gỗ rẻ tiền,
Năm xu ngồi ghế đệm bông.
Hỏi mình có sướng hay không hở mình?"

Cơ khí thì sanh ra cơ tâm, nền văn minh vật chất của Tây phương xem ra hấp dẫn, nhưng xét về văn hóa thì triết học duy lý nhị nguyên chọn một bỏ một, rồi duy vật cũng không ra ngoài luận lý hình thức này, cho nên càng thiếu phần tâm linh, là yếu tố giúp con người thăng tiến theo hướng *thành Nhân*. Cho nên con người lâm vào cảnh *vong thân* trầm trọng:

"*Bỏ đường trung nghĩa, ham cầu lợi danh*"

Lịch sử Việt Nam là lịch sử đấu tranh toàn diện, đấu tranh với thiên nhiên, đấu tranh chống giặc ngoại xâm, đấu tranh cho tự do, độc lập về chính trị cũng như văn hóa, thứ văn hóa có *minh triết* **"***vuông tròn"* làm định hướng cân đối. *Vuông* xây dựng đời sống vật chất, nay được tăng cường bằng khoa học kỹ thuật, trong khi vẫn duy trì và phát huy truyền thống tâm linh (*tròn*), cho nên *cơ khí hóa* công nghiệp để phục vụ nhân sinh *mà không sợ bị cơ tâm hóa*.

Nếu thừa nhận tính " *bất phục hồi* " như Cao Bá Quát thì đương nhiên phủ nhận tính tuần hoàn của Cổ Loa pháp xoắn ốc của Đạo Việt, Triết Việt. Nguyên lý tuần hoàn theo Cổ Loa pháp không lập lại y nguyên một cách máy móc như theo chu kỳ ở mặt phẳng, nhưng ở đây thuộc lãnh vực không gian, nên nó bao hàm ý nghĩa lưỡng tính: vừa hằng, vừa chuyển. Hằng là vì những sự kiện với những đặc tính tương tự hình như tái diễn, nhưng lại trong một thời không khác, nghĩa là có chuyển. Chính vì vậy, người ta mới có thể học hỏi lịch sử, noi gương tốt, tránh điều xấu, rút kinh nghiệm và điều chỉnh hướng tiến. Như vậy những sự kiện lịch sử dù quan trọng như thế nào đi nữa, cũng chỉ được xem là một trong những cột móc chỉ đường, chứ chưa phải là cái cùng đích, cho nên đừng để bị cột chặt vào đó (Cổ Loa pháp với đường biểu diễn hình sin sẽ được trình bày ở phần Việt lý chương cuối)

Những gương anh hùng dân tộc chống ngoại xâm, cứu dân , cứu nước, muôn đời được ghi ơn:

" *Vững vàng tháp cổ ai xây?*
Bên kia Thú Thiện, bên này Dương Long.
Nước sông trong dò lòng dâu bể,
Tiếng anh hùng tạc để nghìn thu.
Xa xa con én liệng mù,
Tiềm long hỏi chốn vân du đợi ngày."

(Tháp Chàm, Thú Thiện, Dương Long ở Bình Khê, nơi có cuộc khởi nghĩa của Tây Sơn và về sau là khu kháng chiến của Mai Xuân Thưởng chống Pháp.)

Anh hùng không phải chỉ có nam nhi, mà cả nữ nhi cũng có mặt, nhiều khi còn đi tiên phong nữa như gương Hai Bà Trưng và Bà Triệu. Trong dân gian có châm ngôn:

" *Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh*"

Và ca dao đã ca tụng phụ nữ như sau:

" *Phấn son tô điểm sơn hà,*
Làm cho rỡ mặt đàn bà nước Nam."

Câu nói lịch sử bất hủ của Bà Triệu là một trong những ngọn đuốc soi sáng và hâm nóng dòng sử mệnh muôn đời, là tấm gương cho hậu

thế: " *Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tràng kình ở biển Đông, quét sạch bờ cõi để cứu dân ra khỏi nơi đắm đuối, chứ không thèm bắt chước người đời cúi đầu còng lưng làm tì thiếp cho người ta.*" (Việt Sử Tân Biên- Phạm Văn Sơn)

Ngược lại, cũng có những kẻ theo chân đế quốc, rước giặc về giầy xéo quê hương, sát hại đồng bào để tiếng xấu mãi mãi về sau. Những hành vi nhơ nhuốc đó, ca dao ghi là:

" *Cõng rắn cắn gà nhà* "
" *Rước voi giầy mả tổ* "

Thế hệ trẻ *học lịch sử với ý thức sử mệnh* trước hết là noi gương anh hùng, liệt nữ, duy trì và phát huy Tinh Việt, sau đó là tránh và ngăn ngừa mầm mống phản dân, hại nước.

Người ta thường hay nói: " *Lịch sử luôn luôn tái diễn* ", cho nên mọi công dân phải học hỏi lịch sử để rút kinh nghiệm mà đấu tranh, hành động sao cho sử mệnh không trở thành định mệnh nghiệt **ngã**. Nạn ngoại xâm là quốc nạn, hết Tầu đến Tây, hết Tây lại đến Tầu. Trong những giai đoạn không may này của dòng sử mệnh, thường xảy ra những " *chuyện lạ đời* ":

" *Chuyện đâu có chuyện lạ đời,*
Quân đi theo giặc bắt người lành ngay.
Nghìn năm nhớ mãi nhục này,
Theo Tây được thả, đánh Tây bị tù."

Đó là thiểu số ham bã lợi danh theo giặc, còn đại đa số giữ lòng trung nghĩa, chính trực, không nao núng, ngã lòng:

" *Chớ dung kẻ gian, chớ oan người ngay,*
Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo."

***

" *Chẳng lo đuổi thỏ săn hươu,*
Rồng còn uốn khúc ở ao đợi thì.
Kình nghê vui thú kình nghê,
Tép tôm thì lại vui bè tép tôm.
Xem loài bán thỏ buôn hùm,
Thấy mồi như trĩ bởi tham mắc dò..."

Đất nước có địa hình " *rồng uốn khúc* " là đất nước có nhiều anh hùng, liệt nữ, cho nên có thuyết "*Địa linh nhân kiệt* " từ thời Định Không, La Bảo để củng cố, nêu cao hào khí cho dân tộc thì liền bị Cao Biền ra tay trấn yểm. Thật ra, đó chỉ là mặt trận chiến tranh tâm lý nhằm đè bẹp ý chí quật cường và ý thức tự chủ của dân ta để dọn đường cho tham vọng xâm lược lâu dài của đế quốc, gây ra bao nỗi thống khổ, chia ly:

" *Cao Biền ơi hỡi Cao Biền,*
Biền cao chi lắm cho phiền lòng ta.
Bức tường giăng cách ly xa,
Chàng Nam thiếp Bắc kêu la thấu trời."

Tương truyền rằng Cao Biền theo lệnh vua Đường sang nước Nam (865) tìm phá các thế đất có long mạch. Biền cõi diều vẽ bằng bút phù phép bay đi khắp nơi để thực hiện mưu gian. Dân chúng oán hận. Do gấp rút, âm binh do Biền làm phù phép sai khiến còn non nớt, nên mọi mưu gian không thành.Do đấy mà có ca dao như sau:

" *Lò rò như cua bò đất cát*
Lẩy bẩy như Cao Biền dậy non."

Lại cũng có ca dao:

" *Bước chân lên đèo Cả*
Thấy mả ông Cao Biền
Có đôi chim hạc đang chuyền nhành mai."

Mả ở đây là mả giả, chứ thật ra Cao Biền khi thất bại, đã chạy về Tầu. Cho nên đất ở đèo Cả vẫn là đất lành, mà đã là đất lành thì chim đậu: " *Có đôi chim hạc đang chuyền nhành mai.*" (Chim hạc là vật biểu của dòng giống Lạc Hồng , hoa mai là tiêu biểu cho người quân tử)

Nổ lực của Cao Biền không có tác dụng, khí thiêng của nước Nam vẫn còn ghi nhận mãi về sau:

" *Ngó vô Linh Đồng mây mờ*
Nhớ Mai nguyên soái dựng cờ đánh Tây
Sông Côn khi cạn khi đầy
Khí thiêng đất nước nơi này còn ghi."

(Sông Côn chảy ra cửa Thị Nại ở Bình Định. Mai nguyên soái: Mai Xuân Thưởng khởi nghĩa chống Pháp)

Song song với công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, dân Việt còn phải vất vả chống thiên tai.

Câu chuyện huyền thoại " *Sơn Tinh, Thủy Tinh* " cho thấy sự đấu tranh ấy rất cam go, dai dẵng:

"*Ông tha mà bà chẳng tha*
Đánh nhau một trận hăm ba tháng mười."

(Ở Việt Nam vào khoảng hăm ba tháng mười hàng năm thường có bão lụt lớn)

Tục ngữ có nói: " *Cái khó bó cái khôn* " cho nên người Việt đã từ lâu biết thuật trị thủy: đê điều, dẫn thủy nhập điền, tưới tiêu.

Việc đê điều:

" *Cây cao chẳng quản gió lay*
Đê cao chẳng quản nước sông tràn vào."

***

" *Con chim xanh đậu nhành đu dủ*
Nhắc dân làng nhiệm vụ hộ đê
Quản chi công việc nặng nề
Cốt sao bảo vệ được đê vững vàng
Hộ đê có tổng có làng
Hộ đê đâu phải một làng mà thôi
Dù mưa dù nắng mặc trời
Làng trên xóm dưới người người quyết tâm
Khó khăn cũng phải dấn thân
Lo xong bổn phận công dân mỗi người."

Việc tưới tiêu:

" *Trồng trầu thì phải khai mương*
Làm trai hai vợ phải thương cho đồng."

***

" *Thương em anh cũng muốn thương*
Nước thì muốn chảy nhưng mương chẳng đào
Em về lo liệu thế nào
Để cho nước chảy lọt vào trong mương."

***

" *Bí lên ba lá*
Trách ba với má chưa chịu thả giàn
Tức mình bò dọc bò ngang
Trách hồng nhan vô duyên bạc phận
Duyên nợ ở gần sao chẳng đặng xứng đôi."

Thuật trị thủy, tưới tiêu là phần áp dụng của nguyên lý quân bình của Đạo thái hòa. Những cái lý lẽ ấy lại thường thấy trong ca dao pha lẫn với tình tự trai gái.

Thuật trị thủy không phải chỉ có việc be bờ không thôi, mà còn gồm cả việc khai thông nữa, nếu không thì hãy coi chừng hiện tượng: " *Tức nước vỡ bờ* " như bài ca dao trên:

" *Trách ba với má chưa chịu thả giàn*
Tức mình bò dọc bò ngang "

Trong tình trạng "*ngăn sông cấm chợ* " bất minh của vua quan, muốn nối mối lương duyên thì phải bắt cầu thôi:

" *Anh về xẻ gỗ cho dày*
Bắc cầu sông cái cho thầy mẹ sang
Thầy mẹ sang em cũng theo sang
Đò dọc quan cấm đò ngang không chèo."

Nền Minh triết của Đạo Việt xây dựng trên *nguyên lý lưỡng hợp thái hòa Tiên-Rồng*, cho nên ngay từ buổi đầu của huyền sử, dù phải chia ly vì tương khắc, kẻ lên miền núi, người xuống vùng biển, nhưng lại có lời khuyên rằng nhớ gặp nhau nơi *Tương Dã* . Có đi thì phải có về mới là Đạo (luật tán-tụ).

Đi ra có cái lợi của việc đi ra, cho nên trong dân gian từ lâu đã có châm ngôn: "*Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.*" Nhưng đừng quá say mê cảnh đẹp quyến rũ của các loại kỳ hoa dị thảo mà quên lối về thì sẽ mất vợ như gương Đế Lai trong huyền sử. Cuộc ra đi của Nguyễn Hoàng là cuộc phân ly đau thương, nhưng lại mở ra thông lộ mới cho dòng sử mệnh tiến mạnh về hướng Nam với công cuộc khai phá những vùng đất mới đầy gian khổ, nguy hiểm. Đây là những vùng đất xa lạ không có người hoặc rất ít người ở, được mệnh danh là vùng " *ma thiêng nước độc* ", cho nên gia đình nào có người mạo hiểm đi khai phá, người thân cũng lo lắng:

" *Hai tay bụm gạo vô nừng*

Đồng Cam nước độc anh đừng ở lâu."

Đồng Cam thuộc Phú Yên và Bình Thuận thời đó chính là vùng rừng sâu, nước độc, lại có rất nhiều muỗi gây ra bịnh sốt rét rừng chết người . Vì chưa có thuốc trừ sốt rét hữu hiệu, chưa có ý thức khoa học, cho nên người ta cho rằng nguyên nhân cái chết là do ma thiêng ở rừng gây ra. Ngoài ra trong rừng còn có cọp dữ nữa:

" *Cọp Khánh Hòa, ma Bình Thuận.*"

Đó chỉ mới là bước đầu trên con đường khai phá, càng đi sâu xuống phía Nam, còn có đỉa, cá sấu nữa cũng rất đáng ngại:

"*U Minh, Rạch Giá, Thị Quá, Sơn Trường*
Dưới sông sấu lội, trên rừng cọp đua."

***

" *Chèo ghe sợ sấu cắn chân*
Xuống bưng sợ đỉa, lên rừng sợ ma."

Tuy nguy hiểm như vậy, nhưng công cuộc khai phá lại rất hứa hẹn cho tương lai ấm no, hạnh phúc, cho nên vẫn có hàng hàng lớp lớp người dấn thân , mà ca dao còn ghi lại dấu tích ở nhân vật gọi là "*Ông Lữ* "

" *Cảm thương Ông Lữ dãi dầu,*
Cái ve, cái bút, cái bầu sau lưng."

***

" *Chiều chiều Ông Lữ đi cày,*
Trâu lôi gãy ách, khoanh tay ngồi bờ."

***

" *Chiều chiều Ông Lữ đi câu,*
Bà Lữ tát nước, con dâu đi mò."

***

" *Chiều chiều Ông Lữ đi câu,*
Sấu ăn Ông Lữ chúi đầu xuống sông."

***

" *Chiều chiều Ông Lữ đi câu,*
Sấu ăn Ông Lữ biết đâu mà tìm.
Tìm vàng tìm bạc dễ tìm,
Tìm cha tìm mẹ khó tìm em ơi!"

Ra đi làm cuộc phiêu lưu là tán ra vòng ngoài để phong phú hóa bằng thâu hóa sáng tạo (có thể tìm được vàng bạc), nhưng cũng đừng quên quay về nguồn tâm linh nội tại là trung tâm qui chiếu, là Tổ tiên, là quê hương nhất quán (Tìm cha tìm mẹ). Có nền tảng văn hóa dân tộc vững chắc thì khi giao lưu với những nền văn hóa lạ mới có ý nghĩa tích cực, mới có khả năng tiếp thu cái hay, loại trừ cái dở, nếu không sẽ có kết quả ngược lại.

Sử mệnh là vấn đề có liên quan đến quan niệm thời gian, con người và Tính mệnh, cho nên ngoài hình ảnh " *Con đường* " như ở " *Con đường văn hóa* ", còn có thể lấy hình ảnh dòng sông để biểu tượng cho sử mệnh luôn luôn trôi chảy, biến động. Nhưng dòng sông thuộc nhiên giới, là cái đã an bài, mọi sự lưu chuyển theo dòng sông như vậy mà thiếu phần ý chí của con người thì hầu như có ý nghĩa định mệnh. Ca dao đưa ra *hình ảnh con thuyền* đi ngược xuôi trên dòng sông đó và còn có tác động tích cực của con người nữa, nào là " *chèo chống* ", "*đứng mũi, chịu sào* ", " *lên thác, xuống ghềnh* ". Con thuyền không những chỉ đi trên sông, mà còn qua hồ, biển nữa và hướng về một bến bờ:

" *Lênh đênh đã quá lênh đênh,*
Chiếc thuyền đại hải dàng dênh giữa trời."

***

" *Thuyền sao không chọn bến bờ,*
Như khách thương hồ khi đến khi đi."

***

" *Sông hồ một dải con con,*
Gặp cơn sóng gió chớ non tay chèo.
Yêu nhau sinh tử cũng liều,
Thương nhau lặn suối, qua đèo có nhau."

***

" *Chớ thấy sóng cả mà lo,*
Sóng cả mặc sóng chèo cho có chừng.
Làm người phải biết đắn đo,
Phải cân nặng nhẹ, phải dò nông sâu."

***

" *Chẳng giậm thì thuyền chẳng đi,*
Giậm ra ván nát thuyền thì long đanh.
Đôi ta lên thác xuống ghềnh,

Em ra đứng mũi để anh chịu sào.
Sông Bờ, sông Mã, sông Thao,
Ba ngọn sông ấy đổ vào sông Gâm."

***

" *Biển Thị Nại ùn ùn sóng giận,*
Đá Phương Mai khăng khăng lòng trung.
Nước non là nước non chung,
Rửa thù non nước ta cùng phải lo.
Thuyền nhỏ gió to,
Anh đừng e ngại,
Anh chèo, em lái,
Cuối bãi đầu ghềnh,
Quản gì sóng gió lênh đênh,
Ngọn rau tấc đất miễn đền ơn nhau. "

***

" *Trên trời có sao Tua Rua,*
Ở dưới hạ giới đang mùa chiến tranh.
Máu rơi thịt nát tan tành,
Máu trên đồng ruộng, mái tranh, bến đò.
Em thương dân tộc xin hò,
Hò rằng dân Việt phải lo giữ gìn.
Lạy Trời cho máu về tim,
Máu đừng chảy nữa trên miền quê hương."

Máu tỏa ra khắp châu thân để nuôi sống cơ thể, nhưng đừng để " *máu rơi thịt nát tan tành* ", mà hãy giữ gìn " *cho máu về tim* " mới đúng là Đạo Việt hợp đủ ngoại nội, vừa *thành công* mà cũng *thành nhân*: chẳng những thành công ở lãnh vực xã hội, mà còn hướng dẫn con người càng ngày càng trở nên người hơn nữa**,** nghĩa là " *tận kỳ tính* ", là đạt *Tính thể* con người.

Sau đây là vài điều phụ chú, bổ túc cho đề mục sử mệnh:

1- Nếu một dân tộc không có nền tảng văn hóa vững chắc thì sử mệnh của dân tộc đó thật bấp bênh, không thể nào biết được nơi đâu sẽ là bến bờ, mà hoàn toàn bị cuốn hút theo chiều gió. Trường hợp Việt Nam sau trên một ngàn năm bị Tầu đô hộ mà vẫn giữ được bản sắc riêng của mình, vậy là phải nhờ có một nền tảng nào đó. Theo giáo sư Kim Định trong Việt Lý Tố Nguyên thì Việt Nho gốc văn hóa nông nghiệp của Viêm Việt có tính triết lý Vương Đạo khác với Hán Nho về sau có pha trộn tính Đế Đạo. Cho nên thời Bắc thuộc, người Việt chống đế quốc Tầu quyết liệt về chính trị hơn là văn hóa. Họ chỉ chống phần văn hóa nô dịch xa lạ, còn phần tinh hoa của Nho giáo thì lại quen thuộc với Việt Nho tích lũy nơi tiềm thức.

Trong thời kỳ Tam giáo đồng nguyên, thời kỳ nước Đại Việt hoàn toàn tự chủ, sự tổng hợp ba nguồn tư tưởng lớn, mà thực ra chỉ là sự tổng hợp giữa Phật giáo (nguyên thủy) và Nho Việt, bởi vì Nho và Lão thật ra cũng cùng một gốc văn hóa nông nghiệp của Viêm Việt, Bách Việt, Lạc Việt cả. Trong sự tổng hợp này, một bên là Phật giáo với biểu tượng vòng tròn tâm linh (con rắn quấn tròn), một bên là Đao Việt với biểu tượng vuông tròn (bánh chưng bánh dày) dung hợp cả vật chất lẫn tinh thần, đời và đạo. Kết quả của sự tổng hợp này đương nhiên giữ nguyên biểu tượng vuông tròn của truyền thống văn hóa dân tộc, nhưng phần tròn tâm linh được vun bồi thêm . Kết quả cụ thể là sự ra đời của Thiền phái Thảo Đường đời vua Lý Thánh Tông và Thiền phái Trúc Lâm đời vua Trần Nhân Tông. Sự khác biệt giữa hai Thiền phái ở chỗ Thiền phái Thảo Đường chủ yếu giành cho giới vua quan, còn Thiền phái Trúc Lâm thì chẳng những giành cho vua quan, mà còn cho cả dân chúng nữa, trong phạm vi rộng lớn hơn. Như vậy là trong thời Tam giáo đồng nguyên, nước Đại Việt đã chủ trương và thực hiện phương châm: " *Nửa tu chân chính, nửa tề quốc gia* ".

2- Thử tìm hiểu ý nghĩa của sự đại đoàn kết qua hình ảnh con thuyền, biểu tượng cho sử mệnh: Chúng ta hãy hình dung có một chiếc thuyền đang lâm nguy, nghiêng hẳn về một bên, mọi người lại đổ xô về phía đó gọi là đoàn kết thì thuyền bị lật úp ngay, mà thật ra phải phân

tán về phía đối diện để lấy lại quân bình. Tuy nhiên, sau khi thoát nguy, mà lầm tưởng đây là nơi đáng qui tụ sự đoàn kết, lại cứ dồn tất cả về phía này thì cũng sẽ bị lâm nguy như phía bên kia. Như vậy sự đại đoàn kết chỉ có thể có được thực sự với những thế lực có quan điểm quân bình, chứ không với quan điểm cực đoan.

Thiền Sư Vạn Hạnh nói: " *Không lấy chỗ trụ để trụ, không nương vào chỗ không trụ để trụ.*" **"** *Không nương vào chỗ không trụ để trụ* " thì đã quá rõ, đó là những phía cực đoan. Còn " *Không lấy chỗ trụ để trụ* " thì sao? Chỗ đáng trụ là chỗ Trung, tuy nhiên thế giới hiện tượng luôn luôn biến động, cho nên có mâu thuẫn, và khi mâu thuẫn phân hóa cực độ, mà vẫn cứ chấp cứng vào chỗ Trung đó, không biết quyền biến, vận dụng đối lập thì còn lâu mới có thể tái lập quân bình.

Tinh hoa Triết Việt là ở nguyên lý lưỡng hợp thái hòa, hướng về thế quân bình chứ không chủ trương nguyên lý đồng nhất, triệt tam.

NGUYỄN VĂN NHIỆM
(Germany)

CẢNH SỐNG VÙNG QUÊ

Không gian tĩnh mịch, chợt nghe gà gáy
Báo sắp tàn canh, chuyển tiếp đầu ngày
Nhà nông hối hả, cuốc cày ra ruộng
Học trò chào hỏi, lễ phép khoanh tay.

Mua bán chợ ngày, rộn ràng buổi sáng
Thực phẩm bày đầy, kẻ gánh người bê
Mẹ già chọn món, quay về xào nấu
Mỏi bụng xúm dùng, ngồi xổm bờ đê

Cảnh sống vùng quê mọi bề ấm áp
Một nắng hai sương bận rộn đêm ngày
Tối hò giả gạo, gái trai trêu ghẹo
Tàn cuộc về, vui vẻ siết chặt tay

Hay! Họ sống vui, đó đây tình nghĩa
Tối lửa tắt đèn qua lại giúp nhau
Bận rộn ngày mùa vòng công trao đổi
Lúc rảnh rang chè chén đậm tình say .

Ngày làng xóm có gái trai cưới gả
Bà con lân lí xúm xít trang hoàng
Y phục trịnh trọng tới lui bày tỏ
Với phong hồng, chúc hạnh phúc Phượng – Loan

Họ bàng hoàng, khi người làng vắn số
Đến dâng hương, đưa tiễn tận mộ phần
Tình làng nghĩa xóm đã bao thấm đậm
Lệ đôi giòng, lòng thổn thức khôn ngăn

Họ yên lặng trước án thờ giỗ kỵ
Ngọn nến lung linh, khói toả mùi hương
Con cháu vui, nghĩ bề trên chứng kiến
Rồi ngậm ngùi, tỏ thành kính nhớ thương

Tết, mai vàng, liễn đối, lư hương bóng…
Thờ ngũ quả, bánh mứt vọng cha ông
Pháo nổ, vui chơi, chúc Tết mặn nồng
Tình nghĩa đậm, những ngày Xuân dân tộc.

Duy An Đông
(San Jose)

BÀI THƠ GỬI BỐ

Bố ơi, có những chiều
Trên đồi thông gió reo
Mưa giăng mờ Đà-lạt,
Con nhớ bố thật nhiều.

Những ngày bố đi xa,
Con mong bố về nhà
Vui gia đình ấm cúng,
Mẹ con đỡ bơ vơ.

Nhớ hôm bố nghỉ phép,
Đà-lạt nắng huy hoàng,
Mẹ vui trào nước mắt,
Tụi con mừng reo vang.

Trời cao xanh như ngọc,
Bố mẹ cho đi chơi.
Chưa bao giờ Đà-lạt
Đẹp như thế bố ơi.

Tụi chúng con bẩy đứa
Tung tăng chạy trên đồi,
Bố mẹ ngồi sung sướng,
Ngắm chúng con reo cười.

Hồ Xuân Hương gió lộng,
Nước xanh, sóng nhấp nhô.
Cả nhà đi xuống bến
Thuê ba "pê-đa-lô"

Thác Cam Ly sủi bọt,
Con đường dốc chênh vênh,
Lều cỏ ăn pic-nic
Giữa núi rừng mông mênh.

Chiều đi Hồ Than Thở,
Mặt nước phẳng như gương,
Hàng thông cao soi bóng
Giữa khung trời mờ sương.

Rồi cả nhà đi chợ,
Bố mua gỏi bò khô,
Thịt bò viên, bò bía
Tụi con ăn thật no.

Ôi, ngày vui mau qua,
Rồi bố lại đi xa,
Mẹ ngập ngừng nhìn bố,
Niềm lưu luyến thiết tha.

Xe khuất đầu phố vắng,
Cả nhà còn trông theo.
Lòng nhớ thương chĩu nặng,
Trên đồi thông vẫn reo.

Đà-lạt nhiều mây trắng
Về đâu, lững lờ bay.
Tụi con buồn nhớ bố,
Pleiku, bố có hay?

VŨ ĐỨC NGHIÊM

(Viết thay các con)
Pleiku, 1964

MẸ TÔI

(Viết tặng mẹ yêu dấu, đã suốt đời hy sinh cho chồng con)

Vũ Đức Dũng

Vào thập niên 50 thế kỷ 20, các cụ vẫn còn quan niệm rằng "Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô" có nghĩa là: "có một người con trai thì kể như có con, còn có 10 con gái thì cũng như không". Gia đình ông bà Nội của tôi đã có nhiều (6) cháu gái con bác Cả Vũ đức Chang, rồi mẹ tôi lại sanh thêm 2 chị gái nữa thì ông bà Nội rất sốt ruột vì mong muốn có một cháu trai. Vì vậy khi tôi được sinh ra (1958) thì đại gia đình ông bà Nội đón nhận một cách vui mừng và trang trọng. Vì mẹ tôi sanh được cháu nội đầu tiên nên ông bà và các cô chú cưng chiều và săn sóc chu đáo. Sau đó thì các bác, chú khác cũng có con trai nên ông bà tôi rất cảm tạ ơn Chúa đã ban ơn trên gia đình.

Khi tôi được 3 tháng, tháng 9 năm 1958, bố tôi đi công tác ở Mỹ. Mẹ tôi đã vất vả chăm sóc 3 đứa con khi bố tôi ở xa. Hai chị Quỳnh, Giao và tôi được sanh cách nhau một năm nên mẹ tôi xoay vòng vòng để thay tã, cho ăn, tắm rửa, v.v. Hiện nay tôi cũng có 3 đứa con nên bây giờ mới thấm thía sự bận rộn của mẹ tôi lúc ấy là dường nào. Khoảng cuối năm 1958 tôi bị bệnh tiêu chảy, gần như một chứng đau ruột. Mẹ đem tôi vào bệnh viện Nhi đồng ở đường Trần quốc Toản để chạy chữa. Tôi nằm trên giường còn mẹ tôi thì nằm dưới đất để chăm sóc tôi. Bệnh viện vào những năm này không có phòng riêng cho từng bệnh nhân, nên người chăm sóc phải ở chung một phòng với bệnh nhân và những người bệnh khác. Đêm đó có trẻ con khác bị chết, người thân của nó khóc như ri nên mẹ tôi sợ quá ôm tôi ra khỏi nhà thương để về nhà. Hôm sau bác sĩ Phan trần Đạo là bạn của bố tôi và cũng là bác sĩ điều trị cho tôi hỏi mẹ rằng "Chị Nghiêm sao lại bỏ trốn như vậy, không cho tôi biết đem cháu đi đâu". Mẹ tôi trả lời rằng "Tôi thấy con người ta chết nên sợ quá đem cháu về nhà". Đó là một kỷ niệm khi tôi còn nhỏ mà mẹ tôi đã chăm sóc tôi.

Khi tôi còn nhỏ gia đình cũng theo bố tôi, một sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa di chuyển theo từng thời kỳ làm việc ở các thành phố khác nhau. Khi gia đình tôi ở Kontum, chị Quỳnh bị đau phải giải phẫu. Kontum là một thành phố nhỏ trên vùng cao nguyên nên không có phương tiện để mổ, mẹ tôi phải đi máy bay cùng chị Quỳnh đến Sài Gòn để chữa trị. Chỉ có tôi và chị Giao ở lại Kontum với bố. Hôm đó chúng tôi đang trèo cây chơi đằng trước nhà thì bố tôi về và chở chúng tôi đi ăn phở.

Mẹ tôi lúc nào cũng lo lắng chăm sóc cho từng đứa con một cách kỹ lưỡng.

Khi tôi học lớp năm tức là lớp một bây giờ, gia đình tôi định cư ở Đà Lạt, một thành phố ở miền cao nguyên Trung phần có khí hậu mát lạnh quanh năm. Thành phố này được bác sĩ Yersin khám phá và được người Pháp dùng làm nơi nghỉ mát với các dinh thự xây cất rải rác khắp nơi. Đà Lạt khi xưa cũng được dành riêng cho vua Bảo Đại làm nơi giải trí, săn bắn và du ngọan nên cũng được gọi là Hoàng Triều Cương Thổ.

Những năm học Tiểu học trôi qua mau rồi đến Trung học, tôi được bố cho học trường Kỹ Thuật Lasan, một trường dòng Công giáo do các "frères" điều khiển. Bố mẹ tôi xây dựng được một căn nhà xinh xắn trên ngọn đồi nhìn xuống hồ Xuân

Hương số 26C đường Thống Nhất. Bố mẹ và bảy anh chị em chúng tôi sống êm đềm và hạnh phúc tại căn nhà này đến khi cuộc biến đổi biển dâu năm 1975.

Mùa Xuân năm ấy trôi qua với những biến động quân sự gia tăng khi quân cộng sản miền Bắc lấn chiếm các tỉnh miền Trung. Tôi đang học lớp 11 thì thành phố Buôn Mê Thuột thất thủ và cuộc triệt thoái cao nguyên bắt đầu. Mẹ tôi vẫn vững niềm tin nơi sự vững mạnh của quân đội Việt Nam Cộng Hòa sẽ chận đứng sự tấn công của Việt Cộng nên khi phải di tản, gia đình chúng tôi không mang theo gì cả ngoài vải bộ quần áo thay đổi. Mẹ tôi dẫn dắt 7 đứa con lên xe đò Minh Trung đi xuống Nha Trang, một thành phố ven biển mà gia đình chúng tôi đã có dịp đến nghỉ hè vài năm trước đó. Mẹ tôi dự định tạm thời lánh nạn khỏi Đà Lạt vài ngày rồi sẽ trở về nhà khi cuộc chiến ổn định. Nhưng những tin tức chiến sự ngày càng tệ hại nên mẹ tôi quyết định vào Sài Gòn là nơi bố tôi ở và ông đang dạy tại trường Chỉ Huy và Tham Mưu, Long Bình.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 cả miền Nam Việt Nam rơi vào địa ngục trần gian sau lệnh đầu hàng của Dương văn Minh, tổng thống hai ngày của Việt Nam Cộng Hòa. Cũng như hàng trăm ngàn quân cán chính khác của miền Nam, bố tôi cũng bị phỉnh gạt bởi lời hứa của Việt Cộng: "Mang 30 ngày lương thực để học tập cải tạo", ai cũng tin tưởng rằng mình chỉ học có 30 ngày thôi, vì chỉ mang 30 ngày ăn đường. Bọn VC đã bắt đầu lừa đảo mọi người bằng cách này hay những cách khác để nhốt tù và đày đọa dân quân miền Nam đến tận cùng của sự khổ đau và nhục nhằn.

Chúng tôi tạm thời ở Sài Gòn khi mẹ tôi trở về căn nhà Đà Lạt để thấy căn nhà yêu dấu đã bị đập phá tan hoang. Tất cả những đồ đạc, vật dụng đều bị lấy cướp đi, ngay cả những bóng đèn cũng không còn. Cả nhà là một đống rác hỗn độn, những hình ảnh kỷ niệm bị xé ra từ những cuốn album vứt lung tung trên nền nhà. Mẹ tôi đau lòng thu nhặt từng tấm ảnh bỏ vào bao nylon để dành lại. Trời Đà Lạt lạnh nhưng không còn giường chiếu, chăn màn cũng chẳng còn, mẹ tôi phải nằm co ro ngủ trên mảnh vải rách bên ngọn đèn dầu tù mù để chờ chúng tôi từ Sài Gòn trở về nhà cũ.

Trước khi đi tù, bố cho chúng tôi lên Đà Lạt lại. Chiếc xe vận tải chở 6 chị em chúng tôi với mấy tâm nệm và 1 bao gạo chỉ xanh để làm lương thực. Chúng tôi đang ở tuổi phát triển, ăn như tằm ăn rỗi. Cơm độn trái su su ở sau vườn với 100 kilo gạo hết nhẵn trong một khoảng thời gian ngắn. Mẹ tôi từ một người nội trợ lo việc trong nhà, nấu nướng và chăm sóc con cái trước đây nay phải bương chải, vật lộn với xã hội để kiếm sống và nuôi các con. Chị Quỳnh lớn nhất mới 19 tuổi và nhỏ nhất là Tuấn lên 8 tuổi. Từ nhỏ đến lớn chúng tôi chỉ biết ăn, và đi học nên không biết đi làm để kiếm tiền. Bao nhiêu mối lo và gánh nặng nuôi con đổ dồn lên đôi vai gầy yếu của mẹ tôi.

Mẹ nhận thấy rằng gia đình chúng tôi không thể ở Đà Lạt được vì của cải mất sạch, chẳng còn gì có thể bán đi mà mua gạo cho lũ con nheo nhóc. Mẹ xuống Sài Gòn một mình để tìm cách sinh nhai và sau đó chuyển chị Giao và 4 em tôi về Sài Gòn với mẹ. Tôi còn ở lại Đà Lạt để trông nhà và tiếp tục xong trung học. Những ngày tháng sống một mình trong căn nhà vắng lặng và lạnh lẽo, tôi nhớ lại những ngày xưa đầm ấm, đầy đủ bố mẹ và các chị em mà ao ước được một ngày như vậy quá. Nhờ ơn Chúa mẹ tôi đã chọn đúng con đường để tồn tại trong cuộc đổi đời là trở lại Sài Gòn

để sinh sống. Từ một phu nhân chân yếu tay mềm có kẻ hầu người hạ trước kia, mẹ tôi đã trở thành một người bán hàng rong ở các khu chợ Sài Gòn. Ngày ngày bất kể nắng mưa, mẹ ra chợ mua bán quần áo cũ để kiếm tiền nuôi các con và mẹ vẫn hàng tháng gửi tiền lên Đà Lạt nuôi tôi đến khi tôi học xong lớp 12 và thi đậu ra trường.

Sau khi tốt nghiệp trung học với kiến thức kỹ thuật được đào tạo tại trường Kỹ Thuật LaSan, tên Việt Cộng hiệu trưởng mới đã ba hoa rằng đất nước rất cần những người có tay nghề như chúng tôi. Hắn kêu gọi tất cả các học sinh tốt nghiệp đi làm công nhân cho nhà nước. Bạn thân của tôi, Cao đăng Vinh cùng tôi cũng chuẩn bị cơm nước đi làm. Ngay hôm đầu tiên chúng tôi đến chỗ làm, vừa đến cổng thì cả 2 bị tên gác cổng chận lại hỏi giấy tờ rồi đuổi chúng tôi về. Hắn nói:"Nhà nước chỉ cần những người hồng hơn chuyên". Sau này tôi mới biết là bọn chúng chỉ cho những người có lý lịch tốt, nghĩa là không có cha mẹ, anh em nào làm cho chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thì mới được làm việc cho chúng nó. Bố tôi là Trung Tá trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, còn Vinh bạn tôi thì có anh là Đại Úy Hải Quân. Đúng là chế độ của Vẹm. Chưa đi làm đã thất nghiệp!

Tôi đang không biết phải làm gì thì nhận được thư báo mẹ đau nặng phải về Sài Gòn gấp. Ra phường xin giấy phép đi Sài Gòn mà lòng tôi không yên, lo lắng không biết mẹ bị bịnh gì mà không có ai là đàn ông trong gia đình vì bố tôi vẫn đang ở tù Cộng Sản. Tôi chỉ biết cầu xin Thượng Đế gìn giữ mẹ được bình yên. Lúc gặp mẹ tôi mới thở phào nhẹ nhõm vì mẹ muốn tôi vượt biên nên phải gọi tôi về Sài Gòn ngay lập tức. Mẹ biết rằng tôi không thể phục vụ cho chính quyền Cộng sản vì bố tôi đã chiến đấu chống Cộng mà tôi là người con mà đi làm trong hàng ngũ của bọn Việt cộng thì không thể chấp nhận được. Hơn nữa, bố tôi là sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, nên chỉ nghĩ đến lúc tôi bị Việt Cộng bắt lính, phải đội mũ cối, đi dép râu, mang súng AK c ũng là một viễn ảnh kinh hoàng và nhục nhã cho gia đình chúng tôi.

Khoảng giữa năm 1976 mẹ sắp sếp cho tôi đi vượt biên với chú Minh ở Qui Nhơn nhưng việc không thảnh vì người bán tàu phản bội, lấy tiền nhưng không chịu giao tàu. May mà chúng tôi không bị băt, nhưng mẹ mất mười mấy lượng vàng, tiền mẹ dành dụm qua biết bao ngày cực nhọc buôn bán. Mỗi ngày mẹ đều phải dậy sớm để đi ra chợ dành chỗ ngồi bán hàng, có hôm được chỗ tốt nhưng cũng có khi không có chỗ nào, mẹ đành phải ngồi trước hiên nhà nào đó rồi bày hàng ra bán. Nói là hàng hóa cho sang nhưng thực ra hàng chỉ là những quần áo cũ, mẹ mua về sửa lại một chút, ủi lại cho thẳng rồi đem ra bán.

Một hôm mẹ mới bày mớ quần áo ra thì bọn ''chó vàng", tiếng người dân gọi bọn công an mặc áo vàng đến bắt mẹ đi vì tội buôn bán rong rồi tịch thu hết các quần áo. Mẹ bị nhốt mấy ngày vì tội buôn bán trên lề đường. Lần đó bị mât cả vốn làm ăn nhưng mẹ vẫn phải vay mượn và làm lại từ đầu. Mưa như trút nước vào mùa mưa ở Sài Gòn, không khí cũng mát hơn vào lúc chiều tối. Có một hôm tôi đi xe đạp đón mẹ ở đường Hàm Nghi lúc trời sẩm tối. Đến nơi thấy mẹ ngồi co ro vì lạnh dưới hiên nhà nơi thường ngồi bán đồ cũ. Mái hiên nhỏ không đủ che nên nước mưa bắn vào ướt quần áo mẹ, hai tay mẹ ôm bọc quần áo để che mớ đồ cũ vì sợ bị ướt không bán được. Tôi ứa nước mắt thương mẹ phải chịu khổ

cực để kiếm từng đồng bạc thăm nuôi bố trong tù và nuôi dưỡng các con.

Tôi đi vượt biên mấy lần không thoát. Lúc đi ở Ngọc Hà năm 1977 thì bị bắt cùng với 2 chị tôi, mẹ đã bị mất một số tiền lớn. Đi vượt biên thì phải trả bằng vàng lá nên khi 3 chúng tôi bị bắt, mẹ bị mất đi cả một gia tài. Năm 1979 mẹ thu xếp cho tôi đi vượt biên lần nữa ở Cần Thơ. Lần này tôi xuống ở dưới ghe lớn hơn 3 tháng để chuẩn bị đi. Sông Cần Thơ rộng nhưng lại có một cồn cát ở giữa sông gần cửa biển. Tàu chúng tôi rời bến lúc ban đêm để tránh mặt công an biên phòng nhưng vừa ra tới cửa biển thì bị mắc cạn, chân vịt xoay mạnh làm nước biển bắn lên tung tóe với những đốm lân tinh lấp lánh mà tàu vẫn không nhúc nhích. Sáng hôm sau bọn công an biên phòng đến bắt chúng tôi vì tội vượt biên. Tôi bị nhốt tù tại Chấp Pháp Cần Thơ hơn 2 năm.

Trong thời gian tôi ở tù mẹ vẫn thường xuyên đi thăm nuôi tôi. Mặc dù mang tên Cần Thơ gạo trắng nước trong nhưng tù nhân chỉ được cho ăn bột mì luộc hay bo bo là thức ăn để nuôi ngựa nên người ăn vào thế nào thì đi tiêu ra vẫn còn nguyên hột bo bo như vậy. Có lần tôi bị bịnh kiết lỵ, một đêm đi tiêu hàng chục lần, ăn đã không có gì bổ dưỡng mà bị đau bụng không ngủ được nên tôi gầy tóp như bộ xương biết đi. May sao mẹ nhận được tin tôi nhắn để vào thăm nuôi kịp lúc. Mẹ mang thức ăn cho tôi và thuốc do chú Anh ở Pháp gửi để chữa bịnh kiết lỵ. Nếu mẹ không đem thuốc kịp thì không biết tôi có sống sót nổi trong trại tù Cộng sản không?.

Khi tôi ở tù về được mấy tháng, mẹ lại thu xếp cho tôi đi vượt biên bằng đường bộ. Lần này tôi giả dạng làm bộ đội. Quần áo và nón cối mua ở chợ trời, tôi cũng mua giấy tờ giả với quân hàm Hạ sĩ. Đêm hôm trước khi đi, tôi ở nhà cô Bạch Cúc là em ruột của bố tôi. Khi trời mờ sáng tôi đến nhà một người khác để thay quần áo bộ đội và ra bến xe đò đi về Tây Ninh. Cùng đi với tôi có chú Huy, con ông bà Ngọc, chị Cúc và ông chồng. Vượt qua chặng đường vượt biên gian khổ trong suốt 2 năm, qua nhiều trại tù Miên đỏ ở Cam Bốt, trại tỵ nạn Thái Lan và cuối cùng tôi đến Mỹ tháng 8 năm 1983.

Mẹ tôi vui mừng khôn siết khi nhận được thư tôi gửi từ Mỹ cùng một ít quà. Tôi được mẹ kể lại là sau khi tôi đi qua Cam Bốt, chị Giao nằm mơ thấy tôi bị Miên Cộng chặt đầu. Mẹ lo lắng mất ăn, mất ngủ cả tháng trời đến khi nhận được tin tôi từ Khanh, người lính bộ đội đào ngũ đã dẫn chúng tôi đi. Mẹ vẫn buôn bán cực khổ, chắt chiu dành dụm tiền để cho em Tuấn vượt biên 22 lần. Tính ra mẹ đã mất không biết bao nhiêu tiền của vì tương lai của các con. Mẹ cũng thường xuyên thăm nuôi bố tôi khi người bị tù Cộng Sản từ 1975 đến 1989. Mẹ đã hy sinh, chịu cực khổ suốt đời để lo cho chồng con được sống còn, cho tương lai các con đực sáng sủa hơn. Chúng con trọn đời thương mẹ và nhớ công ơn mẹ, con xin luôn cố gắng sống tốt đẹp để bõ công mẹ đã hy sinh vì chúng con. Tôi vẫn còn nhớ chị Quỳnh Giao tôi nói:

"Cái gì ngon nhất thì bố ăn, vừa vừa thì các con ăn, còn những gì vất đi thì mẹ ăn".

Câu nói ấy đã nêu lên sự hy sinh vô bờ bến cũa mẹ cho gia đình.

San Jose, CA 2/6/11, mùng 4 tết Tân Mão.

Daniel. Vũ Đức Dũng

BIỂN GỌI

Phong Thu

"Má ơi! Tàu ông Sấm lớn lắm. Lớn bằng cái đình làng".

Bà Mụ đang ngồi đan lưới nghe tiếng nói hổn hển của thằng Biển, bà dừng tay lại, ngước mắt nhìn khuôn mặt khét nắng của nó đang hí hửng khoe người bạn mới quen. Nghe nó nhắc tới ông Sấm là bà không mấy thích. Bà nạt thằng nhỏ:

"Mi đừng có lại gần ông ta. Tao không thích ông ta"

Thằng Biển tiu nghĩu hỏi:

"Tại sao vậy má?"

Bà Mụ bực bội nói sẳng:

"Mi đừng có hỏi mãi làm tao bực mình. Đi ra ngoài chơi cho tao vá lưới"

Thằng Biển bỏ đi. Nó lang thang, thơ thẩn một hồi rồi cũng đi ngang căn lều tranh của ông Sấm. Nó dừng lại ngắm nhìn con tàu to lớn, khác thường, hùng vĩ đang nằm phía sau căn chòi sát mép biển của ông Sấm. Chiếc thuyền ngạo nghễ phơi mình dưới ánh nắng gay gắt, nổi bật trên một vùng cát trắng. Thằng Biển cảm thấy tự hào, ao ước được một lần đặt chân trên con tàu đó và được ra khơi với ông Sấm. Nó còn mơ được lên trên vọng gác cao chót vót trên tàu để được ghé mắt vào cái kính viễn vọng mà người ta đồn rằng rất hiện đại.

Nó không biết tại sao má nó không thích người đàn ông dễ mến như ông Sấm. Ngay cả những người trong làng chài lưới cũng truyền miệng nhau về một người lạ mặt không rõ gốc gác. Không ai biết người đàn ông tên Sấm là ai? Ông ta từ đâu tới? Họ chỉ biết rằng đó là một người vui tính, có tiếng cười rền vang. Cái miệng rộng, vầng trán phẳng lì bướng bỉnh, mái tóc rễ tre lởm chởm và vóc dáng lực lưỡng, rắn chắc. Người trong làng ban đầu nhìn ông Sấm với vẻ e ngại vì cái tướng bậm trợn của ông. Nhưng lâu dần, ai cũng thấy ông không quấy rầy làng xóm, không làm phiền ai. Ông hiền lành và tử tế với trẻ con trong làng. Vì vậy mà ông được chính quyền địa phương và ngư dân làm lơ cho ông sống. Đặc biệt là ông mê nghiên cứu về thuyền. Những chiếc thuyền đánh cá to lớn nhất trong làng ông Sấm đều đến nghiên cứu xem thử. Chiều chiều, người ta thấy ông ngồi tư lự bên bờ biển hàng giờ. Ông thật sự cô đơn trong ngôi làng đánh cá nghèo nàn nầy.

Rồi bỗng dưng, ông Sấm mua về rất nhiều gỗ và mướn nhiều thợ tài ba trong làng đóng thuyền đánh cá. Chiếc thuyền của ông to lớn nhất làng. Hai đầu tàu nhọn như một mũi tên có vẽ bốn con mắt của con cá voi to, đen sắc lẽm. Toàn thân tàu sơn màu xanh nước biển. Một cột buồm cao, to. Bên trên có một vọng gác với một hệ thống kính viễn vọng có thể nhìn xa hàng mấy chục dặm. Ngoài ra, hai bên hông tàu còn có bốn chiếc tàu nhỏ để phòng khi gặp nạn, có thể hạ thủy để cứu người. Ông Sấm đang kêu gọi tập hợp những người yêu biển, có kinh nghiệm ngư trường, có tài bơi lội giỏi để trở thành một đội ngư phủ hùng mạnh ra khơi đánh cá. Thằng Biển mon men đến gần chiếc tàu và sờ tay lên thân tàu. Mùi gỗ và mùi nước sơn còn mới tinh xộc vào mũi nó. Bóng ông Sấm hiện ra bên căn chòi nhỏ. Không chờ cho thằng Biển lên tiếng, ông Sấm hỏi:

"Cháu có thích đi biển không?"

Thằng Biển mắt sáng rỡ đáp:

"Thích lắm."

Ông Sấm tiến về phía nó và tiếp:

"Cháu có đi ra biển lần nào chưa."

Thằng Biển nhìn ra biển, giọng nó yếu xìu:

"Có, mấy năm trước kia. Khi cháu mới có bảy tám tuổi thôi, ba cháu thỉnh thoảng đem cháu theo khi biển êm, gió lặng. Rồi ba cháu bị

tàu Trung cộng bắt, bị họ đánh đập và đòi tiền chuộc đến cạn kiệt nên không còn tiền để đi đánh cá. Năm rồi ba cháu đã bị mất tích."

Mặt thằng Biển đầy nước mắt. Nó hỉ mũi rồn rột rồi ngước nhìn ông Sấm và nói tiếp:

"Từ khi ba cháu không trở về, má cháu và cháu sống rất khổ sở. Má vá lưới kiếm tiền nuôi cháu. Ngày nào cháu cũng ra biển ngóng trông ba trở về mà có thấy đâu."

Ông Sấm đưa bàn tay sần sùi, to như nải chuối sứ xoa đầu nó an ủi:

"Chú hy vọng ba cháu còn sống trở về với gia đình."

Nó chùi nước mắt bằng vạt áo nhàu nát và hỏi:

"Ngày mai chú hạ thủy chiếc tàu nầy và ra khơi đánh cá phải không? Có bao nhiêu người đi chung?

"Mười người. Họ là những thanh niên khoẻ mạnh, có kinh nghiệm về biển, bơi lội giỏi. Tất cả đều là người trong làng mình."

"Chú cho cháu đi theo chú cho vui. Cháu cũng biết bơi lội giỏi và còn biết nấu cơm cho chú ăn."

Ông Sấm cười lớn:

"Cháu còn bé lắm! Nên ở nhà với mẹ. Biển của mình bây giờ không còn bình yên như xưa. Cháu không biết rằng đã có nhiều người đi đánh cá rồi không bao giờ trở về nữa cũng như ba cháu đó. Những chiếc tàu lạ, to lớn, bằng thép đã tấn công tàu ngư dân và cướp bóc, giết hại họ. Bọn nầy hung ác hơn cả hải tặc trên biển. Chú đi đánh cá để khuyến khích mọi người ra khơi. Nếu không, ngư dân mình chết đói."

Ông Sấm dẫn nó vào trong căn chòi của ông. Ông mở lu xúc cho nó một ít gạo, một ích khô, và dúi vào tay nó một ít tiền. Ông dịu dàng nói:

"Cháu mang về đi. Chú biếu cháu làm quà. Có thể chú đi cả tháng mới quay về. Cầu nguyện cho chú nhé!"

Thằng Biển mừng rỡ cầm lấy nhưng nó cũng lo lắng nói"

"Má cháu không cho cháu nhận quà của chú cho. Cháu phải làm sao?"

"Đừng nói chú cho mà nói ai cho cũng được. Thôi cháu về đi. Chú còn lo nhiều việc cho ngày mai.

***

Dân làng thức dậy thật sớm để xem chiếc tàu Sấm Chớp ra khơi. Nhiều người có thân nhân là thủy thủ trên tàu đã bày nhang đèn, bàn thờ gần biển để cúng bái, cầu nguyện cho con cháu mình ra đi và trở về bình yên. Chiếc thuyền của ông Sấm đã hạ thuỷ trong đêm và sáng hôm nay chuẩn bị giăng buồm ra khơi. Mọi người ao ước sẽ đánh một mẻ lưới lớn và bắt được nhiều cá. Hàng chục thanh niên lực lưỡng, can đảm và thông thạo nghề đánh cá đã tình nguyện tham gia đội đánh cá của ông Sấm. Họ nhìn chiếc thuyền bằng gỗ nhưng vững chắc và thiết kế hoàn toàn mới mẻ nên cũng ao ước được đặt chân trên con tàu mới nầy.

Ông Sấm đeo một túi vải trên vai và xách theo một cái xách tay làm bằng da rất đẹp có in hình bản đồ Việt Nam và con tàu Sấm Chớp. Ông bước đi chậm rãi và vẫy tay chào tất cả dân làng. Mọi người chúc mừng, reo hò, tạm biệt trong nỗi vui mừng pha lẫn nỗi lo âu. Làm sao ông biết trước được ông có trở về hay không? Biển dữ dội nhưng biển không đáng sợ bằng con người. Đã có bao nhiêu ngư dân làng nầy ra đi rồi vĩnh viễn không trở về. Bao nhiêu con tàu đã bị tàu lạ đâm chìm? Bao nhiêu người mẹ khóc con, vợ khóc chồng, và bao trẻ mồ côi ngồi khóc đợi cha về? Làng chài cá nầy đã quá nghèo nàn, quá khốn khó. Còn ai mang lại cho họ một tia hy vọng vào ngày mai biển lặng sóng êm và họ có thể ra khơi đánh cá, an toàn trở về để nuôi gia đình. Hàm râu của ông động đậy và ông cố gắng nở một nụ cười như trấn an mọi người. Ông định bước lên chiếc xuồng nhỏ để ra tàu lớn thì có tiếng thằng Biển gọi:

"Chú Sấm chờ cháu với!"

Ông đưa một cánh tay ra. Thằng Biển chạy xuống ôm lấy ông. Nó vừa thở hổn hển vừa nói:

"Má cháu không cho cháu đi gặp chú. Cháu phải trốn đi đó."

Ông xoa đầu nó đáp:

"Vậy à? Sao cháu không ở nhà để má cháu không lo lắng. Ra đây làm chi."

Thằng bé nhìn ông. Mắt nó chớp chớp như muốn khóc:

"Cháu lo lắm! Cháu lo chú sẽ không trở…về nữa?"

"Sao cháu nghĩ vậy? Chú sẽ trở về và hai chú cháu mình sẽ có dịp đi câu cá bên kia đồi Hùng-Linh."

Một hàng nước mắt bỗng chảy dài trên má nó. Nó thổn thức:

"Chú có biết là thằng Cẩn và chiếc ghe của ba nó đã bị tàu lạ đánh chìm. Nó chết rồi chú ơi! Nó chết đêm qua. Thằng bạn học của cháu đó mà…hu…hu. Cháu sợ chú cũng…như nó, như ba cháu và nhiều người đánh cá khác không bao giờ còn trở về…hu…hu.."

Nó khóc lớn đến mức những người xung quanh quát lớn:

"Thằng ranh nầy chỉ quở những điều xấu. Không tốt đâu…đi về đi."

"Rõ rắc rối. Mới khởi hành đã quở rồi. Vậy còn làm ăn gì được."

"Tàu mình lớn, đồ sộ hơn những chiếc tàu khác thì sợ quái gì. Ăn nói đêu không?"

Có tiếng má nó gọi lớn:

"Biển. Mầy ở mô? Về nhà mau."

Thằng Biển nắm tay ông Sấm từ biệt:

"Má cháu đang đi tìm cháu. Mỗi ngày cháu sẽ ra đây chờ chú. Cháu sẽ thắp nhang khấn vái thần linh, thần biển giúp chú bình an.

Đôi mắt thằng bé lo âu pha lẫn nỗi tuyệt vọng. Nó như biết trước những điều không may sẽ xảy ra cho đoàn tàu đánh cá của ông Sấm. Nó cũng nhớ lại nụ cười, nét mặt của ba nó cách đây một năm cũng trên bãi cát nầy, trên bờ biển xanh ngát, mặt nước cuộn lên những đợt sóng dội vào bờ mãi mãi giữ kín những điều bí ẩn. Ba nó mất tích trên biển không thể tìm được xác. Nó mồ côi và lang thang mỗi chiều trên bãi cát mịn màng, êm dịu dưới chân. Nó có cảm giác trái tim quặn thắt, bồi hồi và nhớ ba nó. Mỗi lần thấy một con tàu đánh cá nhấp nhô xa xa, nó cứ hy vọng chờ đợi…và rồi nó thất vọng. Nước mắt nó ứa ra. Nó nằm úp mặt xuống cát ướt và khóc một mình. Bây giờ, nó quen với một người bạn lớn là ông Sấm. Nó cảm thấy thân thiết và quý mến tình tình hào phóng, nghĩa hiệp của ông. Hôm nay, ông ra khơi đánh cá. Nó bị ám ảnh cái chết của thằng bạn đêm qua nên không thể ngủ được. Và nó đã thức dậy sớm ra đây tiễn ông đi. Nó nhét vào tay ông một cái giàn thung bắn chim:

"Chú gặp bọn ác là bắn vào đầu cho nó chết đi."

Ông Sấm cầm giàn thung trên tay ngắm nghía cười và hôn lên tóc nó:

"Cái giàn thung nầy chỉ để bắn mấy con chim không biết bay thôi...ha ha…Nhưng chú sẽ giữ trên tàu làm kỷ niệm. Chú hứa sẽ trở về. Hãy tin như vậy nhé!"

Má nó chạy ào xuống bãi biển. Bà nắm tay thằng Biển lôi xệch lên bờ. Bà vừa đi vừa càu nhàu:

"Tao biểu mi đừng có đi gặp ông ta. Nhưng mi không nghe. Muốn ăn đòn đó hả?"

Thằng Biển không thèm nghe má nó nói gì. Nó ngoái đầu lại nhìn ông Sấm và hét vang:

"Cháu sẽ chờ chú tại đây. Chú nhớ trở về nhé!"

Tháng năm biển êm, gió lặng. Mặt nước xanh biếc và báo hiệu mùa đánh cá phát đạt. Ngư dân rất vui mừng. Họ đã chuẩn bị ra khơi đánh cá. Nhưng lệnh của bọn Tàu cộng lại tiếp tục áp đặt lên toàn bộ biển Đông là "cấm đánh cá" cho đến hết tháng 8. Dân Ngư Sơn treo lưới. Họ không sợ bọn cướp biển mà

sợ bọn Tàu cộng tham lam, độc ác. Bao đời nay, người dân đánh cá, bám biển cha ông để mưu sinh. Nay, biển trở thành tử địa. Nhiều ngư dân trong làng treo lưới ngồi nhìn biển. Ngôi làng êm đềm nầy đã nghèo càng nghèo thêm. Họ là những người cả đời bám biển, sống với biển và cũng chết với biển. Có người cả dòng họ mấy trăm năm sống bằng nghề đánh cá. Họ yêu biển như yêu mái ấm gia đình. Giờ đây họ phải đối diện với hiểm họa mất biển, mất ngư trường để mưu sinh. Có hàng trăm người đi đánh cá gần Hoàng Sa đã bị tàu Tàu Cộng bắt bớ, đánh đập và đòi tiền chuộc khiến họ bị phá sản. Có nhiều người bị những chiếc tàu "Ma" mà chính quyền Việt Nam gọi là tàu lạ đâm chìm rồi bỏ chạy. Xác ngư dân phơi trên biển làm mồi cho cá mập. Chưa bao giờ dân làng Ngư Sơn ghét và sợ bọn Tàu cộng như hiện nay. Họ không dám ra khơi đánh cá và tránh xa khu vực đảo Hoàng Sa, hòn đảo đã bị Tàu cộng chiếm từ năm 1974. Chính quyền Việt Nam bất lực, không giúp được gì cho dân ngoài những lời tuyên bố chung chung. "Mạnh vì gạo, bạo vì tiền", nên có tiền Tàu cộng muốn chứng tỏ sức mạnh cơ bắp của một tên vỏ biền hung tợn, tham lam và thực dụng. Chính quyền Tàu Cộng vẽ sơ đồ chín đoạn gọi là đường lưỡi bò để liếm hết biển Đông. Tiền bạc Tàu cộng đổ vào chế biến vũ khí, máy bay, tàu chiến, tàu ngầm, tàu sân bay, hoả tiển… hàng năm cứ tăng lên. Các nước trong khu vực sợ khiếp vía. Và dĩ nhiên, ngư dân sống quanh bờ biển Việt Nam cũng sợ vì sự tàn ác và thâm hiểm của bọn Chệt.

Ông Sấm biết tình hình biển không dễ dàng cho chuyến đi khai trương đánh cá của con tàu Sấm Chớp. Nhưng ông tin rằng nếu ông phá tan sự sợ hãi của ngư dân thì người dân sẽ nương theo ông mà làm. Chẳng lẽ mọi người ngồi bó gối chờ chết đói. Có tàu, có nghề mà không tìm ra được một con cá để ăn thì khốn nạn biết bao. Sao dân mình phải khổ đến như vậy? Đại dương do trời đất sinh ra, cá không ai nuôi dưỡng sao lại có kẻ mặc nhiên tự nhận là của mình. Bọn tham tàn nầy muốn vơ vét của cải thế gian để làm giàu bất chấp đạo lý. Ông Sấm biết rõ, tàu ngư dân nho nhỏ, bằng thúng, bằng gỗ làm sao chạy và địch nổi tàu của Tàu cộng. Tàu chúng làm bằng sắt của quân đội nguỵ trang, có súng ống và sẳn sàng bắn giết ngư dân rồi đổ thừa cho cướp biển hoặc tàu các nước khác. Chúng xuất hiện bất ngờ rồi đâm ngang thân tàu làm tàu vỡ làm đôi rồi bỏ chạy, để mặc cho ngư dân bị thương và chết chìm dưới biển.

Ngày đầu tiên ra khơi, tàu ông Sấm lưới được rất nhiều cá. Mọi người vui mừng. Họ đem cá ướp vào những thùng nước đá lớn và chờ những thương thuyền mua cá cặp vào để bán. Tiếng hò reo, cười nói, vui mừng của họ làm ông Sấm cũng vui lây. Đêm xuống nhanh, mặt biển đen sẩm. Những đợt sóng lao xao vỗ vào mạn tàu. Những con chim hải âu bay chập chờn trên gợn sóng đớp mồi. Tiếng kêu của nó vang dội giữa không gian bao la. Ánh trăng khuyết vừa nhô khỏi chân trời và ló dạng trên mặt biển cuối đường phẳng của chân mây. Ánh sáng màu bạc nhả những tia sáng lấp lánh trên mặt biển. Buổi ăn tối dọn ra trên khoang tàu. Mọi người râm rang trò chuyện. Họ chuyền cho nhau những ly rượu nấu bằng nếp uống cho ấm bụng. Nửa đêm, ông Sâm vẫn chưa ngủ. Cảm giác bồn chồn, lo lắng không yên làm ông không thể chợp mắt. Giác quan thứ sáu báo cho ông biết sắp có biến cố xảy ra. Mảnh trăng lưỡi liềm trắng sáng, long lanh nghiêng mình làm duyên trên bầu trời đêm với hàng triệu tinh tú bao quanh. Ánh trăng soi rõ mặt nước đen thẩm. Điện thoại trong túi quần của ông reo vang. Tiếng của Ngà từ trên vọng gác gọi báo động:

"Có tàu lạ đang tiến về phía chúng ta"

"Anh có xác định cờ của nước nào không?"

"Tối quá nên tôi không thấy gì cả. Chỉ thấy một vệt sáng và một bóng đen lớn đang di động."

Ông Sấm hối hả nói:

"Báo động gấp để mọi người chuẩn bị kế hoạch."

Tiếng còi hụ từng chập vang lên trên boong tàu. Tiếng chân chạy rầm rập và mọi người hối hả thả những chiếc thuyền cấp cứu xuống nước. Ông Sấm ra lệnh:

"Mọi người xuống tàu nhỏ, mặc phao an toàn vào và chuyển cá đi gấp. Nhanh lên."

Ông chạy lên chạy xuống nhắc nhở mọi người. Khi tất cả đã ở trên ghe nhỏ, ông ra lệnh:

"Bơi thật nhanh và nhẹ nhàng đừng gây tiếng động. Không được nói chuyện và sử dụng đèn để tránh phát hiện. Nhớ mặc áo bơi. Điện thoại di động nên bỏ vào bọc ny-lon để tránh bị ướt. Nhớ có chuyện gì thì bỏ thuyền và bơi cho nhanh rồi gọi cấp cứu."

Nhiều anh em lo lắng hỏi:

"Còn thuyền trưởng? Ông không đi với chúng tôi sao?"

"Tôi không thể bỏ tàu. Các anh còn có vợ con, gia đình. Còn tôi chỉ có một mình. Tôi không sao đâu. Đi nhanh lên."

Một người khác lên tiếng:

"Anh không đi thì tôi cũng không đi. Chúng tôi sống chết với anh."

"Đúng rồi. Tại sao gặp nạn lại bỏ anh một mình chớ. Chúng tôi không đi."

"Tôi cũng vậy."- Người thanh niên da bánh mật, nét mặt đanh lại quả quyết nói.

Ông Sấm giải thích:

"Như hợp đồng các anh ký với tôi là nếu có biến động bất thường, tôi là người có quyền quyết định. Các anh còn có gia đình để lo. Còn tôi chẳng có ai. Nếu tôi bị bắt một mình thì các anh còn lo cho tôi. Nếu tất cả cùng bị bắt thì ai lo đây? Nhanh lên…đừng chậm trễ. Nhớ tắt hết đèn pin và cho tàu chạy thật nhanh. Có tôi đón đầu họ.

Mọi người ôm ông lần sau cùng rồi lặng lẽ xuống những chiếc thuyền nhỏ nổ máy và chạy hết tốc lực.

Khi chiếc thuyền cuối cùng vừa chìm vào bóng đêm của biển thì con tàu đồ sộ đã tiến gần chiếc tàu Sấm Chớp. Nó như một bóng ma lao vun vút và không hề giảm tốc độ khi đến gần tàu ông. Một đợt sóng cao ngất cuồn cuộn tung lên mặt biển va đập vào mạn tàu làm nước bắn tung toé. Chiếc Sấm Chớp chồm lên rồi hụp xuống. Ông Sấm định thần nhìn kỹ và nhận ra hàng chữ Tàu in rõ trên hông tàu. Bốn người đàn ông ăn mặc như ngư dân, tay lăm lăm dùi cui trong tay nhảy sang tàu ông. Bốn người khác dùng neo quăng sang và cột con tàu Sấm Chớp dính với con tàu sắt. Một người đàn ông vóc dáng lực lưỡng, cầm bạnh, tóc cắt ngắn có lẻ là thuyền trưởng nói như hét bằng tiếng Việt giọng Bắc rặc khiến ông Sấm hết sức ngạc nhiên:

"Ai cho mấy người đến đây đánh cá? Đây là vùng biển thuộc chủ quyền của chúng tôi. Các người đến đây cướp tài nguyên của chúng tôi."

Ông Sấm nghe những tên Tàu cộng khác nói tiếng Tàu xí xa, xí xố chửi bới, la lối om sòm. Một nhóm người khác lại nhảy sang tàu ông và chúng bắt đầu lục xét trên tàu. Nồi niêu, xoong chão, chén bát bị đập phá tan tành. Quần áo bị vứt tứ tung trên sàn nhà. Chúng vừa tìm kiếm vừa hét, vừa chửi bới. Ông Sâm phản đối:

"Các ông không có quyền làm như vậy vì đây thuộc hải phận của Việt Nam. Tôi đánh cá trong vùng biển của nước tôi. Các ông mới là những người ngang ngược."

Một cái dùi cui quất thẳng trên lưng ông làm ông té nhào xuống sàn tàu. Dù đau đớn ông không rên một tiếng nào. Ông Sấm chưa kịp đứng dậy thì một đám người xúm nhau lại, kẻ đá, người đấm tới tấp. Ông chỉ còn ôm đầu, khoanh người lại để tránh không bị trúng

chỗ nhược. Một người trong nhóm họ la lên vẻ tức giận:

"Trên tàu không có gì cả. Cũng không có cá luôn."

Tên thuyền trưởng hỏi:

"Không có cá hả? Trên tàu rất nhiều đồ đạc mà chỉ có một mình ông thôi sao? Mấy người kia đâu rồi?"

"Không có ai cả."- Ông Sấm đáp.

Hắn dùng đèn pin rọi vào mặt ông rồi ra lệnh:

"Ông có tiền, có vàng để đền bù thiệt hại về tội xâm phạm lãnh thổ chúng tôi ăn trộm cá thì tôi tha cho. Bằng không thì ngồi tù."

"Tôi đi biển làm gì có tiền."- Ông Sấm nói.

"Hứ! Tàu ông đồ sộ, hiện đại hơn những chiếc tàu khác. Ông giàu hơn những người kia. Nếu ông không có vàng, hay tiền thì chúng tôi nhốt tù ông không có ngày về."

Ông Sấm nhìn hắn một phút rồi ông chậm rãi đáp:

"Được rồi. Ông chờ tôi một lát. Tôi có một vali vàng và tiền đô."

"Thật không?"

"Tôi giấu dưới hầm tàu. Các ông chờ tôi đi lấy cho."

"Được. Tụi tao chờ. Nếu mầy nói láo thì đừng có trách tụi tao. Đi nhanh lên."

Ông Sấm leo xuống hầm tàu. Ông cầm đèn pin soi khắp nơi và ông cuối cùng ông lôi từ trong một chiếc thùng gỗ lớn một cái vali mạ vàng còn mới tinh và óng ánh. Ông chuyển chiếc va-li lên sàn tàu. Bọn Tàu nhìn chiếc va-li sang trọng, óng ánh thì biết là có của qúy bên trong. Mắt chúng sáng lên. Chúng trao đổi với nhau rất sôi nổi. Bọn chúng thay phiên nhau cố gắng mở cái vali nhưng không thể mở được. Chúng hỏi ông Sấm:

"Chìa khóa đâu?"

Ông Sấm cười khẩy đáp:

"Nó tự động."

"Vậy mầy mở ra cho tụi tao."

Ông Sấm lắc đầu nói:

"Tôi không nhớ hết những con số để mở cái vali nầy. Các ông có thể mang đi và tìm cách mở ra."

Cả bọn giận dữ, quát tháo. Một tên định dùng dùi cui đánh ông. Ông phân trần:

"Các ông đánh tôi vô ích vì đây là tài sản chung của mọi người trên tàu nầy. Họ không có ở đây nên những con số họ không cho tôi biết hết. Nhưng chắc chắc trong đó là 100 lượng vàng và 200.000 tiền đô. Các ông mang về rồi mở ra đâu có muộn. Tôi chỉ van xin các ông tha cho tôi trở về quê hương."

"Thằng nầy muốn chết chắc. Không có chìa khoá thì tụi tao phá ra là được ngay. Cần gì điều kiện."

"Quăng nó xuống biển."

"Ừ quăng nó xuống biển đi."

Ông Sấm lùi lại. Ông cố gắng giải thích:

"Tôi đã đánh tín hiệu vào bờ. Tàu hải quân Việt Nam sẽ ra đây cứu tôi. Nếu các ông muốn giết tôi thì bạn bè tôi và chính phủ tôi sẽ lên tiếng với báo chí quốc tế. Điều nầy sẽ làm cho hình ảnh của nước ông xấu đi. Các ông sẽ mang tiếng là những tên cướp biển tàn bạo."

Tên thuyền trưởng gầm lên:

"Câm miệng. Tao giết mầy như giết một con cá tanh hôi. Mầy tưởng tụi tao sợ hải quân của mầy hả. Mấy thằng chuột chết đó giờ đây chỉ lo nhậu, chơi gái, buôn lậu, làm giàu, ăn chơi. Chúng nó sợ chết lắm! Tiền của nhiều quá chết thì ai hưởng. Mầy là thằng ngu mới tin bọn đó đến đây cứu mầy. Hừm! Phải mở ngay cái va-li nầy ra để tao biết là có tiền thiệt hay giả. Không thì tao bắn mầy ngay."

Hắn rút cây súng ngắn đeo ở thắt lưng ra và lên đạn:

"Mở ra ngay lập tức."

Ông Sấm sợ hải khoát tay:

"Tôi mở ra ngay với điều kiện là các ông đừng tịch thu tàu của tôi."

"Không có điều kiện gì hết. Chết đến nơi mà còn đòi hỏi."

Mũi súng lạnh như thép chỉa thẳng vào thái dương ông Sấm. Ông trầm ngâm suy nghĩ rồi nói:

"Thôi ông cất súng vô đi. Tôi ráng nhớ những con số và tôi sẽ mở."

"Tốt lắm!"

Tiếng nói chuyện lao xao của bọn Tàu làm ông nhức cả óc. Ông làm bộ vặn tới, vặn lui, đổi số liên tục và cuối cùng nắp va-li bật lên. Bên trong, từng xấp tiền 100 đô la xanh lè nằm xếp hàng thẳng lối. Chúng hao háo sờ mó tiền và những thỏi vàng nằm dưới đáy va li sang lấp lánh dưới trăng. Lợi dụng lúc chúng còn đang bàn tán, đếm tiền. Ông Sầm lùi dần về phía sau và bất thần lao nhanh xuống biển. Cả thân hình cao lớn của ông chìm khuất dưới lòng đại dương. Cả bọn nhốn nháo, la lên:

"Hắn trốn rồi. Bắt hắn lại."

Tên thuyền trưởng nhìn biển lạnh lẽo, đen ngòm cười lớn:

"Biển mênh mông như vậy thì cá mập cũng làm thịt hắn. Tụi bây khỏi lo. Mình có chiến lợi phẩm rồi. Tiền-vàng và con tàu đẹp nầy…ha…ha..trúng mánh rồi."

Vừa nhảy xuống biển. Ông Sấm vội vàng lặn sâu dưới lòng tàu. Nước biển mặn và lạnh hơn ông tưởng tượng. Ông lặn sâu và bơi dần tránh xa con tàu. Đèn trên tàu của bọn Tàu cộng vẫn sáng choang. Chúng có tiền và vàng nên không thèm để ý đến kẻ liều mạng nhảy xuống biển sâu mênh mông vào nửa đêm. Chúng tin rằng ông sẽ chết. Chúng không cần phải ra tay để mang tiếng xấu là giết người, cướp của. Tàu chúng khởi động và bắt đầu di chuyển mỗi lúc một nhanh kéo theo chiếc tàu Sấm Chớp của ông Sấm.

Ông bơi một đoạn khá xa và biết chắc chắn đã an toàn. Lòng ông vui mừng khôn tả khi đã thoát khỏi họng súng của bọn cướp. Ông cố gắng bơi thật nhanh, thật xa để không bị bọn chúng trông thấy. Ông còn sợ bọn chúng thay đổi ý định bắt ông trở lại. Khi ông đã bơi khá xa, cũng là lúc ông nghe một tiếng nổ lớn. Mặt nước rung chuyển, sóng dâng thật cao, to như mái nhà và ập xuống đầu ông. Tiếp theo sau là một ngọn sóng khác đưa ông lên cao rồi ném ông xuống một cái hố nước đen ngòm. Ông uống nước sặc sụa. Nhưng ông biết chuyện gì đã xảy ra nên cười lớn:

"Ha…ha…vàng đó tụi bây hưởng đi. Đáng kiếp cho bọn tham tàn, độc ác. Một bài học cho bọn bây đó. Tao hy vọng dân tao sẽ giết tụi bây như những con giòi….ha…ha…"

Một vùng biển bốc lửa, khói đen nghi ngút bao trùm cả mặt biển… xa xa những đàn chim hải âu bay lên hoảng loạn…

***

Thằng Biển cầm tờ báo trong tay. Nó đọc đi đọc lại hoài một bản tin mới đăng trang nhất với cái tít chạy thật lớn đập vào mắt nó:

"Một Chiếc Tàu Ngư Chính Của Trung Cộng Bốc Cháy."

Tin Đà Nẵng: Đêm 18 tháng 5 năm… một chiếc tàu ngư chính của Trung Cộng mang số 20129102 đã bốc cháy ngoài khơi cách đảo Hoàng Sa 200 hải lý. Cùng với chiếc tàu nầy còn có một con tàu đánh cá mang tên Sấm Chớp của ông Nguyễn Văn Sấm. Chiếc tàu nầy mới vừa hạ thuỷ vào tuần trước. Nghe nói tất cả ngư phủ tham gia đánh cá trên chiếc tàu đã được lệnh của thuyền trưởng xuống ghe nhỏ và trở về an toàn. Nhưng ông Nguyễn Văn Sấm là người đã ở lại bảo vệ chiếc tàu Sấm Chớp. Chiếc tàu ngư chính của Trung Quốc bị nổ tung và bốc cháy giữa biển. Tất cả những người trên tàu đều chết, không tìm được xác. Hiện nay, chính quyền Việt Nam và Trung cộng đang mở cuộc điều tra hỗn hợp để tìm ra nguyên nhân….

Đọc xong bản tin, tim nó đập rộn lên niềm vui. Ai chết thì nó buồn nhưng bọn Tàu khựa chết thì nó vui ra mặt. Nó cắt bản tin ra và xếp tờ báo lại bỏ vào túi quần rồi rón rén mở cửa đi ra. Nó giật thót người khi nghe tiếng má nó hỏi:

"Mi đi đâu vào giờ nầy?"

Nó gãi đầu, vò tóc cho rối nùi rồi ấp úng đáp"

"Dạ! Dạ… Con… con đi ra biển ngắm trăng với thằng Bon."

"Giờ ni mà ra biển ngắm trăng. Mi có điên không?"

"Tụi con có hẹn mà. Đông lắm mẹ ơi!"

Bà lườm nó một cái nhưng giọng bà dịu dàng:

"Mi đi rồi mấy giờ về nhà?"

"Khoảng 9 giờ tối nghe má."

"Ờ! Đừng có về khuya. Tao chờ đó. Mi có gặp ông Sấm không?

Thằng Biển ngạc nhiên khi nghe má nó hỏi thăm ông Sấm. Nó không dám nói cho má nó nghe ông Sấm đã được bạn bè vớt ông trên biển. Không ai biết được người đàn ông tên Sấm đã lên kế hoạch đánh chìm tàu bọn Tàu phỉ. Đó là khởi đầu của một cuộc đánh trả, báo thù và cũng là tiếng nói cảnh báo cho bọn Tàu phỉ hiểu rằng con dân Việt Nam không thể sống hèn và nhục mãi được.

"Má không còn ghét ông Sấm nữa sao?"- Nó ngập ngừng hỏi.

"Không. Bây giờ má hiểu nhiều về ông ấy rồi. Nhưng rất tiếc bây giờ ông ấy chết rồi. Còn một tháng nữa đến ngày giỗ đầu của ba mi. Má sẽ thắp nhang cầu nguyện cho vong linh ông Sấm được bình an.

Thằng Biển hớn hở nói:

"Ông Sấm là người hùng của làng mình phải không má?"

Người mẹ mỉm cười và mắng yêu:

"Tổ cha mi. Hỏi làm chi rứa. Đi cho sớm rồi về."

Thằng Biển ba chân bốn cẳng chạy một mạch ra biển. Nó biết đêm nay là đêm cuối cùng nó có thể gặp được ông Sấm. Ngày mai. Căn chòi của ông sẽ có người đến tiếp thu. Chính quyền có thể vỡ căn chòi hoặc có thể cho ai đó dọn vào ở. Mấy ngày nay, chính quyền ra lệnh lục xét và tìm kiếm xem ông Sấm có liên quan gì đến vụ làm nổ chiếc tàu của bọn Trung cộng hay không? Nổ thì đã sao? Bọn chúng giết dân làng mình quá nhiều. Chúng giết ba mình, giết bà con hàng xóm và bạn của mình thì phải đền nợ máu chớ. Tại sao chính quyền có hải quân, có công an, có quân đội mà chỉ để cho dân chống chọi với bọn Tàu bằng hai bàn tay không như ba nó. Nó suy nghĩ mênh mang và quên rằng hai bàn chân nó đã ướt đẫm nước biển. Ngọn gió trong lành thổi nhè nhẹ vào bờ. Mùi nước biển quen thuộc làm nó khoan khoái. Nó đi đọc theo bờ biển khoảng mười phút thì thấy nhiều bóng người đang ngồi vây quanh sau một tảng đá lớn giả vờ câu cá. Nó hồi hộp, và lo lắng và sợ công an theo dõi nên vừa đi vừa quan sát xung quanh. Khi nó đến gần đã nghe tiếng ông Sấm gọi:

"Chú đây"

Ông Sấm đứng dậy. Hai cánh tay ông dang rộng ôm chặt thân hình bé nhỏ của nó. Ông nghe tiếng nó khóc thổn thức:

"Lần nầy chú đi luôn phải không? Cháu sẽ buồn và nhớ chú lắm!"

Ông Sấm ôm nó vỗ về:

"Chú không thể ở lại đây đâu. Chính quyền đang truy lùng chú. Họ thích dùng vũ khí, bạo lực với dân. Nhưng trước ngoại bang thì họ im lặng cúi đầu chịu nhục. Nếu chú bị bắt cháu cũng biết chuyện gì sẽ xảy ra phải không?"

Thằng Biển gật đầu nhè nhẹ:

"Cháu biết. Má cháu nói rằng chú đã chết. Còn những người khác thì nói chú đã bị cá mập ăn thịt."

"Như vậy tốt đó! Chỉ có bạn bè chú và vài người biết chú còn sống. Đêm nay chú phải rời khỏi hải phận quốc tế."

Thằng Biển ngỡ ngàng hỏi:

"Chú vượt biên sao?"

Ông Sấm xoa đầu nó:

"Không còn con đường nào để lựa chọn. Chú phải đi. Đã có người lo cho chú. Chú không thể ở lại đây. Chú đã làm những chuyện không ai dám làm là giết bọn Tàu

cộng cướp biển, cướp đất của ta. Khi cháu lớn lên đừng sống ươn hèn, hưởng thụ, ăn chơi, đâm chém nhau như nhiều thanh niên trong xã hội Việt Nam hiện nay. Có sống phải cho ra một con người, có chết cũng phải chết cho xứng đáng một con người. Nhớ lời chú dặn."

Một chiếc tàu đánh cá xuất hiện trên biển như một chấm đen và một chiếc ghe thúng đang tấp vào bờ sẵn sàng đón ông. Ông Sấm đeo túi xách nhỏ lên vai. Ông ôm thằng Biển nói:

"Cháu ở lại học hành ngoan ngoãn. Chú sẽ gởi thư về thăm cháu."

"Chú là người anh hùng thời đại."

"Thật vậy sao? Chú làm gì mà họ gọi là anh hùng?"

"Chú làm nổ tung con tàu của bọn Chệt có đuôi."

Ông Sấm cười khà khà:

"Nầy! Đừng có nói như vậy là chú bị nhà nước bắt bỏ tù không có ngày về. Chú chẳng có làm gì hết. Trên tàu của họ có vũ khí thì phát nổ là chuyện tất nhiên."

Thằng Biển thì thầm vào tai ông:

"Nghe nói bọn nó chết bộn. Chiếc tàu mấy trăm tấn nổ tan tành…Đáng đời bọn khốn kiếp…"

Tiếng người trên ghe thúng gọi:

"Nhanh lên để không còn kịp."

Mọi người vây quanh ông Sấm. Họ ôm ông và chúc ông lên đường may mắn. Thằng Biển khóc sụt sùi. Nó lấy trong túi quần ra tờ báo nhét vào tay ông Sấm và nói:

"Báo đăng hình con tàu Sấm Chớp và hình chú nữa. Chúc chú bình an".

"Cảm ơn cháu. Lớn rồi đừng có khóc nhè như con nít."

Ông Sấm chùi nước mắt trên mặt nó rồi bước xuống chiếc thuyền thúng xoay tròn. Người chèo thuyền thúng từ từ đưa ông ra khơi. Trăng soi sáng mặt biển. Sóng từng lớp xô mạnh vào bờ, cuốn theo hàng ngàn bọt biển trắng xoá. Ông Sấm ngước mắt nhìn làng Ngư Sơn lần sau cùng. Ông cũng không biết đến bao giờ ông mới trở lại nơi đây. Những người bạn trong làng đã lần lượt trở về nhà. Trên bờ biển chỉ còn lại cái bóng bé nhỏ của thằng Biển đang ngước mắt nhìn theo. Ông cũng không biết rồi đây những đứa trẻ như thằng Biển, lớn lên nơi làng chài nghèo nàn, cơ cực nầy, chúng có còn mơ ước theo cha đi làm nghề đánh cá? Hay chúng sẽ phải rời bỏ mảnh đất làng quê để tha hương cầu thực? Làm sao tìm lại được cảnh an bình cho những người ngư dân khốn khổ ra khơi tìm chén cơm, manh áo. Ông muốn làm việc lớn. Nhưng ông cũng chỉ là một cánh hải âu cô đơn trên sóng nước mênh mông của đại dương. Một cánh chim hải âu không thể chống chọi được với sóng to, bão lớn… Ông ngoái lại nhìn bãi biển lần sau cùng. Bóng thằng Biển chỉ còn là một cái chấm đen nhỏ xíu lơ lững giữa bãi biển vắng lặng. Nước mắt ông bỗng chảy dài trên má.

Phong Thu
(Maryland)

TẬP SAN CỎ THƠM
có bán tại
WASHINGTON MUSIC
Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26
Falls Church, VA 22044
Tel. 703 538 4979

NHỮNG BUỒN VUI CUỘC ĐỜI

TÔN NỮ MẶC GIAO

Cuộc đời là vô thường hầu như ai cũng biết. Con người ta trước khi có mặt trong cõi ta bà này đều có thể biết trước được ngày mình sinh ra, nhưng cái vô thường xảy đến cho mình lúc nào thì không ai có thể biết trước được. Tính từ đầu năm đến giờ Xí Muội (XM) đã có đến ba lần đi thăm viếng "cái vô thường" xảy ra cho ba gia đình người quen của XM tại San Jose nơi XM cư ngụ.

Đám thứ nhất là bà cụ mẹ chồng của chị Song Hà (hội trưởng trường Trưng Vương). Đám thứ nhì là thân mẫu nhà thơ Kim Vũ. Cả hai cụ đều thọ trên dưới tuổi 90, cho nên cái ngày để nói hai chữ "vô thường" hầu như cả gia đình con cháu đều đã chuẩn bị tinh thần để mà chấp nhận sẵn cả rồi. Nghĩa là sinh lão thì phải bịnh tử thôi! Đó là định luật dành sẵn cho kiếp con người, có ai mà trường sinh bất tử được đâu? Tuy nhiên sự sinh ly tử biệt nào mà không sụt sùi lệ rơi, để lại sự thương tiếc trong lòng người ở lại. Đám thứ ba là đám khá có sự ồn ào trong dư luận bởi cái chết đột ngột và chỉ "hưởng dương" chứ chưa được hưởng thọ. Có nghĩa là chết trẻ, dưới 60 tuổi. Đó là tài tử Đơn Dương, em trai của Ngũ Muội Diệu Hương (cô em kết nghĩa của XM). Cái ngày Đơn Dương nằm xuống cũng là ngày cô con dâu út của ĐD khám phá mình đã có mang đứa cháu nội đầu tiên cho người tài tử bạc mệnh đó. Và đứa cháu nội gái đầu tiên của ĐD sẽ ra đời vào trung tuần tháng 8 tới đây. Xin chúc mừng Ngũ Muội, nếu tối nay có đọc kinh cho ĐD thì nhớ cũng cho Tỉ gởi lời chúc mừng đến người quá cố sẽ lên chức ông nội vào tháng tới.

Đơn Dương mất đi cũng đã gần một năm, nhưng sự nhớ thương hình như chưa được "bình thường" trong lòng cô em kết nghĩa của XM. Tại vì cứ lâu lâu là XM lại nhận được những cú điện thoại sụt sịt: "Nhớ nó quá chịu không có nổi" của Ngũ Muội. Chính vì "nhớ nó quá chịu không có nổi" mới có đề tài cho XM viết ngày hôm nay.

Cách đây khoảng nửa năm, vào ngày 18,19 gì đó của tháng 12 năm 2011, XM vô tình đọc được cái thông báo của Cơ Sở VănThơ Lạc Việt (CSVTLV) về cuộc thi thơ, và truyện ngắn được tổ chức hàng năm của hội trong một cuốn báo Phụ Nữ Cali. Hạn chót nhận bài là ngày Christmas (25 tháng 12 năm 2011). Thú thật tuy viết lách tùm lum nhưng XM ít có thò mặt đi chỗ này chỗ nọ nên đâu có biết CSVTLV là cái gì? Ở đâu? Coi lại lịch, XM thấy còn thời hạn đúng một tuần để nộp bài nếu muốn tham dự. Tuy nhút nhát ít dám đi đâu một mình, nhưng cứ núp trong bóng tối mà quậy phá thì XM số 1. Trong gia đình thì XM núp bóng chồng, ra ngoài đường thì núp bóng cô em Ngũ Muội Diệu Hương. Thế là cái máu nghịch ngợm lại trỗi dậy, XM viết đại một bài truyện ngắn nếu kịp thì gởi đi dự thi chơi, còn không kịp thì gởi báo đăng đọc cũng dzui. Mà phải chi có thì giờ ngồi miệt mài viết cho xong thì cũng đỡ, đằng này vừa làm công chuyện nhà vừa babysit nên có lúc phải thức đến khuya lắc khuya lơ mới kịp nộp bài vào đúng ngày chót

của thời hạn, kèm theo một cái tiểu sử không phải là giả mà có hơi hài hước chút xíu nên XM e ngại sợ bài của mình không hợp lệ bị liệng vào sọt rác. Bố khỉ nhà nó, XM lại rất thật thà, cứ tưởng họ nhận bài của mình xong sẽ "reply" cho mình biết là đã nhận được bài để mình yên tâm. Ai dè bài của mình gởi đi rồi chẳng thấy tăm hơi gì cả, email hỏi lại một vài lần cũng chẳng thấy trả lời, lại không biết phải theo dõi ở đâu, XM giận quá nghĩ là họ làm việc cũng chẳng đứng đắn gì nên bỏ qua luôn không thèm để ý đến "nó" nữa!

Rồi thì cái gì đến phải đến thôi! Một ngày đẹp trời, XM cùng ông xã và vợ chồng Ngũ Muội đến nhà hoạ sĩ kiêm ca sĩ Phạm Bách Phi (bạn thân ngày thơ chung trường Chu Văn An của ông xã) hát Karaoke chơi. Cái nghiệp viết văn có lẽ không buông tha XM cho nên mới xui khiến cho XM "chộp" được cái thiệp mời tham dự hai mươi năm thành lập và phát giải thưởng về cuộc thi thơ và truyện ngắn của CSVTLV tổ chức vào ngày 15 tháng 7 năm 2012 tại nhà hàng Phú Lâm của ông Chinh Nguyên gởi cho anh Phạm Nguyên Khôi (chồng của Ngũ Muội). XM về cứ suy nghĩ hoài: Vậy là họ đã chấm điểm xong xuôi và xếp hạng cả rồi mà không biết bài của mình đã đi về đâu? XM nghĩ tiếc tim óc của mình muốn đòi lại bài để đăng báo đọc chơi mà không dám gọi phôn vì sợ bị chưởi bởi cái tiểu sử không rõ rệt của mình. Thì đùng một cái phôn reng, XM cầm điện thoại lên:

- A lô!

Đầu giây bên kia im ru, XM liếc trên cái "caller ID" thì thấy tên của Ngũ Muội rõ ràng mà sao im ru vậy? XM lại "a lô " thêm một lần nữa thì nghe tiếng nức nở nho nhỏ:

- Tỉ đó hả?

XM trả lời:

- Cái gì đây?

Lại im ru (hình như có tiếng xì mũi). Biết ngay mà! Lại sắp sửa "nhớ nó quá chịu không có nổi" đây! XM cũng im lặng chờ cho cô nàng lên tiếng. Xụt xịt đã một hồi cô nàng mới nói:

- Chiều nay tự nhiên sao Muội nhớ Đơn Dương quá! Không biết giờ này "nó" đã đầu thai đi đâu rồi Tỉ hé!

Sợ cô nàng nhắc Đơn Dương một hồi rồi lại khóc nữa nên XM chuyển đề tài liền:

- Nè! Ngũ Muội với anh Khôi có đi dự cái vụ hai mươi năm thành lập CSVTLV và lễ phát giải thưởng cuộc thi thơ và truyện ngắn ở nhà hàng Phú Lâm không?

Giọng cô nàng cũng còn buồn buồn:

- Chắc đi chứ! Cái gì chứ hể dính vào việc phát triển và bảo tồn văn hoá Việt là vợ chồng Muội hay đi ủng hộ lắm!

Nghe vậy XM mừng húm, nhờ cậy liền:

- Vậy "Tui" nhờ "bà" cái nầy nhe! (bình thường tụi này hay xưng hô với nhau là Tỉ Muội, nhưng hể xả láng thì lại tui tui bà bà). Ngũ muội nghe XM nói thế liền hỏi tới (giọng tỉnh queo, có lẽ đã quên chuyện nhớ Đơn Dương rồi):

- Có chuyện gì? Tỉ định nhờ cái gì?

XM liền kể hết cho Ngũ Muội nghe chuyện dự thi truyện ngắn của XM và ý định đòi lại



Tôn Nữ Mặc Giao nhận Giải Nhất thi truyện ngắn

GIAO MÙA

Thu sang chưa, vì sao lá trổ vàng?
Hạ như còn lưu luyến bước chân hoang.
Luxembourg, chiều nay vườn đầy nắng,
Có tiếng chim kêu líu lo gọi đàn.

Có bước chân êm dìu đôi tình nhân,
Tay đan tay xin cho môi kề gần.
Hồ nước mênh mang ru hồn tượng đá,
Mời gió thu về ươm màu thời gian.

Yêu đi, vui đi... đất trời giao mùa.
Gọi nắng lưu ly nhớ nhung tình mơ,
Câu ca thanh xuân quên đời phù ảo.
Ngày qua đi, trong vườn Luxembourg...

Nguyễn Mây Thu
(Paris, 05-08-2012)

truyện ngắn xin rút tên ra không thi nữa. Nghe xong Ngũ Muội dẫy nẩy lên:

- Trời ơi! Thôi đi "bà" ơi! Người ta đã chấm thi xếp hạng xong xuôi cả rồi, bây giờ chỉ có phát giải thưởng mà thôi! Tự dưng bây giờ "bà" đòi rút tên ra kỳ thấy mồ.

XM phân trần và xúi:

- Người ta chấm xong xuôi rồi mới dễ cho mình rút tên. Người nào trúng giải thì trúng, còn bài của mình không biết họ có nhận được không mà không thấy trả lời, Tỉ muốn đăng báo mà sợ vi phạm luật vì họ nói CSVTLV giữ bản quyền nên Tỉ đâu dám đăng bậy. Tại cái tiểu sử của Tỉ nó hơi láo lếu một chút nên Tỉ không dám gọi phôn sợ bị chưởi. Bây giờ nếu Muội sợ bị chưởi giống Tỉ thì Muội cứ xưng là "bà cô" của Tỉ đi, họ thấy vai lớn chắc cũng phải nể mặt chứ! Còn nếu họ nói không có tên này và cũng không nhận được bài thì mình khỏi thắc mắc. Gởi bài đi đăng báo khỏi sợ bị chưởi.

"Bà cô" nghe xong chắc cũng cả nể nên nói:

- Oke! Để Muội thử xem sao. (Vả lại hồi nào đến giờ tánh của Ngũ Muội rất là dạn dĩ, xúi cái gì là làm cái nấy liền có ngán ai đâu).

Một tít tắc sau, Ngũ Muội gọi lại cho XM hí ha hí hửng:

- Tỉ ơi! Tỉ trúng giải rồi! Người ta kêu Tỉ đi lãnh thưởng kìa!

XM không tin:

- Giỡn không đó bà! Tui không tin.

Ngũ Muội nhăn nhó:

- Muội gạt Tỉ làm cái gì. ông Chinh Nguyên ổng nói tại máy của ổng bị virus phá nên một số địa chỉ email của thí sinh bị mất trong đó có Tỉ nên ổng không làm sao liên lạc được với Tỉ hết. Bây giờ Tỉ gọi cho ổng liền đi để set up lảnh giải thưởng. Tỉ hạng nhất đó nhe! Rồi cô nàng cao hứng: Có lẽ Đơn dương nó phù hộ nên mới xui khiến cho muội nhớ nó ngày hôm nay, mà nhớ nó muội chỉ biết tỉ tê với Tỉ thôi chứ biết tâm sự với ai bây giờ. Nhờ vậy mới biết tin vui Tỉ trúng giải nhất, phải ăn mừng đó nhe!

Hai "cô cháu" reo hò ầm ỉ trong điện thoai một hồi rồi mới chịu cúp phôn. Cám ơn Ngũ Muội đã ủng hộ Tỉ hết mình trong cuộc vui bất ngờ này từ nữ trang cho đến quần áo và "nhan sắc". Cứ bắt Tỉ phải điệu, phải diện vì biết Tỉ nhút nhát và mặc cảm mình xấu xí nên ngày nào cũng điện thoại hỏi han, an ủi và khuyến khích cho đến ngày Tỉ đi lãnh giải mới thôi. Cuộc đời là thế đấy! Bên cạnh cái "vô thường" luôn luôn là "hỷ, nộ, ái ố" của kiếp con người mà XM là một chúng sinh vẫn còn mê mê muội muội bơi trong bể trầm luân, nghĩa là vẫn còn vui buồn lẫn lộn theo cuộc đời. sau khi liên lạc với ông Chinh Nguyên xong, XM mới biết

thì ra CSVTLV có một cái website để mọi người theo dõi mà tại XM không biết nên đem lòng nghi ngờ "họ" làm việc không đúng đắn (xin lỗi! Xin lỗi!). Phải thành thật mà nói XM rất vui khi biết mình trúng giải nhất vì được thoả mãn cái tính tò mò muốn thăm dò để biết khả năng viết lách của mình ra sao thôi chứ không phải bon chen nên lại đâm phân vân không biết có nên chường mặt ra để lãnh thưởng nữa không đây! XM bèn "thú tội" với ông xã, bởi XM gởi bài đi dự thi âm thầm không cho ông xã biết, vì ông xã không có thích ba cái vụ viết lách "vớ vẩn" (chữ của ông xã) của XM mà không ngờ bây giờ trúng giải. Sợ ông xã không hài lòng khi XM chường cái mặt mốc ra trước đám đông nên phải "xin phép" đàng hoàng. Nào ngờ ông xã bữa nay ăn nhằm "cái phải gió" gì mà lại rất dễ thương. "Ngài" không mắng "vớ vẩn" như mọi khi mà lại dịu dàng giảng đạo Phật cho XM nghe:

- Có một nhà thiền sư Trung Hoa dạy đệ tử rằng phải biết buông bỏ (xả). Ngài lấy ví dụ cụ thể, nắm trong tay một đồng tiền và úp bàn tay xuống đất, khi ngài hô: "buông!" Bàn tay xòe ra, đồng tiền rơi xuống đất. Một động tác buông bỏ trong đạo Phật thật dễ hiểu. Một thiền sư Tây Tạng cũng dạy đệ tử buông bỏ, cũng nắm đồng tiền trong tay nhưng ngài ngửa bàn tay lên trời, ngài cũng hô: "buông!" bàn tay xoè ra, cũng là buông bỏ nhưng đồng tiền vẫn còn nguyên không mất. Cả hay động tác cùng một buông xả theo nghĩa bóng thật thâm thúy, rất hay!

Bình thường như mọi khi chắc ông xã đã lắc đầu nguầy nguậy, nhưng hôm nay vì thấy các con của XM ủng hộ mẹ hết mình; "Mẹ phải đi! Mẹ phải đi!" (các con của XM giỏi tiếng Việt và rất thích đọc văn của XM) cho nên "bố" đã không phản đối mà chỉ đưa ra hai lời dạy của hai vị thiền sư rồi nói:

- Đừng chạy theo chứ không cần phải chối bỏ.

XM hiểu ý ông xã và chợt nảy sinh một ý nghĩ hơi tếu khi nghĩ về hai tiếng "buông bỏ" (tếu cho vui chứ không dám có ý nghĩ nhạo báng và so sánh vì thấy có thể áp dụng cho XM trong trường hợp này). Bây giờ XM đang nắm trong tay là 500 đô của giải hạng nhất (chứ không phải là một đồng tiền), nếu XM úp bàn tay xuống đất và buông ra thì 500 sẽ rơi mất một cách vô ý nghĩa. Còn nếu XM ngửa bàn tay lên trời và cũng buông ra nhưng 500 còn nguyên, ta có thể dùng nó vào những việc có ý nghĩa. Có nghĩa là XM vẫn enjoy những gì XM thích nhưng không nên bị lệ thuộc vào nó, đó cũng là nguyên tắc từ khi viết văn đến giờ của XM. Tất cả những tiền nhuận bút hay được thưởng từ "sự nghiệp" văn chương XM đều đem làm phước hết, 500 này cũng không ngoại lệ. Cho nên XM quyết định ra mặt để lãnh thưởng chứ không cần phải trốn tránh như từ hồi nào đến giờ nữa.

Có lẽ ngài Tôn Thất Mặc Kệ (ông xã của XM) thấy XM tuy vẫn vui vẻ enjoy cuộc đời nhưng phần tâm linh vẫn siêng năng trao dồi, tinh tấn trong đạo Phật. Có nghĩa là không bị lôi cuốn theo những cái tạm bợ trong cõi ta bà nên ngài đã vui vẻ cùng các con (lần đầu tiên trong cuộc đời của XM) đi tham dự chuyện "vớ vẩn" của vợ. Trời ơi! Khỏi phải nói XM vui tới cỡ nào khi được sánh bước bên "ngài" và các con nên cứ cười toét tòe loe cái miệng không khép lại được. Giời ạ! Hôm ấy hình như Giời đi vắng, ông xã chẳng những vui vẻ hoà đồng với mọi người cùng bạn bè, lại dám cả gan lên sân khấu song ca cùng với ca sĩ Bảo ngọc và còn "hiên ngang" không dấu diếm khi ca sĩ Bảo ngọc giới thiệu "đây là chồng của thí sinh hạng nhất. Tác giả Tâm Ngọc (bút hiệu thứ hai của XM) với bài dự thi "SỐNG CHẾT CHO TÌNH YÊU" (SCCTY). Thì ra "ngài" đang thực hiện câu nói của ngài: "Đừng chạy theo chứ không cần phải chối

bỏ". Xin cám ơn bố đã ủng hộ em và các con đã vui cùng mẹ.

Thật ra cái bút hiệu thứ hai của XM là Tam Ngọc chứ không phải là Tâm Ngọc. Tam có nghĩa là ba, Ngọc là tên chữ lót của ba đứa con. XM lấy bút hiệu Tam Ngọc là để tượng trưng cho ba đứa con của mình, nhưng vì ban giám khảo đã viết nhầm là Tâm Ngọc cho nên XM giữ luôn cái bút hiệu này sau khi nghe ông xã giải thích: Tâm Ngọc nghe có vẻ dịu dàng và con gái hơn là Tam Ngọc, và cũng rất là có ý nghĩa. Tâm là tấm lòng, Ngọc vừa là trong sáng vừa là trân quí. Mình quí tấm lòng của mình như ngọc, cũng như một tâm lòng trong sáng là để nhắc nhở ta luôn hướng thiện, làm những điều hay việc tốt cho đúng với ý nghĩa của nó, cho nên XM giữ luôn cái bút hiệu này là vậy.

Có một đài truyền hình (hình như Vietoday thì phải) đã phỏng vấn XM ba câu hỏi. Một là cái bút hiệu Tôn Nữ mặc giao (TNMG) từ đâu mà có? Hai là nguyên nhân nào đã khiến tác giả có được cảm xúc để viết ra bài dự thi SCCTY? thứ ba là tác giả có dự định sang năm thi nữa hay không? Hôm đó vì run có lẽ trả lời không được suông sẻ lắm! Vả lại bạn bè của XM có nhiều người không có đài Việt nam để xem nên hôm nay XM xin trả lời những câu hỏi trên cho vừa ý mọi người.

Thứ nhất, cái bút hiệu TNMG đã có từ hồi học Trung Học. Lúc đó tuổi mới lớn nên tâm hồn đầy mơ mộng "chuyện trên mây", XM đọc tiểu thuyết "Mưa Trên Cây Sầu Đông" của nhà văn Nhã Ca. XM thích nhân vật Tôn Nữ Đông Nghi, chẳng lẽ bây giờ mình lại copy nguyên cái tên này làm bút hiệu của mình thì kỳ quá nên XM sửa lại một chút là Tôn Nữ Mặc Giao. Hai chữ Mặc Giao cũng là hai chữ viết tắt từ tên thật của XM là MG. Vậy mà bạn bè của XM có đứa lí lắc dám cả gan gọi XM là Tôn Nữ "mài dao" nghe có giận không cơ chứ lị!

Câu thứ hai, cái cảm xúc để viết bài SCCTY thì rất là nhiều. Như quý vị đã biết, cái bối cảnh lịch sử 30 tháng 4 năm 1975 là một ấn tượng hãi hùng, một vết nhơ không bao giờ phai trong lòng người Việt tha hương. Thân phận XM vào thời điểm đó còn rất trẻ, đang độ tuổi nở hoa có thể ví như một cánh hoa trong thời loạn. Tuy không bị vùi dập, ngả nghiêng theo cơn bảo loạn. Nhưng XM biết thương cảm cho đồng bào ruột thịt của mình, biết đau lòng theo sự sụp đổ của quê hương. Cho nên phải nói cái cảm xúc lúc đó là buồn, thương, hãi hùng cứ lung tung loạn cào cào cả lên đã khiến XM có cảm hứng vừa thật vừa hư câu để viết ra được một câu chuyện thương tâm như vậy. Lồng vào trong bối cảnh lịch sử đó, XM đề cao tình yêu của một đôi vợ chồng bị chia cách trong thời bảo loạn cho đến khi người vợ chết cũng chưa một lần được gặp lại người chồng thân yêu. Cũng với thân phận tha hương nơi xứ người, XM nhấn mạnh sự giáo dục con cái của người đàn bà VN theo truyền thống Khổng Mạnh. Đó là nề nếp căn bản duy nhất còn giữ được trong những gia đình Á Đông tại Hải Ngoại để mong con cháu đời sau còn nhớ đến cội nguồn.

Câu hỏi thứ ba là sang năm XM có tính dự thi nữa không? Xin thưa là "maybe". Bởi XM viết theo cảm hứng chứ không thể vì một đua đòi nào đó mà ráng ngồi nặn óc, sẽ "rặn" không ra một chữ chứ đừng nói là viết thành bài. Vài hàng tâm sự cùng độc giả, mong là quý vị sẽ đón nhận văn của Tâm Ngọc (một bút hiệu thứ hai của XM) để XM có cơ hội được đóng góp ngòi bút của mình vào việc bảo tồn và phát huy Văn Hoá Việt tại Hải Ngoại. Xin cám ơn, và xin chúc tất cả các bạn cùng quý độc giả gần xa được nhiều sức khoẻ, bình an và mọi điều may mắn như ý nguyện..

TÔN NỮ MẶC GIAO
(San Jose)

ADIEU VĨNH BIỆT

Si l'humble cabaret, noirci
Par la pluie et le vent d'automne
M'accueille, tu n'es plus ici...
Je souffre et l'amour m'abandonne.

Je souffre affreusement. Le jour
Où tu partis, j'appris à rire.
J'ai depuis pleuré, sans amour
Et vécu tristement ma vie.

Au moins, garde le souvenir,
Garde mon coeur, berce ma peine!
Chéris cette tendresse ancienne
Qui voulut, blessée, en finir.

Je rirai contre une autre épaule
D'autres baisers me suffiront
Je les marquerais de mes dents
Mais tu resteras la plus belle...

FRANCIS CARCO
(1886-1958)

Đón ta, quán nhỏ ngày xưa,
Trời thu tăm tối gió mưa giăng đầy,
Em còn đâu nữa nơi đây...
Tình yêu vỗ cánh thân này xót xa.

Niềm đau nỗi nhớ bao la,
Ngày em ly biệt môi ta biếng cười,
Trong lòng suối lệ tuôn rơi
Tình em xa vắng cuộc đời buồn tênh.

Hãy lưu kỷ niệm tim mình,
Hãy xoa cho dịu cuộc tình thương đau!
Nâng niu trìu mến thủa nào
Đã qua sao vẫn nghẹn ngào tim côi.

Mai này ta lãng quên đời
Bên vai kẻ lạ cũng cười, cũng hôn,
Cũng răng in dấu vui buồn,
Nhưng ngôi hoa hậu em luôn trị vì…

NGÔ TẰNG GIAO
(chuyển ngữ)



Cho Tôi Thêm Một Lần Say Mộng Cũ

Hồ Trường An

Tôi còn nhớ hồi 13 tuổi tôi mơ làm nhà văn và làm cái gì cho điện ảnh nước nhà. Cái mộng ấy chỉ thực hiện quá trễ. Mãi tới 1961, tôi có thơ đăng trên báo Bách Khoa được ba lần và rồi mãi tới 1966, tôi cộng tác với vài tập san lặt vặt. Khi ra hải ngoại, mãi tối năm 1986, tôi mới có truyện dài *Phấn Bướm* do Làng Văn in một cách cẩu thả.

Từ còn là học sinh, tôi có trí nhớ khá dai, khá tốt, nhưng học hành dở tồi dở tệ. Tôi thích coi những phim Việt Nam, phim Âu Mỹ, phim Hoa Kỳ, phim Nhật Bản, phim Hồng Kông, phim Ấn Độ, có nghĩa là về phim ảnh, tôi thích theo kiểu hầm-bà-lằng, loại hẩu lốn, hễ gặp phim nào chiếu ở rạp thường trực Văn Cầm và Cẩm Vân ở Phú Nhuận, Moderne ở Tân Định, Casino ở Đa Cao,Văn Cầm ở Chợ Nancy, Cao Đồng Hưng, Đại Đồng ở Bà Chiểu... là tôi đi xem loại phim Tây Âu ấy chiếu 2 hay 3 lần. Tôi vào rạp thường với khúc bánh mì chả lụa, hoặc gói đậu phọng hay gói hột sen. Tôi vào rạp để trốn học. Có khi tôi thiu thiu ngủ trong lòng ghế bành. Tỉnh giấc, tôi thấy chung quanh tôi có vài cô nàng ăn mía ghim, có anh chàng cu-li khạc nhổ bừa bãi và có luôn cả chị đờn bà dỗ dành cho con đái. Thường thì có vài cặp tình nhân ngồi xa màn bạc để tự do hun hít hoặc xào khô xào ướt chẳng ai tọc mạch dòm hành.

Hôm nay, vào mùa thu năm 2012, tôi có dị p cùng trò chuyện với bạn bé thơ ấu. Mùa thu của thời tiết trên quê người xứ lạ, mùa thu của tuổi đời ! Không ai có can đảm toan tính tương lai. Không ai hình dung viễn ảnh tươi sáng. Chúng tôi thả tâm hồn và tâm tình về quá khứ càng lúc càng lùi xa như bóng khói ẩn hiện khi tỏ khi mờ. Các bạn bè quá khứ của tôi là chị Năm Thẹo, chị Hai Xí Xọn, cặp vợ chồng tên Láu Cá Láu Tôm, cặp vợ chồng Đạo Chê. Tất cả đều định cư ở Mỹ. Và còn cô Tư Lí Lắc nữa chớ. Đó là những kẻ mà tôi đã nhắc nhở trong quyển hối ký về điện ảnh Việt Nam có cái tựa là *"Ảnh Trường Kịch Giới"*.

Hình như từ năm 1962 trở về trước loại phim Âu Châu gồm phim Pháp, phim Ý, phim Anh, phim Đức còn có phim Mễ-tây-cơ được chiếu ở các rạp nhỏ. Đó là những phim gây nước mắt tuôn trào (les films larmoyants), loại phim ngan ngát nước hoa hồng (les films à l'eau de rose) . Thế có nghĩa là loại phim rẻ tiền, gây xúc cảm nồng đậm nhưng nghệ thuật thì hời hợt dành cho giới bình dân. Vậy thì ở bài viết nầy tôi không viết về các tài tử ít nổi danh ở Hoa Kỳ. Tôi thích những tài tử nổi danh ở các xứ Âu Châu La-tinh (vedettes latino-européennes) và các tài tử Mỹ Châu La-tinh (vedettes latino-américaines).

Cô em gái của bạn tôi là Thụy Loan, hổn danh là cô Tư Lí Lắc vốn ghét điện ảnh Âu Tây nên chê ỷ chê eo :

-- Đào kép hát bóng của Tây Âu có ra gì đâu khi anh em tụi mình còn ở Việt Nam. Em lấy chồng Mỹ mẻo nên phim ảnh Âu Châu Âu chiết coi riết cũng nhàm.

Tôi chọc quê cô em lắm lời nhiều tiếng kia:

-- Những tên kép hát bóng thích cởi truồng của điện ảnh Pháp như Bernad Giraudeau, Christophe Malavoie, Jean Hugles Anglade đã được chàng Việt Nam nào, ả Việt Nữ nào, mụ me Mỹ me Mẻo nào khen nức nở ? Từ khi mụ làm vợ cựu Thiếu tá Huê Kỳ Huê cờ tên là John Morningstar, mụ sủa huyên náo thiếu điều cắn đào kép Âu Châu cho nát ngướu như tương mới vừa lòng mụ. Ai vậy kìa?

Xuân Liễu, chị họ của tôi có cái hổn danh Năm Thẹo cũng lấy chồng Huê Kỳ tại Sài Gòn trước khi quân đội Mỹ sắp rút ra khỏi cuộc nội chiến ở Việt Nam. Hiện giờ vợ chồng chị ở North Carolina. Chị thường điện thoại cho tôi. Có lần chị bảo:

-- Trên đất Mỹ, các đài truyền hình lâu lâu chiếu các phim Âu Châu, loại phim diễn tả thời quân chủ La-mã (film péplum). Coi lại phim dã sử đó, chị sướng con mắt, tim chị thắt cảm hoài, anh kép kia bảnh trai, anh chàng đực nọ *manly / viril* mình ngó hoài thêm ... thích ngó, ngó thêm 100 lần nữa cũng không chán. Chị Năm của em đây gần tuổi thất tuần, nhưng chưa tắt lửa lòng, chưa cạn queo xí-quách nên vẫn thích ngắm đàn ông bô trai thuộc giống Mỹ mẽo, Tây tà, Anh yết, Ý eo, Thụy Sĩ thụy sãi. Mèn ơi, chị nhờ bác sĩ Hồ Tấn Phước hoán cải dung nhan nên chị giống cô đào Gianna Maria Canale như đúc từ một khuôn.

Tôi đem lời mụ chị họ tôi nói cho tên Láu Cá Láu Tôm nghe :

-- Hồi còn ở Sài Gòn chị ta ghét con Hai Mỹ An vì con bụi đời nầy ve vãn thằng em thứ Sáu của chị ta. Cỏn hao hao nửa giống đào Mỹ Gloria Graham nửa giống Gianna Maria Canale. Bây giờ cỏn có can đàn cháu chống với Mích- tơ Sáu, lại cư xử đẹp với chị ta nên chị ta trở lại chiêm ngưỡng chẳng những cô nàng Gianna Maria Canale mà còn thích Gloria Graham nữa.

Chị Hai Xí Xọn ở Texas, cũng thích điện thoại hay bằng thư từ hoặc bằng dùng *email i-miết* với bạn bè thuở xa xưa. Mới đây, chị điện thoại cho tôi :

-- Chị cám ơn em trong cuốn *"Ảnh Trường Kịch Giới"* có nhắc tới chị. Bây giờ chị hết xí quách, nhan sắc phai mờ, lòng đâu còn rộn ràng dao động đối với tên chồng Bá Thanh Liêm. Lửa tình của chị trải hơn 15 năm khi khổng khi không đã tắt rụi rồi. Tên Bá Liêm có về thăm lại Việt Nam có cưới con mèo nhí sau khi vợ chồng chị xé hôn thú. Lỗi đó do chị, bởi vì càng lớn tuổi chị chán cái chuyện trả bài trước sự đòi hỏi lưỡng thân giao hội của chồng. Được một điều là con vợ mới của tên Bá Thanh Liêm giao hảo tốt với chị. Á ta thường rủ chị xem phim Tây Âu chiếu lại trên các đài truyền hình ở Houston, tuy thời đại vàng son phim Tây Âu đã tắt rụi hơn 40 chục năm có lẽ. Cái thời đại ấy, con vợ mới đó chưa mở mắt chào đời.

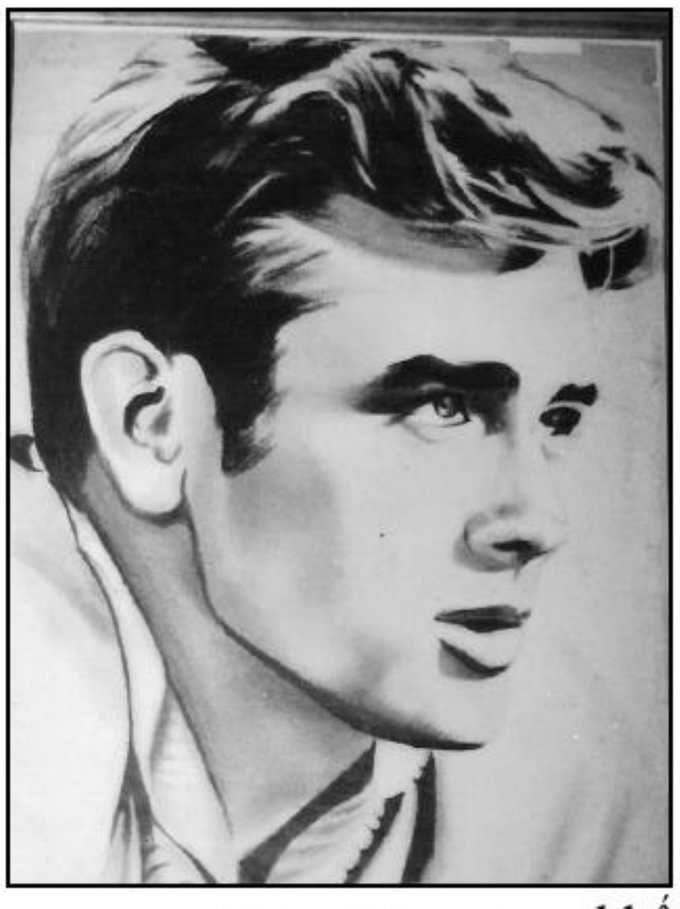
Bác Sĩ Đàm Đông Dương khi còn ở Vĩnh Long có cái hổn danh Đạo Chê và bà vợ Đạo Chê phu nhơn đồng ý với nhau trên mọi quan điểm về phim ảnh Âu Châu và phim ảnh Mễ-tây-cơ . Vợ ngún nguẩy :

-- Anh HTA coi vậy mà không lạc hậu, không nỡ đành chê phim Âu Châu. Hồi xưa,

ảnh không nhiều tiền nên ảnh coi phim Âu Châu chiếu ở các rạp nhỏ, rạp thường trực. Ảnh chỉ tốn 10 đồng là có thể xem hai phim có giá trị...

Chồng trợn cặp mắt chau quảu :

-- Mình mà khen phim M'ỹ chê phim Âu Châu là hạp ý với bà Năm Thẹo. Chồng bả là Mỹ mà lại. Các nhà sản xuất và đầu cơ phim Mỹ lần hồi tiêu diệt phim Ý và phim Mễ-tây-cơ. Điện ảnh Ý thì bành trướng rộng khắp nơi trên hoàn vũ qua các phim tân hiện thực. Điện ảnh Mễ-tây-cơ có rất nhiều phim giá trị. Hèn nào mà tụi sản xuất Mỹ không sát tận diệt tuyệt hai địch thủ của chúng ? Tới bây giờ tui vẫn thích các nghệ sĩ trên đất Mễ như Dolores del Rio, Maria Felix, Kity Jurado (nữ), Ramon Navarro, Pedro Armendariz (nam).



James Dean

Bà Bá Thanh Liêm mà bạn bè gọi là Chị Hai Xí Xọn tuy binh vực phim ảnh Việt Nam, nhưng nghiêm khắc với phim ảnh ngoại quốc. Chị ta lèng èng và càm ràm với tôi :

- Trong các bạn văn cộng tác tờ tạp san Cỏ Thơm, có lẽ chỉ có bà Nguyễn Thị Ngọc Dung là " kẻ đối thủ " với em về phim Mỹ. Thiệt tình hồi thập niên 40, 50, phim Mỹ thua xa phim Ý thuộc loại tân hiện thực.

Qua cuộc địa đàm xuyên qua Đại Tây Dương, chị Ngọc Dung và tôi nhắc nhở những phim ca nhạc Huê Kỳ có cô nàng Ester Willams đóng với những điệu múa trên mặt nước hay trong đáy nước. Rồi các diễn viên trong các phim nổi tiếng của Hoa Kỳ. Đó là các nữ nghệ sĩ như Janet Light, June Alison, Elizabeth Taylor, Magaret O' Brien trong phim *" Les Quatre Filles du Docteur Marc "*.

Bút giả HTA cam đoan rằng chị Ngọc Dung chỉ biết hai cô đào Ý vừa sexy vừa đẹp nghiêng nước nghiêng thùng là Gina Lollobrigida và Sophia Loren mà thôi. Loại phim dưới hạng trung bình với các tài tử ít nổi danh đời nào chị thèm biết đến. Riêng về phần tôi, vì quá mê say các phim ảnh, nhưng tiền túi của tôi quá khiêm tốn nên tôi đành chui vào các rạp khiêm tốn trong đô thành Sài Gòn để giải trí. Đó là loại phim dành cho khối quần chúng có trình độ thưởng ngoạn tầm thường.

Ở bài viết này, tôi xin kể những minh tinh trong hai xứ sở La-tinh : Âu Châu La-tinh và Mỹ Châu La-tinh...

Hỡi bạn bè yêu điện ảnh sinh vào ba năm cuối của thập niên 30, chắc các bạn không quên nữ minh tinh Maria Montez, một thần nữ điện ảnh sinh vào xứ Cộng Hoà République Dominicaine, thuộc Mỹ Châu La-tinh. Cô ta đẹp lộng lẫy thường đóng phim Hollywood trong những tác phẩm truyện diễm huyền dựa trên quyển *Một Ngàn Lẻ Một Đêm*. Những phim cô đóng thường là phim màu Technicolor, cho nên báo chí Âu Mỹ gọi là *Bà Chúa Phim Màu Technicolor*. Vốn tin lời bói toán nên cô đinh ninh rằng mình sẽ chết đắm vào thời lộng sắc bừng hương. Cho nên cô không tiếp xúc nhiều với báo chí và khán giả ái mộ cô. Cô kết hôn với nam tài tử gốc Pháp tên là Jean Pierre Aumont, bỏ biệt Kinh Đô Hoa-lệ-ước để sinh sống trên đất Pháp. Vợ chồng cô yêu đương say

đắm. Jean Pierre Aumont thường khuyên vợ đừng tắm nước nóng trong bồn tắm quá lâu vì cô có sẵn bịnh đau tim. Một hôm nọ, vắng chồng cô nằm trong bồn tắm, mở vòi nước nóng. Nước quá nóng nên cô chết vì thể xác cô tuy không bị luộc chín, nhưng làm cho cô oằn oại con tim rồi tim ngừng đập.

Về sau, Jean Pierre Aumont tái hôn với cô đào Marisa Pavan, chị song sinh của cô đào Pier Angeli. Cô Pier Angeli có khuôn mặt thánh thiện, đã làm cho tim tài tử lừng danh James Dean rung động, nhưng sau khi James Dean chết vì tai nạn phóng xe đua, Pier Angeli kết hôn với ca sỉ diễn viên Vic Damoine sáng chói khắp năm châu. Khuôn mặt của Pier Angeli trong sáng, diễm ảo gợi lên khuôn mặt của Nữ Thánh Đồng Trinh Maria. Cô ta rất thành công trong phim *"Demain ils sera trop tard"/ Ngày mai đã muộn rồi"*.



Lauren Bacall

Số kiếp Jean Pierre Aumont phải lấy vợ nguồn gốc La-tinh. Marisa Montez thuộc Mỹ Châu La-tinh. Marisa Pavan là dân Ý-đại-lợi, thuộc nguồn gốc Âu Châu La-tinh,.. Marisa Pavan thủ những vai phụ, nhưng tài năng quá lớn qua các phim *"La Rose Tatouée"* (Bông Hồng Xâm), *"Diane de Poitier", "Le roi Salomon et la Reine de Saba "*.

*

Có hai cô đào Anita Ekberg và May Britt gốc người Thụy Điển xuất hiện sau hai nữ danh tài thuộc hạng quốc tế (cũng gốc Thụy Điển) là Greta Garbo và Ingrid Bergman. Cả hai tạo sự nghiệp đóng phim của mình ở Ý và ở Hoa Kỳ. Anita Ekbeg tuy đóng vai phụ trong phim *" La Dolce Vita "* của thiên tài điện ảnh Féderico Fellini nhưng tỏa ra một thứ nam châm từ trường thu hút mạnh làm các dân ái mộ xi-nê (les cinéphiles) say sưa ngây ngất. Còn May Britt với mái tóc óng lụa như đẫm ánh trăng rằm qua bên Hollyood đóng phim *"The Young Lions"*. và phim *" The Blue Angel "* . Hai phim này thuộc loại trung bình. Trước khi đóng phim Mỹ, May Britt đóng phim Ý với nhan đề *"La Navire des Filles Perdues" / "Con Tàu của các Cô Gái Sa Ngã"* cũng rất thành công.

Rất tiếc phim *" Guerre et Paix"* của King Vidor, có các tài tử lớn như Audrey Hepburn, Henry Fonda, Mel Ferrer, nhưng ông Vidor giao vai phụ quá ngắn, quá khiêm tốn cho Anita Ekberg, Anna Maria Ferreri và Milly Vittal.

Về phim ảnh Ý-đại-lợi, chúng ta có thể biết các tài lừng danh như Anna Magnani, Gina Lollobrigida, Silvana Mangano, Sophia Loren (nử), Marcello Mastroiani, Gabriel Ferzetti, Vittrorio Gassmann (nam). Nhưng bài này không thể viết về sự nghiệp huy hoàng của họ. Bài nầy viết rất nhiều về các minh tinh nổi tiếng ở Ý-đại-lợi và khắp trời Âu, nhưng chưa sáng danh trên hoàn vũ quốc tế.

Các cô đào thứ hạng nước Ý phải kể Silvana Pampanini, Sylvia Koscina, Eleonora Rossi Drago, Gianna Maria Canale, Lusia Bose, Milly Vitale, Anna Maria Ferrari, Marisa Allasio, Elsa Martinelli, Antonella Lualdi... Họ trước khi thành ngôi sao điện ảnh, đều là những kẻ xuất thân từ cuộc thi tuyển hoa hậu. Eleonora Rossi Drago, Luisa Bose đẹp toàn bích, nhưng không có gì đặc biệt. Đặc biệt có chăng là Sillvana

Pampanini có cái hỗn danh là Bom Khinh Khí. Số là trước đó cô đào sexy Rita Hayworth của điện ảnh Hoa Kỳ được in hình trên hai quả bom nguyên tử để bạn đồng minh Hoa Kỳ của chúng ta trút xuống hai thành phố của bọn Phát xít Nhật Bản là Quang Đảo và Trường Kỳ. Cho nên cô đào Silvana Pampanini đẹp xếch-xi và lộng lẫy đâu kém gì Rita Hayworth nên giới yêu xi-nê Âu Châu cho rằng cô đào nầy xứng đáng in hình lên bom khinh khí nếu được bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ đem ra xài nếu cần để nghiêm phạt bọn Cộng Sản. Riêng Gianna Maria Canale đẹp thì vẫn đẹp, nhưng có vẻ lạnh lùng, tàn nhẫn, nhất là trong phim *"Théodora ", "Spartacus"*. Và chúng ta không nên quên cô đào *pin-up* Sandra Milo sắc sảo thắm tươi mà ca sĩ Duy Quang của chúng ta ái mộ.

Còn bên kép thi có Amédeo Nazzari thường đóng cặp với Yvonne Sanson. Còn các chàng minh tinh khác là Masimo Girotti, Massimo Sérato, Ettore Manni, Raf Vallone, Franco Interlanghi vẫn sáng lấp lánh trong vòm trời điện ảnh bao la. Đó là những đào kép trẻ đẹp. Còn phải kể Pierre Cressoy (Pháp), Jacques Sernas (cha gốc Balte, mẹ gốc Lithuani, hai xứ này trước đây thuộc Liên Bang Sô-viết, nhưng chàng ta nhập quốc tịch Pháp).

Cũng phải kể thêm Carlos Thompson gốc A-căn-đinh, Antonio Vilar gốc Bồ-đào-nha, Francisco Rabal gốc Tây-ban- nha. Ở đây tôi cũng nên thuật lại một thiên tình sử thương tâm của Carlos Thompson. Số là Rex Harrison đang có chuyện lục đục với vợ là nữ tài tử nước Áo tên à Lili Palmer. Đó là đến lúc Lili Palmer tìm được chổ an thân gửi phận cho kép đẹp Carlos Thompson nhỏ hơn nàng 9 tuổi. Biết được cô đào Anh lừng tiếng là Kay Kendal si tình với chồng mình quá nặng nề sâu sắc, nên cô khuyên Rex Harrison nên kết duyên với Kay Kendal vì cô biết Kay Kendal bị chứng hoại huyết (la leucemie) và chỉ còn sống vài năm nữa thôi. Rex nhận lời. Thật ra chàng ta cũng yêu Kay Kendal. Cô Kay thật tình cũng không rõ bịnh trạng của mình. Cô sống trong mối tình nồng mặn của Rex cho tới lúc cô trở bịnh nặng. Trước khi nhắm mắt lìa đời, cô yêu cầu Rex phải sớm tái hôn để được tìm lại hạnh phúc viên mãn.

Lili Palmer sống êm ấm với Carlos Thompson. Nàng viết văn và vẽ tranh. Carlos theo vết chân của vợ. Ngờ đâu Lili mất vào năm 1986. Trải qua 4 năm
góa vợ để phải sống trong cô đơn liêu tịch nên Carlos Thompson kê nòng súng lục vào thái dương rồi bấm cò súng một tiếng cắc. Rồi một tiếng vang dội xé không khí. Carlos Thompson xuống suối vàng tìm vợ để dệt mối tình thiên thu.

Tom Tryon là dân xứ Hợp Chúng Quốc, nhưng cũng đóng phim Âu Châu như phim *"Cardinal"* với Romy Schneider, như phim *"La Femme et le Rodeur"* với cô đào nguyên tử tóc vàng như tơ lụa phơi trong nắng ấm tên là Diana Dors. Cô nảy có tấm nhan sắc khêu gợi nhờ uốn éo làm nũng làm duyên *(la beauté par sex appel actif)* cũng như Marylin Monroe và Jayne Mansdfiel vậy .

Kép hát bóng vốn gốc người Mỹ qua Ý khởi nghiệp điện ảnh phải kể là kể là Kevil Mathieux. Chàng đóng vai chính trong phim La- mã *"Sapho"* với nữ minh tinh Tina Louise mà giới điễn ảnh cho là cô đào nguyên tử khêu gợi nhục cảm cuối cùng. Còn phải kể thêm hai chàng Steve Reeves và Mark Foreste và Mikay Hargitay (chồng thứ hai của Jayne Mansfiied) cũng xây sự nghiệp đóng phim ở Ý. Mụ vợ của chàng Láu Cá Láu Tôm than vãn với tôi :

-- Tui thích các gì vừa phải thôi. Đàn ông Giao Chỉ của chúng mình đừng có thân mình quá nở nang, bắp thịt đừng quá cuồn cuộn. Mấy vị bằng hữu có thấy mình mẩy và tay chưn của Steve Reeves trong vai vị Thần Chiến Thắng Hercule và của Mark Foreste trong vai Thần Nghĩa Hiệp Maciste quá cường tráng, bắp thịt quá nở nang hay không? Hai chàng này làm tui tưởng họ có mình đồng da sắt chẳng biết cảm ứng động tình.

Tên Láu Cá Láu Tôm biểu đồng tình với vợ :

-- Đúng vậy. Theo anh nghĩ, các tài tử đóng vai Tazan, vai Hercule, vai Mascite mặc khố ngắn cũn cỡn coi hay hơn. Họ mà dếnh bộ lễ phục *complet* coi cà chớn lắm.

Còn cô Tư Lí Lắc tự mãn :

-- Mấy bà con coi thằng tình gốc Mỹ lai Ý của tui có phải cường tráng mà lại thon thả thanh tân như kép Jacques Sernas hay không. Đã vậy cái bụng của nó chia làm 6 múi như 6 thẻ sô-cô-la nữa. Tui mà chọn anh tình nhơn nào thì đương sự phải bô trai, phải được phái đẹp đêu hoan hô tán thưởng, con lủng kia mến chuộng, con lành nọ yêu thầm.

Bút giả HTA nhận thấy Jacques Sernas thanh tú từng nét một, tượng trưng cho Thần Apollon (Thần Thái Dương) trong thần thoại Hy-lạp, nhưng chân dung và diện mạo chàng ta không được nồng nàn ấm áp lắm.

Những nam tài tử ở xứ xa về đầu quân cho kinh đô điện ảnh Ý dĩ nhiên là Georges Marchal, Henri Vidal (Pháp), Edmond Purdom, Frank Latimoire, John Drew Baryeton (Hoa Kỳ).

Cho mãi tới bây giờ, không ai có rõ trong cuộc tuyển chọn hoa hậu năm 1947 gồm có Gina Lollobrigida, Luisa Bose, Gianna Maria Canale thì giữa hai cô Gina Lollobrigida, Luisa Bose, ai được chọn làm Hoa hậu ? Ai rớt xuống Á hậu II ? Trong khi đó, chúng ta yên chí Gianna Maria vẫn là Á hậu I.

Cô đào có gương mặt tươi trẻ và thân hình sexy là Marisa Allasio. Cô chưa đóng nhiều phim. Những phim dành cho cô chưa có giá trị và cô còn bỡ ngỡ mới bước vô nghề mà đã kích hai ngôi sao sáng chói trên hoàn vũ xuất thân điện ảnh Ý là Sophia Loren và Gina Lollobrigida. Khi được báo chí phỏng vấn, Gina giận dữ hỏi: " Cô nàng Allasio là ai? Ả nào vậy? ". Thế có nghĩa là Gina chê Marisa là loại vô danh tiểu tốt. Còn Sopha cười hềnh hệch : " Cô ta đáng yêu đấy chứ ! ". Marisia Allasio được một ông hoàng vùng Savoie của nước Ý cưới làm vợ. Cô ta đành bỏ nghề ngang xương để làm vợ người quí tộc vùng Savoie trông thật bô trai làm cho các minh tinh Âu Châu phái nữ thèm thuồng ganh ghét.



Brigite Bardot

Những nữ tài tử khác, không thuộc gốc Ý, nhưng vẫn đóng phim Ý. Dòng máu chảy trong huyết quản của họ gồm có máu Ăng-lê, máu Áo, máu của các dân tộc Âu Châu khác. Đó là các nữ tài tử như Yvone Sanson, Yvone Furneux, Mylène Demongeot, Isabelle Corey (đều là người Pháp). Còn Eva Bartok, Belinda Lee (người Anh). Còn Marta Toren, May Britt (người Thụy Điển), và Christine Kaufman (người Đức).

Còn Sara Montiel (người Tây-ban- nha), Chelo Alonso (người Cuba) là nổi tiếng ở Ý nhiều hơn ở các quốc gia mà họ nhập quốc tịch. Chelo Alonso khôngcó một chi tiết nào hài hòa và diễm lệ trên khuôn mặt; nhưng nhờ thân mình bốc lửa làm cho nam khán giả trên thế giới mê đắm say sưa. Nếu chúng ta lóa mắt trước sắc đẹp thiên kiều bá mị của Yvonne Sanson trong phim *"Fils de Personne"* (Đứa Con Vô Thừa Nhận) thì chúng ta không thể quên cái nhan sắc mặn mà của Alida Valli cũng vào thuở trước.

Xứ A-căn đình có cô đào Rossana Podesta gợi nên nhan sắc khêu gợi tự nhiên *(la beauté par sex appel passif)* cũng như Martine Carol (Pháp) và Kim Novak (Huê Kỳ). Hai phim đưa cô ta lên tuyệt đỉnh vinh quang là phim *"Le Filet"* và phim *"Hélène de Troie"*.

Bút giả cũng cần nói rõ một nữ diễn viên Ý Georgia Moll khi đóng phim *"The Quiet American "* (Người Mỹ Trầm Lặng), qua vai cô là thiếu nữ Việt Nam. Cô phải nhờ nữ nghệ sĩ Mai Trâm chỉ vẽ cho cô cách đi đứng và phong thái thùy mị đoan trang.

Những nữ nghệ sĩ có cái nhìn trong suốt như thủy tinh và có đôi mắt huyền ảo như mắt của Yvonne Furneaux rất hiếm có. Nói về đôi mắt đẹp trong ngời với cái nhìn thăm thẳm xa xôi và dịu vợi, chúng ta nhận thấy rất hiêm người có cái diễm phước ấy . Phải kể Lauren Bacall (Huê Kỳ), Marta Toren (Thụy Điển) và nữ hoàng cinéma nước Pháp là Michèle Morgan. Báo chí Âu Mỹ gọi Lauren Bacal là *"The Look"* (cái nhìn), gọi Marta Toren là *" The Eyes "* (đôi mắt), gọi mắt của Michèle Morgan là hai viên bích ngọc (*les deux émeraudes)*. Vận sự lý thú về đôi mắt của Michèle Morgan như sau:

Chàng Jean d ' Estrées, một chuyên viên trang điểm khuôn mặt (le visagiste) nhận thấy đôi mắt bích ngọc của Michèle đẹp quá xá cỡ. Nhưng các chuyên viên hóa trang lại tô phông mắt màu đen cánh dơi hay màu xanh và màu tím lợt, chẳng những không tôn màu sắc của hai viên bích ngọc mà còn làm lụng bại màu sắc bích ngọc hiếm quý đó. Chàng tô phong mắt của nữ thân chủ màu chàm, màu lông thúy oanh và thúy vũ của da trời, màu xanh thúy liễu (xanh pha xám bạc). Mỗi lần thử nghiệm ấy, Michèle Morgan băn khoăn hỏi : " Ông Jean thân mến, hình như các màu tô phông mắt

ÂM VANG SÀI GÒN

chiều lên thành phố hẹp dần
người đông đường chật chen chân mệt đời
tới lui trong nỗi lo tôi
an lành như thể cầu trời rủi may

Sài Gòn mở tám hướng quay
về đâu để gặp những khuây khỏa tình
xưa đi vấp gãy bình minh
nay về nhặt lại những lung linh đời

cổng trường áo trắng tinh khôi
ẩn trong ký ức bồi hồi ngắm đau
ngoái nhìn lạ hoắc trước sau
dẫm chân lên bóng rũ màu thời gian

hẹn nhau đứng giữa chiều tàn
để nghe từng chặp âm vang Sài Gòn
của thời lá rắc thu vàng
trên con đường gót đài trang gõ dòn!

Cao Nguyên
(Maryland)

sao sao ấy! Ông có nhận như thế hay không ? ". Jean từ tốn trả lời : " Bà Morgan thân mến, kể như tôi thất bại rồi". Thế là anh chàng Jean d ' Estrées nhẫn nại tìm kiếm màu sắc xứng ý của đôi bên, của người hóa trang và của khách hàng . Một hôm đi tới Place Vendôme, chàng nhìn trong tủ kính của một tiệm kim hoàn, bắt gặp một chiếc nhẫn nạm bích ngọc được lót trên nền nhung nâu pha xám. Chàng mừng rở reo kêu lên : " Đây rồi ! ". Thế là màu nâu pha xám làm cho mắt của Michèle Morgan rạng ngời sắc bích lục. Chàng nhận được câu cám ơn của nữ thân chủ : " Cám ơn sự nhẫn nại của ông bạn lắm, ông Jean thân ái ạ ".

Ba kiều nữ Isabelle Corey, Mylène Demongeot vốn người Pháp, cùng Annette Vadim (gốc người Đan Mạch) được coi như là đối thủ của Brigtte Bardot. Ba nàng đẹp hơn Brigite Bardot , nhưng không độc đáo và sexy bằng BB. Riêng Annette Vadim là dân Đan Mạch và là vợ thứ hai của điện ảnh gia Roger Vadim sau khi ông ta ly dị với BB. Cô giống BB khá nhiều, nhưng không độc đáo và gợi cảm kỳ dị như BB. Cùng với Mylène Demongeot, Annette Vadim có mái tóc bạch kim như tơ lụa sáng ngời trong nắng.

Có một vận sự đáng chú ý : Cô đào Rita Hayword có cha là Tây-ban-nha, mẹ là người Ái-nhỉ-lan, nhưng cô đóng phim Mỹ. Cô cái màu tóc quá đen như lông chim quạ và tai ác thay tóc mọc lan xuống trán. Cho nên mặt cô vừa xấu vừa khờ. Nhưng người chồng đầu tiên của cô thừa biết rằng cô có một cái gì trội vượt cái nhân dáng và diện mạo chung chung của các phái đẹp. Ông cho người hóa trang nhổ bằng điện tận gốc rễ những chòm tóc mọc lan xuống trán. Do đó vầng trán của Rita Hayword trở nên vừa cao rộng vừa băng sương. Rồi đó, cô nhuộm tóc màu đỏ hung hung, mặt cô trở nên ngời rạng trí thông minh và nhất là khêu gợi nhục cảm cho khán giả đực rựa trên hoàn vũ qua cuốn phim *"Gilda "*.

Vào 5 năm cuối của thập niên 50 và trọn thập niên 60, phụ nữ trên các nước văn minh ưa thích mái tóc phong ba, rối rắm một cách nghệ thuật của BB. Mái tóc của nữ sĩ Minh Đức Hoài Trinh thuở ấy cũng được mô phỏng như thế.

Chúng ta cũng cần nhớ lại nữ tài tử Dominique Wilms với mái tóc nhung huyền buông lơi như dòng suối đêm, lại còn cắt bum bê trên trán mà nhà văn nữ Túy Hồng gọi là tóc cắt mành tương. Mái tóc ấy được ca sĩ Quỳnh Giao thực hiện và đeo đuổi suốt mấy chục năm qua.

*

Thời đại hoàng kim của điện ảnh qua rồi, từ giữa thập niên 60. Trang sách của cuộc đời như quyển sách cứ lật từng trang, từ trái qua phải. Về kỹ thuật, điện ảnh tiến bộ không ngừng. Nhưng điện ảnh có địch thủ đáng sợ là đài vô tuyến truyền hình và rôi có thêm máy *internet*.

Dù gì thì dù, phim ảnh Ý và phim ảnh Mễ-tây-cơ vẫn đeo đuổi tôi từ thuở nửa chừng xuân tới tuổi mùa chớm đông của tuổi trời. Nhắc lại đào kép Âu Châu, tôi tưởng chừng sống lại thời hoa mộng thuở xa xưa. Thuở ấy chuẩn bị cho tôi làm ký giả kịch ảnh và gây cảm hứng cho tôi khi tôi đặt bút trên trang giấy bản thảo của quyển sách văn chương.

HỒ TRƯỜNG AN
(France)

Vài kỷ niệm với đạo diễn phim Chân Trời Tím vừa từ trần

VĂN QUANG
Viết từ Sài Gòn

Ông Lê Hoàng Hoa, đạo diễn phim Chân Trời Tím vừa tạ thế tại Sài Gòn đêm 30-7-2012, nơi đã làm nên tên tuổi ông, chứng tỏ tài nghệ vượt trội của ông từ ngày mới bước chân vào làng Điện Ảnh miền Nam VN. Trước hết, xin chia buồn cùng gia đình cố đạo diễn, cầu chúc linh hồn nghệ sĩ sớm tiêu diêu miền cực lạc.

Trong tôi có nhiều luyến tiếc và đáng tiếc, cũng như có khá nhiều kỷ niệm với anh Lê Hoàng Hoa. Để bạn đọc hiểu rõ hơn về sự ra đi gần như quá đột ngột này, tôi xin tóm tắt nguyên văn (xin nhắc lại đúng nguyên văn) những hàng tin gần giống hệt nhau trên các báo ở VN trong mấy ngày qua:

"Đạo diễn "Ván bài lật ngửa" qua đời.

Lê Hoàng Hoa, một trong những đạo diễn nổi tiếng của điện ảnh miền Nam trước năm 1975 qua đời khuya 30/7 tại TP HCM, thọ 79 tuổi.

Cách đây khoảng một tuần, ông bị ngã và được đưa vào cấp cứu tại một bệnh viện. Nhưng sau đó bệnh diễn tiến nặng hơn, đánh gục vị đạo diễn tài hoa. Trước khi qua đời, ông ủy thác cho vài người bạn thân lo phần hậu sự khi ông nằm xuống. Được biết, vợ của đạo diễn Lê Hoàng Hoa hiện đang nằm viện ở Malaysia. Tang lễ của đạo diễn
Lê Hoàng Hoa dự kiến được tổ chức tại Nhà tang lễ TP HCM.

Lễ nhập quan đạo diễn Lê Hoàng Hoa sẽ được tổ chức tại nhà tang lễ Bệnh viện An Bình (397 Trần Phú, quận 5) vào lúc 14h chiều 31/7. Lễ truy điệu đạo diễn Lê Hoàng Hoa sẽ được tổ chức lúc 7 giờ ngày 3/8 tại Nhà tang lễ Lê Quý Đôn và sẽ hỏa táng tại Nghĩa trang Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân.



Lê Hoàng Hoa cùng con gái duy nhất Michelle Quỳnh Anh (giữa) và vợ Trúc Quỳnh - Ảnh của đình Đạo diễn Lê Hoàng Hoa.

Đạo diễn Lê Hoàng Hoa tên thật Đoàn Lê Hoa (còn có nghệ danh Khôi Nguyên), sinh năm 1933 tại Nha Trang.

Sau một thời gian dài sống ở Ba Lan, năm 2004, ông về thăm quê và ấp ủ nhiều dự định với điện ảnh. Một số phim nổi tiếng của ông trước 1975 có: *Gác Chuông Nhà Thờ, Điệu Ru Nước Mắt, Vết Thù Trên Lưng Ngựa Hoang*... Và sau 1975 là: *Ván Bài Lật Ngửa*,

Đằng Sau Một Số Phận, Vĩnh Biệt Mùa Hè, Tình Nhỏ Làm Sao Quên, Vĩnh Biệt Cali, Lệnh Truy Nã, Tây Sơn Hiệp Khách...

Trong đó, V*án Bài Lật Ngửa* được xem là một trong những tác phẩm điện ảnh kinh điển của Việt Nam."

Phim Chân Trời Tím... không có trong sự nghiệp của đạo diễn Lê Hoàng Hoa?

Như bạn đọc đã thấy, khi nhắc tới giai đoạn làm phim của ông trước năm 1975, hầu hết các báo lại dè dặt, không nhắc tới phim *Chân Trời Tím*. Không phải là người làm tin không biết đến phim này, nhưng vì một lý do nào đó, họ "không thể" nhắc đến. Có lẽ người làm tin cũng cảm thấy có một chút băn khoăn, nhưng… đành vậy thôi.

Tôi hiểu sự "tế nhị" đó và như thế tôi càng hiểu được vị trí của tác giả truyện dài *Chân Trời Tím* đã chuyển thể thành phim, hiện nay đứng ở cái thế chênh vênh nào. Tôi hoàn toàn không buồn , không lo ngại vì điều đó và thật ra còn thấy… hơi buồn cười và "thú vị" nữa là khác. Chắc bạn đọc ở nước ngoài dễ thông cảm điều đó với tôi. Cái gì người ta cố tình muốn mọi người quên thì người ta lại dễ nhớ. Cái gì muốn "khai tử" hay đúng hơn là "bức tử", thì nó lại dễ trở thành bất tử. Cũng như có một thời người ta "cố tình khai tử" cái gọi là "nhạc vàng", vậy mà nhạc vàng vẫn sống mãi trong lòng mọi người. Nói như thế tôi cố tình ví von phim CTT cũng có giá trị như những bản nhạc bất hủ, chỉ là cùng một trường hợp. Giá trị của tác phẩm chỉ ở trong lòng công chúng, không ai ép nó được.

Vì vậy tôi có bổn phận phải nhắc tới *Chận Trời Tím*, không phải vì tôi muốn tranh giành hay tự đánh bóng mình vì điều đó hoàn toàn không cần thiết. Hầu hết các nghệ sĩ và người dân, ai đã từng sống ở miền Nam VN trước năm 1975, ai đã từng xem phim, chắc chưa ai quên cái tên phim *Chân Trời Tím* gắn liền với tên đạo diễn Lê Hoàng Hoa. Tôi chỉ muốn nhắc đến một sự "chính danh", nhất là cần một thông tin chân thật, ngoài ra không còn mục đích nào khác. Bởi thế tôi nêu ngay từ đầu tiêu đề bài này là "đạo diễn phim *Chân Trời Tím* vừa từ trần".

Một điều khác cần nói, ngay cả cuốn phim *"Ván bài lật ngửa"*, cũng mang tên đạo diễn là Khôi Nguyên, chứ không phải Lê Hoàng Hoa. Vậy "chính danh" ở đây là gì? Lý do nào anh thay tên là chuyện khác, chỉ có anh mới biết.

Tuy nhiên vẫn có một vài bài lẻ tẻ nhắc tới một dòng về *Chân Trời Tím* khi viết theo nhật ký của anh Lê Hoàng Hoa. Gần đây trên báo Thanh Niên, trong mục "Điện ảnh Sài Gòn một thuở" lại viết một loạt bài về Đạo Diễn Lê Hoàng Hoa, khi ông còn khỏe mạnh. Chỉ chưa đầy một tuần sau, ông tạ thế. Có một "điềm gở báo trước" gì chăng? Bài này rất dài, hiện còn đang đăng tiếp theo.

Bài đầu tiên, theo nhật ký của người quá cố là những kỷ niệm về khi làm phim *Chân Trời Tím*. Xin trích nguyên văn một đoạn trong bài này.

- Trích bài "Chân trời tím và cuộc tình bất ngờ" của tác giả Giao Hưởng - *Ngày 25/07/2012 trên nhật báo Thanh Niên:*

"Chúng tôi đến thăm, được ông đưa mượn cuốn bút ký *Những Tháng Ngày Làm Phim* do ông viết chưa xuất bản, chỉ mới đăng một phần trên tạp chí Kịch Ảnh ấn hành bên Mỹ. Dựa vào nội dung bút ký trên, cũng như một số hồi ức do ông trực tiếp kể lại, chúng tôi trích lược dưới đây những nội dung liên quan đến hoạt động của điện ảnh Sài Gòn năm xưa. Mà trước nhất là chuyện làm phim *Chân Trời Tím* - bộ phim điển hình đánh dấu đỉnh cao trong hoạt động nghệ thuật của ông thời trước, cũng là bộ phim để lại kỷ niệm đậm đà về một cuộc tình bất ngờ đã đến với ông ngoài đời đúng vào ngày bấm máy...

Nhạc sĩ Phạm Đình Chương vào phim với *Nửa Hồn Thương Đau*

Đó là ngày 11.12.1969 - ngày thu hình phân đoạn (sequence) đầu tiên của phim *Chân Trời Tím* tại khách sạn Continental với cảnh nhân vật chính là ca sĩ Liên (Kim Vui đóng) đang buồn thương rã rời khi biết tin người yêu mình bị đẩy ra tiền đồn xa xôi, khó mong ngày gặp lại nên đưa nỗi niềm vào tiếng hát. Để tìm bài hát thích hợp với tâm thái của Liên trong phân đoạn ấy, Lê Hoàng Hoa và Tổng giám đốc Liên Ảnh Công ty (đơn vị đầu tư sản xuất phim) là ông Quốc Phong (chủ nhiệm tạp chí Kịch Ảnh) cùng "đến phòng trà Đêm Màu Hồng gặp nhạc sĩ Phạm Đình Chương tức ca sĩ Hoài Bắc để nhờ sáng tác một bản nhạc riêng cho phim *Chân Trời Tím*. Đó là nhạc phẩm *Nửa Hồn Thương Đau*" (Bút ký *Những Tháng Ngày Làm Phim* của Lê Hoàng Hoa). Như vậy, nhạc phẩm nổi tiếng ấy được Phạm Đình Chương viết cho phim *Chân Trời Tím* năm 40 tuổi (sau thời phải xót xa chia tay với vợ là ca sĩ Khánh Ngọc) và được phổ biến qua tiếng hát của em gái ruột Phạm Đình Chương là ca sĩ Thái Thanh (Phạm Thị Băng Thanh). Nơi quay phân đoạn trên là phòng ăn của khách sạn Continental do nhân viên phụ trách dàn dựng của đoàn phim khéo sửa thành một "phòng trà ca nhạc" để nhân vật Liên sẽ lên hát. Theo ý đạo diễn, để gây ấn tượng mạnh về nỗi cô đơn của Liên, không nên có mặt toàn ban nhạc đệm ở phía sau Liên mà chỉ có "một nhạc sĩ kéo violon đứng cạnh ca sĩ và thật dễ thương khi nhạc sĩ Phạm Đình Chương đồng ý với tôi là anh sẽ đảm nhận vai người kéo violon đó". Ấn định sẽ bấm máy lúc 7 giờ tối hôm ấy…" - Ngưng trích.

Tại sao tôi phải đi theo đoàn làm phim

Sau đó tác giả kể đến những chuyện "hậu trường" cùng với những chuyện tình của nhà đạo diễn đào hoa ấy. Theo nhận định riêng của tôi, dù phải loại bỏ bớt một số câu chữ, nhưng đoạn viết theo bút ký này có nhiều điều đứng đắn, chân thật. Tôi có thể xác nhận điều này vì tôi là người cũng có mặt trong suốt thời gian quay phim Chân Trời Tím ngay từ ngày đầu quay phim ở khách sạn Continental và cũng có mặt ở Đêm Màu Hồng khi thương thảo với anh Phạm Đình Chương soạn nhạc chính cho phim CTT.

Tôi đi theo đoàn làm phim vì hai lý do. Thứ nhất anh Mai Thảo và tôi được anh Quốc Phong, Tổng giám đốc hãng phim Liên Ảnh nhờ chuyển thể từ cuốn tiểu thuyết dày hơn 500 trang để quay phim. Chúng tôi viết "kịch bản đối thoại", còn phần "kịch bản kỹ thuật", tất nhiên do đạo diễn làm, nên cần thiết phải có sự phối hợp ăn ý.

Thứ hai, tôi được Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị đề nghị với Bộ Tổng Tham Mưu làm đại diện yểm trợ các phương tiện của quân đội cho đoàn làm phim đồng thời góp ý kiến về những cảnh quay có liên quan tới đời sống trong quân ngũ và chiến trường. Do đó ngoài nhiệm vụ làm ở phòng Báo Chí Quân Đội, tôi luôn đi theo đoàn làm phim này từ Sài Gòn đến Nha Trang, Cam Ranh (xin nói rõ ở đoạn sau). Cho nên tôi muốn bổ sung ở đây vài chi tiết cùng vài kỷ niệm xưa với nhà đạo diễn quá cố Lê Hoàng Hoa.

Kỷ niệm thứ nhất: bê giường ca sĩ Minh Hiếu chạy mưa

Anh sinh năm 1933, cũng vừa đúng bằng tuổi tôi. Sau 6 năm du học ở Mỹ về điện ảnh tại thành phố Clarkesville bang Georgia (1952 - 1958), Lê Hoàng Hoa về nước năm 25 tuổi. Tôi quen anh như một chuyện tất nhiên như quen với nhiều anh em khác, không thể nhớ rõ vì sao và ở đâu. Có một kỷ niệm ban đầu giữa chúng tôi khá ngộ nghĩnh. Thời kỳ anh mới học ở Mỹ về, Mai Thảo,

Hoài Bắc, Thanh Nam thường gọi đùa anh là Tony Hoa.

Một lần, khi tôi xuất bản truyện dài "*Những lá thư màu xanh*", nhà xuất bản nhờ tôi đi tìm một tấm hình màu làm bìa sách. Gặp Nguyễn Mộng Hùng, (tức Hùng Sùi, cái nick name tôi đặt cho ông trong nhiều bài phóng sự, hiện nay ông ở San Jose), hồi đó ông Hùng mới là trung úy thuộc binh chủng nhảy dù. Ông Hùng nói biết nhà nữ ca sĩ Minh Hiếu. Năm đó Minh Hiếu mới ra hát, còn trẻ, mũm mĩm dễ… ghét lắm. Hùng Sùi nói "tao là fan số 1 của Minh Hiếu" và ông móc trong bóp ra một sợi tóc nói là tóc của nữ ca sĩ này, ông xin được, luôn để trong bóp. Thế là tôi và Lê Hoàng Hoa cùng Hùng Sùi hẹn đến nhà Minh Hiếu chụp ảnh in bìa sách. Hồi đó cô còn ở căn nhà bên đường xe lửa, dường như là đường xe lửa số 6, ở Phú Nhuận, cô ở trên lầu. Minh Hiếu trang điểm khá công phu, mặc bộ đồ ngủ rất đẹp, chuẩn bị sẵn một sấp thư. Tư thế chụp hình do Lê Hoàng Hoa sắp đặt: MH nằm sấp trên giường đọc những lá thư rải rác quanh cô. Bất ngờ khi vừa chuẩn bị xong, trời đổ cơn mưa lớn. Nhà bị dột, giường Minh Hiếu nằm cũng tí tách những giọt mưa rớt xuống. Hùng sùi và Lê Hoàng Hoa cấp tốc bê chiếc giường sang gian bên cạnh, tiếp tục chụp ảnh. Hơn 10 tấm ảnh màu của Lê Hoàng Hoa ra đời từ đấy. Bìa sách "*Những lá thư màu xanh*", chọn một tấm và cho xuất bản vào năm 1963. Tiếc rằng tôi không còn cuốn sách để gửi tác phẩm ảnh này của nhà đạo diễn đến bạn đọc. Kỷ niệm này, sau 40 năm, mỗi lần gặp nhau chúng tôi còn nhắc lại.



Nữ tài tử Kim Vui rất hấp dẫn trong phim "Chân Trời Tím".

Phim Chân trời tím ra đời như thế nào

Trước hết, anh Quốc Phong thương lượng với tôi để làm thành một cuốn phim "đặc biệt", thời đó kỹ thuật mới nhất của điện ảnh là cinemascope, màu technicolor… Chúng tôi nghĩ đến đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc, người ôm ấp rất nhiều ý tưởng "làm mới" theo điện ảnh nước ngoài. Gặp Hoàng Vĩnh Lộc, người cũng rất hào hứng sau khi đọc *Chân Trời Tím*, anh loay hoay viết tạm kịch bản và tìm diễn viên. Anh muốn có một khuôn mặt mới cho điện ảnh VN nên tìm được một anh sinh viên cao ráo, bảnh trai, hoạt bát, đóng vai Phi, vai chính trong phim, rồi đến một dàn nữ diễn viên như Kiều Chinh, Thanh Lan… Nhưng 7 ông chủ của hãng phim Liên Ảnh lại có nhiều bất đồng. Sau đó anh Quốc Phong đề nghị đạo diễn Lê Hoàng Hoa và 2 diễn viên nam nữ chính là Hùng Cường và Kim Vui. Chẳng biết ông Quốc Phong thuyết phục ra sao, tất cả 7 ông chủ hãng phim đều gật đầu.

Nhưng quả thật về Hùng Cường và Kim Vui, khiến tôi lo ngại.

Tin đó được tung ra, có nhiều dư luận bất lợi vì đố kỵ, ghen ghét, Hùng Cường đã bị một đám phá rối. Một ký giả hồi đó, tường thuật lại chuyện tai nghe mắt thấy, xin trích một đoạn ngắn:

Hùng Cường và Kim Vui bị phá rối

"…Một buổi nọ tại sàn quay của Liên Ảnh công ty, đạo diễn đang hướng dẫn Hùng Cường và Kim Vui về diễn xuất trước ống kính của máy quay phim, thì tại quán cà phê

gần trước cửa phim trường, có mấy tay tài tử chuyên nghiệp thuộc dạng thường, chuyên đóng vai phụ, nếu nói theo cải lương thì kép nhì, kép ba. Mấy tay này dựng Honda, một tên đi vào phim trường coi tập dượt, còn mấy tên kia thì ngồi lại kêu cà phê uống ngồi chờ. Độ nửa giờ đồng hồ thì tên kia đi trở ra, mấy tên ngồi chờ chưa kịp hỏi thì anh ta phát tay lia lịa, miệng thì thốt lên: "Hôi mùi cải lương quá"! Đi ra lẹ lẹ không dám coi thêm... Thế là mấy tên cười rần lên như đang coi một màn hài hước.

Lúc đó cách một chiếc bàn, nghệ sĩ Năm Châu cũng đang ngồi uống cà phê, ông được Liên Ảnh mời đến xem Hùng Cường đóng phim, lại gặp người mà trước đây từng quen biết trong lúc chuyển âm phim, nên ngồi trò chuyện. Khi nghe mấy tên này nói như vậy, ông lên tiếng :"Mùi hôi cải lương như thế nào vậy? Mấy chú nói rõ lên đi".

Gặp phải một nghệ sĩ kỳ cựu của cải lương có máu mặt, mấy tên du đãng lên Honda dông mất. Và sau việc Hùng Cường bị châm chích thì người ta tự hỏi, phải chăng nghệ thuật điện ảnh chỉ dành riêng cho một số người mà thôi, những ai đang làm nghề nghiệp khác nếu bước vào thì cũng bị "tai họa" như Hùng Cường!"



Hùng Cường đẹp không kém tài tử nước ngoài vào thập niên 60-70

Bất ngờ lớn nhất của tôi

Thật ra tôi cũng bị ám ảnh bởi cái tên Hùng Cường trên các sân khấu cải lương và Kim Vui gần như chưa tạo được tên tuổi gì trong làng ca nhạc chứ chưa nói tới điện ảnh. Nhưng tôi đã lầm. Khi xem Kim Vui diễn xuất lần đầu tiên với Hùng Cường dưới bàn tay "phù thủy" Lê Hoàng Hoa, tôi thầm thán phục tài năng của bộ ba này. Họ đóng phim rất tự nhiên, thuần thục. Nói như anh Mai Thảo dặn dò Hùng Cường: "Đóng phim là không đóng gì cả".

Hùng Cường lột bỏ ngay được bộ mặt thường có trên sân khấu, anh vào vai diễn bình thường, giản dị như một anh hạ sĩ quan thật ngoài đời. Kim Vui vào vai cô vũ nữ đang yêu tận tình, dịu dàng, chung thủy nhưng khi cần tàn nhẫn lại rất "kinh khủng". Cả hai như có tài năng thiên phú hay "gien" di truyền. Anh Quốc Phong quá hài lòng vì sự lựa chọn của mình, tuyệt đối tin tưởng vào bộ ba này. Một tờ báo đã viết:

"Trường hợp Liên Ảnh công ty đã dẹp bỏ mọi dư luận, mọi thành kiến và cả sự công kích của một số người. Ông giám đốc Quốc Phong được coi như là người làm thương mại, ông đã nhắm vào con số đông đảo khán giả cải lương, nên đã mời Hùng Cường cộng tác và phim đã thành công như nhiều người biết.

Quả đúng như vậy khi phim *Chân Trời Tím* được trình chiếu chẳng những thành công về tài chánh, mà còn đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật năm 1971. Chưa dừng lại ở đó, *Chân Trời Tím* lại còn được chiếu tại Lào và Pháp. Đó là lần đầu tiên một cuốn phim Việt Nam phụ đề Pháp ngữ mang tên Lhorizon Pourpre được gởi đi trình chiếu tại Đại Hội Điện Ảnh tổ chức ở Dianard, Anh Quốc."

Hùng Cường đi mua "lon hạ sĩ"

Cũng trong ngày đầu quay phim, Hùng Cường chạy đến ghé tai tôi hỏi nhỏ: "Anh ơi cái lon hạ sĩ thế nào, em chưa có". Chết thật,

Hùng Cường đóng vai chính là hạ Sĩ tên Phi trong phim, vậy mà không ai ngờ anh chưa biết cái lon hạ sĩ ra sao, đeo ở đâu. Tôi bèn lôi ngay Hùng Cường ra xe, chở đến tiệm An Thành trước cửa chợ Bến Thành, mua một cặp "lon hạ sĩ" và đeo giùm lên tay áo. Trẻ con, người lớn, nhất là phụ nữ kéo đến xem nghệ sĩ Hùng Cường, cứ nháo nhác hỏi nhau "anh ấy vào lính khi nào vậy" rồi chỉ trỏ lung tung, chả ai thèm nhìn tôi cả. Cái "lon" ấy Hùng Cường đeo gần hết cuốn phim.



Nữ danh ca Mộng Tuyền cũng đảm nhận một vai trong phim CTT

Năm 1996 Hùng Cường mất tại Mỹ, nhưng vẫn còn mãi mãi một giọng ca vàng sân khấu cải lương, một tiếng hát nồng ấm mạnh mẽ trên sân khấu ca nhạc cùng Mai Lệ Huyền và một diễn viên điện ảnh xuất chúng. Hùng Cường đã ra đi vĩnh viễn để lại đàng sau người con nam ca sĩ cũng nổi tiếng trong nhiều năm qua là Quang Bình và một đạo diễn nổi tiếng không kém đó là Quang Đại.

Kim Vui có thân hình tuyệt đẹp

Nhà văn và cũng là nhà phê bình Hồ Trường An đã diễn tả vẻ đẹp của Kim Vui trong bài "Theo Chân Những Tiếng Hát" trên báo Tổ Hợp Miền Đông Hoa Kỳ xb 1998:

"Kim Vui mặc áo dài thì áo dài phải mang ơn chị, vì nhờ chị mà áo mới đạt được cái đẹp trong công việc bợ ngực bó eo người mặc. Cái eo của chị thon, lưng chị dài, đùi chị cũng dài, ngực và mông chị đều cao và lồng lộng nét tròn mê hoặc. Chị mặc áo đầm hở vai, và mang găng tay kéo lên khuỷu tay, áo và găng đều bằng nhung đỏ hay nhung đen thì quá choáng lộn, quá bốc lửa như Rita Hayworth trong phim Gilda. Kim Vui cuốn tóc từng lọn boucles anglaises thì đẹp và sang như bà hoàng. Rất tiếc, khán thính giả thích xem nhan sắc của chị lúc chị hát chứ không kể số gì tới giọng hát có căn bản của chị.

Về phim ảnh, Kim Vui đóng ba phim như *Chân Trời Tím, Thương Hận,* và *Cúi Mặt.* Chính nhờ vai Liên trong *Chân Trời Tím*, chị đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc. Trong phim nầy, chị có dịp mặc áo tắm và có dịp khỏa thân trước giá vẽ của nhân vật họa sĩ để phô bày đường cong nét lượn tuyệt mỹ trên thân thể chị. Hùng Cường, bạn đồng diễn của chị trong phim *Chân Trời Tím* có lần tuyên bố với báo chí rằng về điện ảnh, Kim Vui là bạn đồng diễn lý tưởng nhất của anh.

Ngoài tài năng nghệ thuật trình diễn đa diện, Kim Vui còn biết vẽ tranh sơn dầu"…

Những diễn viên đã có mặt trong CTT

Thật ra phim *Chân Trời Tím* còn có một số tài tử, danh ca khác cùng tham gia diễn xuất, tôi không nhớ hết, xin tạm kể: Diễn viên trong phim gồm: Hùng Cường vai Phi, Kim Vui vai Liên, Thanh Lan và Mộng Tuyền trong vai hai cô con gái của trung tá Lạc, Ánh Nga vai Loan, Bảo Ân vai Điền, Ngọc Đức vai Paul, Ngọc Phu vai đại úy Minh, Hà Huyền Chi, Khả Năng dù đóng phim lần đầu song cũng rất "ngầu" trong vai quân nhân bảo vệ tiền đồn… Và hơn 200 diễn viên quân đội. Bộ phim này đoạt ba giải vàng về Văn học nghệ thuật trước năm 1975…"

Những đơn vị đã yểm trợ và đóng phim

Theo chỉ thị của Bộ Tổng Tham Mưu, một buổi họp tại Bộ Tư Lệnh Biệt Kích tại

Nha Trang được tổ chức. Tham dự gồm có cái vị đại diện có thẩm quyền tại Bộ Tư Lệnh Biệt Kích, Bộ TL KQ tại Nha Trang, Trường Biệt Kích - Động Bà Thìn (Cam Ranh), Trường Hạ Sĩ quan Đồng Đế, Bộ TL Hải Quân, Tiểu Khu Nha Trang… Ông Quốc Phong đại diện hãng phim và tôi là đại diện của Bộ TTM thuyết trình về cuốn phim và nhu cầu yểm trợ. Buổi họp được các vị tư lệnh các binh chủng có mặt thảo luận sôi nổi và rất tích cực giúp mọi phương tiện cho cuốn phim.

Trường BK có một tiểu đoàn đóng vai "địch tân công đồn". Một tiểu đoàn của Trường HSQ Đồng Đế làm đơn vị đồn trú bị tấn công được không quân yểm trợ, sau đó là pháo binh, thiết giáp. Vũ khí địch được điều động từ Phòng 4 Bộ TTM ra.

Tiền đồn Suối Dầu (gần Nha Trang) đã hư hỏng nên được lệnh xây dựng một đồn khác. Chúng tôi đã xin cho dời lại ngày phá đồn để quay phim. Cảnh không quân giải vây, dội bom, bắn đạn xối xả xuống khu quanh đồn và phá hủy tiền đồn là cảnh quay thật. Thiết giáp cũng tha hồ nhả đạn. Cảnh này được một sĩ quan không quân và đại tá tư lệnh BCH Biệt Kích chỉ huy. Lê Hoàng Hoa ở bên cạnh làm công việc chuyên môn rất thành công, không một sơ sót nào xảy ra nên không có tai nạn như chúng tôi lo ngại.

Kỷ niệm và những điều về thực hiện phim *Chân Trời Tím* với Lê Hoàng Hoa còn rất nhiều. Tiếc rằng tôi không thể viết hết và trí nhớ ở cái tuổi tôi có lẽ cũng không còn được minh mẫn nữa.

Sau này, có thể kể là những năm sau 2.000, Lê Hoàng Hoa từ Ba Lan về gặp lại chúng tôi vài lần. Vẫn thắm đượm tình anh em. Tuy nhiên tôi cũng thấy được Lê Hoàng Hoa có một chút "mặc cảm" với chúng tôi, có lẽ vì anh đã làm phim CTT rồi sau đó lại làm những phim khác hẳn với CTT… Tôi cũng xác nhận sau năm 1975, Lê Hoàng Hoa làm nhiều phim, trong đó phim *Ván Bài Lật Ngửa* (với tên đạo diễn Khôi Nguyên) là nổi tiếng hơn cả. Nhưng đó là chuyện của những năm sau 1975. Tuy nhiên chúng tôi đều cố tránh nhắc đến chuyện đó, đôi khi con người có những nghịch cảnh oái oăm, khó nói thành lời.

Xin mượn bài viết này vĩnh biệt Lê Hoàng Hoa, nhà đạo diễn tài ba và cũng đào hoa hạng nhất VN qua nhiều thời kỳ. Hôm nay cũng là ngày đưa anh tới nơi an nghỉ cuối cùng.

Văn Quang
Sài Gòn
3-8-2012



Lê Hoàng Hoa, Nguyễn Quốc Thái, Đinh Cường và Văn Quang lần gặp nhau vào năm 2001 tại Sài Gòn.

THIÊN CỤT

PHẠM HỮU

Lớp đệ nhị tôi dạy, các em phần đông từ lớp đệ tam lên đệ nhị. Niên học này các em phải thi tú tài một, mới mong có cơ lên lớp đệ nhất và tiếp tục được hoãn dịch. Năm thi và vấn đề hoãn dịch thúc vào đít. Các em phải chăm chỉ học hành đỡ quấy phá. Thiên người mới nhập lớp đệ nhị, từ lớp đệ tam hắn học ở trường Tây, nghe đâu Thiên đấm người bạn cùng lớp đến hộc máu. Thiên không muốn nghe tiếng ì sèo ở trong lớp… Thiên theo chương trình Pháp ra ghi danh học chương trình Việt. Bên tai Thiên còn tiếng văng vẳng của cha:

-Nếu con đỗ được tú tài hai, bình thứ trở lên thì càng tốt, bố sẽ chạy cho con du học.

Thiên là trường hợp hi hữu, hắn ngồi giữa lớp, không chơi với anh nào cùng lớp là thân, mặt hắn tươi sáng đôi khi đượm nét buồn, hắn không hề than thở với ai. Về vẻ bề ngoài, có thể nói, kể cả các thầy dạy không trưng diện như Thiên: hắn viết bút máy nhãn hiệu 1951, áo sơ mi trắng mỗi ngày hắn thay một cái, tay áo ngắn để lộ ra cái đồng hồ longines, chân đi giầy đen bóng. Thời đó bạn bè trong lớp đi học phần lớn đều đi xe đạp, hắn đến trường bằng Honda dames hắn phải là con nhà giàu, hắn tên là Đào hiếu Thiên, thân phụ hắn là Đào đắc Trung một nhà xây cất, nhiều villa cho Mỹ mướn. Ông Trung đang mở một ngân hàng lớn do ông làm giám đốc. Học sinh trong lớp xúm vào tìm hiểu, chỉ biết có vậy. Hỏi Thiên thì hắn chỉ gật và lắc. Thiên quả là trường hợp đặc biệt trong lớp. Càng khó hiểu càng gợi tính tò mò . Một buổi trưa, tôi ăn cơm ở quán Trọng đường Thủ Khoa Huân Sàigòn, một ông khoảng 5O tuổi, ăn mặc lịch sự, xe hơi có tài xế bước vào tiệm, chủ tiệm và tôi đều lầm tưởng ông vào ăn cơm, ông dơ tay ra hiệu từ chối và nói :

- Tôi muốn được thưa chuyện với giáo sư Hữu

- Cậu Hữu đang ăn cơm, cậu đang ngồi trước mặt ông.

- Ông nhà giàu, hơi cúi đầu chào tôi và nói với tôi rằng:

- Thưa giáo sư, tôi là thân phụ của Thiên học sinh lớp đệ nhị trường Hưng Đạo, tôi có chút việc muốn nhờ vả ông .

- Thưa ông cứ nói, nếu khả năng tôi có thể làm được, tôi không bao giờ dám từ chối.

Nói đến đó ông đã rơm rớm nước mắt :

- Thưa giáo sư, cháu Đào hiếu Thiên, mồ côi mẹ từ khi hắn mới ba tuổi. Hai tháng sau mẹ cháu chết. Tôi lấy một cô thư ký, chuyên phụ trách về thư từ hãng tôi. Tôi lấy cô quá lẹ và quá vội vàng. Tôi cưới cô, cô 22 tuổi, quê cô ở Bến Tre, nhà cô quá nghèo và cô thiếu học. Tôi tuyển cô vào làm chỉ vì cô quá đẹp mà thôi. Thưa giáo sư một người quá đẹp lại thiếu học, cô lại lấy chồng giàu. Trong gia dình không bao giờ êm những lời gây gổ . Thưa ông cháu Thiên nó lại giống tính bố nên cháu thường cãi lại người vợ của bố. Tất cả đổ lên đầu tôi. Lòng tôi rất thương con, vì nó phải xa lìa mẹ, nó thiếu tình mẫu tử. Một mặt tôi chịu nhiều áp lực của người vợ đẹp, nay đã 6 con… Tôi biết trước rằng cháu Thiên, chờ ngày có lông có cánh, cháu sẽ thoát khỏi địa ngục trần gian. Ngày ấy tôi nghĩ đã không còn xa. Trong lúc bố con tôi, ngồi ở chỗ vắng mặt bà vợ độc ác. Chúng tôi thường nhắc đến ông, trong những thầy giáo đang dạy cháu, cháu có vẻ mến ông nhất. Một ngày nào đó cháu bỏ nhà ra đi… tôi xin ông mở rộng vòng tay đón cháu. Tiền ăn học, may mặc cũng như tiền nhà tôi cung cấp cho cháu. Trăm sự của cháu tôi kính nhờ ông. Xin ông giang tay làm một công việc phúc đức!

Từ bữa ấy, tôi thấy Thiên mặt đẫm nét u sầu. Lúc tan trường tôi nói nhỏ với Thiên :

-Em ra chợ Thái Bình, có cái kyos cơm tây, thày chờ em ở đó.

- Ra tới quán cơm Tây chợ Thái Bình, Thiên đã ngồi chờ tôi . Thưa thầy có việc gì không ạ.

- Mình vừa ăn cơm vừa nói chuyện.

Chúng tôi bắt đầu ăn, tôi mở đầu câu chuyện:

- Cách đây ba bữa, tôi vào quán Đức Trọng ăn cơm. Một lúc sau, có người ăn mặc đàng hoàng, xe của ông có tài xế lái. Ông vào quán xưng với chủ quán và tôi, ông là Đào đắc Trung ông muốn gặp giáo sư Hữu. Chủ quán chỉ bàn ngoài tôi đang ăn cơm. Ông ngồi bàn tôi và tự giới thiệu, là thân phụ của trò Đào Hiếu Thiên, đang học tôi lớp đệ nhị Hưng Đạo. Ông vừa mở đầu câu chuyện, nước mắt ông đã rơm rớm chảy. Điều đó chứng tỏ rằng: ba em yêu em lắm. Ông nói với tôi, cháu thiếu tình mẫu tử khi chưa được 3 tuổi. Mẹ chết con mồ côi, tôi lấy một cô thư ký rất đẹp, nhà quá nghèo và ít học. Tôi thường xuyên chịu sự đay nghiến của vợ. Cảnh dì ghẻ con chồng, bị hai phiá lôi kéo tôi về phiá họ. Một người đàn bà đẹp, nhưng thiếu học, nên gây ra cảnh gia đình lộn xộn. Lòng tôi yêu con, yêu vợ, tôi làm sao xẻ người làm hai được. Tôi biết cháu chịu cái không khí ngục tù, từ khị mẹ chết bố lấy vợ hai. Giờ bà đã có 6 đứa con, tôi bỏ làm sao được, tôi bỏ vợ sao được, xa con sao đành. Tôi biết cháu sắp bỏ nhà . Tôi cầu xin thày, cho cháu ở với thày. Tôi hy vọng một thời gian dài hay ngắn, cháu sẽ quên đi cảnh địa ngục của gia đình.

- Em nghĩ sao, thày hiện ở số 1B Cao thắng. Em ở đó chỉ sợ em buồn vì thày đi dạy cả sáng, trưa, chiều và tối. Em đi chơi cho khuây khỏa, khoảng 12 giờ trưa, tối 7 giờ thày về đón em. Thầy trò mình đi ăn cơm em ạ. Em đừng có ngại, hiện thày còn độc thân, không bố mẹ, anh chị em đều không ?

- Nghe thày nói em mừng quá, em có chỗ ở, em có người thân... (sụt sịt khóc). Đã từ lâu em muốn bỏ cái gia đình là địa ngục trần gian… Có lúc em định giết bà ấy. Nhưng em nghĩ làm như thế bố em sẽ thương người vợ đẹp. Bố em buồn làm sao em sống vui được… Nguồn hạnh phúc của em ở trên đời… chỉ còn có cha em và thày…

- Bao giờ em dọn đến nhà mới... ?

- Thưa thầy sáng sớm chủ nhật, thật sớm em đến với thày.

- Tôi ở lầu 1B Cao Thắng, lầu một, phòng 26.

-Em tới ở, không có gì làm phiền thầy ?

- Em yên tâm, tôi ở một mình, không bao giờ có trai , gái.

Ôi, cuộc chia ly nào, con người có thể ngăn được dòng tình cảm, nhất là Thiên lúc nào cũng đầy nước mắt - vì nhớ mẹ. Kể về nhân số, gia đình nhà Thiên có 9 nhân số, lại giàu có, gia đình lại không có hạnh phúc. Chỉ vì người vợ trẻ đẹp, thiếu học nên nhiều thói xấu: tỵ hiềm, đố kỵ ghen ghét. Người cha lòng thương con sớm mất mẹ nên ông phải gồng người để chẹ chở cho con. Khi ra đi, thiên mang theo tâm hình đã lồng kiêng của mẹ. Thiên khoanh tay và cúi đầu trước tấm hình của ông Trung:

- Thưa cha, con phải lìa cha để ra đi, để cho gia dình cha tìm được hạnh phúc như mái ấm của đàn chim !

Gia sản của Thiên chỉ thu vào chưa đầy cái sắc, ngoài quần áo và mấy cuốn vở. Ra khỏi cổng, chàng nhìn lại mái nhà xưa khi chàng ra đời với bao lời đay nghiến chua sót. Xe taxi đưa chàng đến đường Hồng Thập tự, Thiên xuống xe, đi thẳng vào đường Cao Thắng số 1B. Hữu đang đánh răng rửa mặt, nghe tiếng gõ cổng cộc, chàng biết Thiên đã tới. Thày trò đã ôm lấy nhau cùng khóc mùi.

- Phòng thầy cũng chẳng có gì nhiều, ngoài cái giường nhỏ, một cái tủ và bộ sa lông. Em xếp quần áo vào trong tủ. Tối thày năm cái giường nhỏ, em năm trên chiếc ghê dài. Cơm chúng ta ăn hai bữa ngoài tiệm. Nhà không có nấu nướng gì hết! Em xếp quần áo vào tủ, ta ra đường Nguyễn Thiện Thuật, kiếm mỗi anh em ly cà phê sữa đá và tô phở, rồi chúng ta đi thăm bạn bè. Có em lòng thày thấy vui em ạ.

Chúng tôi đi xem phim ở rạp Rex, ra khỏi rạp chúng tôi tìm về đường Tạ Thu Thâu, ăn cơm ở Đức Trọng. Khi trả tiền, Thiên rút ra cả bó bạc giấy năm trăm. Tôi xua tay nói với Thiên:

-Em cứ yên tâm, rồi mình sẽ tính toán sau.

Buổi chiều Thiên và tôi sang bên kia Cầu Đại Hàn thăm anh em: Bùi Xuân Ngữ và Bùi Xuân Trường:

- Moa giới thiệu với Trường và Ngữ: em Đào hiếu Thiên, goá mẹ từ năm 3 tuổi. Bà vợ của bố quê mùa nhưng rất đẹp mà đanh đá. Thiên phải bỏ nhà ra đi, giờ Thiên ở mới moa .

- Ôi cái cảnh, thiếu tình thương của mẹ, anh em moa đã phải trải qua. Từ năm moa 15 tuổi, anh em phải bỏ nhà ra đi, phải tự lực cánh sinh và kiếm tiền để theo học. Ôi cái cảnh dì ghẻ con chồng ca dao đã có câu :

«*Mấy đời bánh đúc có xương*
Mấy đời dì ghẻlại thương con chồng»

Thiên ở với tôi đêm đầu, gần sáng Thiên vừa sụt sịt khóc: mẹ ơi. Tôi tưởng Thiên dậy sớm, không, Thiên đang trong cơn mê. Được hơn một tháng, Thiên vẫn chăm chỉ học hành. Một ngày không biết tin gì tới, mọi người đều thấy Thiên ủ rũ và buồn rầu ra mặt. Thiên nói với tôi: Bữa nay Thiên xin nghỉ học để về thăm bố. Tối tôi đi về Thiên cho biết Thiên xin phép bố cho con đi lính để vui với súng đạn, mong tìm khuây khoả. Bố Thiện đồng ý với con và ông dặn rằng: - khi con từ quân trường ra, con cho bố biết, để bố có thể chạy cho con khỏi phải đi tác chiến. Giờ con xin phép thày: từ ngày hôm nay con nghỉ học để đi đăng lính. Ngày hôm sau Thiên cho tôi biết Thiên đã đăng lính vào binh chủng biệt động quân . Hơn tuần nữa khai giảng lớp hạ sĩ quan Đồng Đế. Thiện xuống miền Nam mấy ngày, rồi về chuẩn bị học khoá Đồng Đế.

Tôi bới trong óc, có quen biết người nào ở Biệt Động không? Bạn thân tôi là Hoàng Hữu Định, người Quảng Bình, năm 1957, anh cùng Lã Huy Quý và Lê trọng Văn, tốt nghiệp đại học sư phạm băn văn chương cùng với Quý và Văn. Lúc đó tôi học năm thứ nhất Tổng Hợp Văn Khoa khoá đầu. Tôi và Định trở thành bạn thân và chúng tôi đều vượt tuyến vào Nam. Định chỉ là trung úy của một đại đội nên không có khả năng can thiệp. Khi học xong trường Đồng Đế Thiên trở về với tôi, để chuẩn bị ra đơn vị. Không biết may rủi ra sao.

Sau này tôi mới biết, Thiện có người yêu học cùng lớp đệ nhị, người nữ sinh tuyệt đẹp, làm say mê nhiều chàng trai. Lớp đệ nhị có một giáo sư dạy anh văn, hắn cũng yêu Đào thị Thanh Thanh, người yêu của Thiện. Hắn tán Thanh Thanh bằng nói xấu Thiện để chiếm đoạt người đẹp Thanh Thanh. Thanh Thanh vốn không ưa giáo sư dạy Anh văn, nàng kể Thiện, những gì thày Anh văn nói xấu và xuyên tạc Thiên đã tìm đến tận nhà giáo sư anh văn để báo cho thày biết Thanh Thanh và Thiên đã yêu nhau từ năm học đệ ngũ và Thiên xin thày quên mối tình đến muộn đó đi, Thanh Thanh đã có người yêu rôi! Nếu thày cứ tiếp tục e rằng sẽ mất đi kỷ niêm đẹp của tình thày trò. Nhà giáo chẳng những không trả lời Thiên, hắn chỉ cười nửa miệng. Ỷ thế giáo sư chẳng những hắn không ngừng mà còn tán tỉnh Thanh Thạnh mạnh hơn xưa. Thiên như người điên vì tình, một hôm hắn bỏ vào túi áo, túi quần hai trái lựu đạn đến nơi ông thày của hắn vẫn đón Thanh Thanh đi học về để tán tỉnh. Thiên đã quăng hai trái lựu đạn vào chỗ ông thày của hắn đang đón đường gái. Rất may thày giáo của Thiện chỉ xây xứt nhẹ và thoát chết. Từ đấy Thiện không thể trở lại lớp với bút nghiên, Thiện đã đăng lính biệt động quân để tìm lãng quên trong súng đạn. Việc Thiên làm hắn không nói với bố và không nói với tôi. Lòng hắn đang ngậm mối căm hờn…

Thiên theo học lớp hạ sĩ quan ở Đồng Đế, khi hắn tôt nghiệp, thân phụ Hiệp và tôi ra Đồng Đế để đón Thiên về Sài Gòn. Thiên ở với tôi gần tuần lễ, rồi hắn đi trình diện đơn vị. Đã gần ba tháng tôi bặt tin Thiên. Thiên ở dâu? giờ hắn ra sao? Đầu óc tôi đầy những câu hỏi về Thiên? Một ngày tôi nhận được thư ngắn của Trung Uý Biệt Động Quân Hoàng Hữu Định. Thư như sau :

Hữu thân,

Tao hiện nằm ở bệnh viện Công Hoà, bi đạn ở chân trái và tay trái, nhẹ thôi ! Có lẽ tuần tới tao xuất viện, mày khỏi vào thăm tao. Khi xuất viện tao sẽ ra ở với mày gần tuần lễ, tao sẽ đi trình diện đơn vị cũ.

Chúc mày mạnh như cọp.

Thân

Hoàng hữu Định

6h15, tôi đã vào bệnh viện Cộng Hoà, để thăm định. Gặp tôi hắn mừng quá, hăn tuôn ra một tràng dài, tiếng oang oang :

Có lẽ trời thương! Thằng Đáo Hiếu Thiên về đơn vị tao mày ạ. Nó suốt ngày nói về mày, khiến tao thêm nhớ bạn. Hai ngày sau, đơn vị tao thiếu một tiểu đội thám báo, Thiện dơ tay xung phong. Hắn là lính mới, chứ tao đâu có đề nghị. Được cái hắn quả là một chiến sĩ biệt đ đ ộng lý tưởng: hắn chiến đâu vô cùng dũng cảm, bất khuất. Hăn là người có tình và có nghĩa, được cả đại đôi yêu mến.

- Tao rất mừng có thằng em như hắn.

- Gần một tháng, đại đôi tao được đáp xuống mật khu Hố Bò để truy lùng địch. Cả một tháng chỉ thấy bầu trời xanh lơ, lá rừng cọ vào nhau xào xạc. Cả gần tháng không được nghe tiếng người, thèm được nghe tiếng chân người đạp trên lá vàng rừng khô… Khi đơn vị tao, được nghỉ mấy ngày ở thành phố, ra đến bìa rừng Trảng Bàng. Sáng sớm tinh mơ, Thiên đã leo cây cao nhìn ra đường, rồi hắn cười khanh khách, miệng nói: vui quá … vui quá. Anh em hỏi:

- *Mày thấy cái gì đó mày? Mày xuống cho tao coi một chút ?*

Thiên vẫn không xuống, cười khanh khách ở rên cây. Tao ra ngửa mặt nói với hăn :

- *Em thấy cái gì mà cười vui quá vậy ? Em xuống cho anh coi một chút. Hắn xuống và nói với tao:*

- *Vui quá anh ơi ! em thấy người đi ở ngoài đường rồi !*

- *Tao leo lên cây, nhìn về phiá Trảng Bàng, xe cộ ngược xuôi, người người gánh hàng đi chợ. Vui quá là vui.*

- Mấy ngày anh em lại được xum họp. Một kỷ niệm đẹp của cuộc đời, rồi Thiên ra đi biền biệt. Gần ba tháng sau, tôi nhận được lá thư mỏng của Thiên:

Thưa anh ,

Em hiện nằm điều trị ở bệnh viện Cộng Hoà. Em bị thương nặng ở đùi, sương đùi nát bấy, đùi em đã phải cưa rồi. Thế là hết đời trai, hết mơ và hết mộng. Em nằm ở phòng... số giường... anh vào với em nghe anh, em buồn lắm lắm, em muốn nghe lời anh khuyên. Xin anh đừng cho bố em biết em bị thương nặng để ông bớt buồn.

Chúc anh thực mạnh.

Em mong anh

Tôi vào bệnh viện Cộng Hoà thăm Thiên. Tôi thấy rõ hắn đã đổi tính: đày dọng hăn học. Bản tính nhân ái , yêu người xưa như đã mất, hăn nói với tôi:

- Đời *em đã hết anh ạ, đáng tiếc hết ở tuổi thanh xuân. Khi xuất viện em sẽ về với anh, em sẽ chống nạng về Bến Tre thăm Thanh Thanh lần chót.*

- *Sao em nghĩ thế, theo anh đời em vẫn còn mầu hồng. Nếu Thanh Thanh còn yêu em, em đừng mặc cảm em cưới nàng. Ba em giàu, em xin ba em mua cho vợ chồng em cái nhà nhỏ, rồi xin ba em cấp cho hai em chút vốn để buôn bán nuôi nhau. Anh chỉ xin em đừng có mặc cảm mà tự hoại đời mình em ạ. Các em sẽ có con, hạnh phúc gia đình sẽ đến mái ấm của hai em , em ạ. Găng nghe anh, tập trung nghị lực làm lại cuộc đời em ạ.*

Thiên ra sống với tôi ở Cao Thắng, nhưng tôi thấy rõ ràng hắn đã đổi tính. Sáng sớm tôi dạy hắn còn ngủ, rồi vác gậy ra đi, có khi đến tôi khuya mới về. Một tôi chúng tôi an cơm với nhau, Thiên nói với tôi:

- *Nhờ cái nạng gỗ, em "quạt" cho thằng du đãng ở cinéma Cát Thay, một trận tơi bời.. Giờ em thấy rõ em đổi tính rồi anh ạ. Giờ em thấy đối thủ của em đổ máu hay đau đớn rên xiết quằn quại em mới khoái. Rõ ràng em đổi tính rồi anh ạ!*

Một hôm Thiên nói với tôi:

- *Sớm mai em về Bến Tre, thăm Thanh Thanh lần chót anh ạ. Ba Thanh Thanh còn trong quân đội, má nàng lạc đạn chết sớm, nhà quá nghèo, Thanh Thanh phải bỏ học về buôn thúng bán mẹt, nuôi mấy em nhỏ thay cha. Nhà nàng sát quận Trúc Giang anh ạ.*

Nhớ Quỳnh

Thương tiễn biệt nhà thơ Quỳnh Anh

Giữa mênh mông biển sóng
Tìm đâu cánh quỳnh hoa
Vô hình vô sắc ngã
Nhớ hương quỳnh ai quá.

Giữa muôn trùng mây trắng
Nhớ một đoá quỳnh đêm
Kỷ niệm về nhẹ tênh
Lòng ngập tràn thương mến.

Ý Anh

8/4/2012 - Fort Lauderdale, FL

- Anh chỉ xin em không nên giải quyết vấn đề bằng hằn học mặc cảm. Vì mặc cảm " không giải quyết được vấn đề nào cả. Nếu Thanh Thanh còn yêu em, em thưa với bố em làm đám cưới ngay năm nay. Em nói với Thanh Thanh anh hỏi thăm sức khoẻ nàng và anh hứa danh dự rằng: đám cưới của hai em có anh đi phù rể phiá nhà trai.

Thiên từ ngày phải cưa đùi, hắn đã đổi tính, hắn đã thành người thanh toán bọn du đãng ở Sài Gòn với nhiều trận sát máu. Rạp Rex mới khai trương, họ chiếu những phim hay như phim "Adieu Aux Arme" chẳng hạn. Rạp Rex có thang máy đi lên lầu. Thiên thường ngồi ở đầu thang máy. Các nữ sinh trường Pháp xinh đẹp, thường mặc mini jupe cũn cỡn, Thiên ngồi chân thang, hắn đứa cái nạng gỗ kéo váy các nàng lên cao và lớn tiếng mạt sát:

- Người có học mà ăn mặc thế này à? Sao không kéo váy lên cao nữa cho nó thêm đẹp... đồ... đồ con đĩ.....

Các nàng trố mắt nhìn Thiên, không hiểu tại sao? Rồi , các nàng nhún vai, kéo nhau lên lầu...

Một buổi sáng , Thiên nói với tôi : *Em về Bến Tre, mấy bữa, để được nhìn Đào Thanh Thanh lần chót trong đời em....*

- Anh xin em , đừng nói thế, nhớ cho anh gửi lời thăm Thanh Thanh nghe.

Tối tôi ăn cơm, rồi về phòng đã thấy Thiên mặt ngồi thừ trong phòng. Tôi hỏi:

- Sao , em về sớm vậy?

- Lúc đi em hăm hở gặp nàng. Khi đi qua hàng dâm bụt vào nhà nàng em thấy đau lòng và tim đập thình thịch. Nàng từ trong nhà ra ao rửa chân, em nép trong hàng dâm bụt sợ nàng thấy. Em ngắm làng một lúc, nàng mập hơn xưa , thân xác nàng càng thêm khêu gợi anh ạ. Một lúc không biết em nghĩ gì? Em lom khom đi khỏi dàn dâm bụt ra đường đón xe về Sài Gòn, em có nói được với Thanh câu nào đâu anh!

Đầu Thu, năm 1976 tôi vượt biên ra đi, Thiên nhất định không chịu xa bố. Anh lên Đà Lạt sống với bố làm nghề trồng rau. Từ đấy tôi không nhận được tin tức Thiên, dù nhiều lần tôi dã viết thư về Đà Lạt. Sống cô đơn và cô độc nơi hải ngoại, tôi thường ngửa mặt chất vấn hoá công:

Vì ai gây ra nông nỗi nay? Vì người mẹ ghẻ đanh ác, nhiều lời hay vì ông thày muốn cướp tình yêu của học trò? Hay vì bom đạn của chiến tranh? Vì đâu? Có lẽ vì tất cả đã dổ những thảm cảnh xuống đầu Thiên!

Hoá công, nếu quả thực có người. Nhưng hành động của người đổ xuống trần gian quá là lắm chông gai, nhiều bất công. Kẻ gian tà, độc hiểm vẫn ngửa mặt nhì trời, ngạo nghễ sống. Người có trái tim nhân ái như Đào Hiếu Thiên chịu nhiều đắng cay dổ vỡ. Định mệnh ơi, nhiều lúc kẻ hèn này nghĩ rằng: người là nhân vật đại khổng lồ, nhiều quyền lực, nhưng là người khổng lồ không trái tim. Hoá công và định mệnh các ngài quả như đôi hắc phong song sát đã gây nhiều đổ vỡ, chia lìa cho kiếp người:

" Xanh kia thăm thẳm từng trên
Vì ai gây dựng cho nên lỗi này"
(Cung Oán)

PHẠM HỮU (Paris)

Chiều Nhạc Tưởng Nhớ
Nhật Bằng, Văn Phụng và Nguyễn Túc

PHAN ANH DŨNG

Khi Cỏ Thơm số 60 đến tay độc giả thì một chương trình văn nghệ đặc biệt đang được xúc tiến ráo riết. Đó là buổi "Chiều Nhạc Tưởng Nhớ 3 cố nhạc sĩ Nhật Bằng, Văn Phụng và Nguyễn Túc" do nhóm chủ trương gồm Phạm Xuân Thái, Đèo Văn Sách và Phan Anh Dũng cùng Cơ Sở Cỏ Thơm, một số mạnh thường quân và thân hữu yêu âm nhạc đứng ra tổ chức và bảo trợ. Một số ca nhạc sĩ quanh vùng Hoa Thịnh Đốn đã hăng hái tình nguyện cộng tác để chương trình được thêm phong phú.



Từ trái sang phải: Nhật Bằng, Nguyễn Túc, Văn Phụng (1994)

Chiều Nhạc này sẽ được tổ chức tại Jewish Community Center, Quận Fairfax của Tiểu bang Virginia lúc 2 giờ trưa vào ngày thứ bảy 22 tháng 9, 2012. Xin mời quý vị xem tờ quảng cáo ở trang kế tiếp để biết thêm chi tiết.

Nhật Bằng, Văn Phụng và Nguyễn Túc là những nhạc sĩ tên tuổi quen thuộc của tân nhạc Việt Nam trước 1975. NS Văn Phụng sinh năm 1930 và mất ngày 17-12-1999. NS Nhật Bằng sinh năm 1930 và mất ngày 7-5-2004. NS Nguyễn Túc sinh năm 1923 và mất ngày 3-7-2009. Cả ba ông sinh ở Hà Nội và mất ở tiểu bang Virginia, Hoa Kỳ.

Sau khi định cư tại phía Bắc của tiểu bang Virginia, 3 ông và gia đình vẫn cố gắng đóng góp về những hoạt động về âm nhạc như sáng tác, hòa âm, xuất bản sách nhạc, dạy ca hát và giúp sưu tầm nhạc ... Vì có những sinh hoạt gắn bó với Cộng Đồng người Việt nên cả ba ông được cảm tìnhvà thương mến của nhiều người.

Ba cố nhạc sĩ cũng đã thành lập "Club du Jeudi" để họp mặt văn nghệ đàn, hát, trò chuyện mỗi thứ năm với sự tham dự của văn, thi, ca, nhạc sĩ quanh vùng.

Nhạc sĩ Nguyễn Túc được may mắn cư ngụ ở Virginia trước tiên vì Ông đã làm việc ở Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Hoa Thịnh Đốn năm 1973.

Nhạc sĩ Văn Phụng và ca sĩ Châu Hà vượt biên bằng đường biển, đến trại tị nạn Mã Lai rồi định cư ở Virginia từ năm 1978.

Nhạc sĩ Nhật Bằng đến Virginia năm 1990 theo diện HO-3 với hiền thê là cựu nữ sinh Trưng Vương Tường Huệ và 4 người con. Được biết sau 1975, ông bị đi tù Cộng Sản 8

năm vì đã phục vụ lâu năm ở Cục Tâm Lý Chiến VNCH và có lẽ vì những nhạc phẩm cho chương trình Chiêu Hồi, như bài Về Đây Anh viết chung với Nhạc sĩ Nguyễn Hiền.

Trước 1975, Nhạc sĩ Văn Phụng được xem như nhạc sĩ tiên phong với nhiều sáng tác có thể điệu tây phương mới mẻ như jazz, calypso, slow rock, bossa nova, bebop, twist ... Ông cũng là một trong một số vài nhạc sĩ "sáng giá" ở Sài Gòn, được các trung tâm băng đĩa nhạc trọng dụng vì tài làm hòa âm.

Nhạc sĩ Nhật Bằng, ngoài sáng tác và làm việc ở Đài Phát Thanh Quân Đội, còn hát và chơi đàn cho nhiều ban nhạc.

Nhạc sĩ Nguyễn Túc có tiệm bán đàn ở Hà Nội, gia nhập ban quân nhạc năm 1948, có thời gian làm Ban Báo Chí thuộc Bộ Quốc Phòng và phục vụ ở Toà Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa Paris (62-70) và Hoa Kỳ (1973).

Cả 3 nhạc sĩ đều chơi được nhiều loại đàn nhưng Nhạc sĩ Văn Phụng được biết đến nhiều qua dương cầm và kèn clarinet, Nhạc sĩ Nhật Bằng qua đại hồ cầm và Nguyên Túc qua hạ uy cầm.

Một số bản nhạc nổi tiếng:

Nhật Bằng: *Bóng Chiều Tà, Đợi Chờ (với Phạm Đình Chương - tác phẩm này còn có tên Hoa Trăng), Ánh Sáng Đồng Quê, Thuyền Trăng (lời: Thanh Nam), Anh Về Một Mùa Trăng, Mùa Đông Tuyết Trắng, Dạ Tương Sầu, Thu Ly Hương (với Đan Thọ), Sau Lũy Tre Xanh, Bóng Quê Xưa (với Đan Thọ) ...*

Nguyễn Túc: *Bâng Khuâng, Xuân Nhớ Kinh Kỳ (sau đổi thành Nhớ Xuân Xưa), Chiều Vắng Bên Sông, Nhớ Tết Năm Xưa, Bên Sông Vắng (với Tạ Tấn), Phút Chia Ly (nhạc:Hoàng Trọng, lời: Nguyễn Túc) ...*

Văn Phụng: *Tiếng Hát với Cung Đàn, Ô Mê Ly (lời: Văn Khôi), Suối Tóc (lời: Thy Vân),Tôi Đi Giữa Hoàng Hôn, Chán Nản, Trăng Sơn Cước, Tiếng Dương Cầm, Mưa Trên Phím Ngà (lời: Thanh Nam), Ghé Bến Sài Gòn (lời:Hoài Linh), Ta Vui Ca Vang (lời: Chiêu Tranh), Yêu, Tình, Yêu và Mơ, Chung Thủy, Bức Họa Đồng Quê, Bóng Người Đi, Trở Về Huế, Hoài Vọng, Nhớ Bến Đà Giang (lời: Chiêu Tranh), Vó Câu Muôn Dặm (lời: Văn Khôi), Xuân Miền Nam (lời: Tuấn Nghĩa), Mưa (lời: Văn Khôi) ...*

Quý vị có thể nghe nhạc ở các link sau đây:

Văn Phụng:

http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=823&Itemid=47

Nhật Bằng:

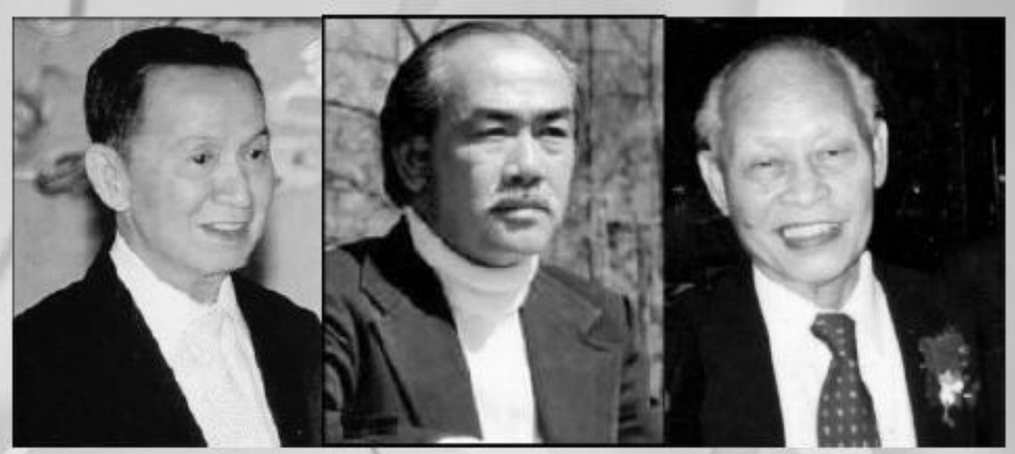
http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=602&Itemid=47

Nguyễn Túc:

http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=607&Itemid=47

Chiều Nhạc Tưởng Nhớ

NHẬT BẰNG, VĂN PHỤNG, NGUYỄN TÚC



Trân trọng kính mời quý đồng hương đến thưởng thức
một chương trình **âm nhạc chọn lọc**
với một số **nhạc phẩm nổi tiếng**
của 3 Nhạc sĩ tài hoa của nền tân nhạc Việt Nam

Thứ Bảy 22 tháng 9, 2012 – khai mạc đúng 2:00 pm
Jewish Community Center of Northern Virginia
8900 Little River Turnpike, Fairfax, VA 22031 / Phone: (703) 323-0880

Với sự cộng tác của một số ca nhạc sĩ quanh vùng Hoa Thịnh Đốn:
Trần Lượng, Bùi Quang Hiển, Đàm Xuân Linh, Nguyễn Khải,
Đèo Văn Sách, Annie Hoang, Vũ An Thanh, Thái Phượng, Phan Anh Dũng, Hồng Thủy,
Phạm Xuân Thái, Hiếu Tâm, Sĩ Tuấn, Ý Hoa, Như Hương, Hiếu Thuận, Tâm Hảo,
Thái Ninh, Kim Phụng, Hiếu Trang, Ngọc Thu, Nguyễn Xuân Thưởng,
Minh Nguyệt, Tuyết Lan, Duy Vũ, Vũ Nguyễn …

Xin vui lòng liên lạc để lấy Thiệp Mời:
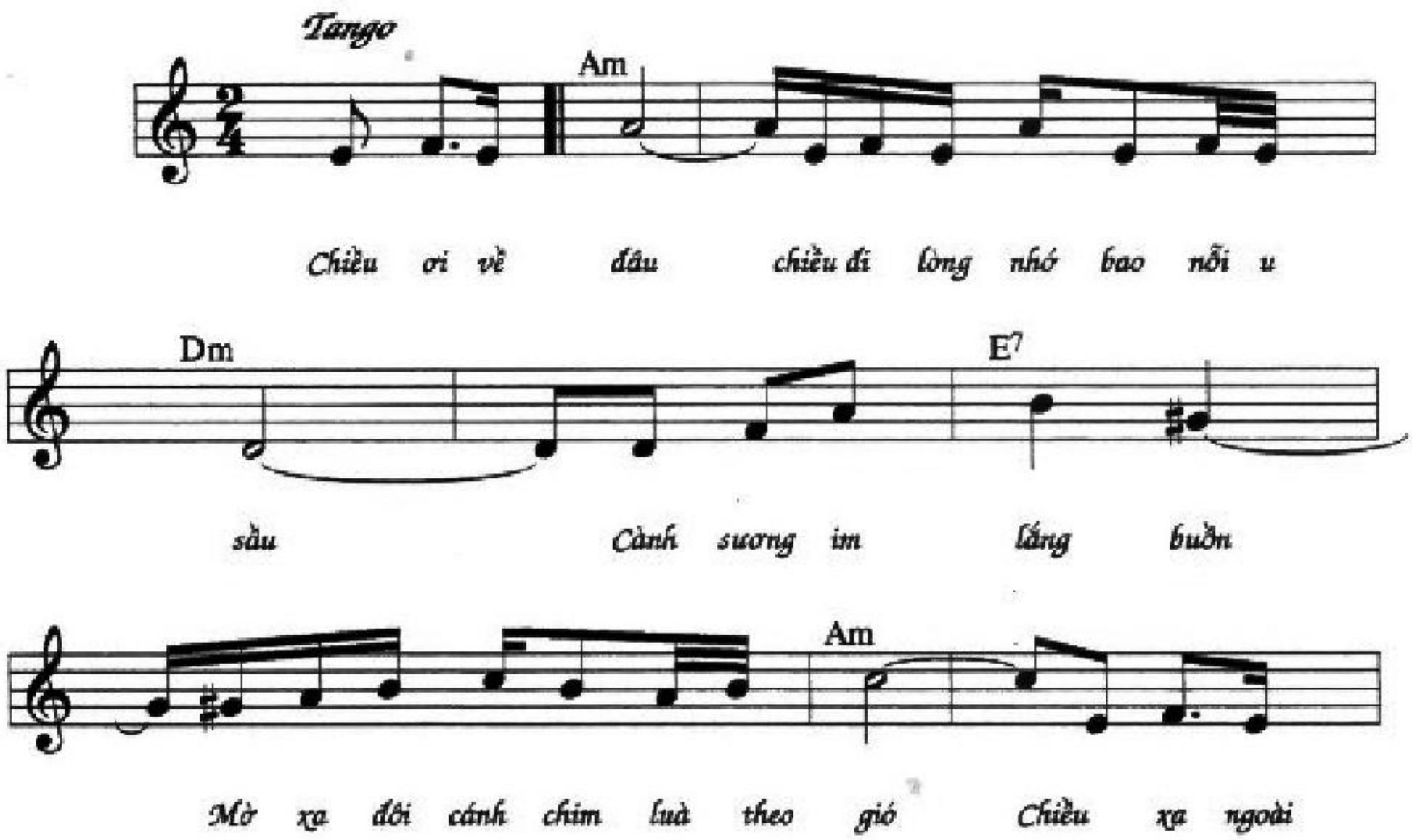
Phạm Xuân Thái: 703.371.1598 **Đèo Văn Sách**: 703.981.2612 **Phan Anh Dũng**: 804.387.8773

Hồng Thủy: 301.466.6120 **Nguyễn Thị Ngọc Dung**: 703.593.1998
Thái Phượng: 804.873.1033 **Nguyễn Xuân Thưởng**: 703.999.3508
Vũ An Thanh & Ngọc Thanh: 703.569.3427 **Đinh Hùng Cường & Ngọc Trâm**: 703.927.2978

(August 7, 2012)

BÓNG CHIỀU TÀ

Nhạc và Lời : NHẬT BẰNG



Am

lan Nhưng giấc mơ tan

Vương theo gió bao cung đàn Đâu giáng duyên

E7

xưa Một chiều thu ta còn nhớ

Am A7

Nhớ hồi còn thơ Vai kề vai trong tiếng

Dm E7

tơ Tuy xa vắng ta vẫn mong chờ

Am

Chiều sao hờ hững lạnh lùng thờ ơ .

BÂNG KHUÂNG

Đời tha hương trời xuôi giòng
Mà lòng sao vẫn bâng khuâng ?...

Nhạc và lời : NGUYỄN TÚC
Hòa âm : VănPhụng + NhậtBằng + Peter Touque

Bolero / Slow / Tango

Dm C B♭7 A7

A7 Gm C7

Trời đêm nay tiết sang đông - Từng cơn gió rít bên

F Dm A7

song - Làn mây trắng rung tơ lòng - Một mình trong đêm tối chờ

A7 Dm Gm C7

mong - Đàn ai buông tiếng rung tơ - Lòng xao xuyến nhớ đêm

F Dm A7

xưa - Kề môi em bên trăng mờ -

Dm

Nhịp hòa tim với bao mộng mơ .... Trời đêm nay tiết sang

G Em D Bm7

đông - Nhìn hàng cây trắng bên song - Đời tha hương trôi xuôi

Em A7 A7

dòng - Mà lòng mình sao vẫn bâng khuâng ? .... Thả hồn mơ đến quê

G Em D

xưa - Sài gòn ơi, nắng hay mưa ? Sài-gòn ơi ! ta mong

A7 A7 D

chờ ... Hỡi còn lưu luyến chi thời xưa ?

D G F♯m Bm

Em ơi, em ơi ! Nếu ta không gặp gỡ. Đâu mang chia
(Anh) (Anh)

G D Bm

ly, nhớ nhung muôn sầu thương. Ta đã cho nhau cuộc đời.

Edim A7 A7 D

Nào ngờ là nước mắt đầm rơi ... Em ơi, em
(Anh) (Anh)

G F♯m F♯m Bm G D

ơi ! Chốn xưa nay còn đó. Sao ta chia ly, đớn đau quên ngày

E7 A7 To Coda

tháng. Em đã cho anh tình đầu. Tình đầu đã mất nay còn

D

đâu ? ..

CODA D G

...đâu ? ..... Dòng đời trôi thoáng qua mau.

Em7 D

Tìm quê hương thấy nơi đâu. Tìm bóng cũ trong u

A A7 Em7 A7 D

sầu ... Lòng còn vương vấn theo thời gian .....

TIẾNG HÁT VỚI CUNG ĐÀN

Nhạc và lời : VĂN PHỤNG

(Sáng tác : 1954)

Bolero

DRUMS

G C G

G C D7 D7 G C G //

Đêm

𝄋 G G G G

nay - Khi ánh trăng êm đềm trong sáng --- Ngân

G G C Am

vang ----- Tiếng tơ reo sầu nhớ chan hòa ----- Xa

D7 D7 G G
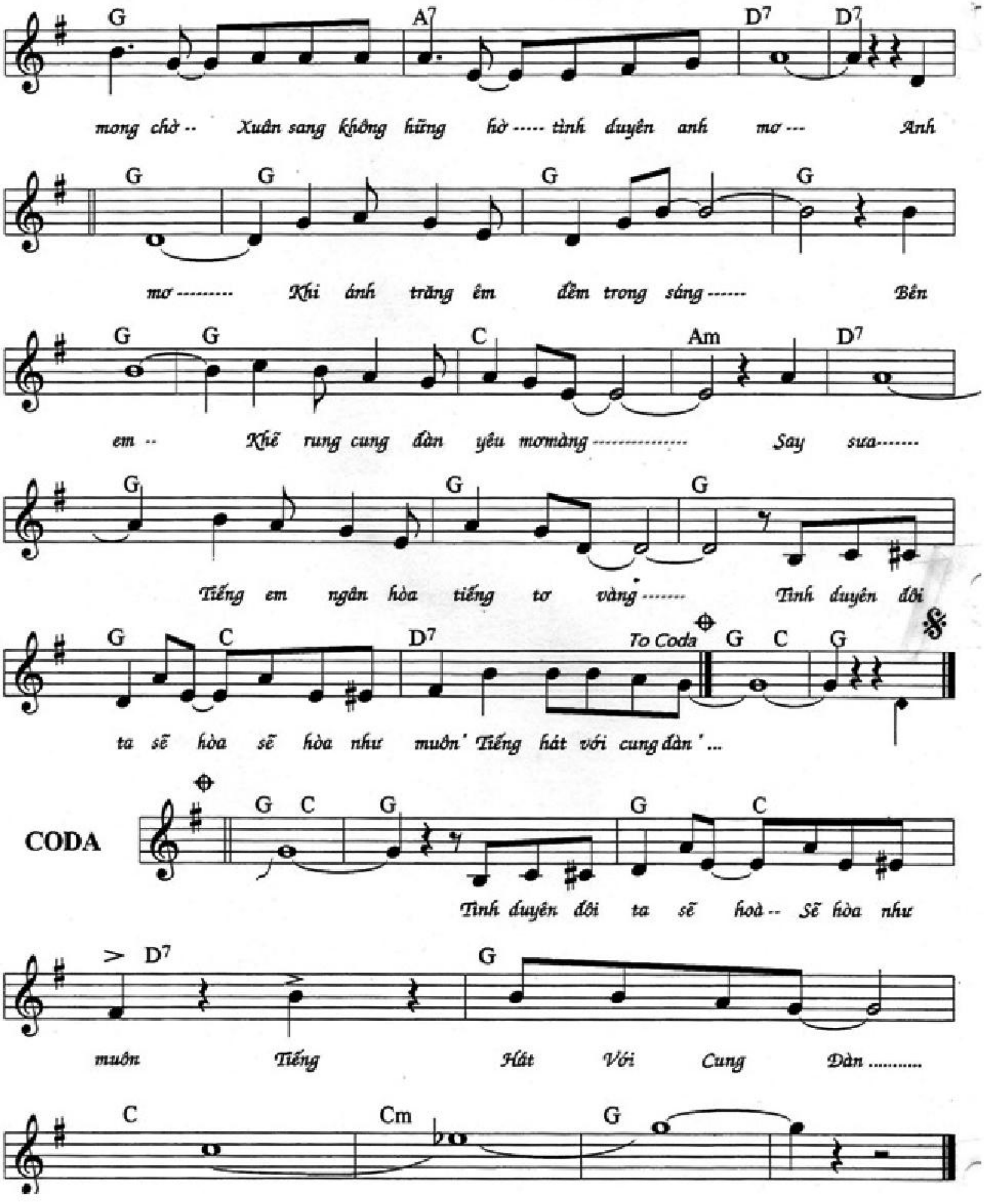
xa Bóng đôi chim nhẹ xóa trăng ngà ------ Buồn nhìn đôi

G C D7 G

chim nhớ người, nhớ người tình mơ bóng dáng vẫn xa mờ ---- Chim ơi, cho

C C G G

ta-- nhờ đưa tin sang bên bờ -- sông vắng nên thơ --- Em ơi anh


G A7 D7 D7
mong chờ -- Xuân sang không hững hờ ----- tình duyên anh mơ --- Anh
G G G G
mơ --------- Khi ánh trăng êm đềm trong sáng ------ Bên
G G C Am D7
em -- Khẽ rung cung đàn yêu mơmàng ---------- Say sưa-------
G G G
Tiếng em ngân hòa tiếng tơ vàng ------- Tình duyên đôi
G C D7 To Coda G C G
ta sẽ hòa sẽ hòa như muôn' Tiếng hát với cung đàn' ...
CODA
G C G G C
Tình duyên đôi ta sẽ hoà -- Sẽ hòa như
D7 G
muôn Tiếng Hát Với Cung Đàn .....
C Cm G

Tìm được niềm vui...

Ỷ Nguyên

Thuyền Từ vớt kiếp điêu linh,
Thẳng dòng bến Giác, ngẫm Kinh sớm chiều.
(T.H.T)

...Cuối cùng thì Nguyên đã quyết định ghi tên tham dự khóa tu học Phật Pháp tại Tu Viện Kim Sơn tỉnh Watsonville - CA vào trung tuần tháng Bẩy năm 1992.



Trước đây, mỗi lần đi thăm mấy người bạn ở San Jose, Nguyên thường được họ đưa lên thăm Tu Viện Kim Sơn nhưng chỉ là đi lễ Phật và viếng cảnh chùa. Lần này Nguyên sẽ tá túc tại tu viện tới hơn 3 ngày, chắc chắn sẽ học hỏi được nhiều điều mới lạ, bổ ích và thích thú.

Tu Viện Kim Sơn do Hoà Thượng Thích Tịnh Từ cùng một số chư tăng đã tạo dựng từ năm 1983 trên một địa thế rất thích hợp cho việc xây cất chùa chiền, tu viện hoặc thánh đường. Chính vì thế mà từ chân núi lên tới Tu Viện, khách thập phương đã đi qua rất nhiều ngôi nhà thờ của nhiều tôn giáo khác nằm dọc theo hai bên lộ. Diện tích lớn rộng, khoảng 30 mẫu Anh nằm trên đỉnh núi Madonna miền Bắc Cali, Hoa Kỳ ở một độ cao là 2,500 feet so với mặt biển, phía sau Tu Viện là vùng biển xanh bao la Thái Bình Dương trải dài như bất tận.

Tuy đang ở giữa mùa hè nhưng khí hậu nơi đây rất mát mẻ với gió biển thổi vào nên hầu như trong ngày lúc nào cũng có những lớp mây bàng bạc như sương lơ lửng nơi nơi. Chung quanh vùng có nhiều suối nước ngọt róc rách chẩy quanh năm; được biết sự kiện thiên nhiên này đã giúp Tu Viện cắt giảm được nhiều kinh phí cho việc chuyên chở nước uống từ dưới thành phố lên. Rừng cây cổ thụ Redwood tươi xanh tỏa bóng mát tạo cho cảnh sắc thiên nhiên của Tu Viện Kim Sơn thêm huyền ảo, thần tiên, mà khách vãng lai không khỏi thấy lòng lâng lâng thanh thoát. Nói chung, Tu Viện Kim Sơn không chỉ là một chốn thiền môn trang nghiêm tĩnh mịch mà còn là một thắng cảnh lý tưởng đối với du khách thập phương đến thăm viếng cảnh chùa.

Có điều thời tiết nơi đây thay đổi bất thường nên dù là mùa hè, bà con phật tử đều được báo trước là phải luôn luôn mang theo quần áo ấm phòng khi trời đổ mưa cộng thêm khí lạnh của miền rừng núi, nhất là vào những buổi sớm mai hay khi chiều tối.

Được biết Tu Viện Kim Sơn là nơi đào tạo các lớp người xuất gia, phát huy đạo Phật, hoằng dương Chánh Pháp. Có nhiều khóa tu giúp phật tử học hỏi về những dị biệt văn hóa, ngôn ngữ và môi trường xã hội. Thường thường các khóa tu đều được tổ chức vào dịp hè từ ngày đầu tháng 7 tới cuối tháng 7, dành cho nhiều hội đoàn Phật Giáo hay các Gia Đình Hướng Đạo qui tụ về đây tu học và sinh hoạt. Vì vậy, hàng năm có đến 13-15 ngàn người dự các khóa tu tại đây.

Hôm đó là ngày đầu tiên của khóa tu Thiền Quán lại nhằm vào dịp Lễ Vu Lan Báo Hiếu nên Tu Viện Kim Sơn đông đảo Phật Tử khắp mọi nơi về tham dự. Nghe đâu có đến hơn 2,000 người.

Cũng như bao nhiêu phật tử khác xếp hàng đợi được hướng dẫn đến địa điểm phòng ốc dành cho những ai đã ghi danh trước. Nguyên thực hoang mang lo lắng vì đây là lần đầu tiên nàng xa nhà để tham dự

khóa tu học này và cũng là lần đầu nàng mạo hiểm như thế kể từ ngày định cư tại Hoa Kỳ đã trên 10 năm.

Theo quy luật của khóa tu thì cứ 15 người cùng phái sẽ ở chung với nhau trong cùng một cái am thất (còn gọi là Cốc) cất sơ sài bằng gỗ, rộng khoảng chừng 20 thước vuông, đủ chỗ nằm cho 14-15 người bằng túi ngủ (sleeping bag) - Nguyên là người có mặt sớm nhất trong nhóm 15 người này. Khi được đưa tới Cốc ở trong một khu rừng âm u, cách xa Tu Viện chừng gần nửa dặm, chung quanh cây cối um tùm, am thất trống trải, chơ vơ, vắng vẻ làm Nguyên thót ruột, bèn nói với cô hướng dẫn viên là nàng không chịu ở đó, làm cô ta bật cười thành tiếng và nhìn Nguyên trân trân, ''Trời ơi, đi tu mà nhát thế là cùng...!'' Rồi cô ta giải thích cho Nguyên biết là có nhiều người khác sẽ đến ở chung, đừng sợ, đâu có ở một mình mà lo, vả lại hàng chục cái cốc đặt rải rác xung quanh tu viện chứ đâu phải chỉ một cái như Nguyên tưởng mà chưa gì đã qúynh cả lên. Quả thực, Nguyên quá là nhát gan, nhưng đến cuối ngày thì mọi người đã đến đầy đủ và Nguyên đã gặp tất cả 14 người kia. Người nào cũng vui vẻ chuyện trò thân mật với Nguyên tưởng như đã quen biết nhau từ kiếp nào. Ai nấy đều còn trẻ, kém tuổi Nguyên nên tất cả gọi nàng là chị. Lúc này Nguyên đã lấy lại bình tĩnh và yên tâm về nơi ăn chốn ở và không còn sợ bị ''đi tu'' một mình nữa. Do đó Nguyên cảm thấy bầu không khí trong Cốc trở nên ấm cúng hơn khi mọi người tỏ ra thân mật, trao nhau những nụ cười hiền hoà cởi mở dễ mến làm sao! Chẳng bù cho lúc mới đặt chân vào am thất này Nguyên thực chới với.

Khóa tu hi hữu này do Thiền Sư Nhất Hạnh từ Cộng Đồng Phật Giáo Làng Mai (Plum Village) - Pháp Quốc về hướng dẫn theo chương trình tu học của Tu Viện Kim Sơn. Thiền Sư Nhất Hạnh hiện là vị giảng sư về môn tu thiền quán nổi tiếng trên thế giới. Ngài đã từng được mời sang Nhật, Đức, Nga và nhiều quốc gia khác để thuyết giảng về phương pháp tu thiền của đạo Phật. Đặc điểm lối thuyết giảng của Thiền Sư rất thực tế, dựa trên nếp sống căn bản thực tại của nhân loại, không mê tín dị đoan mà rất thiết thực. Ngài hướng dẫn Phật tử tu học để thấy đâu là con đường sống thực, sống phải lẽ, sống an lạc để được hạnh phúc ngay trong đời này. Ngài đã dẫn chứng từ thí dụ này qua thí dụ khác điển hình thực tiễn trong đời sống hàng ngày của kiếp nhân sinh khiến hàng Phật Tự hiện diện trong khóa tu lãnh hội trong niềm hân hoan thích thú.

Phật tử tham dự khóa tu học này là mong tìm được đáp số của cuộc sống phức tạp hàng ngày mà họ phải đương đầu khi hội nhập vào một xã hội văn minh với nhiều góc văn hoá dị biệt . Cũng do điểm này mà Nguyên nhận thấy trong nhóm bạn đồng tu ở cùng cốc với nàng, ai nấy đều biểu lộ một tâm trạng giao động, lo lắng, hoảng hốt nên họ tới đây là để thực tập hạnh nguyện Bồ Tát, tìm sự an lạc, phát triển trí tuệ và từ bi, tránh thoát được những lôi cuốn và áp lực của một xã hội quá văn minh. Chẳng hạn như về vấn đề kinh tế trong gia đình, công ăn viêc làm, và quan trọng nhất là mối bất đồng quan điểm giữa vợ chồng trong vấn đề dạy dỗ con cái, mà chung quy chỉ vì chưa quen và chưa thích nghi với nếp văn hóa mới.

Trường hợp của Nguyên cũng không ngoại lệ. Nàng tham dự khóa tu này, trước tiên là muốn đích thân nghe Thiền Sư Nhất Hạnh thuyết giảng vì nàng đã từng đọc nhiều sách của ngài về những khía cạnh khác nhau áp dụng cho người tị nạn hội nhập vào thế giới tự do này, chẳng hạn như Phép Lạ Của Sự Tỉnh Thức (The Miracle of Mindfulness), An Trú Trong Hiện Tại, Nói Với Tuổi Hai Mươi, Đạo Phật Ngày Nay... và thứ nhì là lý do chính để Nguyên có thể cải hóa tư tưởng yếm thế của mình hầu mang lại hạnh phúc yên vui cho cuộc sống gia đình.

Con người ta sống trên đời ai cũng chỉ mong cầu hạnh phúc mà không muốn cái khổ đeo đuổi quấy rầy, do đó, từ những lời thuyết giảng của Thiền Sư, người phật tử tìm hiểu được nguyên nhân của sự khổ đau, cội nguồn của sự tức giận đã che lấp cái thiện căn đưa đến đau khổ. Tức giận là do ta đã lấy cái sai lầm của người khác để trừng phạt chính ta, cứ mãi nhớ mà không quên khuyết điểm của người khác thì người bị tổn thương nhiều nhất chính là bản thân ta vậy. Khi đã tìm ra nguyên nhân của sự đau khổ ta có thể vượt ra khỏi những trói buộc mà từ lâu đã bị vô minh che lấp. Theo Phật giáo, vô minh là sự nhận thức, sự hiểu biết không chính xác mà ta cứ ngỡ là đúng; cho là đúng rồi đem tâm sân hận, đố kỵ để đối phó, nên không tránh khỏi hậu qủa đáng tiếc xảy đến. Phải thiền tập chuyên cần và tu tâm dưỡng tánh trong mọi hoàn cảnh thì chúng ta mới có thể dập tắt được ngọn lửa hờn ghen, đưa chúng ta tới con đường giác ngộ, tuyệt mỹ với nhiều hoa thơm cỏ lạ, trong tình yêu thương nhân ái. Từ đó chúng ta có thể dứt bỏ được những vướng mắc viển vông làm vẩn đục tâm trí trong sáng cuả mình. Học tu thiền để tìm thấy an lạc tức là giải thoát. Đây không phải là điều xa vời mà là những cái ta có thể đạt tới được trong đời sống thiền tập hàng ngày. Giải thoát tức là cởi bỏ những sợi giây ràng buộc. Nếu ta không cảm thấy an lạc và thảnh thơi tức là ta đang bị ràng buộc. Ta phải tìm ra và phải nhìn thấy ta đang bị ràng buộc bởi những sợi giây nào thì ta mới có thể tự cởi trói cho ta được.

"***Nhân chi sơ tánh bổn thiện***" , con người ta sinh ra đời ai ai cũng đều có một cái tâm lành như nhau, nhưng đến lúc vào đời thì cái tâm tham lam, sân hận mới nẩy sinh tùy theo môi trường sống của mỗi người. Cuộc sống là vô thường, thân xác này là vô thường mà khi hiện hữu chúng ta cứ cố gắng bao che dung dưỡng nó vì ngỡ rằng nó sẽ là của ta và ta sẽ đem theo với ta đời đời vậy nên mới sinh tâm sân hận và cố chấp.

Hôm đó Nguyên lãnh hội phương pháp tĩnh tâm của khóa tu một cách an nhiên tự tại. Nguyên cùng các bạn đồng tu được các ni sư phụ tá hướng dẫn cặn kẽ về quy luật ngồi thiền. Trong nửa tiếng đồng hồ, Phật tử học cách tập trung vào hơi thở, không suy nghĩ lung tung, không lo toan chuyện nhà, chuyện sở, chuyện làm giầu v.v... mà chỉ chú tâm vào việc đếm hơi thở - thở ra, thở vào thật đều đặn...

"*Thở vào tâm tĩnh lặng*
Thở ra miệng mỉm cười
An trú trong hiện tại
Giờ phút đẹp tuyệt vời"
(Bài kệ khi tọa thiền - Thiền Sư Nhất Hạnh)

...và cứ thế Nguyên cảm thấy tâm trí nhẹ nhàng bay bổng.

Trong lúc tọa thiền, nghe tiếng chuông, người Phật tử phải có thái độ cung kính, phải ngừng sự suy nghĩ, phải tỉnh dậy trong giờ phút hiện tại, biết mình là ai, đang ở đâu và đang làm gì. Phải nuôi dưỡng tỉnh thức ấy bằng hơi thở, nghĩa là phải theo dõi hơi thở ra và hơi thở vào của mình, nếu chẳng may bị rơi vào quên lãng thì tiếng chuông kế tiếp sẽ giúp ta thức tỉnh. Thực tập nghe chuông tức là thực tập sự tỉnh thức.

Nguyên nhận thấy những giây phút tọa thiền là những giây phút an lạc nhất trong khóa tu, chưa bao giờ nàng cảm nhận được sự an vui trong tâm hồn đến là nhường ấy. Bí quyết của thiền tập là trở về với giây phút hiện tại và biết những gì xẩy ra trong giây phút hiện tại, trước hết là trong thâm sâu mình và sau nữa là trong hoàn cảnh mình. Thiền tập còn làm cho thân tâm thư thái và an lạc. Nếu có an lạc, bạn sẽ nở ra như một bông hoa, sự có mặt của bạn sẽ dễ chịu đối với người xung quanh, trong gia đình và ngoài xã hội. Chúng ta chỉ chia sẻ sự an lạc cho kẻ khác khi chính chúng ta có sự an lạc trong lòng. Trong nhất thời, Nguyên đã lìa bỏ được những

vướng mắc vớ vẩn quấn quyện lấy tâm trí nàng và muốn mọi người chia sẻ cảm giác an lạc hạnh phúc này.

Cả mấy trăm phật tử ngồi thiền như vậy, một ngày hai lần, sáng và chiều, mỗi lần nửa giờ đồng hồ trong suốt khóa tu. Sau mỗi buổi ngồi thiền phật tử người nào người nấy lộ vẻ an vui thanh thản. Họ nhìn nhau thông cảm, ánh mắt ngời sáng trong niềm an lạc hiền hoà. Ôi, Nguyên thấy lòng mình như nở hoa, đẹp tuyệt vời !

Ngoài ra Nguyên còn tham dự nhiều giờ Pháp Thoại, trong đó nàng học hỏi được nhiều giáo lý căn bản cũng như mở rộng kiến thức về Phật pháp ở những giờ Pháp Đàm. Những giờ đi thiền hành cùng Thiền Sư Nhất Hạnh và đại chúng qủa là những giây phút thần tiên. Thực tập thiền trong khi bách bộ đem lại cho ta sự an lạc ngay trong giờ phút ta thực tập. Ta tìm thấy sự an lạc trong mỗi bước đi thảnh thơi, là rũ bỏ phiền não, rũ bỏ lo lắng, lãng quên dĩ vãng. Thiền hành là một môn tu thiết thực giúp người Phật tử thực thi hạnh nguyện ôn hòa, trầm tĩnh, rèn luyện bản ngã cao ngạo của mình để tìm về chân như.

Vào mỗi buổi sáng trước giờ ăn, khi hồi chuông báo chúng thỉnh lên vang rền, mọi sinh hoạt trong tu viện đều ngưng lại. Mọi người theo dõi hơi thở, nhiếp niệm theo tiếng chuông và thầm đọc bài kệ nghe kinh:

"Lắng lòng nghe, lắng lòng nghe
Tiếng chuông huyền diệu đưa về nhất tâm"

Cũng như thế, trong khóa tu, mỗi nửa giờ lại có tiếng chuông. Tiếng chuông chánh niệm. Tất cả mọi người, mỗi khi nghe tiếng chuông đều phải ngưng mọi nói năng và suy tư, theo dõi hơi thở, và niệm đọc bài kệ theo chuông dù họ đang làm gì đi nữa.

Trong không gian tĩnh lặng của chốn thiền môn, hàng ngàn Phật tử ngồi nghe thuyết pháp trong bầu không khí trang nghiêm, thanh thoát của núi rừng. Hàng hàng lớp lớp trong bộ áo tràng mầu lam hay mầu nâu xậm trải dài dưới những tàng lá của những cây cổ thụ redwood, xung quanh rộn rã tiếng chim reo vui ríu rít hòa cùng tiếng gió ngàn xào xạc xuyên qua cành lá. Nơi nơi chìm trong không gian tĩnh lặng. Hình như mọi người chỉ còn nghe tiếng thở vào thở ra của nhau. Ôi, thực diệu kỳ! Lâu lâu một hồi chuông cảnh tỉnh gióng lên như để nhắc nhở đại chúng sự hiện hữu của mọi người, nhắc nhở người con Phật giữ tâm an tịnh, rứt bỏ si mê vướng bận để tìm về bến giác.

Nhớ lại ngày đầu của khóa tu này, Nguyên đã xúc động đến tột đỉnh khi phát biểu cảm tưởng của mình trước hàng ngàn cặp mắt xa lạ đến từ khắp mọi nơi. Có người đến từ Pháp, từ Anh, từ Úc và cả từ

Thu Về Lá Đỏ

Ngày xưa Sài Gòn thành phố nhỏ
Qua thăm cô chỉ cách mấy con đường
Lòng em thuở đó chưa vấn vương
Tình em tất cả gửi cô thương
Giờ đây tóc bạc má nhạt hương
Xa nhau xứ lạ bao năm trường
Nhớ cô như nhớ thời thơ dại
Tóc để lưng trời gió hẩy bay
Áo trắng ngày nao còn mơ mộng
Trăng tàn ngày tháng mãi trôi quay
Nay em phương Đông cô phương Tây
Trùng trùng điệp điệp bao dặm bay
Hẹn cô khi thu về lá đỏ
Hàng cây xanh trong nắng ấm trở màu
Trút trang giấy vài giòng thơ bé bỏng
Mong cô yêu trao tặng nụ cười nồng
Kỷ niệm năm xưa xin cô đừng bỏ lỏng
Tình thầy trò em giữ mãi trong tâm

Diệm Trân
Thân tặng cô K.N.

Việt Nam. Những ẩn khúc, những ấm ức chất chứa từ bao năm tháng qua bỗng chợt bừng lên như một ngòi thuốc nổ gặp mồi bùng phát. Nguyên đã khóc thành tiếng, khóc thực sự như một đứa trẻ lần đầu tiên biết khóc, nàng bất chấp mọi người chung quanh dòm ngó, cứ thế nàng để cho nước mắt tự nhiên tuôn trào khi giãi bầy ưu tư của mình trong giờ tu học này. Nàng biết mình chỉ là một nạn nhân tình cảm như bao nạn nhân khác hiện cũng đang có mặt tại nơi đây. Chắc chắn như vậy. Ai nấy trong chúng ta đều phải vật lộn và mỏi mệt với cuộc sống mới sau nhiều năm định cư để lo đáp ứng cho phần vật chất được thoải mãi. Quay nhìn lại cảnh huống gia đình mới thấy chới với mà không ai có thể tự tìm được lối thoát cho mình khi phải đương đầu với nghịch cảnh. Vấn đề bất hoà trong gia đình, giữa vợ chồng, giữa bố mẹ và con cái đã là một mối quan tâm trầm trọng mà mọi người không thể phủ nhận. Nhìn chung quanh Nguyên thấy những khuôn mặt u uẩn của các bà mẹ Viêt Nam hình như cùng mang một tâm sự như mình. Hãy nhìn những cặp mắt còn đỏ hoe của họ, như đã trút bỏ được phần nào những ưu tư, làm vơi đi bao nỗi buồn chất chứa. Những nét mặt trầm tư lắng đọng của nhiều người cha cũng đã thể hiện được niềm cảm thông và tha thứ trong giờ phút tu học này.

Ngày thứ hai, Nguyên tham dự buổi lễ Báo Hiếu mang tên "Bông Hồng Cài Aó" được tổ chức trang nghiêm và chu đáo với các tiết mục đặc sắc gây nhiều ấn tượng và xúc động trong đại chúng. Từng loạt bông hồng đỏ thắm đã được cài trên ngực áo cho những ai may mắn đang còn mẹ và cũng rất nhiều bông hồng mầu trắng bi ai được cài lên ngực áo những ai bất hạnh đã mất mẹ vĩnh viễn. Nguyên cũng rất may mắn và sung sướng đón nhận một bông hồng đỏ lên ngực áo của nàng. Lúc này mẹ Nguyên còn sống tại Việt Nam, nàng ao ước gía mà mẹ ở cạnh bên để có thể chia sẻ niềm vui này thì hạnh phúc biết bao!

Hôm ý, Nguyên đã chứng kiến và nghe nhiều em trai cũng như em gái ở tuổi vị thành niên chạc tuổi các con của nàng tâm sự về lòng hiếu thảo, kính yêu đối với cha mẹ. Những khuôn mặt khôi ngô tuấn tú của các em như cũng mang một tâm trạng như các bậc phụ huynh là làm sao để cha mẹ mình hiểu được lòng kính yêu của mình để những ngăn cách về phong tục tập quán cũng như khác biệt văn hóa của Đông và Tây không còn là nan giải, làm phân tán sự trưởng thành của chúng trên đất nước xa lạ và mới mẻ này. Nhiều em không nói rành tiếng Việt nên phát biểu bằng Anh ngữ, nhưng tư tưởng và cảm nghĩ chân thành của chúng đã biểu lộ một cách sống động, cởi mở, đánh vào tâm lý các bậc phụ huynh, khiến đại chúng tán thưởng nhiêt liệt trong tiếng vỗ tay không ngớt. Trong ánh mắt của những người trẻ tuổi hôm đó, Nguyên quả đã đọc thấy sự tha thứ và tin yêu của họ. Bài ca Bông Hồng Cài Áo được một thanh niên Phật tử hát giúp vui, thực cảm động và réo rắt trong lòng mọi người. Ai nấy, ngấn lệ ngắn dài làm nhạt nhoà khoé mắt.

Lúc đó Nguyên chợt liên tưởng đến các con của nàng ở nhà và thương chúng bội phần. Nguyên biết, cũng như nhiều em vừa phát biểu cảm nghĩ ở trên, con của nàng đều là những đứa con hiếu thảo và hiểu biết, nhưng không đủ can đảm để giãi bầy cảm nghĩ của chúng đối với bố mẹ. Bởi lẽ đó, khóa tu này đã giúp các bậc cha mẹ, thanh thiếu niên, vợ chồng, anh em, bạn bè, phát triển sự hiểu biết và nuôi dưỡng tình thương cho chính mình cùng người mình quan tâm và thương mến.

Đã lâu, từ ngày các con nàng khôn lớn tại xứ người là ngày hai vợ chồng nàng và chúng đã có những hiểu lầm, những giằng co, mâu thuẫn và ngăn cách hầu như khó có thể hàn gắn. Hậu quả đáng tiếc như vậy mà chẳng ai chịu tìm ra căn nguyên, nguồn gốc của nó để mỗi khi sự thể phát hiện thì cứ đổ trách nhiệm, oán giận lên đầu nhau,

để càng tạo thêm khoảng cách; tại thế này tại thế nọ, chẳng ai chịu nhận khuyết điểm về mình. Ai cũng cho mình là phải là đúng, khiến đã gây nên nhiều sóng gió trong gia đình. Nguyên nghĩ trong giai đoạn này chỉ còn có lòng xót thương mới có thể giữ hòa khí trong gia đình, mới thấy gia đình còn là gia đình, mới có thể giúp tất cả mọi người có đủ bình tĩnh và thương yêu để cùng lèo lái con thuyền hạnh phúc ra khỏi cơn phong ba bão táp. Nguyên thấy đau thương đã lớn lao qúa rồi, chẳng nên tạo nhiều thêm nữa. Thành kiến, bảo thủ, cố chấp đã từng làm cho mọi người khổ đau. Chẳng hạn, con trai con gái trên 18-20 rồi mà người bố vẫn cấm chúng không có bạn gái, bạn trai, không cho bạn gọi điện thoại tới nhà. Cấm chúng đi Prom vào cuối niên bậc Trung Học, và còn nhiều điều bình thường khác mà văn hóa Viêt Nam không cho phép con cái nàng học đòi bắt chước chúng bạn. Vì lẽ đó mà cha con cứ hục hăc với nhau không thôi. Hễ Nguyên cố phân giải thiệt hơn thì y như là nàng bị gán cho cái tội bênh con. Con hư tại mẹ ... thực nản lòng làm sao! Chồng nàng không chịu thông cảm và tiếp nhận nếp sống mới, nền văn hóa mới tại quê hương mới này, trong khi con cái nàng đã hấp thụ thực mau chóng cái văn minh tột bực đó. Các con nàng còn trẻ, lớn lên ở Mỹ, hàng ngày chúng giao tiếp với xã hôi mới, văn hoá mới, bạn bè đều là người Mỹ thì đương nhiên chúng phải hành xử như người Mỹ vậy thôi. Đặt trường hợp chúng ta là bọn trẻ, chúng ta có hành động khác được không. Đâu phải văn hoá nước Mỹ là không hay và văn hoá Việt Nam tất cả đều đúng, chẳng qua nó chỉ là thói quen mà chúng ta hấp thụ từ lâu và phụ thuộc nặng nề vào nó cho nên thời gian lúc đầu sống ở đất nước này, các bậc cha mẹ như chúng ta chưa có đủ kinh nghiệm để tìm hiểu mà áp dụng trong việc giáo huấn con cái nên đấy là một tình trạng đáng tiếc đã xẩy đến cho không biết bao nhiêu gia đình người Việt Nam trong giai đoạn đầu (1975-1985) định cư tại Mỹ. Suy ra, người Việt chúng ta không có thói quen ngồi lại với nhau để phân tách những rạn nứt, những lẫm lẫn vô lý đã tích lũy và kết tụ trong đầu óc của mỗi người khiến sự hiểu lầm cứ tăng dần tăng dần. Cũng chỉ vì tự ái mà chúng ta đã không chấp nhận hoặc không muốn học hỏi thói quen này, tuy bình thường nhưng lại rất hữu ích. Không có việc gì xẩy ra mà không có nguyên nhân của nó. Tìm ra đầu mối của vấn đề thì sẽ tìm ra đáp số của vấn nạn. Và đây chính là một thiếu xót lớn lao trong nhiều gia đình người Việt Nam trong giai đoạn này.

Ngay trong gia đình Nguyên, nàng biết các con của nàng thương bố mẹ rất nhiều, đồng thời tình yêu thương mà nàng và chồng nàng dành cho chúng cũng sâu đậm không kém. Ngặt điều vì thiếu sự cởi mở nên ai nấy đều ngại ngùng thổ lộ quan điểm của mình. Đó chính là cái thói quen vốn dĩ của mọi người, nhất là của người chủ gia đình. Ông bố không muốn chia sẻ hoặc chấp nhận quan điểm hoặc ý kiến của vợ mình và con cái. Không muốn lắng nghe. Luôn luôn kìm giữ cái phong tục và văn hoá ngàn xưa. Không chịu hòa đồng và thay đổi, khư khư với cái nhìn thiển cận, hẹp hòi. Tự ái của người chồng là ở chỗ đó. Ông ta có quan niệm là lúc nào ông cũng đúng, có quyền tối thượng trong gia đình, kiểu chồng chúa vợ tôi của thời kỳ xa xưa ở Việt Nam. Và đó chính là điểm thiệt thòi mà gia đình Nguyên phải gánh chịu để hạnh phúc lặn chìm từ bấy lâu nay. Nguyên nghĩ lúc này vẫn chưa phải là muộn nếu vợ chồng nàng và các con đều sống thực cho nhau. Hãy thông cảm và tha thứ cho nhau, đừng dung dưỡng sân hận hay chấp cứ, hãy buông xả và bộc lộ tình thương yêu cho nhau thì bức tường ngăn cách giữa mọi người dù có kiên cố đến đâu cũng sẽ bị đập đổ và hạnh phúc sẽ hiện hữu là đương nhiên và như thế Nguyên sẽ phải là người tiên phong để thực hiện những điều mong ước đó. Nguyên cũng phải sửa sai những lỗi lầm của mình.

Nguyên tin rằng trên đời này không ai thương con bằng người mẹ. Hình như không ai thương con như nàng. Một tình thương bao la như biển rộng sông dài. Bây giờ các con của nàng hầu như đã khôn lớn, trưởng thành thì chính vợ chồng nàng lại càng thương chúng hơn nữa, lo lắng cho chúng nhiều hơn vì càng ngày cuộc sống càng khó khăn, trắc trở mà nàng biết chắc chắn rằng các con nàng sẽ phải đối diện với sóng to gió lớn ngoài biển đời.

Dù gì Nguyên cũng luôn luôn hãnh diện và tự hào về các con của nàng. Chúng đã hành động và cư xử thực xứng đáng là những người trưởng thành, nhưng ông bố thì không nghĩ như vậy, chàng luôn luôn bị phong tục tập quán, cùng là văn hoá cổ xưa hành hình, trói buộc với những chấp cứ nhỏ nhoi. Chàng không muốn con cái một sớm một chiều học đòi chúng bạn mà trở thành Mỹ hoá. Trước kia, những lo âu về con cái và bất đồng quan điểm với chồng đã làm nàng mất ngủ nhiều đêm. Vợ chồng không ngừng hục hặc nhau cũng vì Nguyên luôn luôn bảo vệ lẽ phải của các con. Vậy nên xung đột tưởng như không bao giờ chấm dứt giữa hai người. Đôi khi các con nàng và chàng đã đặt nàng trong tình thế khó xử. Làm vui lòng chồng thì nghịch ý các con, mà vừa ý con thì lại trái lòng chồng. Nguyên bị khủng hoảng tinh thần trầm trọng, đầu óc căng thẳng tột độ, hầu như tuyệt vọng, không lối thoát mà nàng thì không dám hở môi than thở hay thổ lộ cùng ai. Trong nhà chưa tỏ ngoài ngõ đã tường, nàng không muốn thế, không muốn thiên hạ dòm ngó tọc mạch xầm xì chuyện riêng tư của gia đình. Chính cũng vì những bất đồng ý kiến tiếp diễn liên tục đó đã thôi thúc Nguyên quyết định tham dự khóa tu thiền này hầu tìm ra phương thức hữu hiệu để xua tan những áng mây đen tối luôn bao trùm lên mái gia đình thân yêu của nàng.

Khóa tu không kéo dài nhiều ngày như mọi người mong đợi, nhưng ảnh hưởng của những buổi tu học đã có một sức lôi cuốn lớn lao đối với những ai chí tâm sưu tầm học đạo. Về phần Nguyên, nàng có cảm tưởng như được tái sinh, như được sống lại và được sống với một sức sống mãnh liệt tràn đầy niềm vui. Những ngày tháng qua đi trước đây của Nguyên thực qúa uổng phí vì nàng đã không sống thực cho mình mà chỉ sống trong những lo sợ, nghi ngờ, những ích kỷ, những giận hờn ...v.v. Trong thời gian tu học, Nguyên ao ước giá chi có ông xã và các con cùng có mặt để chia sẻ những giáo lý lợi lộc này thì sự thông cảm của gia đình nàng chắc chắn sẽ thay đổi tốt hơn và hạnh phúc nhiều hơn.

Dù chỉ có ba ngày tu học mà Nguyên đã học hỏi được nhiều điều lợi ích từ những lời thuyết giảng của Thiền Sư cho đến kinh nghiệm sống của các bạn đồng tu, Nguyên đã *chuyển hoá* tức thời. Tự nhiên Nguyên thấy yêu đời hơn bao giờ hết, nàng muốn mau chóng trở về nhà để gặp lại chồng con và bạn bè thân quen để chia sẻ cùng mọi người những gì nàng đã tiếp thu được từ khóa tu. Ôi xung quanh nàng lúc đó hoa lá dường như hân hoan chào đón, chim chóc ríu rít tưng bừng hòa trong gió ngàn xao động. Không khí trong lành của vũ trụ thiên nhiên, của rừng cao, của biển cả như đem đến cho Nguyên một làn không khi thanh lọc tuyệt vời. Lòng nàng như mở hội !

Khác hẳn khi trước, sau khi đi tu học về nàng không còn nói lớn hay la lối như xưa. Bây giờ, nghe bất cứ ai nói to tiếng Nguyên cảm thấy rất khó chịu nhưng nàng không nóng giận hoặc phản đối như trước nữa. Chẳng hạn mỗi lời nói của bố xấp nhỏ vẫn là hằn học, gắt gỏng dù chỉ là một câu chuyện bình thường, lúc trước là Nguyên đã cãi lại chàng rồi đấy, nhưng bây giờ thì không, tự nhiên Nguyên cảm thấy thực bình thản và vui vẻ chấp nhận vì nàng đã thấm nhập được phương pháp lắng nghe theo hạnh nguyện của Quán Thế Âm Bồ Tát (Listening Method). Nàng đã thực thi những điều tốt đẹp như hỷ xả, buông thả và nhẫn nhục để người khác chuyển hóa theo

điều tốt của mình, chứ không thể đòi hỏi người ta phải thay đổi cách cư xử vốn dĩ của họ. Thêm nữa, ***An Trú Trong Hiện Tại*** là đề tài thiết thực mà nàng lãnh hội từ Thiền Sư như nhắc nhở nàng luôn luôn biết là mình đang tỉnh thức, đang hiện diện nơi đây bên những người mình thương yêu, vì qúa khứ đã qua, thời gian cũng không thể quay ngược trở lại ngoài việc ghi nhớ đến bài học kinh nghiệm, còn lại không cần thiết để cho lòng phải vướng bận thêm. ***Sẵn sàng quên đi qúa khứ*** là một cân bằng tâm lý, cần phải chân thành và thản nhiên đối mặt với cuộc sống hiện tại, chỉ có hiện tại là điều đáng để nàng quan tâm và nhất lòng cư xử theo chánh pháp.

Nguyên se sẽ thì thầm với chính mình: "*Bạn đường ơi, bạn có biết sự có mặt của bạn trong giây phút này đối với tôi là một món quà rất quí không gì so sánh được. Nếu chẳng may một trong hai chúng ta mất đi thì món quà ấy sẽ mất theo luôn. Do đó sự hiện diện của bạn đối với tôi là một món quà vô giá mà bạn đã tặng cho tôi. Cũng như thế, người Tây Phương có một từ rất ý nghĩa là* ***PRESENT****. Present là sự có mặt, sự hiện diện mà còn có nghĩa là món quà mà ta trao tặng cho nhau. Cho nên sự có mặt của bạn đã nói lên tình giao hảo đặc thù mà tôi trân trọng nó như trân trọng chính bản thân tôi vậy.*"

Nguyên còn nhớ Thiền sư Nhất Hạnh luôn nhắc nhở Phật tử thực hiện niềm an lạc trong tỉnh thức ở mọi hoàn cảnh, chẳng hạn như khi đang lái xe chỉ nên chú tâm vào việc lái xe, khi rửa bát thì biết là đang rửa bát, khi quét nhà thì chỉ biết là đang quét nhà. Phàm làm bất cứ việc gì ta chỉ nên chú ý vào viêc ấy trong chánh niệm, tuyệt đối không để tư tưởng đi hoang, không bị chi phối bởi những suy tính viển vông, như vậy thì dù việc nhỏ chí việc lớn ta cũng sẽ hoàn thành mỹ mãn. Luôn luôn giữ chánh niệm trong tỉnh thức (mindfulness), đừng nói lời thêm bớt, thêu dệt là đã thực thi lời Phật dậy. Biết gieo trồng an bình và yên vui (Cultivate peace & joy) thì hoà bình và an lạc sẽ ở khắp nơi nơi.

Nguyên thường xuyên kiểm soát lòng tự ái của mình vì nó là nguyên nhân đưa đến tức giận mà khóa tu đã giảng dậy tại sao người ta tức giận ... là do mình chưa hiểu và không biết lắng nghe, do đó mới sinh ra cố chấp nên khó có thể buông xả và tha thứ. Thực đơn giản vậy thôi mà bao lâu rồi Nguyên đã không biết đến để những bất mãn và hơn thiệt cứ triền miên hiện diện giữa nàng và người nàng thương yêu. Thay vào đó, hạnh nguyện hỷ xả đã nhắc nhở Nguyên luôn giữ tâm hoan hỷ, cởi mở. Nguyên đang thực hành những điều nàng đã lãnh hội từ khóa tu. Nguyên nghĩ, nếu nàng thực hiện được những hạnh nguyên quí báu đó thì chính cá nhân nàng đã tạo được hạnh phúc cho riêng mình mà còn gây được thiện cảm với người chung quanh mà nàng quan tâm và thương mến. Nguyên sẽ thay đổi, nhất định phải thay đổi. Chỉ có sự chuyển hóa mới giúp cuộc đời bớt đau thương, và duy trì được hạnh phúc. Cuộc sống của nàng trở nên có ý nghĩa hơn, tư tưởng yếm thế không còn ngự trị nơi nàng. Bí quyết đơn giản là biết chia tay với những quan niệm cổ xưa. Nguyên thực sự bắt đầu một nếp sống mới tràn đầy tin tưởng.

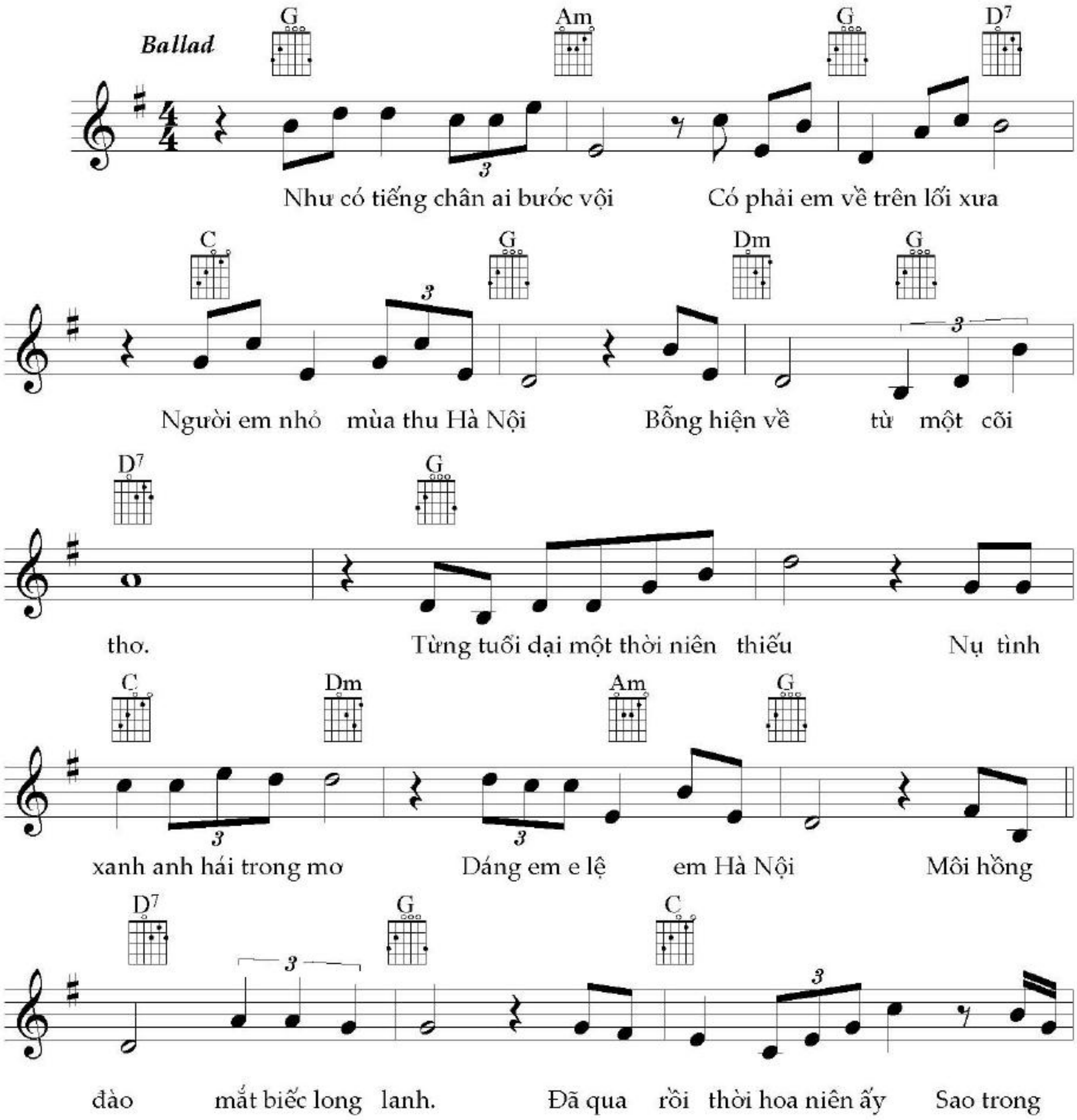
Giờ thì Nguyên sống thực bình an hạnh phúc bên chồng như một đôi bạn thâm giao tri kỷ. Mặc dầu mỗi ngày đi qua là mất đi một ngày, mỗi năm đi qua là già thêm một tuổi, nhưng được sống vui, sống thực để an hưởng quãng thời gian còn lại là Nguyên mãn nguện lắm rồi. Hạt giống ***thương yêu*** *và* ***hiểu biết*** mà Nguyên và chồng nàng ươm trồng từ lâu, bây giờ như đã trở thành cây xanh, có hoa có nhụy, cũng là do cả hai biết vun trồng và chăm sóc cho nhau

Niết Bàn không ở đâu xa mà ở ngay cõi thế gian này, khi tâm từ bi và hỷ xả được mở rộng.

Ỷ Nguyên (Maryland, Hè 2012)

TÌNH XƯA

Nhạc Từ Công Phụng
Thơ Hoàng Song Liêm



G Am Am6

hồn tràn ngập nỗi nhớ. Đời chia xa sao tình chẳng lìa xa. Tuổi hoa

C G Am D7

mộng một thời xanh biếc, gót chân hồngmột đời luyến tiếc. Từng thu qua vẫn còn vương vấn tình

G G D7 G

xưa Anh trở lại con đường xưa ươm nắng Ve xôn

D7 G C

xao hàng phượng dấu chân người Dìu em đi dưới tàng cây phố

Am6 D7 G

cũ Nhìn tóc phai màu sao xót tuổi xuân qua

TRỜI ƠI!

NGUYỄN LÂN



Trà Mi gục đầu nức nở. Trời ơi! Sao ông Trời cho nàng số kiếp đau thương đến như vậy?! Suốt cuộc đời này lúc nào nàng cũng lo sợ phập phồng, tránh né dối quanh. Mà nào Trà Mi có làm gì nên tội. Nàng chỉ có tính lãng mạn, thích mộng mơ mà những người gần bên thường chê trách. Trời sinh ra như vậy, biết làm sao?

Cha mẹ mất sớm lúc cô bé mới bẩy tuổi. Thế là từ đấy cô bé Trà Mi bước vào cuộc đời đen tối. Hai bên nội ngoại, ông bà cũng chẳng còn ai. Cô bé được gửi đến nhà chú thím. Chắc chú cũng thương đứa cháu nhỏ, nhưng quyền hành trong gia đình trong tay thím. Khác máu, tanh lòng. Thím coi bé Trà mi như người ở đợ. Những công việc vặt vãnh Trà Mi gánh hết. Hầu hạ thím và các em chú bác như "con sen". Bằng chừng ấy tuổi mà nào giặt giũ, lau chùi quét dọn nhà cửa... Tất cả những việc vặt vãnh trong nhà bé Trà Mi gánh hết. Bữa cơm cũng không được ngồi cùng bàn với cả nhà, có chăng ngày giỗ. Họ hàng đến đông đủ. Thím gọi con bé lên để bà con ca ngợi lòng tốt của hai vợ chồng. Chú ngượng ngùng. Nhiều khi tránh mặt cháu. Trà Mi chỉ sung sướng những lúc cắp sách đến trường. Cô học giỏi, văn viết trôi chảy, xuất khẩu thành thơ. Nhưng, Trà Mi vẫn lo lắng vì không có thời giờ cho việc học. Chỉ tới khuya cô bé mới có chút thời giờ học bài. Thày, cô quan tâm đến Trà Mi, thương con bé lắm. Cô giáo hướng dẫn nhiều lần muốn đến thăm gia đình chú thím để thuyết phục họ xin học bổng cho Trà Mi vì con bé thông minh, học giỏi, đủ điều kiện nhưng con bé vẫn tránh né vì sợ bà thím, vì danh dự gia đình.

Cứ thế...cứ thế... thời gian trôi...

Trà Mi hai mươi tuổi khi nàng bắt đầu thi đậu vào trường Sư Phạm tại Sài Gòn. Nơi đây, nàng gặp Vân Họa. Anh chàng đẹp trai, nghiêm nghị, ít nói. Vân Họa kín đáo trong lối sống, chừng mực khi hành xử việc gì. Luôn luôn nhìn thẳng về phía trước như không bao giờ thèm chú ý đến ai, như có một tâm sự u uẩn. Hai người cùng chung lớp, cùng để ý tới nhau. Vân Họa chiếm được cảm tình của cô gái. Tuy không hò hẹn nhưng Vân Họa nghĩ rằng Trà Mi là của riêng chàng. Ngày tốt nghiệp, Vân Họa cho Trà Mi hay ý định hỏi cưới nàng làm vợ. Trà Mi nhận lời. Nàng nghĩ đây là cách tốt nhất để xa rời gia đình chú thím mà không làm họ mích lòng. Đây là cớ duy nhất để con chim non được xổ lồng đi tìm một chân trời mới. Nàng đang mơ một tương lai rực rỡ. Một gia đình với đàn con kháu khỉnh. Nàng sẽ làm thơ ca tụng hạnh phúc lứa đôi.

Mười lăm năm trôi qua... Hai vợ chồng Trà Mi vẫn chưa có đứa con trong mơ ước! Vân Họa không thể có con. Trước khi lấy vợ, chàng là một tay chơi có hạng, chàng

mắc bệnh và tuyệt tự luôn! Thuốc thang thế mấy vẫn không thể chữa trị. Vân Họa biết điều đó nhưng trước sau chàng vẫn dấu Trà Mi. Chàng cần một người vợ hiền thục, biết lo cho chồng. Chàng cần người nâng giấc, săn sóc khi bệnh hoạn. Vân Họa chọn Trà Mi sau khi tra hỏi kỹ lưỡng về cô gái mồ côi đang tá túc tại nhà chú thím thiếu thốn tình thương yêu, cực nhọc về vật chất. Hơn thế nữa, Trà Mi có học, biết chịu đựng. Chồng là trên hết! nàng trông nom săn sóc Vân Họa tận tình! Những tưởng hai vợ chồng yên vui, hạnh phúc với đàn con. Nàng vẫn yêu thích trẻ nhỏ. Nàng biết đâu con đường nàng đang đi là con đường chông gai, không phải là con đường đầy hoa thơm như nàng mơ tưởng.

Ba năm chung sống, Trà Mi đã biết rõ tính chồng. Con người nghiêm túc, trọng đạo thánh hiền là thế mà sao khó khăn nhiều khi đến mức tàn bạo! Con người trông điềm đạm, thanh lịch bên ngoài mà sao độc đoán đến mức bất nhẫn! Trời ơi! Vân Họa chi tiền cho vợ hằng ngày đến trường dạy học bằng xe bus, đưa tiền từng bữa cơm rất chi ly, tính toán từng chút cứ như là sẻnh ra Trà Mi sẽ bớt tiền bỏ túi. Nàng rầu rĩ, tủi hổ mà chẳng dám hé răng. Tiền dạy học hàng tháng Trà Mi đưa hết cho chồng. Bao giờ Vân Họa cũng đi mua sắm cho vợ từng chiếc quần, tấm áo. Chàng muốn nàng phải ăn mặc theo ý chàng. Trà Mi chỉ có hai thứ màu trên mình, nâu và xám. Vân Họa cho thế là nhã nhặn, lịch sự. Trà Mi chưa bao giờ được mặc một chiếc áo dài màu sắc lộng lẫy, bắt mắt. Đôi khi nhìn người ngoài phố, nàng buột miệng khen. Vân Họa khóa miệng vợ, một lời buông thõng: "Ăn mặc như gái ăn sương". Thế là hết vòi vĩnh, xin xỏ. Bạn bè cùng trường nhiều khi tặng Trà Mi dăm thước lụa hoa màu tím lợt hoặc vài thước lụa màu ngà. Những cái đó cũng không làm hài lòng ông chồng khó tính của nàng. Vân Họa vẫn cho là lòe loẹt, nhà quê. Đối với chàng, nước da và vóc dáng nàng hợp với màu gụ và màu chàm. Thôi thì đành chiều lòng chồng cho êm thấm nhà cửa, khỏi nghe những câu chì chiết cay độc mà Trà Mi sợ đến run người.

Mỗi chiều đi dạy học về, nàng vùi đầu trong bếp. Vân Họa chỉ thích ăn cơm với cá bông kho tiêu, đậu kho, dưa muối. Hai vợ chồng ăn uống đạm bạc đã thành nề nếp. Nhiều khi Trà Mi thèm miếng thịt nhưng nàng không dám mua vì bộ mặt khó đăm đăm của chồng những khi không đúng ý chàng.

Riết rồi hai vợ chồng sống trong cảnh "đồng sàng, dị mộng". Trà Mi cảm thấy buồn mỗi khi bước vào nhà, cảm thấy sợ khi nghe tiếng khóa mở, tiếng chân Vân Họa quanh quất bên mình. Mỗi lời nói chàng thốt ra là một mệnh lệnh, nàng chỉ cúi đầu phục tòng như nàng vẫn quen phục tòng từ hồi còn nhỏ khi ở với chú thím. Nàng chỉ mong có sự đổi thay, một phép lạ nào làm nàng có cái gì bám víu để sống, một đứa con.

Ngày ấy … rồi cũng đến…

Căn nhà nhỏ của hai vợ chồng Vân Họa có 4 phòng. Hai phòng dưới nhà là phòng khách và bếp. Hai phòng ngủ trên lầu. Vân Họa vẫn có ý cho thuê căn phòng ngủ nhỏ. Chàng đã nhắn nhe, đăng báo tìm người. Anh chàng đến thuê mới khoảng trên dưới ba mươi. Mặt mũi sáng sủa. Nói năng lễ độ, nhỏ nhẹ. Vân Họa có vẻ bằng lòng với người thanh niên không có phản ứng nào với những điều kiện chủ nhà đưa ra. Cái gì anh ta cũng gật đầu, ưng thuận.

Cung, chàng thanh niên mới tới rất thận trọng, có ý tứ đối với ông bà chủ nhà. Không có tiếng nhạc ồn ào, không có khói thuốc lá, không có bạn bè. Căn nhà yên tĩnh như trước. Sáng sớm, Cung nhẹ nhàng rời nhà. Chàng đến sở làm mãi tới chiều tối khoảng gần 9 giờ chàng mới lách cách mở khóa, lên thẳng phòng không làm phiền ai. Chàng thức khuya đọc sách. Như lời Cung nói, chàng vừa đi làm vừa đi học. Chàng đang lấy lớp văn chương Việt tại Đại Học Văn Khoa. Chàng không tò mò về đời sống của ông bà chủ nhà. Vân Họa băng lòng lắm. Trà Mi không có ý kiến. Nàng cũng họa hoằn mới gặp mặt chàng trẻ tuổi đó.

Cho đến ngày định mệnh! Cung bận học thi không tới sở làm. Chàng miệt mài trong phòng với bài vở chất chồng. Bỗng chàng nghe thấy tiếng động mạnh dưới nhà. Tiếng Vân Họa nhỏ giọng nhưng đầy uy lực "vất bỏ những đồ son phấn đi. Tôi không muốn nhìn bộ mặt tô trét gớm ghiếc như gái ăn sương. Tuần lễ này đi bộ tới trường. Cô vẫn phải về nhà đúng giờ để nấu cơm như thường lệ. Đừng có trách tôi!". Rồi, tiếng xập cửa mạnh. Im lặng! Rồi tiếng nấc nho nhỏ, ai oán… lớn dần… lớn dần…

Cảm thương, Cung không học được nữa. Chàng mở cửa, xuống nhà, lần theo tiếng khóc nỉ non. Bà chủ nhà, Trà Mi đang gục đầu trong lòng ghế dưới bếp. Cung nhè nhẹ tới gần. Nghe tiếng động, Trà Mi ngẩng phắt đầu lên. Mặt nàng chan hòa lệ. Má bên trái xưng tấy. Vết bàn tay năm ngón còn đỏ khằn. Cung khựng lại vì ngạc nhiên… vì xót thương. Chàng không ngờ một người lạnh lùng, nhã nhặn mà có hành động vũ phu xốc nổi đến thế! Phản ứng tự nhiên, Cung qùi xuống bên cạnh người đàn bà, quàng một cánh tay trên vai nàng, ve vuốt. Phản ứng tự nhiên, Trà Mi ôm chầm lấy người trẻ tuổi, nức nở trên vai chàng. Cả hai trong tư thế đó không biết bao lâu… Chỉ biết khi họ rời nhau, nhìn nhau vừa rung cảm vừa thẹn thùng sau một cái hôn dài… tưởng như bất tận!

Cung cảm nhận nơi người đàn bà trí thức này một tình mẫu tử bao la, một tình người sâu xa, một tình yêu thương mà chàng chưa có. Trà Mi, sững sờ vì hành động của mình. Nàng đang bị lễ giáo vò xé. Nàng đón nhận nơi chàng trẻ tuổi một điểm tựa, một rung cảm mà từ ngày làm vợ đến giờ nàng chưa bao giờ được tận hưởng. Hai người quấn lấy nhau như hai con rắn trườn mình, lấy cung điệp ái ân dâng tràn như nước lũ tế thần. Cả hai đều biết họ tội lỗi. Cả hai đều biết họ mang nặng mặc cảm. Nhưng họ không thể ngưng lại… Họ là người, là những con người bình thường!

Một tuần lễ bị chồng phạt không đưa tiền để đi bus đến trường dạy học nhưng Trà Mi vẫn về nhà sớm. Nàng không phải lội bộ. Nàng đã có chàng trẻ tuổi đến đón. Họ hẹn nhau một nơi khuất nẻo gần trường. Tan giờ dạy, nàng đi bộ đến nơi Cung gác xe gắn máy chờ sẵn. Cung phóng xe đưa Trà Mi về nhà rồi chàng mới đến Đại Học Văn Khoa. Khi Vân Họa rời sở, nàng đã lo xong cơm nước chờ chồng.

Vân Họa thắc mắc với thời giờ giới hạn mà vợ mình vẫn cơm lành canh ngọt nhưng anh không gặng hỏi. Vân Hoạ vẫn vẻ coi thường vợ. Anh như không thèm để ý. Nhưng anh nghĩ phải có bạn bè cùng trường thương tình cho vợ quá giang. Anh biết Trà Mi lúc nào cũng muốn khỏa lấp đời sống riêng tư bằng những nụ cười khiến bạn bè

dù nghi ngại cũng không bao giờ dám hỏi. Thì cũng tốt cho Vân Họa thôi!

Những tuần lễ kế tiếp Trà Mi được chồng đưa tiền đi làm bằng xe bus như thường lệ. Mọi việc trở lại như cũ. Chỉ trừ Thời Khóa Biểu của Cung thay đổi. Chàng tính toán giờ giấc đi về của ông chủ nhà để có được vài giờ với Trà Mi. Họ say mê nhau. Họ cần nhau. Những giây phút thật qúy giá bên cạnh người yêu dấu mà giờ này chàng trai trẻ mới biết đến, mà giờ này người đàn bà khao khát thương yêu mới được tận hưởng. Một mầm sống bắt đầu nhú lên trong cơ thể nàng. Điều mà Trà Mi mong đợi đã mười lăm năm! Thật oái oăm! Giá nó là của Vân Họa thì Trà Mi vừa lòng biết mấy. Đằng này sự sợ hãi, lo âu cứ quay cuồng bủa vây nàng. Chẳng lẽ phá thai? Mầm sống này chính là hạnh phúc nàng đang trông tìm, hạt máu của người mà Trà Mi thương yêu và cũng là người trân trọng Trà Mi duy nhất trong cuộc đời bất hạnh của nàng. Nàng không có quyền hủy diệt nó. Nhưng còn Vân Họa? Nghĩ đến chồng, Trà Mi Sợ run lên. Đời nào Vân Họa chấp nhận bào thai tội lỗi này! Chỉ có nước trốn biệt. Họa Mi gục đầu nức nở.

Tiếng khóa lách tra vào ổ. Cánh cửa mở khe khẽ. Cung nhẹ nhàng đến bên cạnh nàng. Nàng đứng bật dậy, nghẹn ngào:

-Trà Mi đã cấn thai!

Cung ngẩn người. Chàng không ngờ kết quả cuộc tình vụng trộm mau mắn đến thế. Chàng chưa kịp nghĩ ngợi thêm, nàng đã tiếp lời:

-Chỉ có cách bỏ nhà đi!

-Cung thấy chỉ có nước duy nhất ấy. Chàng cố tĩnh trí lại. Nhưng rồi, chàng đau đớn thốt lên:

-Nhưng hai tuần nữa Cung phải trình diện nhập ngũ. Làm sao bây giờ?!

Như bị một gáo nước lạnh dội vào đầu, Trà Mi tỉnh hẳn:

-Vậy chỉ còn cách thú với Vân Họa. Nhưng từ đây cho tới ngày Cung đi trình diện mình cố tìm đường thoát. Cung ơi! Trà Mi sợ lắm!

-Tối hôm nay Cung tìm một người bạn thân gửi Trà Mi một thời gian khi Cung vắng nhà. Chờ tới ngày về, mình tính lại.

Trà Mi lắc đầu:

-Cũng phải hai tháng nữa mới thấy được cái bầu. Hi vọng thời gian sẽ tìm ra đáp số cho vấn đề nan giải này. Trà Mi chưa thấy cần phải đi đâu. Hết đường đành thú với anh ấy vậy.

- Dù sao anh ấy cũng là người.

Trà Mi lắc đầu, nhìn tình nhân:

-Cung chưa biết tính anh Vân Họa!

Những ngày sau… cuộc sống vẫn có vẻ bình thường. Ngày Cung phải đi trình diện nhập ngũ, Vân Họa bảo Trà Mi làm một bữa cơm tiễn hành người khách trọ dễ thương.

Ba người đối diện nhau trong bữa ăn. Vân Họa vẫn điềm đạm lịch sự cố hữu với khách. Cung bồn chồn. Mấy lần chàng muôn nói vì thấy vẻ êm ả trên khuôn mặt người chủ nhà. Nhưng, Trà Mi đá chân Cung dưới gậm bàn khiến chàng im thít. Lúc tiễn chân Cung ra cửa, nhân lúc Vân Họa quay vào trong nhà, Trà Mi rót nhỏ vào tai người yêu "Mình sẽ cùng bỏ chốn này ngày Cung trở về. Đừng hé môi!"

(Còn tiếp)

NGUYỄN LÂN

Bài xướng:

CHỚM THU

Chợt thấy bay qua chiếc lá vàng
Mới hay trời đã chớm thu sang
Sương buông áo mỏng trăng mờ bóng
Nắng dệt tơ thưa liễu rủ hàng
Một thoáng hương xưa buồn chất ngất
Đôi dòng thơ cũ nhớ mang mang
Bâng khuâng nghe gió chiều hiu hắt
Tâm sự vơi đầy những ngổn ngang.

Ngân Sơn
2004

Bài họa:

THU NHỚ BẠN

Nắng chớm phai và lá úa vàng
Hạ tàn, thu cũng mới vừa sang
Nhìn hoa tơi tả rơi từng đóa
Nhớ bạn bâng khuâng gửi mấy hàng
Bút mực văn chương còn bảng lảng
Nỗi niềm tâm sự vẫn mênh mang
Cánh diều thơ ấu trong tiềm thức
Trận gió điên cuồng đã xé ngang

Nguyễn Kinh Bắc
2012

Bài họa:

CHIỀU THU

Hơi thu vương vấn lá rưng vàng
Gió lạnh theo mùa nhẹ thổi sang
Bóng đổ cho dài thân bạt xứ
Chiều nghiêng thêm nhạt nắng xiên hàng
Mây trôi nước chảy sao sầu đọng
Núi lở sông mòn vẫn nhớ mang
Đêm xuống lưng trời chim mỏi cánh
Về đâu sương khói đã giăng ngang

Nguyễn Vô Cùng
2012

Bài họa:

HỒN THU

Chim hót bên song tỉnh mộng vàng
Heo may ngoài ngõ hắt hiu sang
Sương mai lạnh lẽo treo từng giọt
Nắng sớm bâng khuâng trải mấy hàng
Gối chiếc chăn đơn còn tưởng nhớ
Vai gầy tóc rối vẫn cưu mang
Hồn thu lặng lẽ không hò hẹn
Lá rụng đếm ngày trôi lướt ngang.

Nguyễn Thị Ngọc Dung
2012

ĐÔI MẮT

Riêng gửi các bạn tôi, những người may mắn còn đủ hai mắt để nhìn rõ cuộc đời.

Phương-Duy TDC



Phương từ từ mở miếng băng che mắt, sau khi được giải-phẫu thay một con mắt.

Ánh sáng tràn ngập vào mắt khiến Phương cảm thấy cay và chói. Phương nở một nụ cười mãn nguyện khi nhìn được cảnh quang trước mắt. Những tấm tranh treo trên tường như mỉm cười với Phương sau một thời-gian dài, chàng đã không thể nhìn thấy chúng.

Chàng đi vào phòng tắm, soi gương để nhìn rõ con mắt mới thay như thế nào. Trước tấm gương lớn, hiện ra khuôn mặt chàng với một con mắt xanh trong veo của một phụ-nữ. Chàng sung sướng biết rằng từ đây chàng đã thực sự chấm dứt chuỗi ngày sống âm thầm trong bóng đêm mịt mù, cô-đơn và buồn thảm của người khiếm-thị. Nhưng trong nỗi vui vô bờ ấy, Phương còn mang một thắc mắc lớn: Ai là chủ-nhân của con mắt xanh kia? Người nào đã cho chàng món quà quý giá nhất trên cõi đời này? Chàng rất muốn biết.

*

Phương đến Mỹ năm 1975 khi miền Nam bị Cộng-sản cưỡng chiếm. Sau khi ổn định tinh-thần và cuộc sống, chàng miệt mài học hành để đạt được ước mơ về học-vấn: chàng tốt-nghiệp Kiến-trúc-sư như mộng ước khi còn ở bậc Trung-Học. Chàng có công việc tốt, bên những người bản xứ da trắng. Cuộc đời chàng đang có chiều hướng đi lên rất thuận lợi. Nhưng cay nghiệt thay, trong một tai nạn bất ngờ, chàng đã bị mù cả hai mắt. Từ đó, Phương sống âm thầm trong bóng tối, dù đã có nhiều lúc chàng chán nản, muốn tự-tử. Nhưng rồi, chàng lại nghĩ rằng tự-tử là hèn nhát, khi chỉ vì đôi mắt, mà chàng lại hủy hoại tấm hình hài của mẹ cha sinh ra, ở nơi đất khách quê người, để cha mẹ già phải buồn đau khóc hận nơi quê nhà.

Rồi ngày qua ngày, Phương quen dần đời sống giới-hạn của người khiếm-thị. Chính âm-nhạc đã giúp chàng vượt qua chặng đời đáng chán này. Hết nghe nhạc classics, chàng lại nghe nhạc êm dịu, nhạc tình-cảm để mơ mộng về một thế-giới thần-tiên của những ngày đôi mắt còn nhìn thấy mọi vật, mọi người. Đúng rồi, những năm tháng ấy quả thật thần-tiên với một người đã mất thị-giác như chàng. Bây giờ chàng mới biết quý, thì đã muộn rồi. Chàng chỉ còn biết hoài-niệm dĩ-vãng xa xưa...

Nghe lời khuyên của một người thân, Phương trông đợi sự tiến-bộ của y-học nước Mỹ sẽ có thể đem lại ánh sáng cho người mù trong một ngày không xa. Bây giờ, chàng gom góp số tiền dành dụm được

trong mười tám năm qua, để hy-vọng một ngày nào đó, với số tiền này, chàng có thể tiến tới việc thay mắt khác. Chàng ghi danh ở một bệnh-viện lớn để có tên trong danh-sách những người chờ thay mắt. Chàng chờ đợi trong niềm hy-vọng.

Cho đến một ngày trước lễ Giáng-Sinh, một tin vui đã đến với Phương. Chàng đã đượcbệnh-viện báo tin đã đến lượt chàng được thay mắt. Chàng vui mừng phấn khởi trong niềm tin tưởng vào sự tiến-bộ của khoa-học, đã thay được những bộ-phận hư hỏng của con người. Thời-gian qua, tính bằng năm, mà chàng đã thấy qua đi nhanh chóng, nhưng nay chỉ chờ hai tuần lễ để vào bệnh-viện thay mắt, chàng đã thấy thời-gian dài lâu hàng thế-kỷ!

Rồi ngày giải-phẫu thay mắt cũng đã đến. Một ngày trọng đại nhất của cuộc đời Phương.

Phương nằm trên giường được cô y-tá Mỹ đẩy vào phòng mổ, chàng lâm râm cầu nguyện.

Bỗng một giọng đàn ông Mỹ bập bẹ câu nói tiếng Pháp một cách khó khăn, để hỏi chàng trước khi gây mê:

"Parlez-vous francais?"

Tuy ngạc nhiên, nhưng là "dân trường Tây" khi còn học ở Việt-Nam, nên theo phản-xạ, Phương trả lời nhanh:

"Oui, Docteur!"

Rồi Phương chìm vào cơn mê khi thuốc mê đã thấm vào mắt chàng. Có lẽ cuộc giải-phẫu đã diễn ra vài giờ, mà chàng đâu có biết.

*

Phương nghiêng đầu ngắm nghía đôi mắt của mình. Chàng mỉm cười với mình trong gương soi:

Bên phải: một con mắt giả, vô tri vô giác.

Bên trái: một con mắt thật, nhưng không phải mắt đen của người Đông-Phương, mà là con mắt xanh của một phụ-nữ Tây-Phương.

Chàng ước ao được biết tên ân-nhân của mình, và nếu được thì chàng tò-mò muốn biết vì sao "nàng" đã cho con mắt này và sao lại chỉ có một con mắt? Và con mắt còn lại kia đâu rồi?

Thắc mắc này cứ vương-vấn mãi trong trí chàng, mỗi khi đứng trước gương nhìn ngắm đôi mắt "so-le" của mình.

Một ngày hè, chàng đang phơi mình trên bãi biển Santa Cruz. Nhìn ra phía xa biển Thái-Bình-Dương, từng đợt sóng trắng vỗ vào bờ cát vàng. Chàng nghĩ đến cha mẹ già cách xa nửa vòng trái đất. Chàng che mắt nằm im nghe ngóng âm-thanh trùng điệp của trùng-dương. Rồi chàng thiếp đi trong mơ màng.

Bỗng chàng thấy một thiếu-nữ tóc hoe vàng, đôi mắt xanh biếc, thân hình với những đường cong bốc lửa, vừa bước ra khỏi đôi mắt chàng. Thiếu-nữ nhoẻn cười, nói với chàng bằng tiếng Pháp, giọng nói trầm ấm của một cô "đầm" chính hiệu:

"Bonjour! Tôi xin tự giới-thiệu tôi là Marie, một cô gái Pháp."

"Còn tôi, Phương, một người Việt-Nam. Rất hân-hạnh được quen biết với cô. Xin cho phép tôi hỏi một câu: Cô là ai? Sao lại từ trong mắt tôi bước ra? Lần đầu tiên tại Mỹ, tôi được nghe tiếng Pháp thốt ra từ miệng một thiếu-nữ xinh đẹp như cô, làm tôi nhớ lại cô giáo người Parisienne đã dạy tiếng Pháp cho tôi khi tôi còn học ở trường Providence ở Huế. Giọng cô giống hệt giọng của Madame Mouter thuở xưa dạy tôi."

"Tôi à? Tôi... Em là người mà từ lâu anh muốn biết. Vì chính em đã hiến tặng

cho anh con mắt xanh đấy. Anh nhìn như thế nào? Có tốt không?"

Phương kêu lên kinh ngạc:

"Trời ơi! Sự thật hay là tôi mơ đây? Có phải tôi đã gặp ân-nhân của tôi rồi không? Cầu trời cho đây là sự thật, để tôi có thể nói lên lời đa tạ tấm lòng vị-tha quý báu của cô."

"Anh khách sáo quá! Có gì mà anh phải cảm ơn. Như em đã giới-thiệu với anh. Em là Marie, hai mươi sáu tuổi. Cách đây một năm, sau khi tốt-nghiệp ban Triết-Học và Văn-Chương ở trường Sorbonne Pháp, em sang Mỹ vừa du-lịch mà cũng vừa tìm trường để có thể học thêm những ngành mà em thích.

Chẳng may em bị tai nạn xe hơi và thương tích quá trầm-trọng. Biết mình không thể qua khỏi, nên em đã viết giấy ghi lại nguyện ước cuối cùng của em là hiến đôi mắt của em trước khi qua đời cho ai bị hư mắt, cần phải thay mắt, với một điều-kiện duy nhất: chỉ cho mắt người nào biết nói tiếng Pháp và chỉ cho mỗi người một con mắt thôi. Tức là đôi mắt của em sẽ đem lại ánh sáng cho hai người khuyết-thị. Nghĩa là em muốn đôi mắt của em sẽ tiếp tục được "sống" sau khi em chết đi. Với đôi mắt của em, sẽ đem lại sự hạnh-phúc cho hai người kém may mắn.

"Marie! Bây giờ tôi mới hiểu vì sao ông bác-sĩ Mỹ đã hỏi tôi câu tiếng Pháp trước khi thay mắt cho tôi."

"Vâng. Đó là điều-kiện duy nhất để anh có thể nhận được con mắt của em. Nếu không, chắc anh sẽ được thay bằng một con mắt khác."

"Quý hóa thay tôi đã được mang một con mắt của một người dân của Kinh-Đô Ánh Sáng! Ngay từ khi còn đi học, tôi đã mê những bài học về nước Pháp. Nhất là Paris, thủ-đô của văn-học nghệ-thuật thế-giới. Tôi đã mê vườn Luxembourg, nhà thờ Notre Dame de Paris, điện Panthéon, sông Seine, khu Saint-Germain-des-Prés và nhiều, nhiều nữa những thắng-cảnh cuả nước Pháp đã là giấc mơ tuổi trẻ của tôi."

"Thì bây giờ, với con mắt của em, anh đã có thể thấy những cảnh vật ấy một cách rõ ràng, nếu anh muốn."

Biển chiều đột nhiên trở lạnh. Marie rùng mình, so đôi vai, đôi mắt mơ hồ nhìn ra xa. Phương chợt hiểu, và chàng đã cởi chiếc áo jacket mỏng choàng lên vai nàng. Marie xích lại gần Phương hơn để thêm chút hơi ấm. Hai người cùng im lặng dõi mắt ra xa để nhìn từng đợt sóng vỗ vào bờ, tăng cái lạnh của buổi hoàng-hôn trên bãi biển. Marie đột ngột đề-nghị:

"Anh có thể đưa em về nhà không? Em không chịu được lạnh."

Phương hớn-hở như đứa trẻ được quà. Chàng đưa Marie về nhà.

Bước vào căn nhà của Phương, chợt Marie "ồ" lên và nói với giọng ngạc nhiên: "Nhà anh đẹp quá! Đúng là tổ ấm của một kiến-trúc-sư."

Giữa phòng khách, một chiếc "piano à queue" làm tăng thêm vẻ sang trọng của căn nhà. Nàng liếc nhanh về góc phòng, một tủ sách đầy những sách đóng gáy vàng và những cuốn tạp-chí.

Nàng bước đến gần và reo lên:

"Anh cũng thích tạp-chí Playboy à?"

"Vâng. Tôi mê đọc tạp-chí Playboy từ khi còn đi học ở Việt-Nam. Qua đến Mỹ tôi là một độc-giả dài hạn của tạp-chí này liền. Đến nay, tôi đã có hơn ba trăm số rồi." Marie nhìn chồng tạp-chí chừng vài chục cuốn, đang còn nằm trong bọc plastic mầu đen, chưa bóc ra. Marie chợt hỏi Phương:

"Mấy cuốn này mới gửi đến hay sao?"

Phương chậm rãi trả lời:

"Bốn năm qua, dù tôi bị mất thị-giác, nhưng tôi vẫn tin có một ngày nào đó, trong tương-lai, mắt tôi sẽ nhìn thấy được. nên tôi vẫn tiếp tục cất giữ Playboy để ngày nào đó, sẽ đọc được. Nay là lúc tôi sắp lần lượt bóc nó ra và nhìn những hình ảnh mà tôi đã một thời yêu thích."

Marie cúi xuống, cầm những cuốn Playboy lên và nàng xé những bao plastic bọc ngoài, rồi theo thứ tự năm, tháng, nàng tiếp tục xếp lên tủ sách của Phương.

Phương đến ngồi trước đàn dương-cầm và chàng bắt đầu dạo bản nhạc "La Marseillaise" như một ý nghĩa chào mừng Marie. Nàng hát theo "Allons enfants de la Patrie..." cùng với giọng trầm trầm của Phương.

Phương triu-mến nhìn Marie và xúc-động nói:

"Cô biết vì sao tôi chào đón cô bằng bản quốc-thiều Pháp không? Vì cô là V.I.P. người Pháp của đời tôi đó!"

"Em cám ơn anh đã làm em nhớ lại quê-hương nghìn trùng xa cách của em, mà nay em không thể về thăm được."

"Marie! Còn bản nhạc này tôi sẽ đàn để tặng cô. Cô hãy lắng nghe như lời câu nguyện phước lành cho cô và tôi: "Ave Maria".

Marie biết không? Chính nhờ cây đàn dương-cầm này mà tôi sống sót đến ngày nay. Lúc mới bị mù, tôi vô cùng thất-vọng, chán nản và đã có ý định quyên-sinh, vì thấy cuộc đời xem như đã tàn phế. Nhưng khi ngồi trước đàn, đặt tay lên phím đàn, tôi lại yêu đời trở lại. Những nhạc phẩm cổ-điển đã dần dần chinh-phục tôi trở lại. Ngày xưa, khi còn sáng mắt, mỗi ngày tôi chỉ dành hai tiếng đồng hồ để thả hồn vào âm-nhạc. Khi bị mù, thì lúc nào đến với cây đàn, là tôi lại thấy tâm-hồn bay bổng theo những nốt nhạc.



Lúc mắt sáng, tôi nhìn vào bản nhạc để chơi đàn mà nhiều lúc còn sai, chưa vừa ý với những âm-thanh của mình phát ra. Còn khi mù, tai thính hơn, tay có lẽ dẻo hơn, nên khi đàn có "nét" hơn.

Và Marie biết không? Bản nhạc "Ave Maria" mỗi ngày tôi đàn đi đàn lại hơn chục lần, như đọc kinh nhật-tụng để cầu nguyện vậy. Cầu nguyện cho một ngày tôi sẽ thấy lại ánh sáng, dù chỉ còn một mắt, nhưng cũng quý giá quá rồi. Và ngày ấy đã trở thành sự thật nhờ từ-tâm của cô.

Mà cô biết không? Tên Marie của cô - cũng là Maria trong bản nhạc - người đã hiến cho tôi con mắt đẹp để cho tôi tiếp tục nhìn đời và thấy đời sống có ý nghĩa. Marie tiếp tục nghe Phương đàn thêm vài bài nhạc nữa. Hai người quay sang nói chuyện vô cùng ý hợp tâm đầu. Trước khi ra về, Marie đề-nghị với Phương: "Từ này, xin anh cho phép em thỉnh thoảng đến thăm anh, để nói chuyện với anh bằng ngôn-ngữ mẹ đẻ của em."

Nói xong, Marie khoan-thai bước vào con mắt xanh của Phương, khiến Phương ngơ ngẩn như người mất hồn.

Những ngày vui lần lượt trôi qua. Cho đến một ngày kia, Marie đưa một thiếu-nữ nói thạo tiếng Pháp đến thăm Phương với lời giới-thiệu:

"Đây là cô Jeanne, một người Canada chính hiệu. Cô nói tiếng Pháp rất sõi và là người mang con mắt kia của em."

"Chào Jeanne."

"Chào Anh. Em xin tự giới-thiệu với anh, em là dân Canada sang Mỹ du-học và tốt-nghiệp Y-tá. Em làm việc tại một bệnh-viện tại tiểu-bang California. Một ngày kia, em vào làm việc tại một phòng thí-nghiệm và chẳng may phòng thí-nghiệm phát nổ, em bị mù hai mắt. Em chờ đợi để được thay mắt trong mấy năm qua. Và em đã được ân-nhân đây cho con mắt. Em cám ơn và cầu nguyện sao cho thấy được mặt ân-nhân của em. Nay em đã được toại-nguyện. Cô đã nói với em: cô không muốn đôi mắt của cô nhìn hai hướng khác nhau. Nên hôm nay, cô đưa em lại đây để được làm quen với anh, cũng như để cho đôi mắt cô được gặp nhau. Em nhớ đến câu nói của nhà văn Pháp Saint Exupéry: "Hai người yêu nhau là hai người cùng nhìn về một hướng".

Marie tiếp lời:

"Em muốn hai con mắt của em từ nay sẽ cùng nhìn về một hướng."

Marie nhìn Phương, rồi nhìn Jeanne với đôi mắt u buồn, phảng chút dịu hiền, pha chút tinh nghịch.

Jeanne và Phương im lặng, không nói lời nào.

Qua lần gặp gỡ đó, Jeanne thường hay đến gặp Phương sau những ngày làm việc bận rộn. Và tình yêu đến từ lúc nào, không ai biết.

*

Nhân ngày được nghỉ lễ "Memorial Day" năm nay, Jeanne và Phương đã đến nghĩa-trang thành-phố Menlo Park, đặt một bó hoa tươi trước mộ-phần của ân-nhân:

"MARIE DE RAINIER

1973 –1999."

mà tối trước đó, hai người đã được Marie báo cho biết nơi an nghỉ của nàng. Bùi ngùi trước ngôi mộ của ân-nhân, Jeanne và Phương cùng nói với Marie: "Chúng tôi có ngày hạnh-phúc hôm nay là nhờ lòng bác-ái của Marie. Và chúng tôi hứa với Marie sẽ giữ cho đôi mắt này gần nhau mãi mãi."

Hai con mắt thật nhìn nhau và hai con mắt giả cũng chạm nhẹ nhau, khi đôi môi của Jeanne và Phương chợt quấn quýt với nhau.

Chiều dần xuống, nghĩa-trang vắng lặng và buồn bã. Những chiếc lá rụng được gió nâng lên và đuổi nhau chạy.

Phương nói:

"Chắc Marie cũng vui lây với "đôi mắt để lại cho đời" của mình."

Jeanne quỳ xuống, làm dấu rồi lâm râm cầu nguyện.

Tâm-hồn hai người như đang bay bổng trong một khúc nhạc đê mê không lời. Câu nói của nhà văn Saint-Exupéry thuở nào như văng vẳng đâu đây. Cùng với nhạc khúc "Ave Maria" trỗi lên trong lòng hai người, cũng như hai trái tim cùng một nhịp đập và đôi mắt cùng nhìn về một hướng.
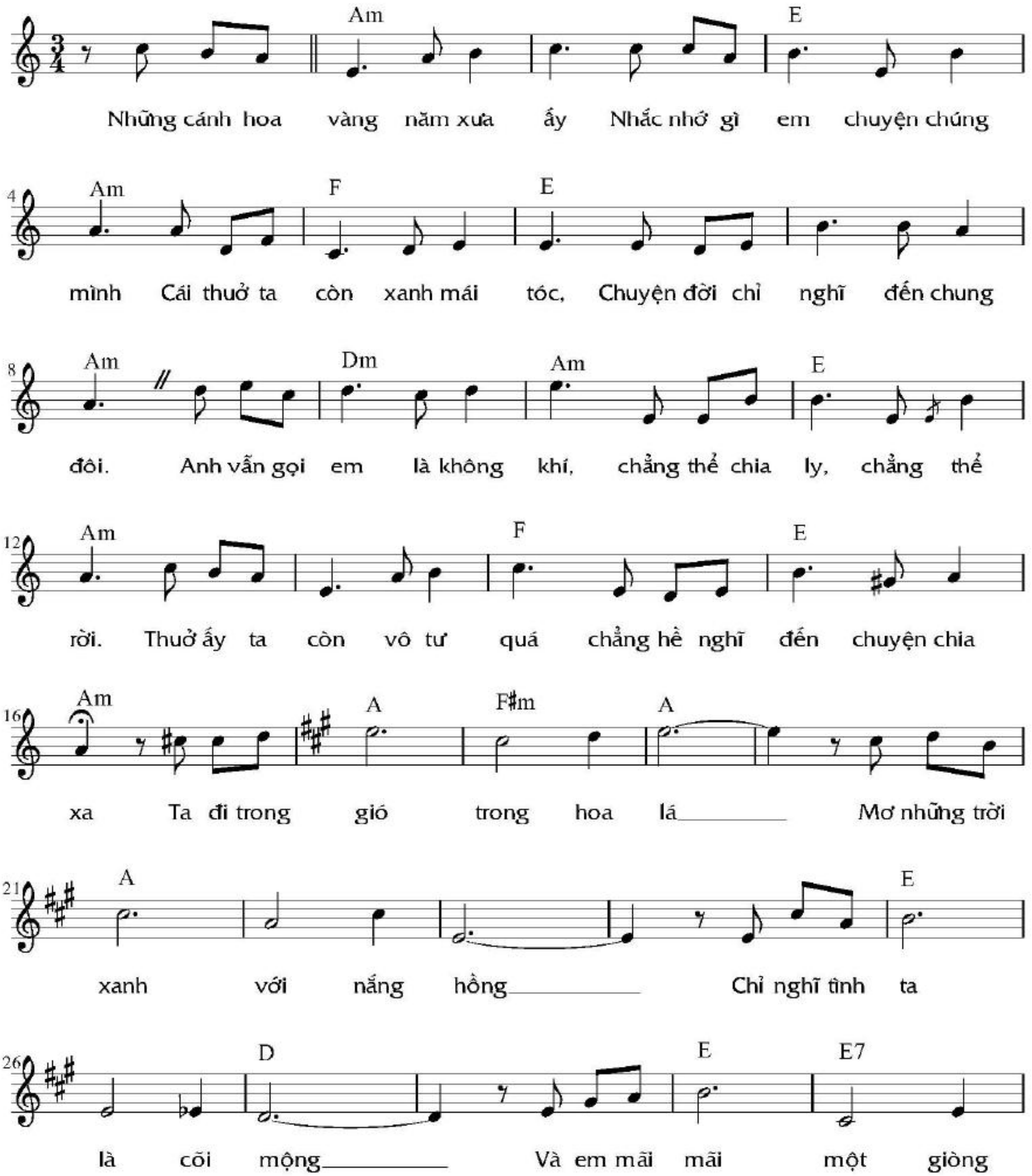
Phương-Duy TDC
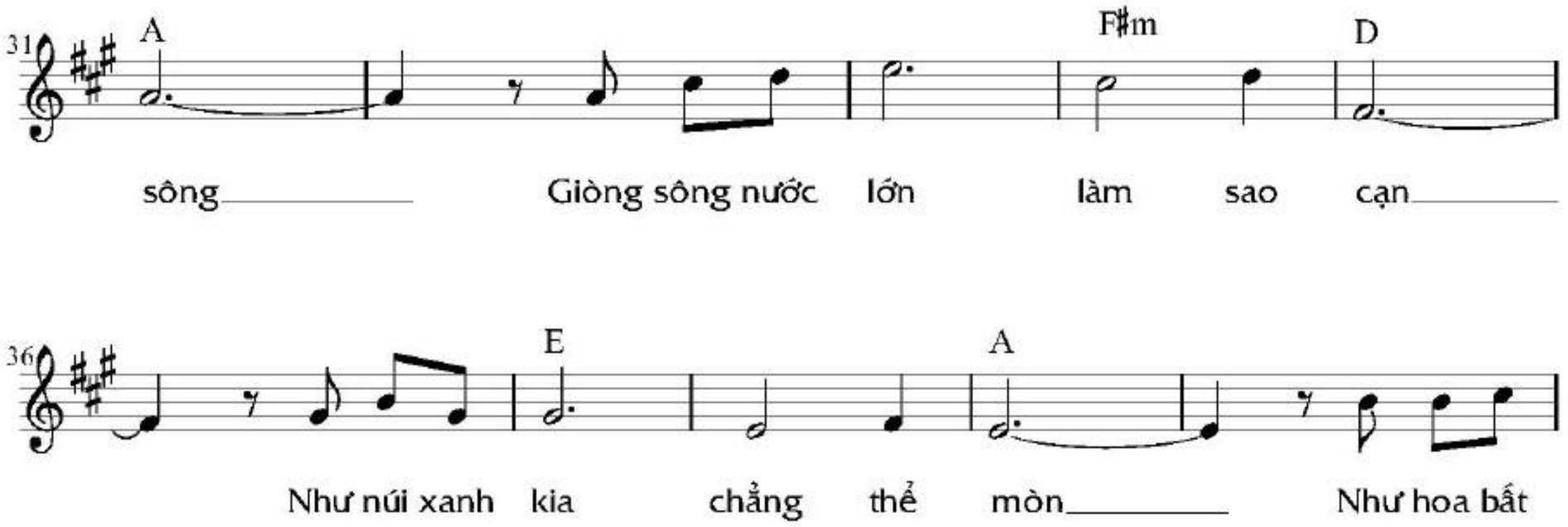
(Một Thoáng Liêu Trai)

Hoa Vàng Năm Ấy

Thơ: Hồng Thủy

Nhạc: Nguyễn Ánh 9




31
A
F♯m
D
sông Giòng sông nước lớn làm sao cạn
36
E
A
Như núi xanh kia chẳng thể mòn Như hoa bất
41
E
D
E
tử trời Đà - lạt Có bao giờ hoa
46
E7
A
Am
Am
F
nhạt màu phai Bây giờ nghĩ lại ngu ngơ quá Người xưa đã
51
Dm
Am
E
F
nói chẳng hề ngoa, Có hoa nào mà không tàn úa, Có cuộc tình
55
E7
Am Để hết
E7
F
nào mà chẳng nhạt phai. Có hoa nào mà không tàn úa, Có cuộc tình
59
E7
Am
nào mà chẳng nhạt phai.

HAI LẦN HAI MƯƠI HAI

● Trần thị Hương Cau



Vừa về Sài Gòn hôm trước, hôm sau còn đang ngủ bù thì đã bị dì Ái lên đánh thức:

- Nhơn ơi, có chàng nào tới tìm Nhơn đang đợi dưới nhà kìa. Buổi sáng anh có tới lần rồi nhưng thấy Nhơn vừa mới chợp mắt nên dì hẹn chiều. Bây giờ anh ta quay trở lại.

Ở vai vế dì nhưng tuổi của dì Ái lại suýt soát tuổi Hạnh Nhơn nên lúc nào hai dì cháu cũng thân mật như bè bạn. Dì hóm hỉnh thêm vào:

- Chàng ta xưng tên là Triệu. Nhìn bộ dạng nôn nóng của chàng dì đoán là người xưa của Hạnh Nhơn phải không (?) Úi chà chà, đàn ông mà mắt sâu như lòng giếng là yêu ai thì yêu cả đời đó nghe Nhơn.

Hạnh Nhơn tung chăn ngồi bật lên:

- Dì nói anh chờ Nhơn tí xíu, Nhơn xuống liền.

"Yêu ai thì yêu cả đời" con khỉ mốc! Hạnh Nhơn vừa bỉu môi vừa giận giỗi dặm bông phấn liên tục. Mình mới ra nước ngoài có ba tháng là hắn đã vội vàng đánh đổi bốn năm yêu đương da diết với mình để lấy Hà Linh, Phó bí thư đoàn trường, con gái cưng của Trưởng phòng Tổ chức và qua nhịp cầu quen biết đó hắn đã được giữ lại trường làm công tác giảng dạy. Thế mà sao hắn vẫn có thể mặt dạn mày dày đến tìm mình nhỉ?

Trong lá thư vĩnh biệt Triệu đã muôn ngàn lần xin Hạnh Nhơn hãy cố gắng hiểu cho hoàn cảnh khó khăn của anh để có thể tha thứ cho anh trước quyết định khiến anh cũng đau lòng không kém cô: Cha anh sau bao ngày vật lộn với bạo bịnh rồi cũng đã qua đời để lại mẹ anh với đàn con nheo nhắt mà trong đó anh lại là con trưởng. Cầm cái giấy quyết định phải đi xa mà Triệu choáng váng cả người, nếu vắng anh thì ai sẽ đứng ra chèo chống lo toan cho cả gia đình trong khi mẹ anh vì quá buồn phiền đã gần như suy sụp. Nghe lời khuyên của bạn bè, anh tìm đến gặp Hà Linh để tính chuyện lo lót. Nhưng oái oăm cho anh là Hà Linh đã không chịu lấy một xu mà sốt sắng nhờ cha cô hiệu chỉnh lại quyết định và kèm theo một lời thú nhận là cô đã làm tất cả chỉ vì một động lực tình yêu mà cô đã dành cho anh từ mấy năm qua! Những diễn biến sau đó là chuyện tất nhiên không tránh khỏi vì có tình nào là tình cho không biếu không bao giờ.

Ngày đó Hạnh Nhơn nhớ mình đã khóc hình như là gần hết nước mắt, khóc ê chề thê thảm còn hơn cả khi biết tin chồng bị tử nạn

xe hơi hồi hai năm trước. Chồng Hạnh Nhơn là giáo sư đại học người Đức, hơn cô mười sáu tuổi, rất hiền lành, đứng đắn, tôn trọng vợ nhưng trong 20 năm chung sống họ có rất ít thì giờ cho nhau vì hầu hết thời gian của ông là bay đến những hội nghị ở nước ngoài và tập trung vào những công trình nghiên cứu mà ông đam mê; Nên khi ông mất đi, để lại trong Hạnh Nhơn một niềm thương nhớ dịu dàng trân trọng hơn là nỗi đau quay quắc của kẻ bị phụ tình ...

Hạnh Nhơn chợt thấy mình thở dài. Vậy mà 22 năm đã trôi qua! Ngày ấy Hạnh Nhơn cũng vừa tròn 22 tuổi khi chia tay với Triệu. Khi nghe Hạnh Nhơn thông báo là hè này cô về thăm nhà sau 22 năm xa xứ, Sương, bạn của cô từ hồi sinh viên nay đã theo chồng sang Pháp định cư, đã không quên hỏi thăm dò:

- Mi về có ghé Triệu không, lần nào bạn bè cũ gặp nhau Triệu cũng hỏi sao ai cũng về Việt Nam chơi mà Hạnh Nhơn thì cứ ở riết bên đó hoài! Anh ấy lúc nào trông cũng buồn buồn vì nghe nói hai vợ chồng cơm không lành canh không ngọt hay sao đó. Còn con Hà Linh thì mấy chục năm rồi tính tình vẫn không đổi, chỉ có mặt mũi là khác xưa thôi. Mi về mà coi con Hà Linh bây giờ gặp ngoài đường không còn nhận ra. Ngày xưa mới ở ngoài Bắc vô vừa quê vừa xấu, bây giờ chị chàng theo phong trào các mệnh phụ đua nhau đi sửa sắc đẹp, cái gì cũng tân trang, nâng cấp lên. Ta gặp kỳ rồi thiếu điều cô nàng phải chìa chứng minh thư nhân dân ra ta mới dám tin đó là chị Phó bí thư nhà mình năm não năm nao!

Hạnh Nhơn tinh nghịch:

_Mi đã nói vậy thì ta xin rút lui trong danh dự vì mình bây giờ già cúp bình thiếc rồi, sắp được mời đóng vai chính những phim kinh dị nay mai.

Sương gạt ngang:

_Ta không tin. Mi đã từng là hoa khôi của khoa thì dù có già đi nữa nhưng vẫn còn nét đẹp quý phái mà khối quan bà trong nước có tiền vào ra mỹ viện như đi chợ để đổi đời mà vẫn không sao gột rửa được. Bọn tư sản đỏ bây giờ tiền xài như nước, ở villa giá cả ngàn cây, đi Mercedes đời mới nhất, con cái toàn gửi qua Anh qua Mỹ học, nhưng khi quan sát con người chúng, từ hành động cho tới lời nói thì vẫn không giấu được cái thành phần xuất thân hơn 90 % là từ bần cố nông đói nghèo truyền kiếp, ma mãnh điêu ngoa, nay ngồi chóp bu đê vơ vét một cách bất chánh chứ đâu phải cốt cách dòng giống, biết phân biệt cái tục cái thanh! Ông bà mình nói chẳng bỏ câu nào: Cốt khỉ vẫn hoàn cốt khỉ là vậy!

Hạnh Nhơn dí mũi vào sát gương, hài lòng ngắm nghía mình. Ừ, trang điểm xong mình cũng còn làm khối người đàn ông phải ngoái đầu nhìn lại. Từ ngày chồng chết mình đã chẳng phải trốn tránh bao nhiêu là đám vây bủa lần trong lần ngoài... Hạnh Nhơn lựa cho mình cái áo đầm sát nách màu hồng bạc đơn giản nhưng sang trọng mà cô yêu thích nhất. Chắc chắn cái áo này cô sẽ làm cho Triệu tự dằn vặt suốt đời về cái chuyện ngày xưa anh đã phụ rẫy cô.

Thật vậy, Triệu đã đứng há hốc khi thấy Hạnh Nhơn bước ra. Anh vẫn thường hình dung ra Việt kiều nào cũng béo tốt, chảy mỡ nhưng Hạnh Nhơn thì không, cô có già đi nhưng so với đám bạn cùng khóa thì Hạnh Nhơn trông như chỉ chồng lên mười tuổi. Còn dung nhan thì có phần liêu trai nồng nàn hơn cả ngày xưa khi cô hãy còn là cô sinh viên mới, thủ thỉ đứng cạnh Sương dưới rặng trúc đào mà anh gặp lần đầu trong giờ giải lao...

Sương hớn hở gọi anh đến giới thiệu vì

Sương ở cùng xóm với Triệu:

- Anh Triệu học trên bọn mình một lớp, còn đây là Hạnh Nhơn bạn em. Bọn em vừa có hai giờ lịch sử đảng, nên nhức đầu như búa bổ. Chỉ có đồng chí giảng viên và đồng rận Hà Linh là khí thế bừng bừng, kẻ tung người hứng không biết mệt mà thôi. Còn anh, anh đi đâu mà mặt mày ngơ ngác như một gã từ quan lên non tìm động hoa vàng vậy?

Triệu trả lời Sương mà mắt anh lại thăm thẳm hướng vào Hạnh Nhơn:

- Anh có giờ mỹ học công nghệ với thầy Lưu. Thầy không bắt học mà cho cả lớp ra sân trường tìm cái đẹp hiện hữu chung quanh ta... và may mắn là anh đã tìm thấy.

Tim Hạnh Nhơn như bị cộng hưởng, thôi thúc đập dồn. Trong sự run rẩy của cảm xúc, Hạnh Nhơn chơi vơi như nụ hoa hàm tiếu sau bao ngày e ấp, nay háo hức bừng nở tỏa ngát hết sắc hương khi được đắm mình dưới tia mặt trời cháy bỏng là những tia nhìn ấm áp từ mắt Triệu. Từ đó họ trở thành một đôi đẹp nhất trong trường. Họ luôn luôn tự hào về nhau vì cả hai không những chỉ đẹp, mà còn học xuất sắc và tài hoa. Hạnh Nhơn là tay vẽ chính cho báo tường còn Triệu thì chơi được đủ thứ nhạc cụ từ trống tới đàn dương cầm; Thứ nào anh biểu diễn cũng làm bao cô sinh viên xao xuyến, trộm nhớ thầm yêu. Nhưng kèn Saxophone là thứ mà Hạnh Nhơn mê nhất, lúc chỉ có hai người cô thường bắt anh chơi những bài cô yêu thích và chỉ riêng cô được thưởng thức tiếng kèn réo rắc của anh mà thôi. Bao nhiêu là kỷ niệm nồng thắm trong kho tàng vàng son của hai đứa: Những mùa xuân náo nức hội hè, những mùa hè lo âu thi cử, những mùa thu lang thang đắm mình trong mưa bụi mơ màng và mùa đông đưa nhau về với một vòng tay ôm ấm áp bịn rịn không muốn rời xa. Ngày xưa, chao ơi, cái ngày xưa đắm đuối trong biển tình hun hút với Triệu sao mãi mãi cứ đeo đẳng trong đầu Hạnh Nhơn để cô không phút nào được thảnh thơi khi nghĩ tới Triệu mà không thấy hậm hực dù đã 22 năm xa cách! (Có vậy mới biết đàn bà là chúa thù dai, họ không nhớ những niềm vui sướng mà người đàn ông đã đem lại cho họ mà chỉ ghim sâu vào đầu những việc mà người đàn ông đã làm họ đau lòng!)

Hạnh Nhơn hả hê đọc được vẻ ngưỡng mộ trong cái nhìn của Triệu khi mắt anh trượt từ gương mặt được tô diểm tuyệt mỹ đến thân hình thanh tân dong dỏng và cuối cùng đậu lại trên đôi chân dài trắng muốt của cô. Điều đó khiến Hạnh Nhơn cảm thấy mình trở nên chủ động và duyên dáng hơn khi tiếp chuyện với anh. Triệu ngồi đó, bơ phờ thảm hại và bối rối chờ đợi một lời trách móc của người xưa nhưng Hạnh Nhơn không còn là cô bé ngờ nghệch hay giỗi hờn nữa. Thật tình trước khi về thăm nhà, Hạnh Nhơn không có ý tìm gặp lại Triệu, nhưng tự anh đã tìm đến, đánh thức những phiền muộn mà anh đã gây lên ngày xưa, khiến bản tính được chì chiết, dằn vặt tên tội phạm lại bùng cháy lên trong lòng Hạnh Nhơn. Có nhiều cách làm đau lòng nhau êm ái, chẳng hạn như khen ngợi Hà Linh không tiếc lời khi nghe Triệu kể trọng trách mà vợ anh đang đảm nhiệm cũng là một trong những đòn phép để đày đọa đối phương. (Thậm chí nhiều khi khiêm nhường ở đây lại còn quá cha tự cao tự đại vì tôi biết tôi có giá hơn vợ anh cả ngàn lần):

- Vậy anh Triệu là số một rồi. Vợ vừa đẹp vừa thành đạt trên đường danh vọng, bạn bè mình ngày xưa có ông nào được như anh đâu. Hạnh Nhơn thì vụng bắt chết, lấy chồng 20 năm là làm bạn với ông Táo cả 20 năm. Cả đời chưa kiếm được một đồng, một xu để phụ cho chồng, chưa làm được một việc cỏn con nào để chồng nở mặt nở mày được cả!

CHUNG ĐIỆU NHỚ

Thu ở đó vẫn còn vương vấn lạ
Buồn nơi đây lây lất mãi không thôi
Thời gian qua như gió thoảng mây trôi
Bờ sông vắng,khói sương mờ nẻo tịnh.

Làm khách lạ giữa quê hương câm nín
Gót chân khua thê thiết gõ trong hồn
Tìm bạn bè, giờ lưu lạc mười phương
Ôm kỷ niệm để vỗ về quá khứ.

Huế còn thương cùng sông Hương núi Ngự
Ai chờ ai trên bến đợi chiều xưa
Mùa Thu về rào rạt những cơn mưa
Đêm lặng thầm, không tiếng chuông Thiên Mụ.

Tầng tháp cổ trơ vơ từ dạo đó
Mây bay qua mà ngỡ đã xa đời
Nén hương thầm tưởng niệm đến Thầy tôi
Nghe cảm xúc như hồi còn niên thiếu.

Mơ một ngày có cơ duyên huyền diệu
Người với người chung điệu nhớ Nam Ai.

Maryland, chớm Thu 2012
Đăng Nguyên

Triệu nhìn Hạnh Nhơn đầy trách móc vì sự từng trải đã cho anh biết cô nói không thật lòng:

- Hạnh Nhơn cũng đã lập gia đình chắc Nhơn thừa biết hôn nhân mà không có tình yêu thì làm sao hạnh phúc cho được!

Hạnh Nhơn định đốp Triệu một câu thắm thía: "Hình như đàn ông nào vắng mặt vợ cũng ca cái bài cũ rang cũ rích đó" nhưng nghĩ lại thấy tàn nhẫn quá nên cô chỉ cười cười :

-Ông nhạc sĩ Vũ thành An có viết một câu hay lắm: Hãy cố yêu người mà sống, lâu rồi đời mình sẽ qua.

Triệu buồn buồn nói nhỏ:

- Biết là chuyện đã cũ lắm rồi nhưng anh vẫn muốn xin lỗi Hạnh Nhơn lần nữa. Mấy năm sau mẹ anh qua đời, nhưng khi còn sống bà vẫn thường trách anh đã làm em đau khổ nên bây giờ quả báo nhãn tiền bắt anh phải sống bất hạnh với Hà Linh. Chắc Nhơn cũng còn nhớ, ngày xưa em đến chơi nhà anh, mẹ anh lúc nào cũng thương và coi em như là con gái của bà.

Chuyện gì mà phải viện tới hai bậc sinh thành thì không phải là chuyện để đùa cợt nữa rồi. Lời ân hận thật thà khiến cơn bực bội của Hạnh Nhơn bị bốc hơi nhanh chóng. Hạnh Nhơn chợt thấy mình thật vô duyên, mình còn quyền hạn gì nữa mà cứ đi làm khổ người ta. Dao găm, lựu đạn thủ trong người định hăm he đi trả thù tên bạc tình nay rã rời bải hoải. Hạnh Nhơn ơi, cơn bão tình tàn phá đời mi đã chạy tít ra tận chân mây xa mù sao mi cứ mãi đăm đăm ôm lòng oán trách. Tốt hơn hết hãy hưởng thụ tháng ngày bình yên, không phải lo toan phiền muộn vì những chuyện gia đình trúc trắc, xào xáo như chị em hay bạn bè chung quanh mình. Từ ngày chồng chết mình đã sống thong dong biết là bao, ngày nào cũng ôm giá vẽ đi lang thang tìm nguồn cảm hứng, còn cần người tán gẫu thì anh chị em, bạn bè trong câu lạc bộ họa sĩ lúc nào cũng nồng ấm săn sóc cô. Thậm chí có người còn đề nghị cô dọn đến ở chung với họ cho bớt cô quạnh đều bị Hạnh Nhơn từ chối vì cô rất tha thiết với sự thoải mái của mình, chưa sẵn sàng cho một cuộc

ràng buộc lần thứ hai nào cả.

Lần về nước sau 22 năm đi xa này, Hạnh Nhơn đã không dự định tìm gặp lại Triệu vì cô đã có 20 năm hạnh phúc tràn trề với chồng đến nỗi đôi khi cô đã thầm hỏi: Chắc gì ngày xưa mình với Triệu nên chồng nên vợ rồi sẽ êm ả như vầy! Coi như mình và Triệu không còn nợ nần gì nhau cả. Những ngày xanh tình xanh học trò thơ mộng ngát hương ấy không thể hàn gắn được thì nên xếp lại, hay tốt hơn nữa là hỏa tán đi cho bay mất mọi dấu tích để lòng được thanh thản như bạn bè trong ngày hội ngộ. Tại sao không nhỉ...

Hạnh Nhơn chợt dịu dàng như bóng mây che rợp mặt trời bỏng rẫy:

- Chuyện xưa quá rồi. Thôi, chúng mình nghéo tay nhau là không nói chuyện cũ nữa nha anh. Mình nói về chuyện khác đi.

Câu chuyện được xoay qua hỏi thăm bạn bè, thầy cô ngày xưa, ai còn ai mất, ai thong dong ra nước ngoài, ai chật vật ở lại. Lúc chia tay, Triệu trở nên ngập ngừng:

- Còn một chuyện này... Hà Linh, cô ấy bảo anh tìm mọi cách mời em ngày mai ghé nhà chơi cho biết.

Hạnh Nhơn hơi đắn đo. Mình với Hà Linh hồi còn đi học hầu như lửa và nước, như đêm và ngày, như đen và trắng, hôm nay cô ta có uống nhầm thuốc hay không mà lại mời mình đến chơi?

Để cân bằng lại những mặc cảm cá nhân là vừa ngu vừa xấu, Hà Linh đã cậy quyền con ông cháu cha cũng như lý lịch chính trị của mình để ra uy với bạn bè chung quanh bằng thái độ lên mặt vừa hung hăng vừa hù dọa, bắt buộc họ phải khiếp sợ lòn cúi trước cô. Đứa nào mà không phỉnh nịnh, làm tay chân mật thám cho cô thì coi như cuộc đời của đứa đó sau khi học xong chắc chắn là lên xứ khỉ ho cò gáy mà chôn đời. Hạnh Nhơn biết điều đó nhưng cô có cái tự trọng của cá nhân mình, cô đẹp, học rất giỏi, được thầy yêu bạn mến vì cô lúc nào cũng tận tình giúp đỡ phụ đạo cho bạn bè trong mọi môn học khi họ cần đến, thì việc gì cô phải đi bợ đỡ Hà Linh. Thái độ của Hạnh Nhơn lúc đó là lãng tránh Hà Linh tuy trong thâm tâm cô vừa sợ hãi lẫn khinh ghét con người lố bịch, dần độn đó. Về phía Hà Linh thì lúc nào cũng sùng sục tìm cách xoi mói, truy tìm một sai lầm nào đó của Hạnh Nhơn nhưng Hạnh Nhơn khôn ngoan vừa giữ mình vừa tránh xa vùng tai mắt của Hà Linh nên khi phê bình Hạnh Nhơn, Hà Linh không tìm được lý do nào hơn là: Kiêu kỳ kiêu tiêu tư sản, thụ động trong công tác phấn đấu chính trị, không hòa đồng vào tập thể... Ngày Hạnh Nhơn xin nghỉ học để đi đoàn tụ gia đình, Hà Linh đã không hết lời xỉ vả cô:

- Đồ cái thứ con ngụy ấy thì trước sau gì cũng phản bội tổ quốc để chạy theo liếm giày bọn đế quốc. Chỉ tiếc là chúng ta không phát hiện ra sớm để đào thải chúng ra khỏi mái trường xã hội chủ nghĩa vừa hồng vừa chuyên của chúng ta. Chúng ta đã quá nhân đạo khi khoan dung cho cha anh của bọn đó và cung cấp kiến thức khoa học kỹ thuật cho chúng để bây giờ chúng lại đem chất xám được chúng ta trang bị sang phục vụ cho bọn tư sản (!)

Hà Linh ơi, cái mà cô gọi là khoa học kỹ thuật trang bị cho sinh viên ở trong nước mình mà đem ra xứ người thì đã lạc hậu cả trăm năm, chưa kể thời kỳ khó khăn sau năm bảy lăm, sinh viên lên giảng đường mà bụng đói kêu ột ột, mỗi tháng tám ký gạo, tám ký bo bo và 250g thịt mỡ thì chưa ho lao đã là may lắm rồi, dư đâu ra chất xám mà phục vụ cho đế quốc đây hở Hà Linh? Sau đó lại thêm chuyện Hà Linh phù phép để giành giật Triệu khiến giờ đây Hạnh Nhơn hết sức ngỡ ngàng khi nhận được lời mời. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại theo kiểu các anh chị sang hợp tác lao động là

không chết thằng tây nào cả nên đàn bà trong nước mà còn nghĩ "thoáng" như thế huống hồ mình lại từ ngoại quốc về, mình sử dụng đồng Euro có giá trị cao thứ hai trong các ngoại tệ, tại sao mình lại rụt rè mà không dám đối đầu với địch thủ nhỉ. Hạnh Nhơn cười tươi tắn, bắt chước văn chương của Hồ Biểu Chánh:

- Không lẽ Linh thất công mời mà Nhơn lại không thất công cái miệng tới ăn. Ngày mai Nhơn sẽ uống thuốc xổ, rồi để bụng trống sang ăn đồ ngon, đặng làm vui lòng Linh.

Xuống thềm, Triệu còn chần chừ:

- Mai anh ghé đón Hạnh Nhơn tới nhà cho mau nhé ?

Hạnh Nhơn nghịch ngợm:

- Hạnh Nhơn nghe nói ở Sài Gòn bây giờ mấy bà đi đánh ghen tạt át-xít như điên, anh cho Nhơn xin hai chữ bình an.

Triệu phân trần:

- Đó là đề nghị của chính Linh, cô ấy cứ sợ Nhơn không biết đường, lớ ngớ bị lạc. Anh gọi vào số máy di động của cô ấy cho em kiểm tra lại nhé.

- Rồi, rồi. Em tin. Nhưng Taxi thành phố thì chạy ngang chạy dọc như mắc cửi, làm sao mà lạc được. Em sẽ đến đúng giờ, anh và Linh đừng lo!

Hôm sau Hạnh Nhơn sửa soạn còn tỉ mỉ hơn hôm trước. Vậy mà dì Ái còn chưa hài lòng, dì xuống tận Lê Thánh Tôn thửa về cho cháu mấy cái áo tơ tằm kiểu xường xám lộng lẫy, vừa để làm quà vừa để cho Hạnh Nhơn nổi đình nổi đám lên. Dì nghiến răng trèo trẹo gọi tất cả những công sức mình đổ vào bằng một cụm từ trào phúng là *trả thù dân tộc* cho hả tức sau một đêm nghe cháu tâm sự. Với Triệu, Hạnh Nhơn đã ký hiệp định đình chiến chứ còn với Hà Linh thì giữa họ bao giờ cũng như có một bức tường kiên cố như bức tường đẫm máu giữa Đông và Tây Bá Linh.

Sẵn nét đẹp quý phái trời cho cộng thêm bàn tay tinh tế của dì Ái trau chuốt, Hạnh Nhơn xuất hiện ngời ngợi rỡ ràng đến nỗi Triệu một lần nữa phải đau đớn ân hận như người vừa đánh rơi viên ngọc quý xuống lòng biển. Hai người đàn bà đánh giá nhau chớp nhoáng qua cái nhìn sắc lẻm sau 22 năm xa cách. Cá mười ăn một Hạnh Nhơn cũng cá là Hà Linh đang thầm nguyền rủa tiên sư mấy con mẹ thẩm mỹ viện ăn của bà bao nhiêu là tiền mà sao trông bà cứ như cú đứng cạnh tiên thế này hả giời! Hạnh Nhơn đắc thắng: Tay này mắc bịnh tham quyền cố vị thâm căn cố đế quá rồi nên ngay cả trong việc sửa sang sắc đẹp là một việc hết sức tế nhị mà vô tay cô nàng cũng lộ ra hết bản chất ham hố: Mắt sửa to thô lố còn hơn mắt bò; Mũi thì xe hơi cực mạnh, loại dành cho các nguyên thủ quốc gia với sức kéo 200 mã lực, chưa chắc đã bò lên được con dốc cheo leo như sóng mũi của Hà Linh; Tóc lại nhuộm vàng loe hoe râu bắp trong khi mặt thì nước mắm đặc sệt; Kinh khủng nhất là bộ ngực treo lơ lửng trên thân hình ngắn cũn, chưa đến một mét rưỡi của Hà Linh là cả mối lo làm cho người đối diện có cảm giác bất yên vì sợ trọng lượng của chúng có thể bị lệch tâm, kéo Hà Linh té ập mặt xuống bất cứ lúc nào không hay. Chao ơi, Hà Linh ơi hỡi Hà Linh, người ta vào mỹ viện để làm đẹp còn cô vào đây chỉ tổ làm trò cười không tốn tiền cho thiên hạ!

Thua keo này ta bày keo khác, Hà Linh sau một phút há hốc nhìn vẻ toàn mỹ của địch thủ đã nhanh nhẹn nuốt chén thuốc đắng vào bụng, chuyển hướng câu chuyện sang thế mạnh của mình, đó là vấn đề địa ốc. Giọng cô ta the thé cao buốt lên:

- Giữa cái thành phố với 11 triệu dân chật như nêm này mà kiếm được cái biệt thự hoành tráng rộng gần ba trăm mét vuông, có

ga-ra, có vườn hồng lan đào cúc như bọn mình là đếm trên đầu ngón tay đấy nhé! Cậu biết không, ngay cả thủ trưởng của tớ cấp Ủy viên bộ chính trị cũng không tiếc lời khen ngợi là bọn mình sống như vua đấy. Chưa kể đồ đạc trong nhà từ trang trí nội thất đèn đóm cho đến nhà bếp, cầu xí nhất nhất tớ toàn cho trang bị đồ ngoại, nhất định không chơi đồ Annam. Cái gì mà Made in Việt Nam thì toàn là hàng dỏm không chịu nổi (?) Cậu trông kỹ giùm tớ nhé, ti-vi, tủ lạnh, đồ điện tớ chuyên trị hàng Nhật; Thảm len thì Ấn Độ; Sa-lông Pháp; Đồ gỗ Bắc Âu, đến cái hốt rác nhà tớ cũng ngoại tuốt, hàng Thái Lan đây...

Hạnh Nhơn muốn phá ra cười khi cô chợt nhớ tới cái tính ưa nổ của Hà Linh đã thành cố tật ngay từ hồi hai mươi mấy năm trước...

Hồi còn sinh viên, có một lần bạn bè ngồi quay quần, Hà Linh đã lếu láo tuyên bố là miền Bắc xã hội chủ nghĩa của cô cái gì cũng thừa mứa đến độ phải đem phơi khô hàng khối! Có một tay hỏi cà khịa mà Hà Linh không chịu để ý nên bị mắc nỡm. Anh ta hỏi: Thế ngoài Bắc có nước đá không chị Linh? Đang sẵn trớn cái gì cũng phơi khô hàng khối, Hà Linh trả lời không đắn đo: Ôi dào, cái gì chứ nước đá thì ngoài ấy cứ gọi là dư dật đến độ phải đem phơi khô hàng khối ấy!!!

Bây giờ thì Hà Linh lại đang mê man choáng ngợp với hàng hóa tư bản mà mới đây thôi, khi kinh tế chưa mở cửa thành cơ chế thị trường cái gì mà có dính dáng ít nhiều đến thế giới tư bản là đã bị cô không ngớt lời bài kích. Hạnh Nhơn thấy đời thật mỉa mai: Sao người ta lại có thể nhổ liếm nhanh đến thế nhỉ, hình như hai chữ liêm sỉ không có trong từ điển của bọn người này hay sao đấy. Suốt cả giờ toàn là Hà Linh độc diễn thao thao bất tuyệt như bị đồng nhập, còn Triệu ngồi câm nín nhưng không giấu được vẻ sượng sùng vì tính phô trương một cách trân tráo của vợ. Bây giờ thì Hạnh Nhơn đã tin lời anh. Đúng là có sự khập khểnh trong đời sống lứa đôi, vì làm sao lại có thể hạnh phúc bên cạnh người vợ lố bịch như thế khi anh ta là một người biết tự trọng? Cuối cùng bài diễn văn còn được kết thúc một câu có tính quyết đoán vô cùng cao độ như một cái tát giòn giã vào giữa má công chúng.

- Cậu xem cả cơ đồ nguy nga vậy chứ do một tay gái già này lo toan cả đấy. Còn trông chờ vào cái đồng lương dạy học ba đồng ba cọc của ông ấy thì có mà xây chuồng lợn! Số tớ vậy mà khổ, khi không vơ phải tay cám hấp!

Không động chạm gì đến mình nhưng tự nhiên Hạnh Nhơn cũng thấy tê tái dùm cho Triệu đã bị vợ bêu rếu trước mặt khách. Hà Linh không ngờ vì thái độ thiếu lễ độ của cô đã dấy lên trong Hạnh Nhơn bao nhiêu thương cảm dành cho Triệu. Như một thói quen thường nhật, mỗi lần thấy những trái khuấy trong đạo lý vợ chồng của mọi người chung quanh, Hạnh Nhơn lại thầm cám ơn người chồng tốt bụng vắn số của cô. Nhìn bàn ăn thịt thà đỏ hồng ú hụ chưa ăn mà Hạnh Nhơn đã chán ngán, cô chợt thèm tô canh mướp hương, đĩa rau muống xào xanh biêng biếc mà dì Ái nấu hôm qua biết là bao. Hà Linh xoa tay giả dối:

- Cậu nâng đỡa tự nhiên nhá, cơm rau thanh đạm thôi đấy mà. Nhẽ ra phải bắt thằng bé con tớ ở nhà để ra mắt cậu nhưng cháu nó có giờ học thêm. Chẳng qua là sắp thi Tú tài rồi nên cháu nó phải lo học túi bụi. Tốt nghiệp xong bọn mình định cho nó đi Tây đấy. Đi Mỹ, đi Anh thì tiền học mắc quá, chịu không thấu, vì bao nhiêu vốn liếng bọn tớ đều đầu tư vào việc xây nhà. Nghe người ta tư vấn là sang Đức học không phải tốn tiền học phí thế nên tớ định cho cháu nó sang bên ấy. Tớ ngồi tính sổ bạn bè ngày xưa là chỉ có cậu

định cư tại Đức, cơ may quá là năm nay cậu lại về thăm quê hương nên nói gần nói xa chẳng qua nói thật, tớ đã điều nghiên qua Sương và biết hoàn cảnh của cậu, sau ngày chồng chết rất dễ chịu nên bọn mình mới dám quyết định táo bạo là nhờ cậu bảo lãnh giúp cho cháu đi du học. Có cháu thì chỉ thêm có mỗi chén cơm đôi đũa chứ mấy. Tớ tính như vậy còn ý cậu thì như thế nào?

À, thì ra cái tổ chuồn chuồn nằm ở đây. Qua sông nên phải lụy đò chứ Hà Linh có bao giờ mà tử tế với ai một cách vô điều kiện bao giờ, như việc giúp đỡ cho Triệu ở lại trường hồi 22 năm về trước cũng thế thôi. Hạnh Nhơn là người từ tốn nên cô cần thì giờ để cân nhắc. Thấy cô ngần ngừ đăm chiêu, Hà Linh đổi ngay phương án mới để tấn công địch thủ liền:

- Có lẽ chuyện tớ đề nghị hơi đường đột nên cậu cứ suy nghĩ cặn kẽ rồi trả lời sau cũng được. Cậu về lần này chắc chủ yếu là đi du lịch thăm thú đó đây nên tớ tính cả rồi, tớ thì bận tối mắt, cơ quan mà vắng tớ một ngày là như rắn mất đầu ấy chứ chả phải chơi. Còn phần ông Triệu thì ông ấy đang nghỉ hè...

Rồi tự nhiên cô ta nhỏ giọng, thì thào làm như thân mật vào tai Hạnh Nhơn:

- Thôi thì ông ấy đại diện bọn mình tháp tùng cậu đi bất cứ nơi đâu, từ Bắc chí Nam, lên rừng xuống biển chỗ nào ông ấy cũng biết hết cả đấy. Cậu cứ tự nhiên mà... vi vu, tớ đã duyệt rồi thì cậu cũng đừng ái ngại gì cả nhé!

Hạnh Nhơn nghiêng đầu nhìn trừng trừng vào gương mặt hết sức thản nhiên của Hà Linh để xem cô ta nói thật hay định nắn gân mình. Nếu Hà Linh nói tiếng ngoại quốc thì chắc chắn là Hạnh Nhơn đã nghe lầm. Nhưng đáng tiếc ở đây là người Việt nói tiếng Việt nên Hạnh Nhơn không những chỉ nghe rõ được lời mà còn hiểu được cả thâm ý sâu xa. Người tiền sử cách đây cả ngàn năm chưa biết cách in tiền, mọi mua bán đều dựa trên nguyên tắc trao đổi hàng hóa cũng không có những suy nghĩ một cách suy đồi như vậy. Biết là giữa hai vợ chồng đã ông chằng bà chẩu nhưng đến mức coi chồng như sản phẩm để trao đổi qua lại cho một toan tính thì Hà Linh không chỉ chà đạp danh dự của chồng mà đồng thời cũng đã coi thường phẩm chất của Hạnh Nhơn nữa. Phải kiềm chế lắm, nuốt tất cả sự khinh bỉ lẫn kinh tởm xuống, Hạnh Nhơn mới trả lời được:

- Chuyện con trai của vợ chồng Linh sang du học tôi phải hỏi thăm thể lệ lại vì tôi chưa làm như vậy bao giờ. Nhưng như vậy không có nghĩa là tôi sẽ từ chối. Còn chuyện về Việt Nam kỳ này vì tôi đã có dự định nay mai sẽ bay ra Huế để mang hài cốt của cha tôi sang bên đó. Chuyện này thì bà con trong họ đã có người đưa tôi đi, xong việc tôi sẽ trở lại Đức liền. Đó là mục đích duy nhất khiến tôi về lại nơi đây chứ không phải vì một ẩn ý nhỏ nhoi nào là mong nối lại tình xưa với anh Triệu, nên đề nghị vừa rồi của Linh đối với tôi là một sự lăng nhục, không tôn trọng cá nhân tôi một tí nào!

Về nhà, nghĩ lại, Hạnh Nhơn tự nhiên ấm ức về sự hèn nhát của mình đã dùng lời quá lịch sự, không dám nói thẳng thắn vào bộ mặt bỉ ổi, vô đạo đức của Hà Linh như phản ứng tự nhiên của dì Ái là văng ra tiếng chửi thề sau khi nghe chuyện. Chửi xong, hai dì cháu đã bật cười ha hả và Hạnh Nhơn hoàn toàn đồng ý với dì là có nhiều tình huống cần phải chửi thề thì lòng ta sẽ nhẹ đi biết là bao...

(Tháng 3 / 2006)

Trần thị Hương Cau

(Germany)

Nhiếp Ảnh và Pháp Luật tại Hoa Kỳ

Nguyễn Quốc Khải

14-08-2012

"Chúng ta có thể chụp hình tất cả những gì có thể nhìn thấy ở và từ những nơi công cộng".

Nhiếp ảnh là một thú vui rất phổ thông một phần nhờ ngày càng có nhiều máy ảnh kỹ thuật số tốt, dễ sử dụng và giá cả phải chăng và vì vậy ngày càng nhiều người mua và chụp hình. Nhưng nhiếp ảnh cũng có khá nhiều rắc rối khi va chạm với người đời và đụng đến pháp luật. Chúng ta cần biết luật để hiểu về quyền hạn và trách nhiệm của người chụp hình. Đây là một vấn đề phức tạp đối với nhiều người, kể cả bản thân tôi, nên tôi viết bài này để tự học hỏi và truyền đạt những gì mình tìm tòi được đến những người đọc. Một công hai việc.

Những rắc rối từ nhỏ đến lớn

Cách đây chỉ vài ngày, đang đi săn hình trong Washington, DC tôi gặp một đoàn trẻ em mặc quần áo có mầu sắc rực rỡ, tôi dơ máy ảnh lên chụp vài tấm. Lập tức một hướng dẫn viên trong đoàn đến và nói rằng tôi không được phép chụp hình mấy đứa bé vì chúng không đủ tuổi để ký giấy cho phép phổ biến hình (model release). Một lần khác, tôi đang đứng chụp hình mấy con sếu tại Great Falls National Park, một nhân viên trong đoàn kiểm tra và nghiên cứu địa chất học đến thông báo cho tôi biết rằng tôi không được phép chụp hình đoàn công tác này (mặc dù tôi không có ý định đó và ống kính của tôi đang hướng về mấy con sếu đang săn cá). Vào mùa xuân vừa qua, khi đang chụp hình tại Arlington National Cemetary ở một địa điểm đặc biệt giữa không gian rộng lớn với hậu cảnh là Washington Monument, tôi được yêu cầu dời đi chỗ khác để dành chỗ cho một người chụp hình với cái máy điện thoại của ông ta vì tôi đã đứng ở một chỗ khoảng 15 phút rồi. Trong một dịp khác, trên đường về nhà, thấy một tai nạn xe hơi lớn, tôi rẽ vào một đường ngang để đậu xe, và đứng trong lề để chụp hình, không hề cản trở việc làm của cảnh sát và cũng không làm cản trở lưu thông. Tuy nhiên, một cảnh sát viên đến yêu cầu tôi không chụp hình.

Những thí dụ trên đây, dù là chuyện nhỏ, đã cho thấy rằng những người yêu cầu tôi không chụp hình đều không biết luật. Có thể nói họ tự làm ra luật mới để bắt người khác theo hoặc hành sử vượt quá quyền hạn và trách nhiệm của họ. Những đoạn tiếp theo đây sẽ giải thích thêm tại sao tôi lại kết luận như vậy. Rất may, trong những trường hợp của tôi, mọi việc đều giải quyết ổn thỏa tại chỗ với sự nhượng bộ miễn cưỡng hoặc hiểu biết của đối phương. Nhưng có vài trường hợp, nạn nhân của sự lạm quyền phải chịu một hậu quả không mấy tốt đẹp. Neftaly Cruz, một người cao tuổi tại thành phố



Hình (KQN Images): TNS John McCain vận động tranh cử tổng thống tại Virginia năm 2008.

Philadelphia, vào ngày 19-7-2006 đã bị cảnh sát bắt giam vì bị bắt lỗi là đã cản trở cuộc điều tra của cảnh sát. Ông bị kết tội như vậy chỉ vì đứng trên hè phố công cộng chụp hình cảnh sát đang làm việc ở nơi công cộng. Tuy nhiên sau đó ông Cruz đã được trả tự do vì việc chụp hình của ông hoàn toàn hợp pháp. Cảnh sát mới là người có lỗi và cần được học tập.

Vào cuối năm 2008, Ông Duanne P. Kerzie, một nhiếp ảnh gia bán chuyên nghiệp, bị cảnh sát của công ty xe lửa Amtrak còng tay và tống giam vì tội chụp hình đoàn xe lửa đang đi tới Pennsylvania Station để tham dự cuộc thi ảnh do Amtrak tổ chức dưới tiêu đề là "Chụp Hình Xe Lửa Của Chúng Tôi" (Picture Our Train). Cảnh sát yêu cầu ông xóa những hình vừa chụp trong máy. Vì ông từ chối, cảnh sát đã viết giấy phạt ông về tội xâm phạm trái phép (trespassing). Ông Kerzie đã thuê luật sư kiện Amtrak và được bồi thường vài chục ngàn Mỹ kim. Theo sự thỏa thuận của đôi bên, số tiền bồi thường không được tiết lộ.

Chưa hết, vào năm 2009, Ông Robert Taylor bị bắt giam vì chụp hình bất hợp pháp tại trạm xe điện ngầm tại quận Bronx, thành phố New York. Cảnh sát bịa đặt rằng ông có hành vi gây rối (disorderly conduct) vì cho rằng ông đã cản trở người qua lại mặc dù vào giữa trưa có rất ít người ở trạm xe điện ngầm rộng 10,000 bộ vuông (square feet). Tòa đã bác bỏ lập luận của cảnh sát và ra lệnh thành phố phải bồi thường nạn nhân $30,000. Trước đó, thành phố này cũng đã phải bồi thường cho một sinh viên y khoa $31,501 vì "tội" chụp hình các trạm xe lửa trong thành phố.

Riêng trong mùa xuân năm 2011 có hàng chục vụ rắc rối. Trong đó có một trường hợp liên quan đến hai phóng viên. Một người bị bắt giữ vì chụp hình một buổi họp của Ủy Hội Xe Taxi vào tháng 6, 2011 tại Washington-DC. Người thứ hai bị bắt giữ vì quay phim cảnh phóng viên thứ nhất bị bắt.

Các tổ chức phi chính phủ can thiệp

Nhiều tổ chức phi chính phủ bao gồm các hội nhiếp ảnh đã lên tiếng về việc lạm dụng quyền hành của nhân viên công lực đối với người chụp hình và liên tục thắng kiện tại tòa. Tuy nhiên những tai nạn này vẫn tiếp tục xẩy ra. Sau biến cố 9/11/2001, một số cơ quan chính quyền tìm cách hạn chế việc chụp hình tại các trạm xe lửa và các công ốc để ngăn ngừa khủng bố. Tuy nhiên đây là một cố gắng vô ích. Cảnh sát không có đủ nhân lực để thi hành nhiệm vụ vì trên thực tế, máy ảnh tốt có đủ kiểu đủ cỡ rất phổ thông trong công chúng.

Trong phần cuối của bài này, tôi liệt kê một số tài liệu tham khảo liên quan đến quyền của người chụp hình. Trong đó có những bài quan trọng của American Civil Liberties Union (ACLU) , Bert P. Krages II, và Andrew Kantor. ACLU là một tổ chức bênh vực dân quyền nổi tiếng tại Hoa Kỳ. Krages là một luật sư chuyên về nhiếp ảnh, và Kantor là nhà nghiên cứu về luật pháp nhiếp ảnh.

Một cách tổng quát, chụp hình và quay phim trên đất công là một phần của tự do ngôn luận (free speech) và tự do bầy tỏ (freedom of expression). Cũng như tự do báo chí (free press), việc phát biểu ý kiến và biểu tình, … chụp hình là một việc làm hợp hiến và được Tu chánh Án Thứ Nhất của Hiến Pháp Hoa Kỳ bảo vệ.

Quyền hạn của người chụp hình

1. Nguyên tắc tổng quát

Tại Hoa kỳ, bất cứ ai cũng có thể chụp hình bất cứ những gì mình muốn tại những nơi công cộng hay tại những nơi được phép chụp hình. Những nơi công cộng bao gồm đường phố, vỉa hè, và công viên. Những trung tâm thương mại của tư nhân như shopping malls thuộc về tư nhân, nhưng được xem như là nơi công cộng vì công chúng được ra vào tự do.

Chủ nhân một tài sản tư nhân có quyền cấm chụp hình một cách hợp pháp trên đất của mình nhưng không có quyền cấm những người khác chụp hình tài sản của mình từ một vị trí khác. Khi ở trên đất của một tư nhân,

người chụp hình, nếu được chủ nhân yêu cầu, phải tuân theo lời yêu cầu này, nếu không có thể bị kiện vì tội xâm phạm trái phép.

Ở những nơi công cộng, quyền riêng tư của mọi công dân bị giới hạn rất nhiều. Bất cứ ai cũng có thể bị chụp hình dù có đồng ý hay không, ngoại trừ khi ở những nơi riêng tư như phòng thay quần áo, nhà vệ sinh, cơ sở y tế, địa điểm ATM, và bên trong tư gia. Tuy nhiên, người chụp hình không thể vi phạm những luật lệ khác khi chụp hình. Thí dụ như sử dụng chân máy ảnh trên hè phố đông đúc, làm cản trở sự lưu thông của người đi bộ, theo đuổi một người nào suốt ngày để chụp hình nếu họ không đồng ý, hoặc dí ống kính vào người ta để chụp hình nhất là họ không phải là những nhân vật của công chúng (public figures) hay nổi tiếng (celebrities).

2. Một vài trường hợp ngoại lệ

Có vài trường hợp ngoại lệ cho nguyên tắc tổng quát ở trên. Các vị tư lệnh căn cứ quân sự có thể cấm chụp hình vì lý do an ninh. Bộ Năng Lượng (Department of Energy) cũng có thể cấm chụp hình tại những cơ sở nguyên tử. Việc cấm đoán này được quy định trong Bộ Luật Hoa Kỳ, U.S. Code, Title 18 – Crime and Criminal Procedure, Chapter 37, Section 795, "Photographing and Sketching Defense Installations". Việc cấm chụp hình phải dựa theo luật pháp chứ không phải vì bảng "cấm chụp hình" do tư nhân tự dựng lên. New York City có luật cấm chụp hình cầu. Dù là luật vô lý, nhưng luật là luật. Để tránh rắc rối, chúng ta không nên đứng trên địa phận thành phố New York để chụp hình cầu. Nhưng chúng ta có thể sang New Jersey để chụp hình các cây cầu của New York City.

Đối với một chủ thể không thấy rõ mà phải dùng một dụng cụ đặc biệt mới thấy được, nếu chụp hình chủ thể này chúng ta sẽ vi phạm không phải là luật chụp hình mà là luật riêng tư. Nói một cách khác, chụp hình là việc làm hợp pháp, nhưng vi phạm sự riêng tư là bất hợp pháp. Thí dụ chúng ta dùng ống kính dài để chụp một phụ nữ trong một tòa nhà đối diện là không được phép. Tuy nhiên chúng ta có thể từ từng thứ 10, dùng ống kính zoom, chụp hình người đi bộ ở bên dưới vỉa hè công cộng. Trường hợp này hoàn toàn hợp pháp.

Nếu chụp hình trong một công sản (public property) cho mục đích thương mại, người chụp hình phải xin phép cơ quan chính quyền liên hệ (thông thường là state film commission). Tài liệu "Still Photography and Permits on U.S. and California Public Land" viết khá rõ về vấn đề này. Người chụp hình thông thường phải trả một lệ phí cho cơ quan quản trị công sản.

Dù ở trên đất công, nhưng không phải là chúng ta có thể tự do đi tới bất cứ chỗ nào. Có những khu vực bị cấm vì một hay nhiều lý do như chưa khai phá, thiếu an toàn, đang tu bổ, khu sinh sống của nhân viên, khu dành riêng cho một sinh hoạt đặc biệt, v.v. Trong công viên, có những khu chỉ dành riêng để cắm trại. Thông thường chỉ có những người cắm trại có giấy phép dán ở bên trong xe mới được ra vào khu cắm trại để bảo vệ sự riêng tư cho người trú ngụ và tránh việc trộm cắp vì các căn lều vải thường không có khóa. Người đến cắm trại phải trả một lệ phí thuê lô đất để dựng lều. Do đó lô đất công này trở thành đất tư. Nếu vào những khu vực này chỉ để chụp hình, chúng ta vẫn phạm lỗi xâm nhập trái phép.

Có hai thứ luật về xâm nhập trái phép. Luật xâm nhập hình sự sẽ do cảnh sát hoặc nhân viên bảo vệ công viên (park ranger) thi hành. Luật xâm nhập dân sự sẽ do chủ đất áp dụng. Hình phạt về xâm nhập trái phép tại Virginia bao gồm phạt tiền và tù tùy theo mức độ nặng nhẹ để bị xếp vào loại vi phạm nghiêm trọng (misdemeanor 1-4) hay phản nghịch (felony 1-6). Đã có những trường hợp, chủ đất tức giận sách súng bắt vào kẻ xâm nhập trái phép vì những người này liên tục xả rác và làm hư hại cây cối và mùa màng của họ.

Tại những buổi trình diễn nghệ thuật về âm nhạc, thời trang, kịch, múa, v.v. cơ quan tổ chức có quyền cấm chụp hình một cách hợp pháp. Một trong những lý do chính là bảo vệ bản quyền (copyright protection). Ngoài ra, cơ sở trình diễn không phải là nơi công cộng, vì

khán thính giả thường phải mua vé vào cửa. Trái lại, chúng ta có quyền tự do chụp hình tại những buổi điều trần tại Quốc Hội vì Quốc Hội là nơi công cộng. Những vị dân biểu hay nghị sĩ đều là những người của quần chúng. Tuy nhiên đôi khi có vài giới hạn như không được sử dụng chân máy ảnh và đèn.

3. Những đối tượng nào có thể chụp hình tự do?

Trái với sự hiểu lầm, mọi người có thể chụp hình những đối tượng sau đây ở những nơi công cộng một cách hợp pháp: tai nạn, hỏa hoạn, trẻ con, người lớn, nhân viên công lực, nhân viên trong chính quyền bao gồm những chính trị gia (public figures) , những nhân vật nổi tiếng (celebrities), cầu và những cơ sở hạ tầng khác, các công trình xây cất như nhà ở, cơ sở thương mại, kỹ nghệ, tầu bè, phi cơ, tiện ích công cộng (public utilities), giao thông, phi trường, hải cảng, và những hoạt động tội ác.

4. Ai có thể vi phạm quyền chụp hình?

Phần đông những rắc rối liên quan đến việc chụp hình thường bắt đầu từ những nhân viên bảo vệ. Lý do thông thường được nêu ra là an ninh. Tuy nhiên an ninh rất hiếm là lý do để cấm chụp hình. Chụp hình không phải là một hành động khủng bố. Chụp hình một chủ thể mà công chúng ai cũng nhìn thấy không thể bị kết án là một hành động vi phạm đến bí mật nghề nghiệp.



Hình (KQN Image): Một người biểu tình chống chiến tranh Iraq trước Quốc Hội Hoa Kỳ.

Nhân viên công lực có quyền ngăn cấm công chúng đến gần nơi họ đang làm việc để không bị cản trở việc thi hành công vụ và giữ gìn trật tự. Tuy nhiên, những nhân viên công lực này không có quyền cấm công chúng chụp hình từ những địa điểm khác.

Nhân viên công lực không có quyền hỏi lý do của việc chụp hình và cũng không có quyền hỏi tên tuổi của người chụp hình ngoại trừ tại một vài tiểu bang đòi hỏi như thế. Nếu nhân viên công lực vượt qua giới hạn hỏi han thông thường, hành vi đó trở thành sách nhiễu và ép buộc. Nhiều tiểu bang coi đó là một tội phạm hình sự.

Không ai có quyền đòi giữ phim ảnh của người chụp hình ngoại trừ khi có lệnh của tòa án. Nếu bị hăm dọa hoặc ngăn chặn, người chụp hình nên báo cho cảnh sát vì đó là một vi phạm hình sự mang tính chất bắt cóc, ép buộc, và ăn cắp.

Phổ biến hình

Quyền hạn chụp hình và phổ biến hình là hai vấn đề hoàn toàn khác biệt. Việc phổ biến có nhiều hình thức khác nhau như qua Internet, truyền hình, Youtube, Facebook, triển lãm, in vào sách báo, thi ảnh, mua bán, v.v. Chúng ta không thể trưng bầy bất cứ hình nào, dù hình được chụp ở nơi công cộng. Như đã trình bầy ở trên, quyền hạn chụp hình xem ra khá rộng rãi. Chúng ta có thể chụp hình tất cả những gì có thể nhìn thấy (if you can see it, you can shoot it) ở và từ những nơi công cộng. Trái lại, việc phổ biến hình hay nói chung là việc sử dụng hình có nhiều giới hạn bởi một số văn kiện pháp lý như luật bản quyền (copyright law), luật thương hiệu (trademark law), luật riêng tư (privacy law), v.v.

Đối với các chủ thể không phải là người, chúng ta chỉ không được tự do phổ biến những hình ảnh có bản quyền (copyrighted images). Muốn chụp hình những tác phẩm nghệ thuật thường phải có giấy phép. Thí dụ như một bức tượng có bản quyền ở trong công viên hay một bức tranh trong bộ sưu

tầm riêng của một cá nhân hay một viện bảo tàng. Trong luật bản quyền, sở hữu chủ bản quyền của một tác phẩm nghệ thuật (copyright owner) có thể khác với sở hữu chủ của tác phẩm này (art work owner). Người chụp hình cần có sự đồng ý của người sở hữu bản quyền mới được phép phổ biến hình của tác phẩm.

Đối với đồ vật được bảo vệ bằng luật bản quyền hay luật thương hiệu, chúng ta có thể chụp hình nhưng không thể đem bán. Đó là những trường hợp như Hershey's Kisses, Crayola crayons, Lego bricks, Holywood sign, v.v. Những tòa nhà (buildings) xây sau 1-12-1990 được bảo vệ bằng luật bản quyền. Tuy nhiên điều đó không ngăn cấm chúng ta chụp và phổ biến hình ảnh của những tòa nhà này. Chữ building ở đây bao gồm nhà ở, văn phòng, nhà thờ, gazebos, … Tuy nhiên, nếu không có phép của chủ nhân, chúng ta không thể bán hình của những tòa nhà này, bao gồm cả những khách sạn và sòng bạc ở Las Vegas, … Đối với những công thự như Quốc Hội, Nhà Trắng, Tối Cao Pháp Viện, v.v. không có một giới hạn nào về chụp hình trừ việc cấm dùng chân máy ảnh vì lý do an ninh. Có một vài nơi cho phép dùng chân máy ảnh nếu xin phép cảnh sát trước như Quốc Hội, U.S. Botanic Gardens, National Building Museum, v.v.

Đối với người, luật riêng tư được áp dụng môt cách nghiêm chỉnh. Viện Luật Học Hoa Kỳ (American Law Insitute) định nghĩa hành động vi phạm đời tư như sau:

"One who gives publicity to a matter concerning the private life of another is subject to liability to the other for invasion of his privacy, if the matter publicized is a kind that (a) would be highly offensive to a reasonable person and (b) is not of legitimate concern to the public."

Tạm dịch như sau:

"Một người phổ biến một sự việc liên quan đến đời tư của một người khác sẽ phải chịu trách nhiệm đối với người đó về việc xâm phạm đến đời tư của họ, nếu sự việc được phổ biến (a) súc phạm mạnh mẽ đến một người biết điều và (b) không được công chúng lưu tâm đến."

Luật riêng tư có ba khía cạnh: (1) sự kiện cá nhân (private facts) ; (2) thiếu xác thực (false light); (3) sử dụng sai trái (misappropriation). Như định nghĩa vừa nêu trên của Viện Luật Học Hoa Kỳ, nếu phổ biến hình của một người mà làm cho người đó bối rối hoặc vi phạm cuộc sống riêng tư của người đó và không mang lại một lợi ích về thông tin nào cả, chúng ta rất dễ bị thưa kiện. Phổ biến hình một người trong một môi trường không thích hợp, khiến hình ảnh của người đó bị bóp méo. Việc làm này bị coi là bất hợp pháp. Thí dụ đăng hình một thiếu nữ bình thường vào một bản tin về gái mãi dâm chẳng hạn. Dùng hình của một người vào việc quảng cáo thương mại hay bán hình của người đó để kiếm tiền mà không có sự đồng ý của người trong hình là điều chắc chắn sẽ phải ra hầu tòa.

Khi người mẫu cho phép một nhiếp ảnh gia chụp hình, không có nghĩa là người chụp được hoàn toàn tự do sử dụng hình của người mẫu. Giấy phép cho chụp và phổ biến hình cần nêu rõ những điều kiện về việc sử dụng hình như làm bưu thiếp (postcard), in sách, bán, v.v. để tránh những kiện tụng sau này. Sau mỗi buổi thực tập chụp hình người mẫu do những những nhóm nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp tổ chức mà những học viên tham dự phải đóng lệ phí, những người mẫu thường ký giấy cho phép học viên phổ biến nhưng không được bán hình của họ.

Luật riêng tư ở mỗi tiểu bang khác nhau. Luật lệ về riêng tư nói chung ngay trong một tiểu bang cũng không rõ ràng. Tòa án thường xuyên thay đổi cách giải thích thế nào là riêng tư. Do đó đã gây ra nhiều vụ kiện tụng. Mới đây, một gia đình của một binh sĩ Hoa Kỳ tử trận ở Iraq kiện một tờ báo vì cho là họ đã xâm phạm vào việc riêng tư khi phổ biến hình của con mình nằm trong quan tài mở tại một tang lễ công cộng ở Oklahoma. Tuy nhiên, cả hai tòa án địa phương và tòa án liên bang đều bác bỏ yêu sách của nguyên đơn. Việc không

hiểu luật và tâm lý làm tổn thương cả đôi bên. Trong trường hợp này báo chí cần phải tự hạn chế. Đối với người Việt cũng thế thôi. Chúng ta nên hỏi thân nhân người quá cố trước khi tung lên mạng nhiều hình tang lễ. Cá nhân tôi kỵ nhất là chụp hình đám tang.

Việc phổ biến hình ảnh với những mục đích sau đây không những được dễ dàng chấp nhận, không cần phải có giấy cho phép phổ biến hình (model release form) mà còn được pháp luật cho phép: giáo dục, nghiên cứu, tường thuật tin tức, phê bình, hoặc mang lại ích lợi công cộng.

Kết luận

Luật lệ liên quan đến việc chụp hình tại Hoa Kỳ vừa được trình bầy ở các phần trên. Tuy nhiên, chúng ta nên lưu ý rằng một số tiểu bang có một vài luật riêng. Thí dụ như thành phố New York có luật cấm chụp hình các cầu như đã đề cập đến ở phần đầu và Texas có luật cấm chụp hình một người với chủ đích khiêu dâm người khác (Texas Penal Code - Section 21.15 - Improper Photography or Visual Recording.) Nói tóm lại, ở nơi công cộng, quyền chụp hình được bảo vệ. Ở những nơi riêng tư phải xin phép.

Tu Chánh Án Thứ Nhất của Hiến Pháp Hoa Kỳ giới hạn việc áp dụng Luật Riêng Tư đối với báo chí và nhiếp ảnh. Tuy nhiên tu chánh án này không làm cho hai ngành này hoàn toàn miễn dịch. Cũng như những ngành truyền thông khác, chụp hình là một phương tiện thông tin và kiểm soát nhà nước bởi công dân trong một nước tự do dân chủ. Chụp hình không thể bị coi là một hành vi tạo ra sự nghi ngờ về một hoạt động tội ác.

Mỗi người chụp hình nên luôn luôn mang theo trong túi đựng máy ảnh hai tài liệu tóm tắt căn bản về quyền hạn của người chụp hình:

1. Know Your Rights: Photographers soạn bởi ACLU.

2. The Photographer's Right soạn bởi Luật Sư Bert P. Krages.

Để biết thêm chi tiết, chúng ta nên đọc cuốn sách có tựa đề là "Legal Handbook for Photographers", của L.S. Krages, nhà xuất bản: Amherst Media, ấn hành lần thứ ba, tháng 6, 2012.

Bài viết này chỉ có mục đích thông tin và lưu ý những người chụp hình về khía cạnh pháp lý về nhiếp ảnh. Nó không phải là một tài liệu có tính cách cố vấn về luật pháp. Khi hữu sự, chúng ta cần phải tham khảo luật sư chuyên về nhiếp ảnh.

Tài liệu tham khảo

1. American Civil Liberties Union, "Know Your Rights: Photographers." Andrew Hudson, "Photography Laws."
2. Bob Atkins, "Photography, the Law and Photographers Rights."
3. Dianne Brinson, "An Introduction to the Legal Aspects of Travel Photography."
4. Jeff Conrad, "Still Photography and Permits on US and California Public Land".
5. Jim Dwyer, "Picture This and Risk Arrest," July 27, 2010.
6. Andrew Hudson, "Photography Laws."
7. Andrew Kantor, "Legal Rights of Photographers," May 2009.
8. Andrew Kantor, "Misinformation about Your Photography Rights Continues to Spread," August 11, 2006.
9. Bert P. Krages II, "Legal Handbook for Photographers – The Rights and Liabilities of Making Images," third edition, June 2012.
10. Bert P. Krages II, "The Photographer's Right."
11. Liz Masoner, "Photographer's Rights Overview."
12. Photographybay, "Photography Laws."
13. Photojojo, "Photography and the Law – Know Your Rights," March 17, 2008.
14. Reporters Committee for Freedom of the Press, "Photographers' Guide to Privacy."
15. Jay Stanley, "You Have Every Right to Photograph That Cop," September 7, 2011.
16. US Department of Homeland Security, "Photographing the Exterior of Federal Facilities," Federal Protective Service Information Bulletin, August 02, 2010.
17. Wikipedia, "Photography and the Law."

PRAHA / PRAGUE VÀO HẠ

Nguyễn Quý Đại



Cuối xuân sang hè thời tiết đẹp nắng ấm, chúng tôi đi Praha với cậu mợ từ Houston sang du lịch Âu Châu. Đây là lần thứ 3 tôi đến Cộng hòa Czech (Czech Republic) từ khi quốc gia nầy từ bỏ chế độ cộng sản năm 1989. Sau 23 năm đổi đời từ cộng sản trở thành quốc gia tự do dân chủ, đời sống người dân phát triển tòan diện, hệ thống lưu thông các xa lộ mới xây giống như các quốc gia khác ở Âu châu, nhờ Hiệp Ước Schengen(1) từ 21.12.2007 bãi bỏ việc kiểm soát biên giới thêm 9 quốc gia mới của khu vực Schengen là Czech, Estonia, Hungary, Latvia, Lithuania, Malta, Ba Lan, Slovakia và Slovenia công dân các quốc gia đi lại tự do, ngành thương mại và du lịch phát triển

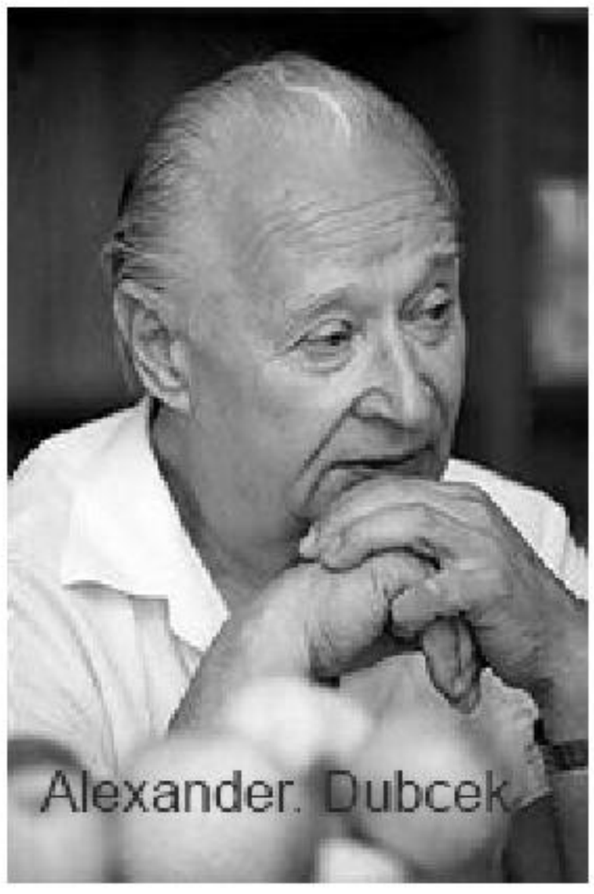
Những thập niên trước chúng ta chỉ biết một nước Tiệp Khắc Czechoslovakia, theo tài liệu: Đệ nhất thế chiến (1914-1918) kết thúc cùng với sự sụp đổ của đế chế Áo-Hung, ngày 28.10.1918, Tiệp Khắc tuyên bố độc lập thành lập nước Cộng Hòa Tiệp Khắc (Liên bang Tiệp gồm Czech và Slovakia ngày nay). Hiệp ước Saint-Germain-en-Laye là hòa ước được ký ngày 10-9-1919 tại Cung điện Saint-Germain gần Paris, chính thức chấm dứt sự tồn tại của Đế quốc Áo- Hung, là một trong những đế quốc lớn nhất Âu Châu trước Đệ nhất thế chiến. Hiệp ước công nhận nền Cộng Hòa mới của Tiệp Khắc. (Československo hay Czechoslovakia). Tiệp thừa hưởng 70-80% các cơ sở công nghiệp của đế chế Áo-Hung để lại và trở thành một trong những nước có kỹ nghệ mạnh nhất thế giới.

Thế chiến thứ hai (1939-1945) Tiệp bị Đức Quốc Xã chiếm ngày 16.3.1939, phần lớn người Do Thái bị giết, hàng trăm ngàn người bị đưa vào các nhà tù và các trại tập trung để làm việc khổ sai. Chiến tranh kết thúc ngày 09.05.1945, đảng cộng sản Tiệp phát triển nhanh chóng trong sự thất vọng của người Tiệp đối với Tây phương đã bỏ họ trong Hiệp ước München, ký kết tại München/ Munich ngày 23-9-1938 giữa bốn cường quốc: Anh, Pháp, Đức và Ý cắt nhiều phần đất của Tiệp chuyển giao cho Đức, Ba Lan và Hungaria… từ đó Tiệp càng ngày càng chịu ảnh hưởng mạnh của Liên Xô. Cuộc bầu cử năm 1946, đảng cộng sản Tiệp chiếm được 38% phiếu,

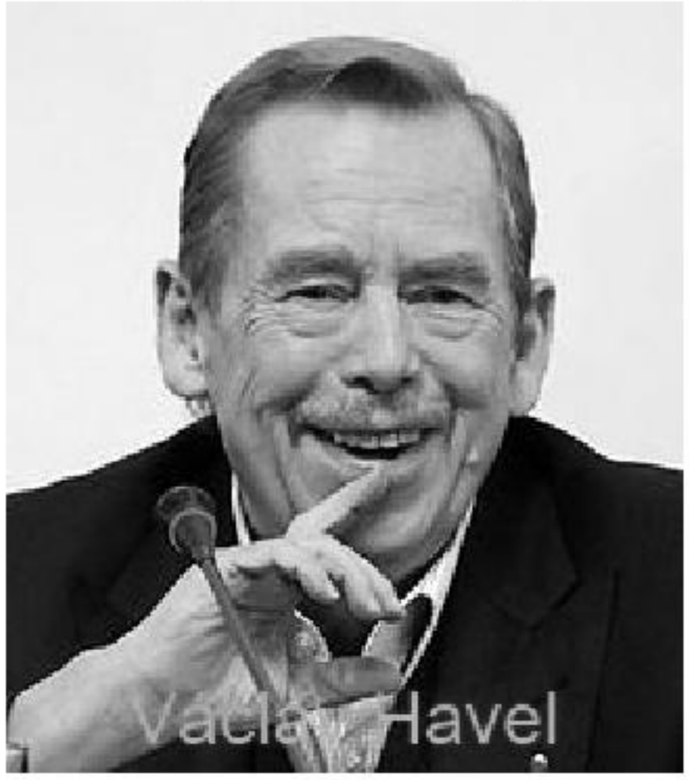


trở thành chính đảng lớn nhất và chính thức cầm quyền từ tháng 2-1948. Đảng cộng sản Tiệp thành lập nhà cầm quyền theo chủ nghĩa CS.

Ngày 24.10.1946 toàn bộ 2,7 triệu người Đức ở Sudetenland (Reichsgau) vùng biên giới (Pohraničí Grenzgebiet) bị trục xuất khỏi Tiệp. Sau khi nắm quyền đảng cộng sản Tiệp quốc hữu hóa các ngành…làm khủng hoảng trầm trọng về kinh tế, chính trị, cộng sản Tiệp độc tài thiếu dân chủ nên năm 1968 mùa Xuân Praha *(Prager Frühling/Pražské jaro)* phong trào của quần chúng bùng nổ đòi mở rộng tự do dân chủ và thực hiện đa nguyên chính trị.



Chính trị gia Alexander Dubček (1921-†1992) người Slovak trong thời gian lãnh đạo Tiệp (1968-1969) nổi tiếng về nỗ lực cải cách chế độ. Liên Xô lo ngại các quốc gia thuộc khối Đông Âu có hành động cải cách theo chủ nghiã tư bản nên nhân danh *"Khối liên minh quân sự Warsaw"* gồm: Liên xô, Bulgaria, Balan và Hungary (Romania và Albania không tham gia) ra lệnh 200.000 lính và 2.000 xe tăng tấn công vào Praha ngày 21-8-1968 đàn áp dẹp phong trào đòi hỏi cải cách bắt giữ các nhà đấu tranh và Alexander Dubček, ông đã nói *"Họ có thể dẫm đạp hoa, nhưng họ không thể ngăn cản mùa xuân"*. Họ đàn áp dã man giết 72 người Czech và Slovak (19 trong số đó tại Slovakia), 266 người bị thương nặng và 436 người khác bị thương nhẹ, nhiều người Tiệp chạy trốn sang Tây Đức xin tỵ nạn chính trị. Các quốc gia Tây phương chỉ đưa ra những lời chỉ trích ngoại giao sau cuộc xâm lược…những người biểu tình bị bắt giữ và bị trừng phạt, chụp mũ là *"phản Cách mạng"*. Ngày 16-01-1969 sinh viên Jan Palach tự thiêu ở quảng trường Wenceslas trước Bảo tàng quốc gia, tiếp theo Sinh viên Jan Zajíc (25-2-1969) cũng tự thiêu tại nơi nầy, việc tự thiêu của 2 sinh viên phản đối chống lại cuộc xâm lược của quân đội khối liên Hiệp Warsaw vào Tiệp năm 1968. Hành động đàn áp bằng vũ lực không thể dập tắt lòng yêu nước của người dân Tiệp *"Freedom is no free"*. Đây là bài học để các quốc gia còn theo chủ nghiã cộng sản biết rằng độc tài, quân phiệt không thể tồn tại lâu dài.



Vaclav Havel (1936-† 2011) là nhà soạn kịch, chính trị gia, nhà đối kháng tranh đấu cho nhân quyền với lý tưởng bất bạo động. Từ năm 1968 ông bị cấm viết kịch nhưng ông tiếp tục dấn thân đấu tranh cho dân chủ, tự do, ông bị nhà cầm quyền cô lập không cho sử dụng điện thoại, luôn bị công an mật vụ theo dõi và bị bắt bỏ tù 5 năm vì là người đề xướng tuyên ngôn *„Hiến chương 77"*. Ông là lãnh tụ của cuộc *„Cách mạng nhung"* năm 1989, và là người đứng đầu *„Diễn đàn công dân"* (Civic Forum), giành thắng lợi trong cuộc tuyển cử tự do đầu tiên cùng thời với sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản tại Romania, Bulgaria, Hungary và Balan, từ đó chế độ cộng sản đã bị

khai tử tại Đông Âu.

Vaclav Havel được dân bầu làm tổng thống Tiệp (Czechoslovakia) 1989; và bầu làm tổng thống Cộng Hoà Czech Republic 1992, ông cũng giám sát việc phân chia Tiệp ngày 01.01.1993 thành 2 quốc gia là Cộng hòa Czech (tiếng Đức là Tschechische Republik) và Cộng Hòa Slovakia (Slovakische Republik):

Cộng Hòa Slovakia (Slovakische Republik):

Dân số trên 5,4 triệu người và diện tích khoảng 49,035 km2. Thành phố Bratislava lớn nhất là thủ đô. Slovakia cũng là thành viên của Liên Hiệp Âu Châu NATO, UN, OECD, WTO, UNESCO

Cộng Hòa Czech, dân số là 10.228.744 người, mật độ khoảng 130 người/km². Diện tích 78.860 km², là quốc gia đa đảng theo chế độ dân chủ nghị viện. Tổng thống hiện nay là ông Václav Klaus là người đứng đầu quốc gia, còn thủ tướng là người đứng đầu chính phủ. Quốc hội có hai viện gồm thượng viện và hạ viện. Từ năm 2000 được chia thành 13 khu vực (kraje hoặc kraj) và thủ đô là Praha,


Nơi tưởng niệm hai sinh viên đã tự thiêu năm 1969

mỗi khu vực có một Hội đồng địa phương (krajské zastupitelstvo), được bầu cử và người lãnh đạo riêng (hejtman). Hệ thống hành chánh điều hành ở Praha có Hội đồng thành phố và thị trưởng là ông Bohuslav Svoboda. Năm 1784 là thủ đô hoàng gia Praha, từ năm 1920 Praha là thủ đô và thành phố lớn nhất Cộng Hòa Tiệp Khắc không bị chiến tranh tàn phá nên vẫn giữ nguyên các nét đẹp cổ kính, dân số Praha 1,2 triệu người, không kể khoảng 300.000 người vào làm việc tại thành phố, Praha diện tích 496 km² là trung tâm kinh tế, văn hoá và chính trị của CH.Czech hơn 1000 năm. Từ năm 1992 Praha được UNESCO công nhận là Di sản thế giới.

Czech gia nhập NATO năm 1999 và trở thành một thành viên của Liên Hiệp Châu Âu từ năm 2004. Đơn vị tiền tệ: Koruna/ Krone (1 Koruna = 100 Heller; trị giá 1€ = 25,135 CZK) chính thức được xử dụng từ ngày 18.02.1993 sau khi Tiệp Khắc chia làm 2: Cộng Hòa Czech và Cộng Hòa Slovakia, chỉ số lạm phát của đồng Koruna là 2,4% và được duy trì ổn định trong suốt nhiều năm qua. Czech muốn gia nhập sử dụng tiền chung Châu Âu (Euro) năm 2012, nhưng sau đó tuyên bố hoãn lại đến năm 2019.




Về chiều trên cầu Charles

Praha đẹp lộng lẫy nhờ nối liền hai nửa thành phố nằm bên bờ sông Vltava/ Moldau là hàng chục chiếc cầu, nổi tiếng nhất là cầu Charles Bridge/ Karlsbrüche/ Karluv Most mang tên vị vua Charles IV có nhiều công lao đối với Czech, cầu xây từ năm 1357- 1402 bằng đá lâu đời cả hàng nghìn năm dài 516m, rộng 10m, cao 13m các chân cầu cách nhau từng đoạn từ 16,62m, đến 23,38m, các cột đèn cao 4,30m ở 2 đầu cầu Charles có 2 tháp cao. Trải qua 2 biến cố ngập lụt cầu bị hư hại nhưng được tu bổ lại không mất nét cổ kính, cầu chỉ dành cho khách bộ hành, dọc hai bên cầu là những quầy bán hàng lưu niệm.. trên cầu thường có các ban nhạc trình diễn với nhiều nhạc cụ khác nhau để bán CD, các hoạ sĩ vẽ nhanh chân dung cho du khách rất truyền thần. Hoàng hôn về thật thơ mộng và lãng mạn với mây nước trong ánh đèn màu rực sáng trên sông, là nơi hò hẹn của những cặp tình nhân nên người Việt ở Praha gọi là *„cầu tình“*. 30 bức tượng nằm hai bên cầu được xây dựng giữa 1683 và 1714, mỗi tượng đài di tích là một phần lịch sử, tôn giáo của thành phố, mang một truyền thuyết như các vị thánh bảo trợ tôn kính tại thời điểm đó, bức tượng đồng nổi tiếng lâu đời nhất (năm 1683) là tượng thánh tử vì đạo Johannes von Nepomuk, nếu ai đến Praha mà sờ vào tượng sẽ đạt được một điều ước nguyện, nên bệ dưới tượng bóng ngời bởi bàn tay hằng ngày của du khách. Những nhà điêu khắc tham gia trang trí cầu như: J.K Böhm, Matthias Braun, F.M. Brokoff…Trong số các tác phẩm đáng chú ý nhất, các tượng thánh Lutgard von Tongen, thánh Giá Thánh .... Năm 1965, một số tượng đã được thay thế bằng bản sao và bản gốc đưa vào viện bảo tàng Quốc gia. (Mời xem 30 bức tượng trên cầu Chales)

https://plus.google.com/photos/101942954515023769260/albums/5776544036638837985?authkey=CNmLva_E64qUZg

Dân số của Czech gốc bản xứ chiếm tỉ lệ 94%. Theo Thiên chúa giáo 26,8%, (ngược lại Slovakei 69%); Tin Lành 2,3%; Phật giáo 7000; Hồi giáo 3700; Jehova 15.000; Cơ Đốc 77.053… người không theo tôn giáo 59%. Còn có các dân tộc thiểu số khác như: Slovakia 2%; Đức 0,17%; Balan 0,20%; Russen 0,24%; Việt Nam 0,54%; Ukrainer 1,21%. Ngày nay tại Czech còn rất ít người Do Thái, nhưng những nét văn hóa của họ vẫn còn được gìn giữ tại thủ đô Praha, người Đức chỉ còn thiểu số tiếng Đức không còn là ngôn ngữ phổ biến.

Nông Nghiệp của Czech trồng các loại ngủ cốc là lúa mì, khoai tây, củ cải đường, thuốc lá, trái cây, nho… Hofen (bông gia vị chế bier), nông nghiệp chỉ chiếm 3,4% GDP.

Kỹ nghệ: Nhiều nhà máy hiện đại ngành sản xuất xe hơi lớn nhất Czech là loại xe hiệu Škoda được xuất cảng ra nước ngoài. Các lĩnh vực quan trọng khác: luyện kim, máy móc, thực phẩm và các ngành công nghiệp gỗ, và các hóa chất, dầu và dược phẩm, các ngành thủ công nghệ gốm sứ, chế biến thủy tinh rất sắc sảo nổi tiếng ..

Năng lượng: Czech có một số tài nguyên như: than đá, than chì, cao lanh, đất sét, sắt, đồng, kẽm, gỗ, một ít dầu mỏ và khí gas ở miền nam Moravia. Hiện nay chế dần việc sử dụng than làm chất đốt vì làm ô nhiễm môi trường. Năng

lượng nguyên tử chiếm 30% tăng lên 40% trong những năm tới. Khí gas tự nhiên được nhập từ nước ngoài Gas được nhập từ Cty Gazprom của Nga.


Trên cầu Charles P...

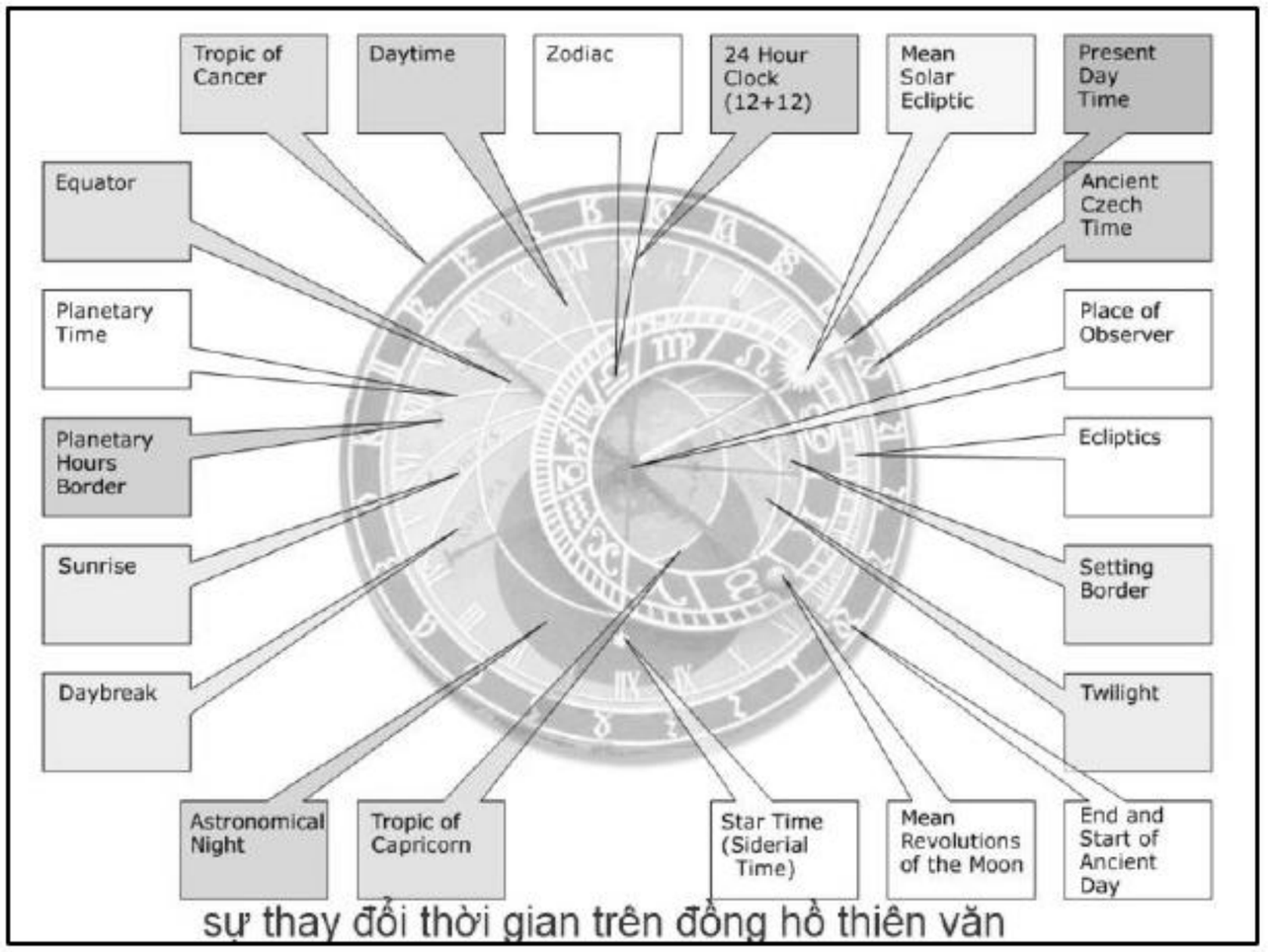
Y tế cũng giống như các quốc gia ở Âu Châu, có bảo hiểm công và tư cho mọi người dân chữa bệnh không phải tự trả tiền.

Giao thông: hệ thống giao thông phát triển, đường sắt dài 9.430 km; 2.743km đường chạy bằng diện, hàng năm chuyên chở khoảng 178 triệu hành khách và 100 triệu m^3 hàng hóa. 99% di chuyển bằng đường sắt. Đường bộ của Czech có chiều dài 55.875km, có trên 414 km, đường xa lộ nối thủ đô và các thành phố chính như Brünn, Pilsen, Pripram tốc độ giới hạn chỉ 130km/h... Về đường hàng không có khoảng 60 sân bay công cộng trong đó lớn nhất là phi trường quốc tế Praha hàng năm đón khoảng 11 triệu lượt khách. Hãng hàng không quốc gia Cezch Airlines bay đến những thành phố lớn ở Âu Châu, Bắc Mỹ, Trung Đông, Á Châu và Bắc Phi. Đường sông trên ba con sông chính là Labe, Vltava và Berounka với tổng chiều dài khoảng 300 km. Vận tải đường sông chiếm từ 2 đến 5% lượng hàng hóa xuất nhập cảng và có vai trò quan trọng trong thương mại đến các hải cảng Hamburg, Magdeburg, Duisburg, Rotterdam. Giao thông công cộng ở các thành phố lớn với các phương tiện như xe bus, tàu điện, thủ đô Praha có tàu điện ngầm từ 9-5-1974, chiều dài khoảng 54km, hệ thống đường sạch sẽ được phân chia theo thứ tự A,B,C. Tuy còn thiếu các máy tự động bán ticket, người đi tự giác mua vé bấm giống như ở Đức không cần qua cửa kiểm soát như ở Paris, London. Metro ở Paris thì hôi thối nước tiểu, móc túi, ca hát xin tiền ồn ào…


Wenceslas Square dài 750m diện tích 45.000m²

Truyền thông: Czech có 75 nhật báo, 4 đài truyền hình chính và trên 20 đài khu vực trong đó Czech Television, TV Nova và Prima TV là những hãng lớn nhất, Czech là nước Đông Âu đầu tiên cho phép tư nhân phát sóng truyền hình năm 1994, có 7 đài phát thanh toàn quốc, 76 đài phát thanh địa phương. Internet khá phát triển với những nhà cung cấp dịch vụ chính là Seznam, Centrum, Atlas, iDnes, Volny và Tiscali. Phục vụ viễn thông quốc tế, có 6 vệ tinh: 2 Intersputnik, 1 Intelsat, 1 Eutelsat, 1 Inmarsat và 1 Globalstar. 125% sử dụng điện thoại di động

Giáo dục: Giáo dục bắt buộc ở bậc phổ thông kéo dài 9 năm (từ 6 đến 15 tuổi) trường phổ thông được chia ra hai bậc, bậc thứ nhất và bậc thứ hai (5 năm +4 năm). Sau khi xong bậc học thứ nhất 5 năm của trường phổ thông có thể tiếp tục học ở trường trung học Gymnasium. (8 năm, 6 năm, 4 năm) ngoài ra còn có các trường trung cấp chuyên nghiệp, học nghề hay âm nhạc. theo hệ 2, 3 hay 4 năm...Tỷ lệ số người mù chữ trên 15 tuổi chỉ dưới 5% mà thôi.



sự thay đổi thời gian trên đồng hồ thiên văn

Czech có 74 Đại học trong đó có 26 đại học công, 46 đại học tư nhân, với nhiều chuyên khoa, đại học cho Quốc phòng *(Universität für Verteidigung 2004)* và Học viện Cảnh sát *(Polizeiakademie der Tschechischen Republik 1993)*, từ lâu C.H Czech nổi tiếng là một trong những trung tâm văn hóa, giáo dục quan trọng tại Âu châu. Năm 1348, vua Charles IV (Karl IV) thành lập Karls-University nổi tiếng tại Praha. Số sinh viên theo học hàng năm trên 45.915 Sinh viên, số giáo sư đại học trên 745, nhân viên phục vụ trên 7000 người. Đại học Kinh tế (Wirtschaftsuniversität Prag) hơn 15.500 Sinh viên theo học hàng năm.

Quảng trường Wenceslas Square/ Wenzelsplatz là trung tâm của Praha từ năm 1848 được đặt tên theo Thánh Wenceslas, chiều rộng khoảng 60 m, dài 750 m, diện tích 45.000m^2. Đại lộ rộng là trung tâm thương mại, nhiều Hotel, Ngân hàng, nhà hàng, tượng đài của Wenceslas trước viện bảo tàng Quốc gia... Nơi nầy trải qua những sự kiện lịch sử như tuyên bố độc lập của nước Cộng Hòa Tiệp Khắc đầu tiên vào năm 1918, các cuộc biểu tình chống lại sự chiếm đóng Tiệp Khắc của quân đội Khối liên minh quân sự Warsaw năm 1969. Hai sinh viên yêu nước là: Jan Palach và Jan Zajíc tự thiêu trước Bảo tàng quốc gia để phản đối hành động xâm lược của ngoại bang. Bồn hoa hình tròn ở quảng trường là nơi tưởng niệm hai sinh viên Jan Palach và Jan Zajíc. Cuộc biểu tình tuần hành năm 1989, đã dẫn đến cuộc *„Cách Mạng Nhung“* chấm dứt chế độ độc tài cộng sản...

Old Town Tòa thị chính Praha

Bá tước Luxembourg và vua của Bohemia quyết định xây dựng một tòa thị chính, trả bằng thuế thời đó đánh vào thuế rượu. Tòa tháp cao 70 m được hoàn thành năm 1364, sau đó liên tục mở rộng. Clock Tower tại Town Hall bao gồm các tòa nhà màu hồng là một trong những điểm thu hút du khách.

Prague Astronomical Clock: là một trong ba chiếc đồng hồ thiên văn học cổ nhất trên thế giới và là chiếc duy nhất vẫn còn hoạt động cho đến nay, dù trải qua nhiều biến cố của thời gian. Cuối thế chiến thứ hai, năm 1945 tòa thị chính nơi đặt đồng hồ Orloj bị trúng đạn của Đức Quốc xã tấn công, các

tượng gỗ trang trí cho Orloj bị cháy, may mắn Orloj không bị hư được lắp lại, các tượng thánh tông đồ bằng gỗ được các nhà điêu khắc làm lại, Orloj hoạt động lại từ năm 1948 đến nay.



Theo truyền thuyết dân gian thợ đồng hồ Hanus bị hội đồng thành phố Praha xử chọc mù mắt sau khi hoàn tất chiếc đồng hồ tuyệt tác độc nhất vô nhị nầy, là nỗi đau của một thiên tài trước khi chết, Hanus cố tình phá hỏng chiếc đồng hồ và nguyền rủa rằng ai sửa chữa nó thì sẽ chết hay điên. (mãi đến thập niên 1960, dựa vào những thư tịch cổ người ta mới biết tác giả làm đồng hồ Orloj là Mikulas ở Kadan làm ra theo sự tính toán của Jan Ondrejuv hay còn gọi là Sindel - giáo sư toán học kiêm thiên văn học của trường đại học Charles Praha, còn Hanus chỉ là người đầu tiên sửa chữa). Từ năm 1865-1866 đồng hồ được sửa thêm vào trên cùng là một con gà bằng đồng nằm trong hốc, trên của hai mặt đồng hồ là một tượng thiên thần bằng đá, hai bên là hai ô cửa sổ nhỏ, bên trong 12 vị thánh tông đồ xuất hiện cầu nguyện và biến mất vào những thời điểm khác nhau, được gọi là "*Walk of the Apostles*".



Mặt của đồng hồ thiên văn xem ngày giờ phút giây và cung hoàng đạo của mặt trời và mặt trăng, hai cây kim mang dấu hiệu của mặt Trời và mặt Trăng gồm 3 vòng tròn không đồng tâm để xem thiên văn, chỉ ba cách đếm thời gian khác nhau:

*Vòng ngoài chữ số kiểu Schwabacher chỉ giờ Czech cổ hay còn gọi là giờ Ý.

* Vòng ở giữa chữ số La Mã chỉ giờ của Trung Âu.

* Vòng trong chữ số Ả Rập chỉ giờ Babylon: chiều dài của mỗi giờ khác nhau tùy theo mùa: dài về mùa hè và ngắn về mùa đông.

Trên mặt đồng hồ vẽ trái đất ở giữa, mặt trời và mặt trăng xoay xung quanh trái đất. Những vòng tròn màu xanh ở trung tâm là trái đất, màu xanh bên trên biểu tượng cho một phần của bầu trời, phần màu đỏ hiện ra cho biết bình minh hoặc hoàng hôn. Hai bên đồng hồ có 4 bức tượng là những biểu tượng: sự kiêu căng tự phụ là người mãi nhìn mình trong gương, trong khi người tham lam cho vay nặng là người Do Thái ôm túi vàng lắc đầu từ chối. Bên phải là bộ xương tượng thần chết kéo dây chuông tay kia lật đồng hồ cát bên cạnh người Thổ Nhĩ Kỳ „kẻ ngoại xâm" (*thời đó đe dọa bởi các cuộc tấn công của Thổ Nhĩ Kỳ).*

Bên dưới đồng hồ Thiên Văn là một đồng hồ lịch năm 1870 vẽ 12 bức hình

tượng trưng cho 12 tháng trong năm, hai bên đồng hồ lịch từ trái sang phải có các tượng của một nhà triết học, một vị Thần, một nhà Thiên văn và một Sử gia. Hàng ngày cứ khoảng 15-20 phút trước khi đến mỗi giờ chẵn những tượng này đi lắc lư theo tiếng chuông và khi 12 Tông đồ qua hết thì đồng hồ điểm chuông và chú gà thò đầu ra vỗ cánh gáy chào tạm biệt…

Lâu đài Praha là một trong những lâu đài cổ lớn nguy nga từ thế kỷ thứ 9, chiều dài 570m, chiều rộng trung bình khoảng 130m và diện tích gần 70.000m2. Bao gồm cung điện, tháp canh, Đại thánh đường St. George cổ nhất, được xây từ năm 920 và được tu sửa lại sau trận hỏa hoạn lớn vào thế kỷ 12. Ngày nay, nó được dùng làm nơi trình diễn hòa nhạc và cũng là nơi lưu giữ bộ sưu tập nghệ thuật Bohemia nổi tiếng. Đại thánh đường St. Vitus được xây vào nửa đầu thế kỷ thứ 10. Nhiều lần được mở rộng, xây lại và hoàn thiện cho tới thế kỷ 18. Đây là nơi các vị vua cho tới các Tổng thống của Czech ngự trị. Vương niệm bằng vàng, thánh giá và thanh gươm nạm đá quý của các vị vua ngày xưa cũng được đặt tại cung điện này, nơi đây còn có viện bảo tàng và phòng tranh. Sảnh đường Vladislav đồ sộ được xây thêm vào cung điện hoàng gia vào thế kỷ 16, sảnh đường lớn dài 60m và rộng 16m trần nhà cao 12m. Lâu đài Praha cũng như những di tích lịch sử khác của Czech vẫn giữ được vẻ đẹp cổ kính dù trải qua những biến động lịch sử và sức tàn phá của thời gian.

Đời sống của người Czech trở nên giàu có văn minh, đất nước phú cường nhờ từ bỏ chế độ độc tài cộng sản. Nhưng cũng có những tệ nạn được tính trên 100.000 người ở trong một năm có 252,73 vụ ăn trộm xe, ăn trộm cạy cửa là 111,19; bạo lực xảy ra 216,8; tự tử, gây án mạng 2,52. Tránh những việc không vui có thể xảy ra, du khách nên đậu xe ở Parking của Hotel, đổi tiền ở Ngân hàng, không nên đổi ngoài đường…Praha ít Toilette công cộng để giải quyết „*vấn đề*“ có thể vào McDonald nhưng phải có tiền lẽ…



Người Việt phần đông gốc miền Bắc đến Tiệp từ thời còn „*cộng sản anh em*“. Sau khi thay đổi chế độ cố Tổng thống Václav Havel cho phép sinh viên, học sinh du học và những người lao động Việt được ở lại. Nhờ chính sách cho tự do kinh doanh, người Việt làm ăn buôn bán, thành lập công ty, chợ Sapa trung tâm thương mại trù phú ở ngoại ô Praha có khoảng 7.000 người, ngoài ra tại Czech có thêm 10 chợ trời. Người Việt nhờ „*đất lành chim đậu*“ với bản tính siêng năng, cần mẫn

làm ăn phát đạt, họ đưa gia đình, người thân sang sinh sống. Hiện nay khoảng trên 60 ngàn người Việt sinh sống tại Czech. Trong cộng đồng người Việt tại Czech có người tốt kẻ xấu, một thiểu số gây nên những tệ nạn xã hội như: nạn buôn người, trồng cần sa...v. và vv…vì họ là những người Việt Nam không chịu từ bỏ „*cái đỉnh cao trí tuệ*“ để học cái hay, cái đẹp, cái chân thật mà hội nhập với thế giới văn minh tiến bộ Đó là nỗi buồn chung của chúng ta!

Nguyễn Quý Đại
Hè 2012

Tài liệu tham khảo

Das Neue Universal Lexikon 2011, nhà xuất bản Bertelamann
Hình của tác giả và trên Internet
http://de.wikipedia.org/wiki/Prager_Rathausuhr.
http://de.wikipedia.org/wiki/Prag
http://www.myczechrepublic.com/de/prag/
http://de.wikipedia.org/wiki/Wirtschaftsuniversit%C3%A4t_Prag
http://de.wikipedia.org/wiki/Karls-Universit%C3%A4t_Prag
http://www.cuni.cz/

(1)Schengen là tên một ngôi làng nhỏ, nằm ở đông nam Luxembourg, gần ngã ba biên giới với Đức và Pháp. Địa danh nầy ngày 14-6-1985, các nước Pháp, Bỉ, Hòa Lan, Luxembourg và Đức đã ký hiệp định Schengen, Công dân các nước tham gia Hiệp ước Schengen đi lại tự do bằng đường hàng không, đường bộ và đường biển không bị kiểm soát ở biên giới. Năm 1990, các nước trên ký thêm một văn bản thay thế gọi là Hiệp ước Schengen và lần lượt có thêm các nước khác gia nhập. Năm 2001 có 15 thành viên là: Áo, Bỉ, Đan Mạch, Phần Lan, Pháp, Đức, Iceland, Italy, Hy Lạp, Luxembourg, Hòa Lan, Na Uy, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Thụy Điển. Ngày 01.5. 2004 thêm 9 thành viên mới là: Czech, Estonia, Hungary, Latvia, Lithuania, Malta, Ba Lan, Slovakia và Slovenia.

Công dân các nước ngoài EU, chỉ cần có Visa được nhập cảnh một trong những nước trên có thể đi lại tự do trong toàn khối. Việc mở rộng khu vực Schengen của EU là dỡ bỏ "bức màn sắt" ngăn cách giữ các quốc gia Đông âu. Anh Quốc vẫn đứng ngoài khu vực Schengen, Tổng số quốc gia tham gia ký hiệp ước này là 28 nước: **Đức**, Áo, Ý, Hy Lạp, Zypern, Macedonia, Montenegro, Serbia. Luxembourg, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Cộng hòa Czech, Hungary, Slovakia, Slovenia, Estonia, Latvia, Litva, Malta, Iceland, Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan, Đan Mạch, Hà Lan, Bỉ,

Các thành viên và ngày gia nhập

*04.6.1985: Pháp, Bỉ, Hòa Lan, Luxembourg, CHLB Đức
*17.11.1990: Ý
*25.6.1992: Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha
*06.11.1992: Hy Lạp
*28.4.1995: Áo
*19.12.1996: Đan Mạch, Thụy Điển, Phần Lan, Na Uy, Iceland
*29.5.2000: Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland và Ireland chỉ ký thỏa thuận về hợp tác an ninh và cảnh sát, chưa ký bãi bỏ kiểm soát biên giới
*01.5. 2004: đảo Kypros, Estonia, Latvia, Litva, Ba Lan, Hungary, Malta, Slovakia, Cộng hòa Czech và Slovenia
*16.10.2004: Thụy Sĩ (ngoài Liên minh châu Âu, đã trưng cầu ý dân chấp thuận ngày 05.6.2005)
*01.1.2007: Romania, Bulgaria
*19 .12.2009: Macedonia, Montenegro, Serbia.

LÒNG MẸ BAO LA...

Cát Đơn Sa (Diễm Châu)

Từ khi con gái lấy chồng, bà Tuyền yên phận sống lặng lẽ ở một thành phố nhỏ, cũng không xa nơi con gái ở cho lắm, cùng với thằng con trai út mãi chưa chịu lấy vợ…nhưng bà đặt hết tình thương vào con trai, cho dù nó cũng chẳng còn nhỏ nhít gì!

"Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào"... là vậy.

Bà có hai đứa con, gái lớn là Hiền, và trai út là Vinh, cách nhau khoảng tám tuổi. Chồng bà, thời gian sau nầy vướng vào vụ gái giếc, đã buộc cho bà vô số tội, chê trách bà nhiều thứ, mà bản thân bà không thể tự khắc phục như: khi ngủ bà ngáy ồn ào, làm ông không thể an giấc, như bà hay ho, tiếng ho chói tai, quá nhiều, đôi khi còn ho vào cả thức ăn mặc dù bà đã cẩn thận che miệng vào cánh tay áo…

Bà không phải ho vì bịnh! Mà ho vì bị dị ứng với hoa phấn. Nhất là vào mùa xuân, ho liên tu bất tận!!! Đi bao nhiêu thầy, uống bao nhiều thuốc cũng không khỏi! Có lần đang làm đồ ăn, cơn ho đến bất ngờ quá không bịt miệng kịp, ông ngồi gần đó trông thấy, là chì chiết bà mãi, rồi còn tố cáo bà để thêm phần lôi, phân xâu!

Sau đó ông đầu đơn ly dị bà!

Quá chán cho tình người đen bạc, thay vì vợ bị như vậy chồng phải tìm lời an ủi, hỏi han, đàng nầy lại đem ra chỉ trích, bắt bẻ! Bà nghĩ thôi thì thuận ký đơn ly dị cho xong, tiếc làm gì kẻ bạc tình, khỏi phải làm cho người chồng phản bội tức giận, rồi ra ngoài thù ghét, tiếp tục bôi bác.

Bà được chia cho ít tiền, cũng khoảng bốn chục ngàn đô la, vì không thuận lấy căn nhà. Ai lấy nhà thì tiếp tục trả "bill" trong hai năm nữa. Mà số tiền phải trả hàng tháng hơn một ngàn đô, bà sợ kham không nổi, dù giá trị ngôi nhà lớn. Công việc phụ bếp của bà lương đưa về nhà được ngàn rưỡi, chỉ đủ nuôi mấy miệng ăn.

Nhưng bà dành hai đứa con, vì bà biết chắc cha chúng không bao giờ để ý đến con cái! Cái tính của ông chồng, bà rất rõ. Không bao giờ ông tiếp tay bất cứ chuyện gì trong nhà, nói chi là nuôi con. Rồi còn cô bồ trẻ của ông nữa! Bà không muốn sau nầy con bà bị bất cứ ai hành hạ. Đề nghị bà đưa ra ông chấp nhận ngay, vì quá tốt cho ông. Ông còn sợ bà bắt ông cấp dưỡng hay nuôi thằng Út, nhưng không, bà không đòi gì cả, ông lại được tự do thăm con bất cứ lúc nào ông muốn.

Nhưng việc đó cũng chỉ xảy ra vài tháng đầu, sau đó thì cả năm có khi ông chỉ tới gặp chúng vài ba lần, tình cha con có vẻ nhạt dần theo thời gian.

Trái với chị Hiền vừa giỏi vừa lanh, Vinh chậm chạp, hiền lành, may mà cu cậu chăm chỉ, ra trường lấy được mảnh bằng kỹ sư điện toán, làm cho bà Tuyền cũng an tâm.

Từ khi Hiền về nhà chồng, thời gian đầu bà Tuyền cứ lo lắng mãi, không biết "thằng Mỹ", là con rể người Mỹ của bà có thật tình thương yêu con gái bà không? Đã nhiều lần, Hiền trấn an mẹ:

- Chồng con tính tình OK lắm, không sao đâu mẹ.

- Thế hả con?

- Dạ, nó muốn mẹ tới nhà con chơi, nó muốn ăn cơm Việt Nam?

Bà Tuyến trố mắt:

- Thiệt sao? Nó thích món gì?

- Phở đó mẹ, nó khoái ăn phở lắm, khi nào mẹ nghỉ "vacation", qua nhà con chơi một tuần, nấu ăn món Việt Nam nghe mẹ.

Bà Tuyền hứa với con gái, nhưng rồi thời gian cứ dần dà trôi, bà vẫn chưa đi được, vì bà mãi lo đi làm, cũng như nấu ăn cho cậu con trai Út ở gần.

Mẹ không đến nhà, thì vợ chồng Hiền về thăm mẹ. Mỗi lần gặp bà, cậu con rể lại tập nói vài câu tiếng Việt khi ngồi ở bàn ăn, thưởng thức những món mẹ vợ nấu:

- Ngon lắm, no rồi.

Khi chào từ giã đi về, thế nào Jimmy cũng năn nỉ:

- Mẹ nhớ qua chơi với tụi con.

Bà Tuyền lại gật... rồi quên... Cũng không phải là quên, mà nói đúng hơn là bà ngại!

Bà nghĩ nhà của người Mỹ khác người Việt, sạch sẽ ngăn nắp, cộng thêm cái tính thích bày biện, chưng diện nhà cửa của con gái bà, chắc chắn nhà nó sẽ đâu ra đó, thứ tự và sang trọng. Còn căn bếp, dĩ nhiên sẽ sáng choang, không bốc mùi đồ ăn như bếp và tủ lạnh của nhà bà.

- Không đâu mẹ ơi, mẹ chưa tới nhà con lần nào, bây giờ con không còn sạch như hồi đó nữa đâu!

Sự tiết lộ của con gái làm bà ngạc nhiên:

- Sao vậy?

- Tại vì nếu con sạch sẽ, ngăn nắp quá, sau nầy sẽ khổ mình thôi, nên con mặc kệ, cho Jimmy nó quen.

Vậy đó mà cho đến khi con gái sanh thằng cháu ngoại đầu tiên, bị mất máu khá nhiều, cần có người giúp đỡ để nghỉ ngơi thì bà mới lấy bốn tuần phép để đi thăm con. Con gái sinh nở lần đầu, lại yếu như vậy, có bàn tay mẹ giúp đỡ là quá tốt, nếu không để một mình nó xoay sở, thật là tội nghiệp.

Thằng con rể cũng hồi hộp khi nghe tin mẹ qua giúp vợ mình. Cậu đang lúng túng trong chuyện gia đình, và người ta vẫn thường hay ngạo những câu chuyện về các bà mẹ vợ ở chung trong nhà. Riêng Jimmy, cậu ta chỉ biết bà mẹ vợ của mình nấu ăn ngon quá trời, nhất là lúc nầy, cả nhà đang cần có mẹ đến để giúp một tay.

Jimmy lái xe đi rước mẹ. Cái chân mắc dịch hồi cách đây vài ngày, khi hấp tấp chạy đến sở làm, vấp té một cái ngay cầu thang bị bong gân, nhức thấu xương!

Theo lời vợ dặn, Jimmy gởi xe ở bãi đậu, ráng đi cà nhắc vào trong phi trường đón mẹ. Đứng chờ khoảng mười lăm phút thì bà Tuyền đi ra. Bà vui mừng khi trông thấy con rể:

- Mẹ cứ sợ là không ai đón.

- Mẹ yên tâm, mẹ đi máy bay OK?

- OK, OK... bây giờ mẹ phải lấy hành lý đã.

Thấy chân của Jimmy bị đau, bà hỏi:

- Trời ơi, bị sao vậy? Sưng hết trơn rồi, chút nữa về nhà mẹ bóp dầu nóng cho là hết ngay.

- Thật hả mẹ?

- Sao không, dầu nóng công hiệu lắm, có điều con phải cho cái chân nghỉ ngơi, đừng bắt nó làm việc nữa.

Jimmy thật thà:

- Nhưng con phải đi đón mẹ.

- Thì đúng rồi, chút nữa để mẹ lái xe về cho, con ngồi chỉ đường cho mẹ là được rồi.

Nghe bà nói, Jimmy không an tâm, mẹ ruột cậu không bao giờ lái xe khi đi với đàn ông. Cuối cùng cậu lôi điện thoại ra gọi hỏi ý kiến vợ. Hiền cười to:

- Mẹ em lái xe chiến lắm đó, cứ để bà lái đi, anh yên tâm.

Jimmy cảm động khi bà Tuyền nhanh nhẹn đẩy cậu qua phía bên kia. Bà có vẻ không phải là người đàn bà yếu đuối cần chăm sóc như cậu thường nghĩ.

Thế là bà Tuyền ngồi vào sau tay lái. Sau khi chỉnh ghế, kiếng chiếu hậu, và những thứ khác cho thoải mái, bà theo sự hướng dẫn của Jimmy, lái xe về nhà.

Nhìn cách bà lái xe, Jimmy không thể chê, chỉ tiếc là bà đi cứ 70 miles một giờ, không chịu chạy mau hơn.

- Mẹ lái 75 miles đi mẹ.

- Không, chạy mau hơn vừa nguy hiểm vừa chẳng cần, mình có gấp gì đâu.

Nghe mẹ vợ nói, Jimmy chợt nghĩ: "Ừ nhỉ, mình có gấp gì đâu mà cần chạy cho mau!" Đời sống ở đây đã quen vội vã, làm vội, ăn vội, đi vội... có lẽ phải "từ từ" lại, thì sẽ tốt hơn.

Về đến nhà, bà Tuyền chạy ngay vào phòng con, nhìn thằng cháu ngoại vừa thức giấc, bà ẵm nó lên, áp sát vào người âu yếm. Thấy Hiền có vẻ mệt mỏi, bà khuyên:

- Có mẹ ở đây, con đừng nghĩ ngợi lo lắng gì, cứ ngủ cho khoẻ, chuyện nhà mẹ sẽ lo hết.

- Con phải cho bé bú.

- Thì lúc nầy buổi tối con tạm để nó bú bình, nó sẽ ngủ với mẹ vài đêm cho con lại sức, đợi khi nào con khỏe hẳn hãy hay.

Hiền lắc đầu:

- Không, con sợ nó quen núm vú, rồi không chịu bú con thì khổ.

Bà Tuyền trấn an:

- Không sao đâu, chỉ vài đêm thôi mà. Con cần phải lại sức, rồi mới có thể lo cho con của con được.

Thăm con cháu xong, bà lôi chai dầu xanh trong va-li ra, bắt thằng rể ngồi thẳng cẳng cho bà xức dầu và bóp lên chỗ sưng. Lúc đầu thì Jimmy cũng chẳng tin là bóp như thế sẽ đỡ, nhưng vì lịch sự, muốn bà mẹ vợ vui, cậu ta cũng tỏ ra hưởng ứng.

Tối hôm đó, thằng cu Gold (vàng) ngủ với bà ngoại. Thằng bé thật là dễ, ngủ lu bù, chỉ thức hai lần đòi bú, thay tã là ngủ lại cho đến sáng. Phải nói không phải chỉ hai bà cháu, mà cả nhà ngon giấc. Mấy ngày nay, Hiền mệt đừ vì phải chăm sóc con, cho dù còn rất yếu. Cô không chịu để cho chồng coi con, vì tình thương dành cho con, mà còn sợ chồng không biết gì về việc giữ trẻ!

Sáng hôm sau, bà Tuyền ra bếp bắc nồi cháo thịt heo cho cả nhà ăn sáng. Mùi cháo thịt thơm bay tỏa trong gian phòng ăn nhỏ ấm cúng. Múc cho Jimmy một tô xong, bà bưng cháo và một ly sữa đậu nành vào cho Hiền. Lúc đó thằng cu cũng vẫn ngủ ngon, chưa thức giấc.

Jimmy ăn xong, mặt mày tươi rói, khoe cái chân đã đỡ nhức nhiều, chiều về nhờ bà ngoại bóp dầu thêm, rồi chào bà đi làm.

Bà Tuyền mở cửa vòng ra sân sau coi. Bà thấy trong sân nhà có nhiều cây rau dền dại, loại nầy ăn mát và bổ. Bà dặn lòng nhớ mở máy vi tính lên coi những thức ăn nào tốt cho sản phụ mau lại sức, thì bà sẽ theo đó mà nấu cho Hiền.

Trước khi nấu cơm trưa, bà xách xe chạy ra chợ Tàu gần nhà Hiền mua thịt heo về kho tiêu, đậu hũ và ít cá thu. Bà nấu cơm hàng ngày hợp cho sản phụ và cả Jimmy nữa, được ăn những món như đậu hủ nhồi thịt, cá chưng tương, cơm tấm, phở, bánh xèo... Cậu ta thích lắm, khen ngon luôn miệng.

Thằng bé thì ngoài giờ ngủ, thức dậy bú mẹ xong, bà bồng đi tắm, chơi với nó một lát. Bà dặn con:

- Thương thì thương, đừng có ẵm bồng nó luôn tay, nó sẽ quen hơi và cứ bắt mình ẵm hoài, lúc đó con chăm nó, hay là gởi cho người ta rất khó. Nếu nó khóc hoài cũng phiền toái lắm đấy.

Dù mẹ đã dặn vậy, nhưng Hiền vẫn cứ thường hay ẵm thằng bé lên ấp yêu trong lòng. Nó dễ thương quá, hy vọng nó sẽ không làm phiền cô như mẹ nói, khi lớn hơn một chút!

Mỗi lần thấy mẹ là Hiền vội để con xuống. Bà Tuyền biết điều nầy, có doạ vài lần:

- Mẹ nói không nghe thì sau nầy khổ vì con đó!

Nhìn thấy tình mẫu tử giữa con và cháu ngoại, bà Tuyền nghĩ rằng tình thương con trong lòng Hiền còn lớn hơn cả bà khi xưa.

- Thôi thì con của nó, nó muốn làm gì thì làm!

Bà chỉ sợ sau nầy Hiền đi làm lại, những đứa trẻ được cha mẹ thương yêu nhiều, tính nết sẽ khó khăn hơn những đứa khác khi ở chung trong nhà trẻ, rồi sinh ra phiền tóai cho cả hai bên. Thiếu gì đứa trẻ khóc dai, cứng đầu đã bị nhân viên trường hành hạ cho đến bị thương tích!

- Mẹ đừng lo, tụi con tính với nhau rằng sau khi sanh xong, con không cần đi làm nữa, ở nhà mà lo cho cháu và nấu cơm là OK rồi.

Thế thì cũng được. Nhiều lần bà thấy xót trong lòng vì tình thương con của Hiền. Dù chưa lại sức mà muốn nằm sát bên con, khi thằng bé đang nằm ở tấm nệm gần bên, Hiền không đủ sức dùng tay để kéo thằng bé về phía mình, mà lấy chân khều thằng bé lại, nhìn thương hết sức.

Những khi đang ở trong phòng nói chuyện với Hiền, mà nghe tiếng xe của Jimmy đi làm về, là bà Tuyền thường ý tứ tránh mặt, rút vào phòng mình, hay ra bếp để cho vợ chồng chúng nó được tự do âu yếm nhau. Do vậy, Jimmy thấy từ khi mẹ vợ đến chơi, căn nhà như ấm cúng, vui vẻ hẳn lên, nhất là chẳng bao giờ bị mất tự do cả!

Bà ở nhà Hiền được một tuần thì Hiền đã khoẻ lại thật nhanh. Cô có thể ra bếp chơi với mẹ. Thằng bé còn trong tháng nên vẫn ngủ ngày hơi nhiều.

- Mẹ, trước khi mẹ về, con muốn mời vài đứa bạn tới ăn phở được không mẹ?

- Được chứ. Con định mời mấy người?

Hiền suy nghĩ:

- Mời ba cặp, là sáu người được không mẹ?

- Được, nhưng sao con không làm đầy tháng cho thằng cu luôn?

Hiền reo lên:

- Ồ phải đó, mẹ nhắc con mới nhớ. Mình làm đầy tháng nhưng con sợ mẹ nấu nhiều, mệt lắm!

Bà Tuyền lắc đầu:

- Đâu có sao. Nấu một nồi phở, rồi làm gỏi bò lúc lắc, bánh phồng tôm, vậy là đủ rồi.

À, mà nhà con có tô to để ăn phở không?

Hiền lắc đầu:

- Con có tô, nhưng mỗi thứ một màu, bốn cái thôi...

- Vậy còn nồi, mẹ đâu thấy trong bếp có cái nồi bự nào đâu?

- Có mẹ, con để ở ngoài ga-ra.

- OK, vậy chút mẹ ra xem.

- Hễ mẹ thấy thiếu cái gì, mẹ cứ ghi xuống, rồi con với mẹ đi mua.

- Được rồi, con hãy ráng cho khỏe, để mẹ đi một mình cũng được.

Jimmy đang ngồi coi TV, cũng vào bếp góp chuyện:

- Mẹ, con quảng cáo là mẹ nấu phở rất ngon.

Bà Tuyền nghe khoái trong lòng.

- Cám ơn.

- Tụi nó hy vọng là mẹ nấu nhiều món Việt cho tụi nó thưởng thức. Sao mẹ không về đây ở với tụi con, có nhiều phòng trống cho mẹ mà.

Bà Tuyền lắc đầu:

- Thôi, cám ơn.

Bà biết dù vợ chồng Hiền muốn bà về ở chung, để gia đình thêm người cho vui... nhất là cậu con rể thì còn dễ thương, tính tình vui vẻ, dễ dãi hơn nhiều người rể Việt.

Nhưng tự trong thân tâm, bà không muốn có mặt bà xen vào đời sống son trẻ của họ. Lâu lâu gặp một lần cũng đủ vui rồi. Bà quan niệm nếu bà không ở chung, thì con gái bà sẽ giỏi hơn, điều đó hẳn nhiên.

Thằng cu ngày càng quen hơi bà ngoại. Nó đôi khi biết cười khi bà kêu tên, nhìn khuôn mặt rất là "cute" (dễ thương).

Từ khi mẹ nó khoẻ lại, thì bà không ngủ với thằng cu nữa. Thật ra thì trong ngày lo việc nhà, bà cũng khá mệt! Đã lâu lắm rồi, bà không có săn sóc cho "baby", nên bây giờ những việc lắt nhắt, nhưng phải làm tỷ mỷ, thận trọng khiến bà cảm thấy có trách nhiệm hơn, do vậy phải cẩn thận hơn.

Nhiều đêm bà ngủ ngon một giấc, chợt thức dậy khi nghe tiếng lục đục trong phòng con gái, ánh đèn sáng cho biết là con bà chưa ngủ. Bà mò qua phòng thì thấy con đang cho cháu bú.

- Sao mẹ nghe nó khóc hoài vậy con?

- Nó muốn bú mà chưa tới giờ.

Rồi cô nựng yêu con trai:

- Thằng khỉ nầy cứ muốn gần con nó mới chịu.

Nghe con nói như vậy, bà thấy con gái đã bắt đầu cực với con cái rồi! Cưng cho lắm rồi phải hầu thôi. Nhưng mà bà không ý kiến ý còng thêm nữa, đây là việc nhà của cô, cô muốn tự quyết định thế nào cũng được. Vả lại lúc nào thì "lòng mẹ cũng bao la như biển Thái Bình"... bà từng biết điều đó...

Bà Tuyền chú tâm làm buổi thôi nôi cho thằng bé thật tươm tất, trước khi từ giã con cháu đi về. Các món ăn chơi gồm gỏi cuốn, bò lúc lắc, ăn thật thì có phở. Ngoài ra, bà còn làm sẵn chả giò cất trong ngăn tủ đá, khi muốn ăn, Hiền chỉ cần lấy ra trước vài tiếng, rồi chiên lại cho dòn.

Vậy mà cũng đã sắp đến ngày. Sáng hôm đó thứ sáu bà dậy sớm, lo xong thức ăn sáng, bà ra sau vườn đi vòng quanh nhà, cắt một bó hoa thật lớn đủ màu sắc, đem vào chưng bày trong một cái bình thủy tinh thật đẹp, chuẩn bị cho ngày mai. Quả là bà khéo tay, vì mấy thứ hoa bà cắt, đa số là hoa dại, mọc quanh hàng rào, vậy mà kết hợp lại với nhau, chúng trở nên đẹp đẽ.

Chưng hoa xong, bà lái xe đi chợ ngay, trong lúc hai vợ chồng Hiền và thằng cu còn ngủ. Gần ngày mẹ vợ về, Jimmy ở nhà một buổi nên ngủ dậy muộn, cho bù lại hàng ngay phải bương chải đi làm.

Hôm nay bà đi chợ Tàu ở xa nhà hơn, vì chợ lớn thường dễ mua bán, có đủ đồ. Dĩ nhiên là bà không ưng Hiền đi theo, vì bà muốn được trả tiền lần nầy.

Bà chọn mua chục cái tô ăn phở cùng bộ với muỗng thật đẹp, hàng của Nhật Bản. Màu xanh đại dương hòa với xanh lá cây làm cho bộ tô muỗng nhìn sang và bắt mắt. Xong bà đẩy xe qua hàng bán thịt, chọn mua một miếng thịt tái nhờ họ cắt mỏng, cùng ba pounds nạm vè giòn, ít xương ống. Sau đó đi vào hàng bán hoa hồi, bánh phở khô.

Loại nầy Hiền có thể để dành vài gói trong tủ, khi nào muốn ăn là có, không phải mất công đi chợ.

Mua các thức xong, bà qua chỗ bán rau quả. Bà Tuyền biết Hiền thích ăn sầu riêng, nên bà lựa mua một quả có múi thật to, gai nở, màu ngả vàng, chắc phải ngon lắm đây nhưng không biết anh chồng Mỹ và tụi bạn của nó có ngửi được mùi không? Thêm một túi nhãn hạt tiêu cho đủ... nóng!

Rồi bà lấy thêm giá, rau húng, hành ngò, gừng, chanh, củ hành tím... thiếu một thứ kể như mất ngon. Hai chai tương đen và ớt đỏ bà đã nhớ ngay khi bước vào chợ.

Chưa hết, mua xong các thứ, bà đem ra bỏ vào sau cốp xe, rồi quay trở vào tiệm "food to go" (tiệm bán thức ăn săn đem về) ngay sát bên chợ. Ôi thôi, đủ thứ đồ ăn vặt bán trong nầy, nào là chè, xôi, chuối chiên, nào là bánh tiêu, giò cháo quẩy, bánh mì kẹp thịt đủ loại, thịt vịt, gà v.v...

Nhìn dãy thức ăn được bày biện trước mắt, bà Tuyền thích rất nhiều loại. Bà cầm thứ nầy, coi thứ kia, bốc lên rồi bỏ xuống. Sau cùng bà mua một túi lớn, có bánh mì, chả chiên, bánh bột lọc gói lá, ba ly chè đậu trắng, bánh khoai mì, chả Huế, và mấy cái bánh giò dầy.

Về đến nhà, Jimmy đã chạy ra đón, xách đồ vào bếp giúp bà. Hiền trách:

- Sao mẹ không kêu con cùng đi với?

- Lúc đó con còn ngủ, mẹ không muốn đánh thức con dậy!

Rồi bà soạn thức ăn ra bàn, rủ rê:

- Con lại đây, mẹ mua nhiều đồ ăn lắm.

Hai mẹ con cùng lựa chọn, ăn uống vui vẻ. Jimmy chạy vào phòng tình nguyện coi bé, cho hai mẹ con hủ hỉ với nhau.

Vừa nấu xong nồi phở, và chuẩn bị các thức để làm gỏi cuốn cho ngày mai, chưa kịp ăn tối thì có tiếng chuông điện thoại reo. Hiền ra phòng khách trả lời phôn, rồi vào nói với mẹ:

- Mẹ biết tin con bồ của bố bỏ bố rồi chưa?

- Không biết, mà mẹ biết những chuyện ấy làm gì cho mệt óc!

- Vinh điện thoại cho con, nói bố đang bịnh nặng mà không ai chăm sóc cho bố cả! tội nghiệp lắm.

Bà Tuyền nghe vậy định mở miệng nói câu gì, nhưng rồi chợt nín lặng! Tính mẹ vẫn thế, ít khi nào chỉ trích hay chê trách ai! nhất là người đó lại là bố! Một lát bà mới hỏi:

- Bịnh gì mà nặng?

- Bố bị xe tông, phải nằm nhà thương mẹ ạ!

Chỉ có tiếng thở dài, không hỏi gì thêm...

Ngày hôm sau, Hiền ra phụ mẹ nấu nướng và làm những thứ lặt vặt. Nói cho đúng thì món chính như phở, mẹ đã nấu từ hôm qua. Nên dù có đông người đến ăn, nhưng công việc không nhiều.

Khi mẹ về rồi, Hiền thấy sao nhà cửa vắng vẻ quá, nhưng cô không than thở gì về điều nầy, vì còn có thằng con làm cho quên nhưng Jimmy thì hay thở dài thở ngắn:

- Mẹ ở đây vui, mà mình lại được ăn ngon, khi nào mẹ mới qua lại?

- Em không biết nhưng em nghi bà già quá!

- Nghi cái gì?

- Thế nào bả về cũng vào nhà thương giúp bố cho anh xem.

Jimmy ngạc nhiên:

- Sao hồi đó em nó mẹ thề không bao giờ gặp bố nữa?

- Thì là lúc bố khoẻ mạnh, vui chơi với con nhỏ đó nhưng giờ bố đang cô thế, bịnh hoạn, thì khác chứ. Mẹ em hay lo lắng cho người khác mà quên thân mình. Anh gọi thằng Vinh hỏi coi.

Jimmy gọi Vinh, nghe tiếng hắn ta có vẻ thoải mái hơn trước:

- Hello Jimmy, em giờ khoẻ hơn mấy ngày trước rồi.

- Vậy à? Bố ra sao rồi?

Vinh kể:

- Hôm mẹ về, mẹ hỏi em tỉ mỉ bịnh tình của bố. Em nói chân của bố bị gãy, phải băng bột, nằm nhà thương ít nhất là ba tuần. Sau đó mẹ nấu cơm cho em đem vào cho bố, có khi còn thay em đưa cơm vào, nhưng nhờ người đưa tới giường cho bố vì mẹ biết bố khó tính, không thể ăn đồ Mỹ, nhất là cơm nhà thương. Có mẹ nấu, em khỏi chạy ra phố mua đồ ăn, ngược đường quá trời!

- Thôi, cậu ráng mà làm vậy, dù sao ông cũng là cha cậu.

- Hồi bố bỏ mẹ và tụi em đi theo cô nhân tình, ổng đâu có thèm ngó ngàng gì đến mẹ con em nhưng em giúp là vì em con ổng. Chỉ tội nghiệp cho mẹ, khi đó ổng hất hủi, lên mặt chê bai bà dữ lắm, thật tội, vậy mà bây giờ vẫn căm cúi lo cho bồ!

- Thôi cậu ráng đi, hôm nào tụi nầy sẽ bay về thăm.

- Anh chị bồng thằng cu về thăm bố hả?

Jimmy đính chính ngay:

- Không phải là thăm bố, mà đi thăm mẹ. Cả nhà anh chị nhớ bà ngoại lắm rồi, nhân tiện đó vào thăm bố luôn.

Cát Đơn Sa (Diễm Châu)

(California)

Buổi sinh hoạt văn học và âm nhạc với hai Giáo sư Nguyễn Hưng Quốc và Hoàng Ngọc Tuấn

THY NGA



Độ này trời vùng Hoa Thịnh Đốn rất nóng bức tuy nhiên cuối tuần qua, một chương trình sinh hoạt nhẹ nhàng về văn học và âm nhạc đã như làn gió mát từ Úc đến với đồng hương nơi đây. Buổi sinh hoạt được tổ chức để đón tiếp hai Giáo sư Nguyễn Hưng Quốc và Hoàng Ngọc Tuấn từ Úc châu đến. Chương trình được sự bảo trợ của Cơ sở Cỏ Thơm, Câu lạc bộ Văn Học Nghệ Thuật vùng Hoa Thịnh Đốn, và một số thân hữu của hai ông, diễn ra trưa Chủ Nhật 8 tháng 7, 2012 tại Jewish Community Center of Northern Virginia ở Fairfax, Virginia. Sinh hoạt văn học và âm nhạc này thu hút khoảng 200 đồng hương, nhất là giới thơ, văn và nhạc, đến tham dự.

Buổi sinh hoạt được mở đầu với lời giới thiệu ngắn về chương trình và cảm ơn quan khách của MC Phan Anh Dũng, Phó Chủ nhiệm đặc trách Ngoại vụ của Tam cá nguyệt san Cỏ Thơm. Tiếp đến, là nghi thức chào cờ Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng Hòa, và phút mặc niệm cho những người đã bỏ mình vì lý tưởng tự do. Sau đó, Chủ nhiệm Cỏ Thơm, nhà văn Nguyễn thị Ngọc Dung ngỏ lời chào mừng quan khách và hai vị khách là Giáo sư Nguyễn Hưng Quốc và Giáo sư Hoàng Ngọc Tuấn đến từ cách xa nửa vòng địa cầu.

Phần đầu của chương trình về đề tài Văn Học kéo dài gần 2 tiếng được thể hiện dưới hình thức sinh hoạt. Theo Phan Anh Dũng, "sinh hoạt" hàm chứa vài ý nghĩa: 1/ hội thoại giữa diễn giả, cử tọa và thính giả; 2/ trong tinh thần dân chủ cởi mở vui vẻ; và 3/ không nhất thiết phải đưa đến một kết luận đúng hay sai, thắng hay bại mà chỉ để hiểu rõ thêm về đề tài hay vấn đề mà diễn giả muốn trình bày.

Phan Anh Dũng giới thiệu về giáo sư Nguyễn Hưng Quốc. Ông là một nhà phê bình văn học, nguyên chủ bút tạp chí Việt (1998-2001) và đồng chủ bút tờ báo mạng Tiền Vệ (http://tienve.org). Hiện là Chủ nhiệm Ban Việt Học tại trường Đại Học Victoria ở Úc. Đã xuất bản trên mười cuốn sách về văn học Việt Nam. Ngoài ra, ông còn là một trong các cây viết Blog đăng tải trên trang Blog của đài Tiếng Nói Hoa Kỳ VOA. Nối tiếp, Phan Anh Dũng mời nhà văn/nhà thơ Hồng Thủy, nhà thơ Phan Khâm, và họa sĩ/nhà văn Trương Vũ lên sân khấu để trao đổi ý kiến với Giáo sư Nguyễn Hưng Quốc.

Giáo sư Nguyễn Hưng Quốc lên diễn đàn, trình bày về đề tài "Thơ hay thơ dở, cái hay trong thơ dở, và cái dở trong thơ hay". Ông bàn luận về thơ Việt Nam qua những thay đổi ý niệm, chuyển biến qua mỹ học của các thời đại ...

Kế tiếp, MC Phan Anh Dũng mời cử tọa đặt câu hỏi với Giáo sư Nguyễn Hưng Quốc. Người đầu tiên hăng hái đứng lên là

Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, Ông hỏi: "Phải thời gian bao lâu cho một sáng tác được người ta biết đến, hoặc được nổi tiếng?". Nhà thơ/nhà văn Lê Mai Lĩnh góp ý về bài "Thực trạng văn học Việt Nam hải ngoại" của Nguyễn Hưng Quốc trong vị thế một nhà phê bình văn học. Bác sĩ Lê Trọng Lộc đặt câu hỏi: "Làm sao tách rời chính kiến khi phê bình một tác phẩm?". Nhà thơ Thế Linh làm cả hội trường cười rộ lên khi ông đưa ra câu hỏi rất thú vị về nhận định của Giáo sư Nguyễn Hưng Quốc cho rằng bài "thơ Con Cóc" là bài thơ hay nhất trong những bài thơ dở. Nhà văn Hồng Thủy đưa ra câu hỏi về "từ ngữ tả chân" được sử dụng thường xuyên trong văn học thời nay. Nhà thơ Phan Khâm hỏi Giáo sư Nguyễn Hưng Quốc là khi đọc thơ thì ông chọn theo tên tác giả mà ông thích, hay là cứ đọc một cách vô tư để rồi thẩm định sau? Tất cả những câu hỏi đều được Giáo sư Nguyễn Hưng Quốc khéo léo vui vẻ trả lời.

Phần 2 của chương trình kéo dài khoảng một tiếng về đề tài Âm Nhạc. Họa sĩ Trương Vũ giới thiệu về Giáo sư Hoàng Ngọc Tuấn. Ông là một nhà nghiên cứu, lý luận, phê bình và sáng tác trong lãnh vực âm nhạc và văn chương; đồng thời là nghệ sĩ trình tấu guitar, diễn viên sân khấu, và kịch tác gia. Ông hiện là thành viên Ủy ban Văn Chương và Lịch Sử, Hội Đồng Cố Vấn Nghệ Thuật, Bộ Nghệ thuật New South Wales tại Úc. Buổi sinh hoạt hôm nay, Hoàng Ngọc Tuấn trình bày các nhạc khúc do ông sáng tác hay phổ từ thơ Thanh Tâm Tuyền, v v. Tiếp đến, một người bạn của Ông, nhạc sĩ Hoàng Đình Bình (từ Alabama), đã cùng đàn hát với ông vài ca khúc chất chứa những tình cảm và suy tư về thân phận người Việt theo dòng lịch sử.

Nhân dịp Giáo sư Nguyễn Hưng Quốc đến vùng Hoa Thịnh Đốn, Thy Nga thực hiện cuộc phỏng vấn ngắn, hỏi ông về hai cuộc hội thảo mà ông sang Hoa Kỳ thuyết trình lần này, đó là về "Thực trạng và xu hướng của văn học Việt Nam hiện nay"; và "Phương pháp dạy tiếng Việt trong gia đình" (mời quý vị theo dõi trong video kèm theo). Giáo sư Nguyễn Hưng Quốc là một nhà ngôn ngữ học, cho nên Thy Nga hỏi ông nhận định thế nào về vấn đề một số từ ngữ sử dụng ở trong nước, không chuẩn xác nhưng đã lan ra hải ngoại. Và do ông là một cây viết blog trên trang Blog của đài Tiếng Nói Hoa Kỳ VOA, Thy Nga hỏi tiếp nhận định của ông về tình trạng các blogger trong nước bị bắt bớ. Đặc biệt, giới trẻ cũng đã viết lên những suy tư của mình trên trang blog, như trường hợp Huỳnh Thục Vy.

Chương trình buổi sinh hoạt được sự đóng góp nhiệt tình của các nghệ sĩ trong vùng như Như Hương, Xuân Thưởng, Sĩ Tuấn, Tâm Hảo, Đèo Văn Sách, Kim Phụng, Ngọc Thu, Sĩ Thành và Minh Tiến qua 2 ca khúc "Mùa hợp tấu - sáng tác: Hùng Lân" và "Bên bờ đại dương - nhạc: Hoàng Trọng; lời: Hồ Đình Phương". Chương trình được kết thúc với ca khúc: "Việt Nam quê hương ngạo nghễ - sáng tác: Nguyễn Đức Quang", ngoài ban hợp ca ở trên còn có sự góp mặt của Hoàng Ngọc Tuấn, Võ Quốc Linh, Nguyễn Hưng Quốc và Phan Anh Dũng.

Nhà văn Hồng Thủy, đại diện Câu Lạc Bộ Văn Học Nghệ Thuật vùng Hoa Thịnh Đốn trao quà lưu niệm của nhà thư họa Vũ Hối. Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung, đại diện Cơ Sở Cỏ Thơm, tặng hai vị khách một số sách trong đó có Cỏ Thơm số 59 mới nhất và 2 quyển sách hồi ký của chị.

Thật là một buổi sinh hoạt hào hứng, mọi người ra về khi ngoài trời đã dịu mát. Hẹn sẽ gặp lại nhau trong dịp họp mặt tới.

THY NGA
(Virginia)



Nhà thơ Phan Khâm, GS Thanh Minh, Nhà văn N.T. Ngọc Dung, NV Hồng Thủy, Họa sĩ Vũ Hối, NT Ngô Tằng Giao, GS Phạm Văn Tuấn.



Đứng: Thi họa gia Vũ Hối, Đèo Văn Sách.
Ngồi: Lê Minh Thiệp, Nhà thơ Phan Khâm



Họa sĩ Trương Vũ, Tâm Hảo, Thi họa gia Vũ Hối, gia đình Nguyễn Bình ...

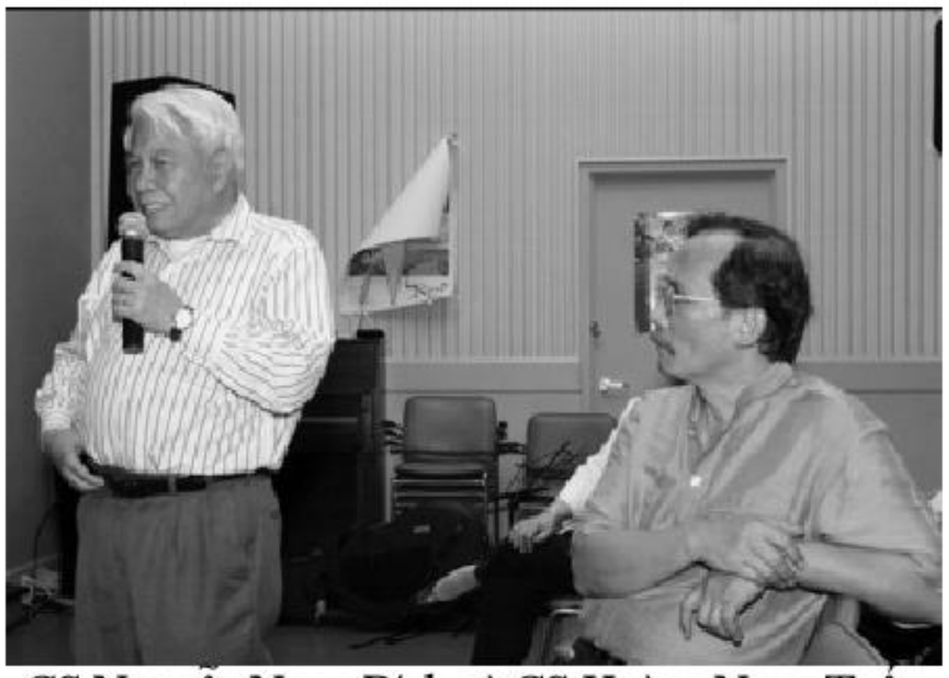


Bên Bờ Đại Dương (Nhạc Hoàng Trọng - Lời Hồ Đình Phương): Đèo Văn Sách, Kim Phụng, Như Hương, Xuân Thưởng, Tâm Hảo, Sĩ Tuấn.



Đứng: TS Nguyễn Quốc Khải, Phan Anh Dũng.
Ngồi: Họa sĩ Đinh Cường, GS Nguyễn Hưng Quốc.





GS Nguyên Ngọc Bích và GS Hoàng Ngọc Tuấn.



Nhạc sĩ Hoàng Đình Bình và Hoàng Ngọc Tuấn



Nhà Văn Lê Mai Lĩnh



Hoàng Đình Bình, Võ Quốc Linh,
Nguyễn Ngọc Châu, Đinh Trường Chinh



Nhà Thơ Thế Linh



Gia đình Nguyễn Bình, GS Nguyễn Hưng Quốc,
ÔB Trương Vũ, NV Hồng Thủy,
NV Nguyễn T. Ngọc Dung .



Bác Sĩ Lê Trọng Lộc



Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ (Nguyễn Đức Quang): Phan Anh Dũng, Võ Quốc Linh, Hoàng Ngọc Tuấn, Sĩ Tuấn, Đèo Văn Sách, Xuân Thưởng, Kim Phụng, Như Hương, Tâm Hảo, Ngọc Thu, Hoàng Đình Bình, Nguyễn Hưng Quốc



Hình Lưu Niệm: Hồng Thủy, Võ Quốc Linh, Hoàng Ngọc Tuấn, Trương Vũ, Sĩ Tuấn, Ngọc Dung, Trương Anh Thụy, Đèo Văn Sách, Nguyễn Hưng Quốc, Xuân Thưởng, Kim Phụng, Như Hương, Tâm Hảo, Ngọc Thu, Bà Trương Vũ, Phan Anh Dũng, Sĩ Thành, Đinh M. Tiến.

Đọc tập thơ
"THOÁNG CHIÊM BAO"
của QUỲNH ANH

Tâm Minh NGÔ TẰNG GIAO

Một tập thơ với một trăm mười mấy bài thơ. Toàn là thơ "*lục bát*" vang đầy nhạc tính của thể loại thơ thuần túy dân tộc nghe thật thân thương. Quỳnh Anh đã sử dụng rất nhuần nhuyễn kỹ thuật làm thơ để trải lòng mình thành những vần điệu lai láng.

Đúng như lời nhận xét của văn thi sĩ Hà Bỉnh Trung: "Trong thi tập này tất cả thơ đều theo thể lục bát, có bài chỉ 2 câu, có bài 4 câu ở phần đầu tập. Quỳnh Anh đã biết rõ chính mình, biết ưu điểm của mình là thể thơ lục bát. Có thể nói độc giả chỉ việc mở sách ra, chọn bất cứ một bài nào, bất cứ đoạn nào trong thơ, bất cứ hai câu nào trong thơ, là thấy ngay thi phong nghiêm chỉnh, từ ngữ thật xúc tích, vần điệu nhịp nhàng, có đoạn đọc lên, tự thấy cảm xúc, muốn chia sẻ nỗi buồn thương của tác giả, người chỉ một niềm nhớ về hình ảnh 'người trong mộng', và chỉ mong gặp nhau trong giấc mơ dù chỉ là ảo mộng... cách gieo vần thật chỉnh và khéo, với những từ hòa hợp âm điệu với nhau, ít khi phải dùng tới vần thông, vần ép, mà luôn luôn tìm chính vận, một cách rất công phu."

*

Trên đời chẳng ai có thể chạy trốn được con tim mình nên có lẽ cách hay nhất là hãy lắng nghe chính tiếng lòng đó. Chấp nhận quan niệm này nên Quỳnh Anh tâm sự về cuộc tình tan vỡ của mình một cách chân thành, không giấu giếm, không làm dáng. Kể từ lúc chia tay nhau tiếng sóng đưa người tình ra đi vẫn mãi còn dập dình, vỗ về vào đôi bờ thương nhớ, mãi âm vang trong tâm hồn người ở lại bến cũ:

Ngẩn ngơ tiếc chuyến sang ngang
Con đò rời bến lúc chàng xa tôi
Tiễn đưa chẳng chén li bôi
Cũng từ ngày ấy lòng tôi ngỡ ngàng
(Chuyến đò ngang)

Mối tình đầu đầy hoa mộng từ thuở còn cắp sách đến trường trong tuổi hoa niên đó tuy dang dở nhưng vẫn mãi còn dâng đầy thương yêu đến khó quên:

Trả em chiếc nón nghiêng vành
Những chiều tan học nắng hanh hoe vàng
Mộng ngày xanh đã lỡ làng
Tìm đâu cho thấy thiên đàng ước mơ
(Chưa vừa nhớ thương)

Thoạt tiên vương vấn trong làn hương tình thuở xa xưa là những lời hờn dỗi pha lẫn trách móc:

Làn hương quyện với hơi may
Người đi vì chót mê say mộng vàng
(Hương xưa)

Rồi theo với thời gian trôi đi, lời thề thốt ngày nao cũng chắp cánh bay xa. Người ở càng thấm thía cảm nhận thêm được men cay đắng của chén rượu tình, tuy đã "xa mặt", dù đã "cách lòng":

Thề xưa thì đã dối gian
Chỉ còn giữ được vô vàn tái tê
(Rượu đắng)
Thề xưa nước chảy chân cầu
Nghìn trùng ngăn cách tìm đâu bóng người
(Nghìn trùng)

Lửa tình tuy đã tắt nhưng sao tro tình vẫn còn mãi âm ỉ trong lòng người:

Bao năm xa cách mất rồi
Người đi hạnh phúc lứa đôi ngọt ngào
Người ở lại dạ nao nao
Đợi chờ vô vọng ngày nào chốn xưa
(Chút tàn tro)

Trong nhung nhớ và khổ đau dâng tràn người ở lại chốn cũ đôi lúc tự nhủ lòng hãy cố mà nuốt đi những dòng lệ than thân tủi phận của mình, cố mà đoạn tuyệt hẳn với dĩ vãng:

Tại sao nước mắt đôi dòng
Tại sao cứ mãi để lòng nát tan
Tại sao cứ mãi than van
Tại sao không nuốt lệ tràn vào tim
(Nuốt dòng lệ tủi)

Nhưng sao khó mà nguôi đi. Dễ đâu quên được nỗi thương đau mãi in hằn trong tim côi. Thời gian tuy đã in dấu trên mái tóc nhưng chẳng thể là phương thuốc nhiệm mầu để hàn gắn vết thương lòng. Phải chăng "chính trong màn đêm đen tối giăng mắc trên bầu trời mà có người lại nhìn thấy ra được những vì sao đẹp đẽ". Vì thế mà hình ảnh người xưa vẫn chập chờn ẩn hiện:

Tóc xanh đã nhạt phai mầu
Tình xưa bọt nước chân cầu tan mau
Đã đành mình chót mất nhau
Nhưng sao vẫn thấy thương đau thế nào
(Chưa nguôi thương nhớ)

Tới một lúc nào đó người ở lại đã ngậm ngùi cảm nhận ngay được sự thật đắng cay là có lẽ chỉ riêng mình mang nỗi nhớ thương với mảnh tình đã tan nát:

Người đi để lại cuộc tình
Tương tư chỉ có một mình ta thôi
(Ngậm ngùi)
Sao đành trong kiếp nhân sinh
Riêng mình giữ mãi mảnh tình nát tan
(Mảnh tình)

Nhưng tình yêu thật khó mà lý giải, khó mà định nghĩa. Giận thì cứ giận, nhưng có lẽ thương thì vẫn thương. Rừng thu cứ rụng lá. Muôn hoa cứ héo tàn. Nhưng sắc màu của lá, hương thơm của hoa, nhất là lá hoa tình ái thời cứ còn vương vất mãi:

Thề xưa chót lưỡi đầu môi
Nhưng sao tôi vẫn bồi hồi ngẩn ngơ
(Lá thu rơi)

Người ở lại đành ru hồn vào những giấc chiêm bao và đem tâm sự dệt thành những vần thơ sầu mộng quyện trong dòng lệ âm thầm chảy. Thi ca từ lâu quả thực đã trở thành một cuốn "từ điển" về những nỗi khổ đau của con tim:

Từ khi đôi lứa đôi bờ
Thả hồn cõi mộng thả thơ cõi sầu
Tháng năm trôi nước qua cầu
Trời mây xanh ngắt một màu buồn tênh
(Khóc thầm)

Kể từ đó người ở lại đắm chìm trong "thú đau thương", thả hồn mình trong cõi mộng, trút đầy tâm sự vào thơ hầu mong tìm lại hình bóng cũ. Thất vọng với tình đời con người thường quay về với tình thơ:

Chút tàn hương mộng phôi pha
Ta đem góp lại giao hòa câu thơ
(Chút tàn hương)

Tìm người không biết tìm đâu
Tìm trong trang giấy thơ sầu buồn tênh
(Thơ sầu buồn tênh)

Dễ gì tìm lại được những ngày xưa tươi đẹp với cuộc tình đôi lứa từng ướp đầy hương xuân. Dòng thơ sầu do đó hầu như bất tận:

Nghìn trang giấy trải nỗi niềm
Để trong cõi mộng tìm miền xuân xưa
(Miền xuân xưa)

Tưởng ai cũng mang tâm trạng rã rời như mình nên khi đi du lịch phương xa cho khuây khoả tâm hồn nhà thơ nhìn pho tượng người cá mỹ nhân "The Little Mermaid" ở Copenhagen, Đan Mạch mà tự cảm nghĩ rằng pho tượng vô tri kia chắc cũng quần quại vì cảnh chia ly như chính mình:

Ngậm ngùi ướt sũng bờ mi
Khóc bao nhiêu cuộc chia ly não lòng
Tiếc ân tình cũ rêu rong
Đã theo dòng nước long đong tháng ngày
(Mỹ nhân ngư)

Bước chân tới những nẻo xa xăm khác cũng chẳng tìm được an lạc trong tâm hồn. Nhìn chiếc cầu gãy đổ nhân một lần viếng thăm "The Broken Bridge" ở Tây Hồ, Hàng Châu bên Trung Quốc nhà thơ cũng than thở:

Lững lờ con nước xuôi giòng
Cầu thì đã gẫy lòng thì nát tan
(Chiếc cầu đổ gẫy)

Khi viếng Tử Cấm Thành, Bắc Cung, nhà thơ cũng lại thốt lời thở than giùm cho kiếp sống cô đơn của người đẹp trong cung cấm thời đại lịch sử xa xưa:

Ngôi cao thăm thẳm cửu trùng
Để cho lòng thiếp não nùng tháng năm
Đông về giá buốt lạnh căm
Xót lòng cô phụ đăm đăm ngóng chờ
(Nỗi sầu cung cấm)

Nhân một chuyến viếng thăm Hoa Thanh Cung, thành Tràng An, cố đô của Trung Hoa, đời nhà Đường, nhà thơ lại một lần nữa thốt lời xót thương cho kẻ "đồng hội đồng thuyền" với cảnh tan vỡ của chính mình. Thật quả là "người buồn cảnh có vui đâu bao giờ":

Dương Quí Phi, ta thương nàng
Nghìn xưa nàng đã võ vàng đớn đau
Tưởng rằng mãi mãi bên nhau
Biết đâu tình chẳng trước sau muôn đời
(Hoa Thanh Cung)

Nhà thơ nhìn ngắm thiên nhiên, nhìn cỏ cây hoa lá, nhìn đâu đâu cũng chỉ bằng con mắt sầu cảm, bằng cái tâm buồn bã vàng vọt như màu lá thu:

Lá vàng héo úa tàn phai
Cho thu hiu hắt cho dài nhớ thương.
(Thu vàng)

Nỗi niềm khắc khoải của mối tình trần gian chập chờn hằng đêm. Nhà thơ muốn gửi tâm sự mình theo mây trời phiêu lãng trong giấc mộng phù du lạnh lùng đơn chiếc:

Dấu yêu thì cũng chia lìa
Cô miên thức giấc ô kìa mây bay
(Tình trần)

Lênh đênh mây trắng bềnh bồng
Chiếu chăn giá lạnh chữ đồng bẻ đôi
(Mộng phù du)

Gửi tiếng lòng theo bóng Hằng héo úa trong mắt người sầu bi, quyện theo làn sương đêm lờ lững trôi đi:

Ngậm ngùi thao thức với ta
Có vầng trăng úa la đà khói sương
(Xót xa)

Nhớ thương thì cũng bẽ bàng
Sương đêm giăng mắc theo làn mây trôi
(Hương xưa)

Gửi nhịp đập yêu đương của con tim theo tiếng gió thở than nơi bến chia ly bên dòng sông cũ khó quên, giờ này chỉ còn riêng lẻ một bóng hình chờ đợi trong cô quạnh:

Thuyền em vẫn đợi bên sông
Đêm đêm nghe tiếng gió đông thở dài
(Bến đợi)

Chân mây giá buốt lạnh căm
Nhớ dòng sông cũ xa xăm ngày nào
(Trúc đào vườn cũ)

Xót xa đành đoạn mất nhau
Bơ vơ bến cũ nao nao dạ sầu
(Bến cũ đợi chờ)

Gửi hồn thơ theo âm thanh của những giọt mưa lê thê mùa Ngâu muôn đời âm hưởng một điệp khúc chia ly não nề:

Nỗi nhớ thương vẫn ê chề
Mưa ngâu rả rích lê thê giọt sầu
(Mơ giải ngân hà)

Nhà thơ lần bước tìm về khu vườn xưa một thời từng giăng hoa ướp mộng nay đã bị tan tác. Tuy có than thở đấy nhưng vẫn thổ lộ tấm lòng son sắt thủy chung của riêng mình dù biết rằng tình này vô vọng:

Giữ riêng một mối tình hờ
Bóng hình năm cũ dẫu mờ chưa phai
(Vườn xưa hoa mộng)

Tương phùng giấc mộng héo hon
Chơ vơ phiến đá sắt son đợi chờ
(Hình ảnh mùa thu)

Quả đúng như lời nhận xét của bạn thơ Nguyễn Thiên Thụ: "Đọc thơ của bất cứ nhà thơ nào, chúng ta thấy nhiều mối tình thấp thoáng, ẩn hiện. Trái lại, trong thơ Quỳnh Anh, chúng ta chỉ thấy thủy chung một mối tình, một mối tình của thời con gái xa xưa..."

Đã bao lần lá đổi mầu
Mà lòng lưu luyến ban đầu khó phai
Vẫn chờ mong bước chân ai
Rộn ràng trong nắng ban mai rực hồng
(Niềm riêng u uẩn)

Đến bao giờ một buổi chiều
Nắng hồng quyện gió cánh diều lửng lơ
Cõi đời như thể cõi thơ
Cố nhân cùng với xuân mơ trở về
(Giấc mơ xuân)

Nào có ai trở về đâu! Hoạ chăng chỉ tìm thấy cố nhân trong vần thơ. Rồi lại mong ước thơ trở thành hiện thực. Nhà thơ có lúc chợt tỉnh để nhận được sự thật phũ phàng về chút hương tình đã lạt phai của mình và từ đó chiêm nghiệm ra chân lý rằng tình duyên cõi tục trước sau chỉ là cái "nghiệp" mà thôi:

Đã đành ước cũ vẩn vơ
Đêm đêm vẫn đợi người mơ trở về
(Chút tàn hương)

Trải qua những tháng năm dài
Biết người còn nhớ cùng ai ước thề
Sầu tình phủ kín sơn khê
Nghiệp duyên dang dở ủ ê cuối trời
(Vọng tưởng)

Bèo hợp để rồi tan. Hoa nở để rồi tàn. Cảnh hợp tan, tan hợp thường diễn ra liên tục trong cuộc đời như bức tranh "vân cẩu". Thôi thì đành thầm mong sự hội ngộ trong một kiếp khác:

Núi sông ngăn cách nghìn trùng
Thôi đành hẹn ước tương phùng mai sau
(Hẹn ước tương phùng)

Kiếp này thời chỉ mong gửi lòng ước mơ đoàn tụ trong những thoáng chiêm bao dù đôi khi biết rằng đó chỉ là điều huyễn hoặc, khó trở thành hiện thực:

Tương phùng là chuyện trong mơ
Riêng mình thơ thẩn đợi chờ chiêm bao
Xa rồi ngày tháng xôn xao
Của tình thơ ấy thủa nào mới quen
(Còn chút vấn vương)

Tình trần chót đã nhạt phai
Chỉ còn huyễn mộng ai hoài nhớ thương
(Lãng đãng thu sầu)

Dù nhận chân rằng đó chỉ là ảo mộng nhưng sao nhà thơ vẫn mong tình trong cõi mộng sẽ tồn tại mãi mãi. Con tim một khi đã thắm đượm hương tình thật quả khó mà lý giải:

Chẳng cùng chia nửa vầng trăng
Chia đôi gối mộng trăm năm miệt mài
Đường trần dẫu có chia hai
Tình trong cõi mộng chẳng phai không tàn
(Chia nửa vầng trăng)
Ước gì tình chẳng hư-hao
Để mình giữ được chiêm-bao mộng đầu
Để lòng không héo không sầu
Để tình không nhuốm sắc màu thời gian
(Màu thời gian)

Đồng cảm với thơ người nên bạn thơ Cao Thy Yên đã phải thốt lên: "Đọc thơ Quỳnh Anh như một tiếng thở dài, có chút ngậm ngùi, chua chát trong hờn dỗi và trách móc. Quỳnh Anh nữ sĩ rót vào lòng người đọc tâm sự héo hon của người con gái xứ Quan Họ đi tìm lá diêu bông trải qua bao Xuân tàn Thu úa vẫn cắm sào đợi người khách năm xưa vẫn biền biệt tin hồng... để đêm về bất chợt đi vào cõi mộng mị chiêm bao, tương tư khung trời cũ... mở cửa đợi chờ ..."

*

Chập chờn trong những thoáng chiêm bao Quỳnh Anh đồng thời nhìn những bông tuyết đẹp đẽ dần dần phải tan rã, soi gương ngắm mái tóc thấy đổi màu mà chiêm nghiệm ra triết lý về sự tàn phá của thời gian bởi luật tạo hóa:

Đầu cành bông tuyết lung linh
Tuyết rơi, rơi mãi cho mình ngẩn ngơ
Mới ngày nào tuổi mộng mơ
Mà nay đã thấy bạc phơ mái đầu
(Xuân tuyết)

Nỗi niềm cô đơn trong lòng người được phụ họa bằng cảnh quạnh quẽ nơi đất khách khiến nhà thơ thêm xúc cảm mà trào dâng niềm nhớ quê hương. Dù Xuân có rộn rã tưng bừng nhưng Xuân nơi quê người khó gieo được niềm vui:

Thơ sầu mộng héo trăm năm
Thả theo làn gió lạnh căm quê người
(Thơ sầu)

Phương trời lặng lẽ quê xa
Bâng khuâng không biết là nhà mình đâu
(Lặng lẽ quê xa)

Quê nhà chỉ thấy trong mơ
Quê người hiu hắt thẫn thờ đón xuân
(Đón xuân quê người)

Cảnh đẹp hùng vĩ của thác nước xứ người trong buổi chiều tà hoặc vẻ quyến rũ của hòn đảo hoa vàng trong vùng biển Baltic chỉ làm tăng thêm nỗi nhớ nhà trong tâm khảm:

Nước tuôn trắng xóa bao la
Hoàng hôn đến vội quê nhà nơi nao
Nhớ thương tha thiết dạt dào
Bóng chiều lặng lẽ chìm vào chân mây
(Hoàng hôn bên thác Niagara)

Hoàng mai thấp thoáng quê xa
Héo tàn từ độ phôi pha từ ngày
Thời gian là thoáng mây bay
Mênh mang sầu nhớ tháng ngày tha hương
(Đảo hoa vàng)

Trong lòng nhà thơ vang lên niềm ước muốn trở về quê Mẹ. Tình cảm này hoà cùng một nhịp điệu với niềm mơ ước chung của những người xa xứ phải sống kiếp tha hương:

Ngùi trông vời vợi mây Tần
Xuân về chiếc bóng âm thầm nhớ quê
(Xuân tha hương)
Nghe như âm hưởng võ vàng

Những chiều quê cũ mênh mang rạt rào
Mai sau còn có khi nào
Trở về xóm cũ soan đào đong đưa
(Nào ngờ hư không)

Tuy lúc nào cũng tơ tưởng tới khối tình cũ và luôn tràn dâng nỗi nhớ nhà nhưng Quỳnh Anh vẫn không mất đi cái tâm hồn đầy nghệ sĩ tính khi nhìn cánh gió nhẹ lay, khi nhìn thu tới phủ màu sắc khắp núi rừng, khi ngắm thiên nhiên cảnh vật quanh mình:

Người đi đỉnh núi giăng mây
Chênh vênh bóng nguyệt liễu gầy phơi sương
Năm cung chót chọn cung thương
Âm ba não nuột đêm trường ngẩn ngơ
(Gió bay)

Lá thu đỏ tía hây hây
Rừng thay sắc lá nhuộm mây chiều tà
Hoàng hôn rực nắng vàng pha
Chim chiều xoải cánh bay xa cuối trời
(Mùa thu)

Không mất đi cái cảm quan đầy triết lý với cảnh "vô thường" khi thăm viếng cung điện Nga Hoàng St. Petersburg ở Nga Xô. Một triều đại vua chúa huy hoàng nay chỉ còn là dĩ vãng:

Ngai vàng như áng phù vân
Rêu xanh phủ kín dấu chân phai mờ
Ngọn gió chiều bỗng bơ vơ
Vàng soi nắng úa thẫn thờ ngự viên.
(Những cuộc phế hưng)

*

Quỳnh Anh đã khéo léo gieo liên tục những từ ngữ gợi cảm khiến người đọc thấy tâm hồn lâng lâng hòa nhịp theo tiếng lòng của nhà thơ. Nào là "líu lo", "ngọt ngào", "ngất ngây", "xôn xao", "tha thiết", "rạt rào" đã liên tục dìu bước chân người đọc thơ quay trở lại con đường tình xưa cũ:

Xuân này đỏ thắm đỗ quyên
Líu lo chim hót bên hiên ngọt ngào
Ngất ngây mộng cũ xôn xao
Xuân xưa tha thiết rạt rào như mơ"
(Gợi nhớ xuân xưa)

Hoặc là chỉ trong có hai câu thơ mà người đọc đã thấy rung động với ý tình của tác giả: "chập chờn", "bơ vơ", "mênh mang", "ngẩn ngơ". Quả thật nhà thơ đã tạo ra sự truyền cảm cho người đọc:

Chập chờn cánh bướm bơ vơ
Mênh mang vạt nắng ngẩn ngơ chim trời
(Chưa vừa nhớ thương)

Quỳnh Anh cũng làm tăng thêm sự tác động tình và ý với những câu thơ mang tích cách "*đối*" trong thể loại thơ "*lục bát*". Kỹ thuật "*đối*" trong thơ thấp thoáng ẩn hiện như điểm thêm những nét chấm phá duyên dáng cho thơ:

Đối trong câu 6 như:

Mây lãng đãng gió chơi vơi
Ngẩn ngơ bướm lượn rã rời cánh chim
(Lá vàng rơi)

Hoặc đối trong câu 8 như:

Lệ rơi hay giọt sương rơi
Làm hoen mắt biếc làm phai má hồng
(Trùng dương bát ngát)

Đôi khi lại đối trong cả câu 6 lẫn câu 8 thật điêu luyện:

Trong như ngọc sáng như gương
Lung linh đáy nước vấn vương mây trời
(Liễu Tây Hồ)

*

Để tìm lời nhận định tổng quát thay cho kết luận về tập thơ "*Một thoáng chiêm bao*" của Quỳnh Anh cần nhắc đến lời nhận xét của văn thi sĩ Hà Bỉnh Trung: "Đọc hết tập thơ, tôi đã hiểu ý của tác giả, biết nguồn tư tưởng và tâm trạng của người viết. Đó chỉ là một quan niệm về cuộc đời, như Lý Bạch đã viết: 'Sử thế nhược đại mộng. Hồ vi lao kỳ sinh.' Nhìn cuộc đời như một giấc mộng, thì cuộc tình có khác gì cơn mơ?"

Bạn thơ Hàn Thiên Lương cũng thốt lời thay mặt cho người yêu thơ: "Thơ của nữ

sĩ Tương Phố ngày xưa là 'Giọt lệ Thu', còn thơ của nữ sĩ Quỳnh Anh là 'Giọt lệ của bốn mùa thương nhớ'; chị đã trải lòng lên trang trắng, ghi trọn tâm tình cho cố nhân... Cám ơn thi nhân cho tôi nhìn thấy giọt lệ của người long lanh như ngọc, tôi đón nhận với trọn tấm lòng trân quý!"

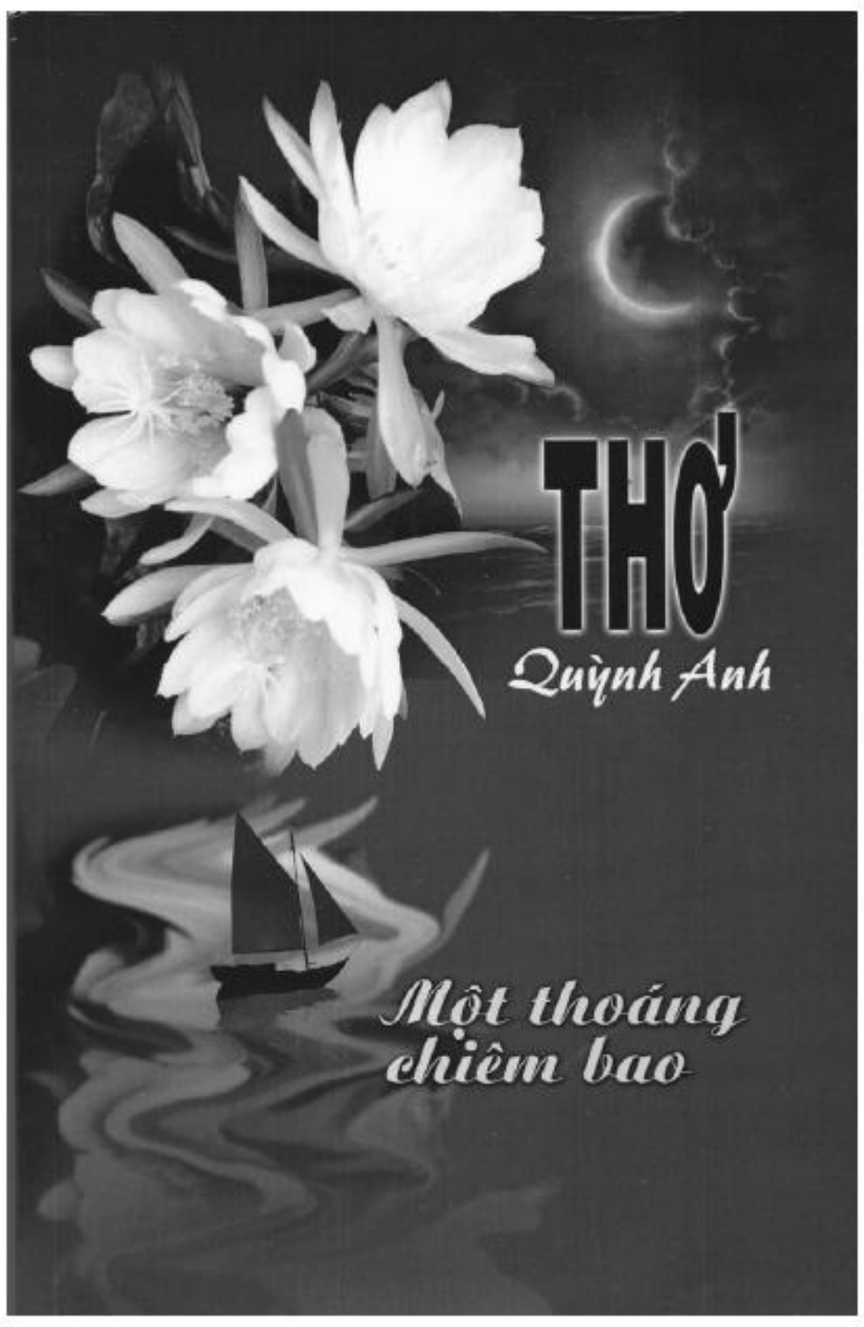
Chúng ta hãy cứ để cho Quỳnh Anh nhỏ lệ. Thật quả đáng hãi sợ những ai không biết khóc. Hãy để cho nhà thơ trút hết tâm sự của mình xuống trang giấy, xuống dòng mực. Hãy cứ để nhà thơ cho phép bàn tay mình viết ra tất cả những gì ẩn tàng trong con tim mình vì thái độ tất yếu của người thơ phải là sự chân thành. Tiếng lòng của Quỳnh Anh đã thực sự nức nở. Người đọc cảm thụ được điều đó.

Nảy sinh từ ngay trong những chồng chất khổ lụy quằn quại của cõi trần gian này mà Quỳnh Anh đã tự tạo lập ra cho riêng mình một cõi mộng với nhiều thoáng chiêm bao chập chờn ẩn hiện. Quỳnh Anh không hề chạy trốn cuộc đời hiện hữu. Chất liệu trong thơ Quỳnh Anh chính là cuộc đời mình. Quỳnh Anh đã khéo léo sử dụng nghệ thuật và thi ca để diễn đạt tình cảm riêng tư. Nhưng xét cho kỹ thời phải nói rằng chính tiếng lòng này lại là nỗi đau khổ phù du mộng ảo của kiếp nhân sinh nói chung. Quỳnh Anh có thể mang một tâm hồn đơn côi nhưng thi phẩm "*Một thoáng chiêm bao*" của nữ sĩ sẽ không cô độc mà trái lại chắc chắn sẽ thu hút được nhiều kẻ "đồng hội, đồng thuyền".

Cánh cửa vườn thơ hải ngoại xin hân hoan rộng mở để đón nhận thêm một bông hoa đầy hương sắc nữa cùng góp mặt giữa muôn loài hoa thơm cỏ lạ.

Tâm Minh NGÔ TẰNG GIAO

(Virginia tháng 5 năm 2007)





Đôi Lời Giới-Thiệu Sách
"ĐƯỜNG VÀO VĂN CHƯƠNG"
Của Tác-Giả ĐẶNG PHÙNG QUÂN

Nguyễn Ngọc Bích

Đi vào triết-học là đi vào một lãnh-vực mà Bắc Nam phân chia rạch ròi nhất trong lịch-sử tư tưởng ở nước ta. Trước năm 1954 có thể nói là không có triết-học hiện-đại ở Việt-nam. Lác đác ta thấy có một vài cuốn mỏng tanh của Trần Đức Thảo nhưng là viết và in ở Pháp (Nhà xb Minh Đức) và cũng gần như không ai biết để mà đọc.

Phải sau ngày phân chia đất nước 1954 ta mới thấy tách rõ hai con đường: Phía Bắc đi theo triết-học Mác-Lê mà lúc bấy giờ sự hiểu biết hãy còn rất thô sơ còn ở miền Nam, với sự trở về của một số nhà tu Công-giáo, nhà giáo, đa-phần là từ Pháp, từ Bỉ, chúng ta mới nghe thấy những học-thuyết như của Bergson, Emanuel Mounier (mà chế-độ Đệ nhất Cộng-hoà biến thành thuyết "nhân-vị" hay "cần-lao nhân-vị"), rồi đến Sartre, Camus (thuyết "hiện-sinh") v.v.

Sự xâm-nhập của các triết-thuyết từ phương Tây này, chủ-yếu là từ Pháp, lại đem theo một phản-ứng đối nghịch từ các luồng tư tưởng có gốc gác lâu đời hơn ở Việt-nam, chủ-yếu là Phật-giáo như một hệ tư tưởng triết-học (Thiền-học, chẳng hạn, thay vì những thói tụng kinh, gõ mõ của các bà già trầu). Bên cạnh đó cũng có những vị như Thu-Giang Nguyễn Duy Cần trở về đào sâu những tư tưởng Lão Trang (chẳng hạn, *Trang-tử tinh-hoa, Lão-tử tinh-hoa, Lão-tử Đạo-đức-kinh, Trang-tử Nam-hoa-kinh*).

Tuy manh-nha từ thời Đệ nhất Cộng-hoà, phong trào trở về nguồn này của triết-học Việt-nam sẽ nở rộ trong thời Đệ nhị Cộng-hoà như một đối-kháng với cả hai trào-lưu đang thịnh-hành ở miền Nam cũng như miền Bắc, chống tư tưởng hiện-đại (hay mới gần hiện-đại thôi) của Tây-phương đang xâm-nhập miền Nam và chống tư tưởng Mác-xít đang bị đem vào nhồi nhét ở miền Bắc (ký-giả Từ Chung bị CS ám-sát sau khi đi học ở Thuỵ-sĩ về là một nạn-nhân của sự tranh chấp tư tưởng này giữa hai miền).

Vượt lên tranh chấp

Trong khi những người như Nguyễn Văn Trung đem về một mớ tư tưởng của trí-thức thiên tả lúc bấy giờ đang thịnh-hành ở Tây-Âu, như quan-niệm thân xác, thì lại có những người tìm cách vượt lên trên những học-thuyết du nhập từ Pháp như thuyết hiện-sinh hay thuyết "nhân-vị" của Mounier. Ở ngay trong nước lúc bấy giờ là Phạm Công Thiện với *Ý thức mới trong văn học và triết học* (1965), *Hố thẳm của tư tưởng* (1967) v.v. với cái ngông nghênh của ông. Hoặc Bùi Giáng, cũng lại một người tự-học. Ở ngoài nước về là những bài giảng ở Văn-khoa như

của Lê Tôn Nghiêm, trước học ở Bỉ (Louvain), chẳng hạn.

Qua những tác-giả và những bài giảng ở Đại-học này, người sinh-viên VN lúc bấy giờ được biết về Kant, Hegel, Schopenhauer, Nietzsche, Heidegger, Husserl... nghĩa là cả một thế-giới triết-học của Đức tuy cũng chỉ là biết một cách rất sơ sài. Nhưng dầu gì thì cũng là đã vượt được lên trên ảnh-hưởng của một mình triết-học Pháp.

Trong khi đó thì phong trào về nguồn ngày càng mạnh với những tác-phẩm của cụ Nguyễn Đăng Thục, một nhà khoa-học (hoá-học) quay sang nghiên cứu tư tưởng Đông-phương và nhất là Việt-nam, và của Linh-mục Kim Định với cái nhìn triết-học dựa trên nhân-chủng-học lịch-sử của ông. (Ở đây xin mở một dấu ngoặc để nói là hai tác-giả Nguyễn Đăng Thục và Kim Định là hai người mà Hà-nội sau này cũng phải công-nhận là có những đóng góp thật to lớn mà không triết-gia nào ở miền Bắc bén mảng đến được. Họ buộc lòng phải đưa tên hai ông vào *Từ Điển Văn Học*, Bộ mới, 2004. Cũng dễ hiểu bởi những người có huấn luyện tử tế về triết-học như Trần Đức Thảo thì bị khoá miệng suốt trong thời-gian đất nước bị phân đôi và cả sau đó nữa.)

Đặng Phùng Quân, sản-phẩm của thế-giới mở

Anh Đặng Phùng Quân, tác-giả của tác-phẩm mà tôi được giao trách-nhiệm giới-thiệu ngày hôm nay, là sản-phẩm của thế-giới mở như ta biết ở miền Nam VN sau thời Đệ nhất Cộng-hoà.

Khác với nhiều tác-giả ở miền Bắc (và ngay cả hiện nay ở trong nước), anh có một vốn ngoại-ngữ rất vững chãi. Không chỉ tiếng Anh, tiếng Pháp là những thứ tiếng mà nhiều người trong chúng ta cũng có, anh còn đọc và hiểu tiếng Đức, kể cả tiếng Đức triết-học, rất vững vàng. Do đó nên một trong những cái thống-khoái khi đọc sách Đặng Phùng Quân, nếu ta thấy tiếng Việt hơi khó hiểu vì là những quan-niệm triết-học mà ít người trong chúng ta quen thuộc thì ít nhất ta cũng được đối-chiếu với nguyên-bản trong các thứ tiếng mà anh rất cẩn thận ghi lại, thường là trong cước-chú. (Đến đây lại xin mở một dấu ngoặc để nói là, khác với các sách miền Bắc hay in ở trong nước độ sau này mà khi có in ngoại-ngữ thì lỗi đầy tràn--nhiều khi không thể nhận ra là cái gì hết, ngoại-ngữ in trong sách của Đặng Phùng Quân gần như không có một lỗi nào. Có lẽ cũng cần nói thêm là so với L.M. Kim Định, anh Đặng Phùng Quân thường cho những chỉ-dẫn về thư-tịch rất kỹ càng, như cho cả số trang, số đoạn, v.v. và tên sách trong khi L.M. Kim Định thường coi như là ta phải biết ông lấy những dữ-kiện trong sách của ông từ nguồn nào.)

Tôi để ý, anh không những thông-thạo tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức mà còn thấy anh trích (ít hơn) các thứ tiếng như Hy-lạp (in luôn bằng chữ Hy-lạp), La-tinh, Y-pha-nho, Ý, Hán-Việt (trong dạng phiên âm), Nhật, Nga... Bởi tôi cũng võ vẽ mấy thứ tiếng đó nên có thể quả quyết là những điều anh trích đều chính-xác và gần như không có lỗi trong nguyên một cuốn sách dầy gần 450 trang. Nói cách khác, ý tôi ở đây không phải là để khoe một tác-giả mà tôi cũng chỉ mới quen cách đây ít ngày; tôi chỉ muốn đem tiếng nói của tôi để khẳng-định là trên bình-diện này, về mặt ngoại-ngữ, ta có thể tin tưởng hoàn-toàn vào những trích dẫn của tác-giả.

Khó đọc

Song cái khó đọc khi đụng đến sách của Đặng Phùng Quân thì cũng là một sự thực chứ không phải không. Vì sao? Vì anh biết nhiều quá và cũng tham quá! Sách của anh ngồn ngộn những tin tức, quan-niệm, sách vở, thư-tịch, tên tuổi mà không phải ai cũng biết, ai cũng quen thuộc. Chưa kể là anh muốn tạo ra một ngôn ngữ triết-học VN khá đặc-thù, của riêng anh nên chưa mấy ai quen.

Anh nói đến các triết-gia Đức đã đành, từ Kant ở thế-kỷ 18 với Phê-bình lý-trí thuần-tuý (*Kritik der reinen Vernunft*) đến Phê-bình lý-trí thực-tiễn (*Kritik der praktischen Vernunft*) đến Wilhelm Dilthey, người thiết-lập khoa-học mang tên *Geisteswissenschaften* mà ta có thể tạm gọi là "Các khoa-học tinh-thần," đến Gadamer và ngành *Hermeneutik* mà anh dịch là ngành "thông-diễn-học," v.v. Anh cũng bỏ ra một số trang bàn về những đóng góp của Roman Ingarden.

Về triết-học Pháp, anh chỉ ngừng lại vài giây với Pascal và Descartes, không nói gì đến Auguste Comte, chỉ nói thoáng qua về Sartre mà lại đi thẳng vào mấy học-phái phê-bình hiện-đại của Pháp như Roland Barthes, Maurice Blanchot, Jacques Derrida, Michel Foucault, Gilles Deleuze, v.v. Thử hỏi có mấy người trong cộng-đồng chúng ta quen thuộc với những tên tuổi này trừ phi ta đã có dịp đọc Nguyễn Hưng Quốc, Hoàng Ngọc Tuấn, Thuỵ Khuê... So với những tác-giả sau này, anh Đặng Phùng Quân viết khó khăn hơn nhiều bởi anh đẻ ra những từ ngữ của riêng anh, có thể chính-xác hơn nhưng cũng ít quen thuộc hơn. Đó là chưa kể, mấy người kia nói về văn-học, anh Đặng cũng nói về văn-học (bởi cuốn sách của anh là *Đường vào văn chương* với tiểu-tựa là "Phê bình lý trí văn chương") nhưng anh đặt nặng các vấn-đề, các quan-niệm triết-học nhiều hơn.

Sang triết-học và phê-bình văn-học của Nga, anh nhắc đến trường-phái Hình-thái luận (the Formalists) tức nhóm Opojaz (Hội nghiên cứu ngôn ngữ sáng-tạo, *Obščestvo izučenija poetičeskogo jazyka*) với Viktor Shklovsky và Boris Eichenbaum và quan-niệm "làm lạ/ostrenenie," "tính văn-chương/literaturnost " rồi đến Câu Lạc Bộ Ngữ học Mạc-tư-khoa với Roman Jakobson, sau này đi tỵ nạn và trở thành một đầu tàu của Nhóm ngữ-học Praha. Anh cũng bỏ ra nhiều trang nói về Mikhail Bakhtin, người bị Zhdanov, sa-hoàng văn nghệ của Stalin, gần như cho lưu đày cả nửa thế-kỷ, người mà đến những năm 1980 mới được phục-hồi và khám phá ra trở lại, được các học-giả trong nước (như Đỗ Lai Thuý) đem ứng-dụng vào phê-bình thơ Hồ Xuân Hương (mượn quan-niệm "lễ-hội hoá-trang"). Bakhtin đồng-ý về một số vấn-đề với các tác-giả thuộc nhóm Hình-thái-luận nhưng lại nhấn mạnh vào chất-liệu văn thơ thay vì hình-thái, đặt nặng vấn-đề mỹ-học, và để đi đến một khoa-học về văn-chương nhấn mạnh vào lý-luận nhiều hơn là những tìm tòi về tiết-điệu như của Zhirmunsky hay âm luật thơ Nga như là của Tomashevsky.

Từ đó, anh đi đến cấu-trúc-luận của Claude Lévi-Strauss, phân-tâm-học của Jacques Lacan, một triết-gia làm mới tri-thức-luận (epistemology) như Michel Foucault, một triết-gia Mác-xít như Louis Althusser, một nhà phê-bình văn-học như Roland Barthes (đi từ "độ không của văn tự"), rồi những người như Philippe Sollers và nhóm Tel Quel, để bàn về một quan-niệm thông-dụng ở Đức là "Literaturwissenschaft"

("Khoa-học văn-chương"). Anh cũng bỏ ra một số trang viết về Barthes và nhất là Maurice Blanchot, một người bị ảnh-hưởng của triết-học hiện-đại Đức, nhất là hiện-tượng-luận của Husserl và sau đó, của Roman Ingarden, đệ-tử của Husserl, cả những tranh cãi với Käte Hamburger và Mikel Dufrenne.

Anh cũng không quên nhắc đến nhóm Tân-phê-bình (The New Criticism) của Mỹ, đặc-biệt là tác-phẩm The Act of Interpretation ("Hành vi lý giải, Một phê bình lý trí văn chương") của Walter A. Davis mà anh thấy khá ưng ý.

Cuối cùng, anh nhắc đến Cao Bá Quát và Lê Quý Đôn với những cái nhìn Đông-phương của họ.

Mà thế mới là chương Dẫn nhập. Tóm lược của tôi trên đây đã đành là thiếu sót bởi nó chưa nói gì vào sự phong phú chứa chất trong gần 50 trang cước-chú, từ trang 122 đến 170, chữ nhỏ.

"Triết học và Văn chương"

Sau khi tổng-duyệt một số các phương-pháp-luận như trên, cuốn sách mới đi vào Chương 1, "Triết học và Văn chương."

Ở đây, Đặng Phùng Quân mới thực-sự đi vào đề-tài chính của anh với các tiết như "Tương quan giữa triết học và văn chương," "Văn tự và Siêu hình học," "Đọc/Viết," "Bản văn," "Quyển sách," cộng một Phụ-lục dài (trang 212-244), chưa kể cước-chú cũng đến 15 trang nữa (244-268). Bắt đầu đi từ cách mạng văn tự ở thế-kỷ XIX với Hölderlin, Mallarmé và Antonin Artaud, anh nhắc đến Saussure, Nietzsche, Derrida (thuyết "huỷ tạo/deconstruction") và ký-hiệu-học (semiotics) của Baudry và Julia Kristeva.

Chương 2 đi vào "Mỹ học và Văn chương" (270-329, cước-chú từ trang 329-362). Trong chương này anh nhắc đến mỹ-học của Hegel và nhất là của Alexandre Kojève, dạy ở Collège de France, người đã khai triển thêm những suy tư của Hegel về mỹ-học; Theodor Adorno trong trường-phái lý-luận phê-bình Frankfurt và Luc Ferry.

Nhưng đây mới là hết Tập I. Nơi trang 365, anh cho biết sẽ còn Tập II với 10 chương nữa với những đề-tài như: Lý-luận văn-chương và phê-bình văn-học (Theory of Literature and Literary Criticism), Văn-học-sử có khả hữu?, Thông-diễn-học (Hermeneutics), Văn-phong-học (Stylistics), Ngữ-học và Ngữ-nghĩa-học (Semantics), Ký-hiệu-học (Semiotics) hiện-đại, Những thông-số văn-học (Literary parameters), Những khó khăn của dịch-thuật, Mỹ-học văn-chương (Literary aesthetics), và Hữu-thể-luận văn-chương (Literary ontology).

Rõ ràng là Đặng Phùng Quân có tham-vọng làm một "tour d'horizon" đầy đủ về "phê-bình lý-trí văn-chương." Như vậy anh là một công-dân của thế-giới (Weltbürger) mặc dầu anh viết bằng tiếng Việt, đánh dấu một sự toàn-cầu-hoá của triết-học Việt-nam hôm nay, một sự vươn lên khá ngoạn mục của chúng ta đề ra với thế-giới, ít nhất trong một lãnh-vực. Có thể nói toàn-bộ tác-phẩm của Đặng Phùng Quân, một tổng-tác-phẩm khá đồ sộ (cho đến giờ gồm 12 đầu sách riêng chỉ về triết-học), là một nỗ lực đem triết-học Việt-nam hôm nay lên ngang tầm thế-giới.

Đồng Xuân, Bang Trinh Nữ
NGUYỄN NGỌC BÍCH



VĨNH BIỆT NHÀ THƠ QUỲNH ANH

Tử biệt sinh ly số mệnh thường
Nhưng sao tin đến lắm tang thương
Đầu xuân ấp ủ tình hờ hững
Cuối hạ rã rời hận nhiễu nhương
Thầm lặng ngày đêm trong bệnh xá
Cô đơn năm tháng giữa khung tường
Hôm nay chị đã xa trần thế
Để lại dòng thơ hữu xạ hương.

Hữu xạ hương hoa tiễn chị đi
Về miền mây khói biếc lưu li
Tình không cay đắng điều ngang trái
Hồn chẳng đau buồn chuyện biệt ly
Thần trí bao vi lòng bác ái
Tâm can thấm nhuận đạo từ bi
Từ giã cõi đời là siêu thoát
Hết nhớ nhung gì, luyến tiếc chi.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
08/2012

PHÂN ƯU

Cơ Sở Cỏ Thơm vô cùng thương tiếc được tin buồn

NHÀ THƠ QUỲNH ANH ANNA MARIA
PHẠM THỊ ÁNH BÍCH

Đã giã biệt chúng ta về Nước Chúa ngày 31 tháng 7 năm 2012, hưởng thọ 81 tuổi.

Nhà Thơ Quỳnh Anh sinh quán tại Bắc Ninh, trú quán tại Virginia từ trước năm 1975. Chị đã cộng tác và là hội viên Cơ Sở Cỏ Thơm từ số đầu tiên phát hành mùa xuân 1996. Chị là Phụ tá Chủ Nhiệm Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm từ năm 1997-1999. Từ đó chị tiếp tục là hội viên Cơ Sở Cỏ Thơm và thường xuyên đóng góp thơ đăng Báo Cỏ Thơm cho đến khi chị bị bạo bệnh từ 2 năm qua.

Cơ Sở Cỏ Thơm và thân hữu thành thật chia buồn cùng Giáo Sư Tiến Sĩ Phạm Văn Hải và tang quyến. Cầu chúc Nhà Thơ Quỳnh Anh Anna Maria Phạm Thị Ánh Bích sớm về Cõi Thiên Đàng.

CƠ SỞ CỎ THƠM và THÂN HỮU

Nguyễn Thị Ngọc Dung. Phan Khâm. Phan Anh Dũng. Phạm Văn Tuấn. Trần Bích San. Ngô Tằng Giao. Ý Anh. Hồ Trường An. Văn Thị Kiều Anh. Phạm Bá. Nguyễn Kinh Bắc. Việt Bằng. Hải Bằng H.D.B. Đỗ Bình. Nguyễn Ngọc Bích. Trương Minh Châu. Nguyễn Vô Cùng. Đinh Cường. Hoàng Dung. Hoàng Cung Fa. Đỗ Thị Minh Giang. Tôn Nữ Mặc Giao. Tâm Hảo. Lý Hiểu. Vũ Hối. Nguyễn Quốc Khải. Lê Văn Khoa. Vi Khuê. Huy Lãm. Nguyễn Lân. Hoàng Song Liêm. Đàm Xuân Linh. Phạm Trọng Lệ. Nguyễn Phú Long. Hoàng Bạch Mai. Vũ Đức Nghiêm. Ỷ Nguyên. Uyên Phương Minh Nguyệt. Phạm Thị Nhung. Đăng Nguyên. Vũ Mạnh Phát. Nghiêm Thái Phượng. Đỗ Phú. Hồ Công Tâm. Nguyễn Văn Thành. Phong Thu. Hồng Thủy. Đặng Ngọc Tú. Lam Điền Nguyễn Thử. Trương Anh Thụy. Bùi Thanh Tiên. Thanh Trang. Đèo Văn Sách. Phạm Xuân Thái. Tuệ Nga. Dương Tâm Đạt. Đặng Văn Hiền. Nguyễn Trúc Mai. Nguyễn Phương Nga. Vũ An Thanh. Lưu Nguyễn Kiều Thu.

PHÂN ƯU

Được tin buồn thân phụ của Văn Thi hữu Trương Minh Châu là

Cụ Ông ĐẶNG LỘC

đã tạ thế ngày 16 tháng 8, năm 2012
tại Calgary, Alberta, Canada
hưởng thọ 93 tuổi.

Cơ Sở Cỏ Thơm và thân hữu thành thật chia buồn cùng
Văn Thi hữu Trương Minh Châu và tang quyến

CƠ SỞ CỎ THƠM và THÂN HỮU

Nguyễn Thị Ngọc Dung. Phan Khâm. Phan Anh Dũng. Phạm Văn Tuấn. Trần Bích San. Ngô Tằng Giao. Ý Anh. Nguyễn Văn Bá. Phạm Bá. Nguyễn Kinh Bắc. Việt Bằng. Nguyễn Ngọc Bích. Nguyễn Vô Cùng. Đinh Cường. Hoàng Dung. Hoàng Cung Fa. Tâm Hảo. Lý Hiểu. Vũ Hối. Nguyễn Quốc Khải. Vi Khuê. Huy Lãm. Nguyễn Lân. Diễm Hoa. Hoàng Song Liêm. Đàm Xuân Linh. Phạm Trọng Lệ. Nguyễn Phú Long. Hoàng Bạch Mai. Ỷ Nguyên. Đăng Nguyên. Cao Nguyên. Nghiêm Thái Phượng. Đỗ Phú. Nguyễn Văn Thành. Phong Thu. Hồng Thủy. Trương Anh Thụy. Bùi Thanh Tiên. Đèo Văn Sách. Phạm Xuân Thái. Đặng Văn Hiền. Đặng Ngọc Thanh. Vũ An Thanh. Đặng Thu Thủy.

PHÂN ƯU

Được tin buồn Thân Mẫu Nhà Văn Phạm Xuân Thái:

Cụ Bà TERESA PHẠM THỊ TỐ NGA

đã từ trần ngày 20 tháng 8, năm 2012,
tại thành phố Garden Grove, California,
Hưởng Thọ 82 tuổi.

Xin chân thành phân ưu cùng Nhà Văn Phạm Xuân Thái và tang quyến.
Nguyện cầu Cụ Bà Phạm Thị Tố Nga sớm được về Nước Chúa.

CỎ THƠM VÀ THÂN HỮU:

Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Phan Anh Dũng, Phạm Văn Tuấn,
Trần Bích San, Ngô Tăng Giao, Ý Anh, Phạm Bá, Nguyễn Văn Bá,
Nguyễn Kinh Bắc, Nguyễn Ngọc Bích, Trương Minh Châu, Nguyễn Vô Cùng,
Đinh Cường, Hoàng Dung, Hoàng Cung Fa, Tâm Hảo, Lý Hiếu, Vũ Hối,
Nguyễn Quốc Khải, Vi Khuê, Cung Thị Lan, Huy Lãm, Nguyễn Lân,
Hoàng Song Liêm, Đàm Xuân Linh, Phạm Trọng Lệ, Hoàng Bạch Mai, Ỷ Nguyên,
Cao Nguyên, Đăng Nguyên, Đỗ Phú, Nguyễn Văn Thành, Phong Thu, Hồng Thủy,
Trương Anh Thụy, Bùi Thanh Tiên, Thanh Trang, Nghiêm Thái Phượng,
Đèo Văn Sách, Phạm Dương Hiển, Nguyễn Ngọc Châu, Dương Tâm Đạt,
Đặng Ngọc Tú, Nguyễn Trúc Mai, Vũ An Thanh, Lưu Nguyễn Kiều Thu,
Chu Thanh Quỳ, Dương Ngọc Hoán, Bùi Dương Liêm, Sĩ Tuấn, Sĩ Tường,
Nguyễn Xuân Thưởng, Trần Lượng-Ý Hoa, Văn Sơn Trường, Trần Viết Tân,
Đoàn Hữu Định, Đinh Hùng Cường, Đinh Văn Long, Hiếu Tâm, Hiếu Thuận,
Hiếu Trang, Minh Nguyệt, Chử Nhất Anh, Phạm Minh Xuân, Thái Ninh,
Như Hương, Tuyết Lan, Nguyễn Khải, Trần Hoàng …

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)
Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York
Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304
Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847

GIỜ LÀM VIỆC
Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM
Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

BÁC SĨ
NGUYỄN QUỐC QUÂN

CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane
Annandale, Va 22003
(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003

TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

PHÒNG MẠCH
BÁC SĨ VÕ ĐẠM
591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901

Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TAI NẠN LƯU THÔNG

Đ.T. (301) 434-4943
Cell Phone (24/24): (240) 422-3454



7260 Arlington Blvd.,(Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sàn nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày:
- Lunch: $7.95
- Dinner: $9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần
Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

Trân Trọng Kính Mời

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name): .....
Địa chỉ (Address): .....
.....
Phone, Fax, Email: .....
Ngày đặt mua (Order date): ..... Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....
Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #) .....
Số tiền (US dollar amount) $ .....

GIÁ MỘT NĂM BÁO CỎ THƠM
PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES
Nội địa Hoa Kỳ: US S35.00 [ ] - Gia Nã Đại (In USA & Canada): USS40.00 [ ]
Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US S50 [ ]

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
trên Tam cá nguyệt san Cỏ Thơm (7 x 8.5")
1/2 trang trong: US $30.00 [ ]
1 trang trong: US $60.00 [ ]
Trang trong bìa trước: US $100.00 [ ]
Trang trong bìa sau: US $100.00 [ ]

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):
COTHOM FOUNDATION
11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194

QUÍ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÍ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO LÀ ÂN NHÂN YỂM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỎ THƠM

Giá báo: $7.00